



**HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

VIỆT NAM - TÊZ QƠƠ, TIZ NÊNHS

VIỆT NAM - ĐẤT NƯỚC, CON NGƯỜI

(Song ngữ Mông - Việt)

Dịch sang tiếng Mông: Vừ A Dơ



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

**VIỆT NAM -
TÊN QUỐC, TÊN NHÂN
VIỆT NAM -
ĐẤT NƯỚC, CON NGƯỜI**

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN

Chủ tịch Hội đồng

Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương

LÊ MẠNH HÙNG

Phó Chủ tịch Hội đồng

Q. Giám đốc - Tổng Biên tập

Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật

PHẠM CHÍ THÀNH

Thành viên

PHẠM THỊ THINH

NGUYỄN ĐỨC TÀI

TRẦN THANH LÂM

NGUYỄN HOÀI ANH

TẬP THỂ TÁC GIẢ

**VIỆX NAM -
TÊZ QƠƯ, TIZ NÊNHS
VIỆT NAM -
ĐẤT NƯỚC, CON NGƯỜI**

(Song ngữ Mông - Việt)

Dịch sang tiếng Mông: Vừ A Dơ

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2020**

NHÓM BIÊN SOẠN

Đỗ Minh Châu

Nguyễn Thị Thành Giang

Nguyễn Minh Hà

Nguyễn Thu Hường

Vũ Thị Mai Liên

LUK KRIA TỎU

Viêx Nam nhoz saz đông nam chês châu Ar, saz bắz buôk têz qợũs Tsungz Cux, saz tây buôk ntus đriv Lok Tsuôk têz thiaz têz qợũs Campuchia, saiz đông thiaz nam buôk ntus hiar txư (Thair Binhx Dương), saz tây nam buôk thiaz saiz trâu ntus hiar txư têz qợũs Thaiz.

Têz qợũs Viêx Nam muôx ntâu nhoz li, trôngz ha siaz kêk, tox pês, thiaz muôx tiax đras đar, muôx ntus hiar txư ntêr li 3.000 caik cêr thiaz muôx ntâu tus đêx ntus. Viêx Nam nhoz trâu ntôu thax qợu muôx ntâu ndâu cêr muk lok ntôu thax tsav Đông Nam Ar, nhoz chor qợu cêr gox muk lok zov chnh, txix saz bắz muk saz đông txos trâu saz tây, li ntôu, tữz nzor tâu njiz pâuz txos, cxuô zav cêr txux chi ntâu tiav thâu uz. Zos krór qợu muôx ntâu txux chi jông saiz trâu oz têz qợũs Tsungz Cux thiaz Ânư Đôv, trưk li têx luk piar thâu uz, Viêx Nam tữz tâu pâuz txos têx cêr txux chi thâu ntôu, uô trâu muôx ntâu phuôv tsar txux chi trâu tiz nênh. Zos krór qợu jông zov chnh, haz tsênhv muôx jông cxuô tsar zav muôx nux grik, uô li tữz lok six nzor pâuz, nhoz trâu yênhx cxinhz shông cxiv kho phuôv tsar, Viêx Nam tữz yênhx krór qợu trâu ntâu luz têz qợũs siz txênhz, phuôz. Viv muôx ntâu cêr tsav tros yax six ntêr shông uô zinhz nduôz,

txos trầu tẻ qours tiêx tuk, vax huôn siz luôs cxiv tsa
traz tẻ, tẻ qours tuz tầu tiz nẻnhs sỏr đỏik côngv tẻk
đros thôngx siaz cxiv kho tẻ qours Viẻx Nam.

Fầu nỏr **Viẻx Nam - Tẻ qours, tiz nẻnhs** tầu
sỏr đỏik paz tsừ ziv sau tỏv tầu Qỏr yủv tỏv fông
nỏr nỏv tsẻnhv qỏr Chínhr triv tẻ qours Tsẻnhv
chẻnhz muỗx tsẻnhz yủx saiz nthuờ uỏ nầu zav
nỏr yủv tỏv trầu cxuỏ zav tiz nẻnhs hais hur tiz si
thiaz pẻx xẻnhv tiz nẻnhs tsỏrs hais tsẻnhz lok nỏv
tẻ qours, tiz nẻnhs, thầuv nỏr, cẻ txux chi Viẻx Nam,
côngv tẻk siz paz cxiv kho, tẻ qours, cxaz nỏr nầu zav
cẻ vax suờ txux chi, thiaz luz nẻnhx nỏv tiz nẻnhs
Viẻx Nam.

Thor hais kria fầu nỏr no txos trầu chor pov
pầu txos.

Hli 9 shông 2020

QỎR YỦV TỎV FÔNG NỎR NỎV
TSẻNHV QỎR CHÍNHR TRIV
Tẻ QỎR TSẻNHV CHẻNHZ

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Việt Nam nằm ở đông nam lục địa châu Á, phía bắc giáp nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, phía tây giáp Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia, phía đông và nam giáp Biển Đông (Thái Bình Dương), phía tây nam giáp vịnh Thái Lan.

Nước Việt Nam có địa hình đa dạng, bao gồm đồi núi trùng điệp, miền trung du, đồng bằng châu thổ, với dải bờ biển dài hơn 3.000km và mạng lưới sông ngòi dày đặc. Việt Nam nằm ở vị trí chiến lược của vùng Đông Nam Á, nằm trên đầu mối giao thông thủy, bộ quan trọng, từ bắc xuống nam, từ đông sang tây, do đó, sớm có điều kiện tiếp xúc, giao lưu và chịu ảnh hưởng của những nền văn minh lâu đời. Là nơi giao lưu của hai nền văn minh cổ Trung Hoa và Ấn Độ, theo dòng chảy lịch sử, Việt Nam đã tiếp nhận những tinh hoa của các nền văn minh đó, làm phong phú thêm cho nền văn hóa của dân tộc. Do có vị trí chiến lược trọng yếu, lại có tài nguyên đa dạng, nên từ rất sớm, suốt hàng nghìn năm hình thành và phát triển, Việt Nam đã trở thành mục tiêu xâm lược của những thế lực ngoại bang. Chính cuộc đấu tranh liên tục và lâu dài với thiên tai để tồn tại cùng các cuộc kháng chiến, kiến quốc để giành độc lập, tự do và xây dựng quê hương,

đất nước đã hun đúc và bồi đắp lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết của người Việt Nam.

Cuốn sách ***Việt Nam - Đất nước, Con người*** do tập thể tác giả biên soạn được Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản bằng nhiều ngôn ngữ nhằm tăng thêm hiểu biết cho người dân nói chung và đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng về đất nước, con người, lịch sử, văn hóa Việt Nam, củng cố tình yêu quê hương, đất nước, tô thắm thêm những nét đẹp văn hóa, tinh hoa của đạo đức, đạo lý làm người Việt Nam.

Xin giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 9 năm 2020

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

I. TÊZ QOÛS

1. Thax qơư, nhoz txơư

1.1. Thax qơư

Viêx Nam nhoz trâu thax tsav saz trôngz hiar txư Đông Dương, chês Đông Nam Ar.

- Hur si ar đar muôx¹:

+ hur si: 331.210 caik yiv xưv phaz, thax qơư 67 hâu thôngz kaz ntux.

+ bông ar đar muôx: 310.070 caik yiv xưv phaz.

+ blaiv đêx đar: 21.140 caik yiv xưv phaz.

Têz qơư Viêx Nam muôx oz thax tsav zos: tiax đras thiaz tox siaz trôngz jông.

Thax qơư tiax đros nhoz ntơưv thax qơư saz bắz buôk têz qơư Tsungz Cux thiaz Ânư, saz bắz buôk Tsungz Cux, saz tây buôk Lok Tsuôk thiaz Campuchia, saz đông thiaz nam buôk ntus đriv hiar txư, têz qơư Thaiz.

Phênhv hiav txư muôx nhoz li: hiar txư Hav Long, muôx por trôngz Caz Bas, Baix Long Vir, Cônư Cov, Lir Sơn, Honư Khoai, Phư Cuôz, Hons Nghê, Hons Tre, Hons Sơn Rair thiaz chor chax trôngz Vân Haiv, Cô Tô, Phư Cir, Nam Du, Côn Đao, Thôv Chu,... Chor trôngz lox thiaz muôx liv trâu hiar txư zos luz hiar txư Trươngx Sa thiaz Hoangư Sa. Ntơưv

1. Saiz <https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/geos/vm.html>, tàu yưv hnuz 29/4/2020.

oz luz trôngz lox li hais sauv, phênhv đêx hiar txừ
ntâu đũa yax ntâu bâu xav trầu phênhv ar thiaz nhoz
trầu buôk têz qợs Tsungz Cux, Philíppin, Indônêxia,
Brunây, Malaixia, Thaiz thiaz Campuchia¹.

1.2. Tox pês²

Txix saiz ntux đriv saiz trầu saiz bắz txos ntar
trôngz Haiv Vân, iz đraz saz bắz têz qợs Viêx Nam
muôx ntâu: trôngz, har đêx buôk ntưs saz tây baz -
đông nam. Nhoz li tus đêx Liaz, tữz ntưs đhâu saz
Bắz Bôv tâu phaiz uô oz chês. Saz đông txiar luz
trông jêz txuôz ntưs muk trầu kuôk tus đêx gâm,
ntưs khâuk tis kâuv muk trầu Ngân Sơn, thiaz khâuk
trầu Bắz Sơn. Saz Tây Bắz, cxuô tus đêx tâu ntưs lok
uô cê siz sâu lok trầu saz nam, txix ntus đriv Viêx
Nam - Tsungz Cux, Viêx Nam - Lok Tsuôk grik trầu
hiar txừ Bắz Bôv, đros saz tus đêx Liaz lox. Nhoz
trầu ntừv no, tox trôngz hâu pês ntâu, muôx luz
trôngz siaz Phanxipăng siaz muôx 3.143 yiv, tâu saiz
zos luz trôngz siaz đũa ntaik saz “Đông Dương”.

Txix ntừv ntar trônz Haiv Vân muk trầu đrav
kaz saz nam muôx ntâu poz jêz ndâu jông thôngx li
pax, muôx trôngz siaz kêk yênhx luz trôngz siaz,
đũa li mak zos têx por trôngz tâu sừr jov jừk
yênhx traz têz Tây Nguyên, saiz trau saz đông
yênhx txox cêr muk Trưôngs Sơn, ntâu qợr nxaz tos

1. VIÊX NAM - Têz qợs - Tiz nênhx, Qợy yừv từv
fông ntừv ntừv tsênhv qợr Chínhr triv têz qợs, Hax
Nôix, 2010, tr.3.

2. VIÊX NAM - Têz qợs - Tiz nênhx, Sđd, tr.4.

muk trâu đrav tiax đras Trung Bôv, lok sis txos ntuô hiar txư trung bôv, grêk jux juk trâu tinhv Đôngx Nai thiaz chês tiax đras Cươv Long.

Txix nthâu nzor lok, Viêx Nam tữt tâu pir txư li iz tus ntak cữr oz jos blêx - “yax cữr lênhs muôx jos” viv saiz Bacz Bô (lok sis hnuz tuôx) thiaz Nam Bôv zos oz luz tiax đras lox đar, muôx jông ar, zos qơu uô blêx ntốv pêz têz qơu; thiaz ntốv saz Trung Bôv, phênhv ntâu zos tox trôngx thiaz siaz thiaz graiv nêr.

1.3. Hiar txư thiaz por trôngx¹

Viêx Nam muôx 3 saz zos đông nam thiaz tây nam saiz njongx trâu ntus hiar txư, hur si nêr muôx 3.260 caik cêr, nhoz txix Mongr Cair saiz bắz muk txos Hax Tiên nhoz trâu saz tây nam, tsik xav ntốv chor por trôngx hâu hiar txư.

Viêx Nam muôx 28/63 tinhv, thanhx phôr muôx hiar txư. Têx krór nhoz đêz hiar txư đuô ntaik mak muôx nhos 500 caik cêr (Điênv Biênv).

Ntu buôk hiar txư txix Mongr Cair muk txos trâu ndâu cêr Ông kêk, muôx ntâu krór qơu txốv ar, muôx ntông njuôz thiaz đêx kaz nêr paz por phứv ntus hiar txư tsik cuôr.

Txix ndâu cêr Ông kêk muk txos Đôx Sôn, luz trôngx jêz txuôz luôl lênhk khâus muk trâu Đông

1. *VIÊX NAM - Têz qơu - Tiz nênhv, Sđd*, tr.5, 6; Ban Tuyên giaor Trung ương Đangv: *Fâu ntốv ntuôk kria hiar txư têz qơu Viêx Nam*, Qơu yưv tốv fông ntốv ntốv tsênhv qơu Chínhr triv têz qơu Tsênhv chênhz, Hax Nôix, 2020, tr. 32-33.

Triêu x grik trâu haur hair txur, uô trâu đêx hiar txur ntak tuôx, chor por trôngz muôx yênhx cxinhz luz lox mê hair txur, uô trâu yênhx iz krór qơu jông gâu x muôx đươz bê haur thôngz kaz ntux nhoz li luz yar Bair Tưv Long thiaz Hav Long.

Txix trôngx longx Đôx Sơn txos trâu trôngx Cưav Tungs, yax 500 caik cêr ntus hiar txur ncax đraiv, muôx ntâu yar hux suôz jông gâu x thiaz siaz, muôx têx krór qơu muôx nhos 40 phênhz siaz trôuk ntus hiar txur uô yênhx caz saz, uô yênhx poz jêz txuôz.

Txix trôngx longx Cưav Tungs ndis muk trâu Ci Nhơn zos muôx 450 caik cêr ntus đriv têx hux suôz siz txôur; muôx ntâu ar shơu jêz, yênhx caz thiaz yar suôz jêz jêz, hu uô qơu ntak đêx, uô yênhx thênhv hux suôz thair đêx, yôngz nhoz li têx njưs liax Khâu s Hai, phar Tam Giang; uô yênhx por trôngz haur hiar txur thiaz yênhx fiax jông li phuôz za, nťouv nta trôngz Haiv Vân,...

Txix Ci Nhơn muk trâu đrav kaz Muir Dinh muôx yax 200 caik cêr ntus hair txur, nhoz jê ntar trôngz Trươngs Sơn, nťouv chor qơu pak hiar txur toz muôx ntâu trôngz khâu s vos yax nťouv têx qơus Viêx Nam, têx por trôngz tưz nhoz trôuk li đêx ntak, uô trâu muôx ntâu siaz kêk tsik pov tsênhz, los six jông gâu x.

Txix Muir Dinh grik muk, muôx ntus hiar txur nêr yax 800 caik cêr tiav sis tsuôk zos nťouv thax tsav chor trôngz Vungr Taux, đươ li phênhv ntâu puôr zos yar hux suôz, têx ar yôngz nťouv chor ndâu x cê đêx ntưs nhoz li tus đêx Cưav Long, têx yar trôngz jông txôur đêx kaz njêr nťouv Cax Mau

thiaz txos trâu đrav kaz zos chor por trôngg jêz
ntơv Kiên Giang. Viêx Nam muôx nhos 3.000 luz
por trôngg hâu hair txư lox, mê, đêz jê ntus hair
txư, yênhx chor por trôngg por phưv tir ntus hiar
txư. Trôuk li tuôx xav têx qơu jông muôx liv, nhoz
trâu ntâu qơu pêz têz qơus, chor trôngg hâu hiar
txư lox mê, ntâu thax qơu, uô nox hâu, tiz nênhx,
tư siz phaiz chor por trôngg, chor trônbgz lox ntơv
Viêx Nam uô yênhx yax lênhx:

- Ntâu trôngg jông gâu, muôx jông qơu trâu
cxiv tsa qơu nhoz por phưv Têz qơus. Ntơv chor
trôngg cxiv tsa tâu qơu tuz lênhv thiaz px por phưv
hiar txư, fênhv ntux, yuôx saiz gox fuôx muk lok
car poz trâu cêr thax zinhx, cxiv kho cêr phuôv tsar
uô nox, tsux phưv tâu thax tsav zus têz qơus.
Tsênhv chênhz mak oz luz por trôngg Hoangx Sa,
Trôngs Sa thiaz chor trôngg mê li: Tsangs Tây,
Thôv Tsô, Phur Cuôz, Côn Đav, Phur Cý, Lyr Sơn,
Côn Cov, Cô Tô, Bachx Longx Vir,...

- Chor trôngg lox muôx jông exor qiv, cxiv nziv
trâu cêr nox- nhoz phuôv tsar têz qơus. Ntơv zos
chor trôngg: Cô Tô, Cair Bâu, Caz Bas, Cus Lao
Tsas, Lyr Sơn, Phur Cìr, Côn Đav, Phur Cuôz,...

- Chor nhuôv trôngg muôx ntus buôk tiax đras,
muôx jông qơu phuôv tsar zus thiaz ntâu muôz
nêk, cxiv tsa qơu uô si thiaz qơu por phưv ntws hiar
txư hâu têz qơus. Ntơv zos chor por trôngg saiz
trâu huyên Đav Caz Bax, huyên đảo Bachx Long
Vir (Haiv Phongx), huyên đav Phur Cìr (Binhx
Thuân), huyên đav Côn Đav (Bax Riav - Vungr

Taux), huyênx đaov Lyr Sơn (Quangv Ngair), huyênx đaov Phur Cuôz (Kiên Giang),...

2. Cxor qiv thiaz cux dês

2.1. Cxor qir¹

Viêx Nam nhoz trâu thax tsav muôx jông cxor qiv ar nông. Uô li, viv zos muôx hiar txưr uô trâu ar nông yênhx shông (yax 80%). Tsuôk xav saz kâuv têz (txix ntar trôngx Haiv Vân tror zar) đầuv oz luz chaix ntux kruôr thiaz ntux nas tsênhv muôx luz chaix ntux no thiaz ntux cuz. Saz đrav kaz têz qơus puôr muôx ntux yar cuz yar; yênhx thax tsav nhiak muôx nhiak cxor qiv siz txưr viv zos nhiak muôx nhiak cxor qiv siaz kêk trưk trôngx har.

Thax tsav tox siaz Băz Bôv nhoz buôk ntus tus dêu liaz muôx cxor qiv chuô ntâu trưk Đông Băz chaix ntux tsâu muôx ntux no hênhr, chaix ntux yar muôx chuô yuôx saz têz qơus pêv tox tuôx, uô trâu cxor qiv lax khiav, uô li tiav sis cux muôx ntux nas đros, uô trâu ziv tror trâu chês tox siaz ziv muôx ntux nas ntâu đuô tiax đras.

Saz Tây Băz têz qơus pêv tox muôx jông cxor qiv tiav sis phênhv ntâu zos tox trôngx hâu pês uô trâu ntâu qơu muôx ntux no, ntux cxor qiv yênhx shông nhoz muôx nhos 20-21°C, chaix ntux tsâu muôx phuôz ntâu, muôx tsôus nas yâu.

Thax tsav tiax đras Băz Bôv thiaz tox siaz chês Băz Trung Bôv txos trâu nta trôngx muôx oz luz

1. VIÊX NAM - Têz qơus - Tiz nênhs, Sđd, tr.5, 6.

chaix cuz, no tâu phênhz tsênhz. Chaix ntux cuz, muôx chuô hloz saz tiax đras ntoụv hiar txur tuôx, thiaz muôx ntux nas shư. Chaix ntux tsâus muôx chuô yuôz saz Đông Băz uô trau muôx ntux no tsoụs ntoụv iz cxia têz qoụs haur thax tsav.

Thax tsav Binhx - Tsiv - Thiên txix ntaz trôngz Ngang txos ntar trôngz Haiv Vân yar cuz thiaz muôx ntux yar, hov lok nas trau đraz chaix ntux tsâus, grik trau chaix ntux yiaz hov muôx lok nas yaur. Tiav sis txix ntar trôngz Haiv Vân muk txos trau thax tsav tiax đras Nam muôx jông cxor qiv huv, thiaz yar ntux yênhx shông.

Nhoz trau tiax đras txix ntoụv ntar trôngz Haiv Vân trau kaz Têz Dinh, muôx cxor qiv fênhx đraz yax kêz 20°C. Chaix ntux yar, lok nas tsik ntâu thiaz tok chuô saz Lok Tsuôl txos muôx ntux cuz yar.

Muk txos trau thax tsav Nam Trung Bôv muôx yar ntux cuz, lok nas tsoụs, phênhv ntâu puôz zos ntux kruôz hiav trau ar gis.

Thax tsav Tây Nguyên, phênhv ntâu zos tox trôngz siaz, muôx chuô haur hur si oz luz chaix, uô li muôx ntux nas ntâu thiaz ar nông, thauv tưx cux lax khiav.

Thax tsav đrav kaz ntoụv chor tiax đras Nam Bôv mak ho cuz yar yênhx shông, ntux lok nas cux tsik tâu yax six tiav sis muôx lax khiav.

2.2. Cux đê¹

Trouk li yuôx saiz, têz qiurư Viêx Nam muôx yax

1. <https://data.opendevelopmentmekong.net>.

2.360 tus cux đêđ đêđ ntêđ muôđ yax 10 caik cêđ, hâuđ ntôđ 93% zos chor đêđ mê thiaz lur, (thax tsav muôđ ntâu đêđ mak cux tsik muôđ nto 500 caik yiv xưđ phaz). Xav hur si chor cux đêđ hâuđ thôngz têđ qôđđ muôđ yax 1.167.000 caik yiv xưđ phaz, hâuđ ntôđ muôđ 16 tus cux đêđ muôđ yax 2.500 caik yiv xưđ phaz, thiaz 10/16 thax qôđ cux đêđ đar yax 10.000 caik yiv xưđ phaz.

Cxuôđ tus đêđ ntôđđ pêđ têđ qôđđ puôđ ntưđ trôđđ li chêđ tây bắđ - đôđđ nam thax tsav đêđ ndis, thiaz muôđ oz luz chaix đêđ phuôđ: chaix ntux nas thiaz chaix ntux kruôđ siz txôđđ. Grik muk trâu chaix ntux nas, đêđ ntôđđ cxuôđ tus cux ha pur tuôđ siaz thiaz ntưđ chinhr. Đêđ ntâu yax txix oz txos pêđ jias xav trâu chaix ntux kruôđ, muôđ ntâu qôđ ntâu yax 4 jias xav trâu đêđ ntưđ yêđhx shông txix 70-80% hâuđ yêđhx shông.

Viêđ Nam muôđ jông cux đêđ ntâu uô yêđhx ntâu caz saz thiaz siz txôđđ grêđ tâđđ lias. Iz luz cưđ cux hau đêđ siz txôđđ, nhoz trâu yêđhx krór qôđđ. Qôđđ txôđđ, đêđ ar cêđ phuôđ tsar uô nođ, cêđ đêđ nhoz trâu hâuđ chor liv nođ.

Nhiv nođ, pêđ têđ qôđđ muôđ 9 tus đêđ lođ, zos: Đêđ Liađ, Đêđ Thair Bínhx, đêđ Kix Cungx - Bắđđ Zangz, đêđ Lax Muôđ, đêđ Cax, đêđ Thu Bônđ, đêđ Ba (Đax Rắđđ), đêđ Đôđđđ Nai, đêđ Mê Công, tâđ phaiz uô 3 thax tsav Bắđ Bôđ, Trung Bôđ, thiaz Nam Bôđ.

Chor cux đêđ ntôđđ pêđ têđ qôđđ muôđ ntâu đêđ, yôngz cuôđ suôđ jêđ môngđ ar ntâu: chor cux đêđ muôđ nhos 839 tữđ yiv phaz siaz đêđ ntưđ thiaz yêđhx

cxinhz châuv suôz jêz môngr ar hâur iz shông, hâur ntour chor đêx njuôz muôx nhos 60%, tus đêx Mê Công muôx nhos 35%. Fênhx đraz iz yiv xưv phaz siaz đêx ntưs cux ha muôx nhos 223gr suôz jêz thiaz môngr ar. Xav hur si chor suôz jêz mongr ar trưk đêx ntưs muôx yax 200 châuv tênhr/shông¹.

Uô li, tiav sis nhiv no chor cux đêx ntour Viêx Nam tuz tsuv shơu cxuô zav tsik hur siaz lok six zov chinhr, zov chinhr mak ntour chor đêx nhoz cxuô luz đrôngs, chor tsêr mair uô cxuô zav, thiaz têx qư muôx chôngz nênhs.

2.3. Đêx txia

Viêx Nam zos luz têz qư muôx ntâu đêx txia thiaz hur siaz. Đêx txia nhoz trâu cxuô krur qư thiaz ntour têx plêz ar lok sis kaz jêz ntưs yênhx lưs lok sis cux gôngs uô nông trâu hâur ar nhoz shơu uô cê, muôx iz cxia txia tâu trâu sâuv bông ar txia uô đêx ntưs, lok sis ntưs. lok nas... Đêx txia nhoz toz bông ar nhos yênhx 2, 3 yiv muôx iz cxia mak nhoz toz muôx nhos yênhx châuv yiv lok sis yênhx puô yiv.

Đêx txia ntour Viêx Nam muôx ntâu, chia zưs tâu trâu ar thiaz cxuô zav ntông đrox tsuôs njuôz niax shông hâur chaix ntux kruôr. Nhoz trâu tể qư muôx ar tsuv xiz plêz, thiaz muôx ntux tươs ar cuz hâur ar mak đêx txiax uô yênhx đêx gôngs lok sis yênhx krur đêx cuz.

1. Bôv Zaor Zux thiaz Đoax taov: *Điav lir 8 (yưv tươv jias tiv câuv tsiz)*, Qư yưv tươv fông ntour ntour tsênhv qư Ntâu ntour Viêx Nam, Hax Nôix, 2019, tr.119.

Hầu đêx cuz nhiv no tâu sir zôngv uô pêz zav hâux lưv zov chìnhr: uô đêx hâus trầu hầu chor đô thiv (cxuô tus đêx ntus lok sis txia tâu trầu tiz nênhx sir zôngv, uô nox hâus thiaz uô puô tsar zav); uô yênhx đêx chaik sir zôngv (zov chìnhr mak sir zôngv uô nox hâus thiaz sir zôngv pêv zav hầu luz nênhx); uô đêx sir zôngv, zús, zus tsiax cxu trầu têx qơu tox siaz.

3. Ar, đrox tsuôx, tsiax cxu, caz cxuôx cxuô zav

3.1. Ar

Ar ntơuv têz qơus Viêx Nam muôx ntâu zav, tứz pov tsênhx muôx nhoz li ar nông thiaz muôx jông puô tsar zav nhoz tâu chiax sia. Cxuô zav ar ntơu tứz txơuv tâu uô yênhx jêz lox tuôr tsưv ar, nhoz li tox trôngz siaz qơu kêk, cxir qiv, hầu đêx cxơu, đêx sir zôngv, cxuô zav tsar trau tiz nênhx sir zôngv. Ar ntơuv pêz Viêx Nam muôx toz đuô thiaz ar tuôz, nziv trầu phuôv tsar uô kôngz lông, chos har jôngr.

Xav chor ar nhoz tiax đras ntơuv Viêx Nam muôx 331.210 caik yiv xưv phaz, thiaz 3 zav ar tsênhv chìnhz:

Chor ar feralit: uô yênhx por trôngz kêk ntơuv têx qơu tiax, muôx nhos 65% cxuô zav ar hầu thôngz têz qơus. Chor ar kâu, tsik muôx ar tuôz, muôx ntâu siaz jêz; muôx ar đax liaz, muôx ntâu cxuôx, zax caz. Ar feralit zov chìnhr mak nhoz trầu ntơuv têx trôngz poz jêz bazan thax tsav Tây Nguyên, Đông Nam Bôv; ntơuv chor jâu, tâu txuôz thax tsav saz xis Đông Bắ, Tây Bắ, Bắ Trung Bộ. Zav ar no huv trầu chos har jôngr ntông sir zôngv.

Chor ar môngr nhoz tox trôngz siaz: nhoz trâu têx ar hâu tởu jôngr thiaz tởu trôngz siaz, muôx nhos 11% cxuô zav ar thôngz têz qơus thiaz ar hâu đêx. Zav ar no nziv chos har jôngr por phứv hâu đêx.

Chor ar cxuz nhoz trâu têx ntus cữx đêx thiaz hiar txừ: muôx 24% ar cxuô zav hâu thôngz têz qơus. Ar muôx ntâu zos ar cxiz toz ntiar, zôngx ziv cxiv tsa cữx đêx ntứs uô nox, tsik muôx ntâu ar kâu, ar cxênhr, muôx ntâu ar cxuz. Chor ar no phênhv ntâu nhoz trâu tiax đras: ar hâu cữx đêx vực shiaz thax tsav ntus đêx liaz: ar cxuz kuz nhoz ntâu ntừv thax tsav tiax đras Đông Nam Bôv; nhoz buôk trứk tus đêx Tiêx, tứ đêx Hâu; ar kâu, kaz njęr, ar cxiz nhoz trâu thax tsav Tây Nam Bôv. Zav ar no cxiv trâu sir zôngv chos kôngz lông li uô liax, thiaz cxuô zav jâu, hâu jôngr sir zôngv yênhx shông, ntông nox txir,...

Nhiv no, ntâu thax tsav ar uô nox ntừv qơus Viêx Nam tứ tâu sir zôngv uô tiar muôx liv, chos tâu cxuô zav kôngz lông tsar ntâu bâu xav trâu tov ntêx lữ. Uô li tiav sis, hâu lữ sir zôngv ar ntừv têzz qơus Viêx Nam tsênhv tsik tâu zos. Têx liv hâu đrôz a txừ txar tsuôx jux juk, muôx nto 50% ar cxuô zav tsuv hiav trâu paz max kho đrô. Tsuôk xav chor ar nhoz kôngz, trôngz đrô tsuv cuô yôngz tas tứ muôx ntâu yax 10 châu hêcta¹.

1. Saiz Bôv Zaoz Zux thiaz Đaox taov: *Điav lir 8 (yừ tởv jias tiv cẩu tsiz)*, *Sđđ*, tr.113.

3.2. Đrox tsuôš

Viêx Nam tâu saiz zông li iz luz têz qơs hâu thax tsav Đông Nam Ar cu xli muôx jông thiaz ntâu đrox tsuôš cxuô zav hâu thôngz kaz ntux (nhoz trâu luz qơ tiv 20 jông hâu thôngz kaz ntux).

Viêx Nam tuz yuôx tươv pâuž muôx 10.484 shôngz ntông đrox tsuôš muôx liv, muôx nhos 800 zav cxuôž thiaz 600 zav ndêž. Chor đros tsuôš jông thiaz muôx liv nhos tox siaz hâu têz qơ ntâu, muôx ntâu nhos 33% cxuô zav shôngz ntông đrox tsuôš nhos trâu thax tsav pêv tox têz qơs saz Băž Viêx Nam thiaz yax 40% xav hur si chor đrox tsuôš hâuš thôngz têz qơs.

Phênhv ntâu chor muôx liv nhos trâu plâuž thax tsav zov chinhr zos: thax tsav ntar trôngz siaz Hoangx Liên Sơn chês tox siaz hnuz tuôx băž, thax tsav trôngz siaz Ngox Linh nhova trâu saz miêx Trung, tox siaz Lâm Viên đrav kaz thax tsav jôngr lok nas Băž Trung Bôv. Muôx ntâu zav muôx liv siaz tsuôk zos njiz muôx nhos trâu yênhx thax tsav graiv thiaz qơ kêk. Chor zav muôx liv no lok six tsôš thiaz chor qơ har jôngr no khênhv hov chaik tsik muôx nênhv txos ntâu, lok sis tsuv nruôv haiv ntâu zov chinhr.

Đrâu v ntươ, ntươv Viêx Nam cux muôx ntâuž zav jôngr thiaz đrox tsuôš siz txươ, zuôv tsuv hais txos 9 zav zov chinhr hâu kaz no:

Zav jôngr nhos têz qơ tsik muôx nênhv txos chôngz blôngx đar njuôž har txiak: Nươ zos zav har jông đar, ntâu hâuš thôngz têz qơs, nhos trâu thax

tsav muôx ar nông, hov nhoz trâu ntóuv têz qơu siaz hâu kaz 700 yiv nhoz saz miênx Băz thiaz hâu kaz 1.000 yiv siaz nhoz đraz tăus têz qơu miênx Nam.

Zav hôngr blôngx đar thiaz jênhs nhoz têz qơu nông: Zav jôngr no muôx nhoz đros nhoz tâu li zav har jôngr blôngx đar li hais sâuv thiaz nhoz qơu nông. Muôx nhoz trâu iz cxia luz tinhv li chor tinhv thax tsav Băz Giang, Hax Giang, Tuyên Quang, Yên Bair, Thanh Hoar, Nghêv An, Đăz Lăz nhoz li zav jôngr no.

Zav jôngr nhoz têz qơu tsơus nênhx txos qơu nông: Zav jôngr no tâu xênhz txơuv nhoz têz qơu ar nông, muôx nhâu nhoz trâu Sơn La, Nghêv An, Hax Tinhv, Đăz Lăz, Đôngx Nai, Nam Bôv.

Zav jôngr siz ntông ar nông (jôngr hiav): Zav jôngr no nhoz trâu têz qơu muôx ntux sor ar kruôr.

Zav jôngr njuôz nông nhoz têz qơu ar tos nông: Zav khênhv hov nhoz ntóuv têz qơu tox siaz yax 700 yiv thax tsav tox siaz miêx Băz, yax 1.000 yiv saiz têz qơu đrav tăus miênx Nam. Zos zuôr tâu pov mak ntóuv chor tinhv li Lok Ciaz, Lai Châu, Băz Cav, Hax Giang, Sơn La, Hoax Binhx, Thưax Thiên Huê, Kon Tum, Đăz Lăz.

Zav jôngz nhaz cxuz muôx kaz nêr: Ntơu zos zav jôngr nhoz shơu têz qơu jông blôngx njuôz yênhx iz zav jôngr lok six zov chnhv: ar cxuz thiaz kaz nêr, muôx muôr ar nông, ar tsuv đêx nhaz lok sis hiar txư ntak txos thâuv hiar txư grêv lơv. Zav jôngr no nhoz trâu ntóuv iz cxia luz tinhv thax tsav buôk tiax đras ntóuv têz qơu Viêx Nam nhoz li Quangv Ninh,

Thair Binhx, Nam Đinhv, Kiên Giang, Đôngx Thaz, Cax Mau,...

Zav jông txourv ntourv jêz tâuz txuôz: Zav jôngr no puôr zos chor jôngr tsourv muôx blôngx njuôz iz cxia blôngx jênhs, nhoz trau têx qour ar nông thiaz muôzz jông ar thiaz jêz tâuz txuôz. Zav jôngr no hov nhoz trau chor tinhv, thiaz đrôngs li Langv Sơn, Cao Bảngx, Bảz Kanv, Hax Giang, Tuyên Quang, Sơn La, Hoax Binhx, Ninh Binhx, pott trôngz Caz Bax (Haiv Phongx), Hav Long (Quangv Ninh),...

Zav jôngr muôx blôngx mê côngz: Zav jôngr no muôx oz zav zos zav jôngr siz thiaiz nhoz muôx tsourv trau têx qour nông thiaz qour siaz huv. Zav jôngr no puôr zos muôx nhoz trau thax tsav Tây Nguyên thiaz chor tinhv chês iz cxia tinhv tox siaz thax tsav tos siaz.

Chor jôngr shôngz: Zos zav jôngr muôx ntâu shôngz txourv jông gâux, saiz đêz cux pâuz txos, zos zav jôngr nhoz trau têx qour uô nox har jôngr txiak thiaz jê liax têz. Jôngr muôx shôngz txourv nhoz thax tsav siaz đuô hiar txur nhos 2.000 yiv. Viêx Nam muôx nhos 1 châuv 5 cxinhz hecta jôngr muôx txourv shôngz zov chinhr mak chor thax tsav: Đông Bảz, Tây Bảz, Bảz Trung Bôv, Nam Trung Bôv, Tây Nguyên.

Nhoz trau thax tsav cêr phuôv tsar ntâu trau cxuô luz têz qourv thôngz kaz ntux, muôx ntâu chỉ puô tsar zav li tsiax cxu đrox tsuôv hais hur tiz si thiaz têz qourv Viêx Nam hais tsênhz nhiz no tuz muôx ntâu hiav txourv txos ar gis thiaz tsuôv sai li têx shông nhiv no. Têx qourv muôx nzôngr nzông tuz jav tsourv đuô xav trau tuôr xav kêk kêz cớv tsuv chênhz

tôngv, har jôngr thiaz cxuô zav tsiax, đros tsuôx muôx liv, tsouôx tuz uô hiav zov chinhr tsik muôx.

3.3. Tsiax cxu

Tsiax cxuô cxuô zav ntouôv têu qouô Viêx Nam muôx ntâu zav txos li 275 zav, 828 zav nongx, 180 zav naz kar ka gas, 80 zav kar couk, 472 zav njêk, muôx nhos 2.000 zav njêk hiar txur thiaz nzir nhos yênhx châu zav tsiax muôx cxa nhoz sâuv kruô, hiar txur thiaz hâu dêx nêr kaz jiz.

Cxuô zav tsiax cxu jông li tsik zos uô trâu Viêx Nam muôx ntâu zav tsiax xur mak tsênhv zos luz têu qou muôx thiaz bluô nux cxuô zav tsiax, hlôngr yêx muôx trâu chor têu qouô Đông Nam Ar. Zos luz têu qou muôx tsiax liv siaz: yax 100 zav thiaz phênhx ntâu zav nongx 78 zav tsiax kus muôx liv tsouô.

Jôngr phaz, trôngz jông, jêx tâu zav txuôz, jôngr muôx ntâu thênhv blôngx thiaz muôx ntâu liaz, txuôz, chuôv,... Trôngz siaz chês miênx Băz muôx chor tsiax plâu nêr: đaik nênhk, đaik dêr, nas đuz hôngx tuz, plik,...

Cxuô zav njêk muôx nhoz li 250 zav, thax tsav dêx siaz thiaz ntus hiar txur muôx 1.000 zav njêk, yênhx puô zav trâu trik, shuôz, shuôz đai, kux hiar txur, fias dêx, kus zênhx, caz dêx, njêk đaik, cxuôz hiar txur, đrâu ntouôv tsênhv muôx nongx lur nhoz trâu têu trôngz jêx hâu tsuô hâu pak dêx hiar txur thiaz cxuô luz trôngz.

Cxuô av tsiax thiaz puô tsar zav ntouôv têu qouô Viêx Nam tâu xav zos muôx ntâu, tiav sis ntâu zav

cux uô hiav txos ntâu nhoz li tsav tros, tiz nênhs ntêk muôz, tsik uô jông por phưv thiaz muôz tsik txuôs zos chai uô li tuz uô hiav trâu piav tsav lưv jux juk.

3.4. Caz cxuôs hlâu thanh trox

Viêx Nam zos iz luz têz qơs muôx ntâu caz cxuô hlâu hâu đruôz ar, hâu kaz hiar txư. Hâu ntư, trox thiaz cxuô xinhz txưv tâu saiz zos zav muôx liv nhoz hâu để txix thênhv liv muôx nhoz hâu kaz ntux, cxuô zav siz txưv puô muôx lok six ntâu trưk li tâu tuô xav muôx 5.000 krór, muôx nhos 60 zav caz cxuôs. Muôx iz cxia mak muôx tsưs thiaz tsik tsưs qư, muôx iz cxia mak muôx ntâu thiaz liv siaz ntâu tâu saiz yênhx iz zav fênhx đraz hâu thôngz kaz ntux, chox luz bê thiaz saiz zos krór qư phuôv tsar uô nox hâu - puô tsar zav ntưv têz qưs.

Phênhv ntâu chor cxuô zav caz cxuôs trox hlâu chor muôx ntâu, huv thiaz tsưs. Muôx iz cxia hâu hâu đruôz ar muôx ntâu nhoz li:

Thanh đruôv: muôx ntâu nhoz trâu thax tsav Đông Băz thiaz ntus đêx liaz.

Bôxitz: muôx nhoz trâu chor tỉnh chês tos siaz li (Langv Sơn, Cao Băngx, Hax Giang), thax tsav Tây Nguyên (Đăz Nông, Lâm Đôngs, Gia Lai, Kon Tum) thiaz chor tỉnhv Bínhx Phưôz, Phưv Yên. Chor *bôxitz* muôx 2 zav zos *bôxitz* trăn x tíchz, phênhv ntâu ntưv chor tỉnhv tox siz saz Băz thiaz *bôxitz* lateritz

Apatitz: phênhv ntâu nhoz trâu tỉnhv Lok Ciaz, muôx nhos 17 krór qư, krór qư muôx apatitz.

Phênhv ntâu chor qơu muôx apatitz puôr muôx ntâu thiaz toz nhoz trầu đrươz ar.

Jêz tâuz txuôz muôx liv siaz (tsik xav cjor jêz pax đơưz): nhoz tsik siz jê uô cê, hov nhoz trầu chor tinhv chês tox siaz saz Băz thiaz Băz Trung Bôv. Txos shông 2017, thôngz têz qơus muôx yax 80 krór qơu tâu yuôx pov thiaz tsênhv taz yuôx muôzz cxuô zav siz txơư.

Suôz jêz đơưz: muôx nhoz trầu 9 luz tinhv buôk ntus Băz Bôv thiaz Trung Bôv muôzz ntâu jông tsik tâu yuôx ntâu, thiaz tsik tâu saiz txos.

Ar titan: muôx 2 zav pênhr thiaz sa khoangr. Chor no muôx ntâu nhoz trầu tinhv Thair Nguyên, ar sa khoangr muôx nhoz trầu chor ntus đêx hiar txư txix tinhv Thanh Hoar yos trầu Bax Riav - Vungr Taux.

Ar hiêmr: muôx nhoz trầu ntâu nhoz trầu chês Băz chor xã Nâmv Xe, Nâmv Mav, Đông Pao (Lai Châu), Mường Hum (Lok Ciaz), Yên Phur (Yên Bair).

Jêz pax đơưz: muôx nhoz trầu 11 luz tinhv, tiav sis ntâu mak zos tinhv Nghêv An thiaz Yên Bair. Txos nhiv no tữz yuôx thiaz nrir tâu 70 krór qơu thiaz muôz.

+ *Đêx kaz jiz - đêx cuz:* phênhv ntâu nhoz trầu chor tinhv, đrôngs haur thôngz têz qơus puôr muôx đêx kaz jiz - đêx cuz. Txos trầu nhiv no tữz yuôx pov thiaz hais pâu, tâu nhoz 400 luz haur đêx kaz jiz - đêx cuz.

+ *Ar muôx urani:* đhâu yuôx saiz, hov nhoz trầu chor tinhv chês chor tinhv Tây Băz, Viêx Băz, Trung Trung Bôv thiaz Tây Nguyên.

Đrâuv ntơ, hâu pêz têz qơs muôx ntâu ar poz jêz muôx liv li: cxuô, caz, hlâu, antimon, lơtx phax, molipden, felspat, kaolin, ar cazsez kalin uô cxuô zav nhoz li caz, vuôk luôx, jêz njuôz,... tuz tâu pov, yuôx zos cxuô zav muôx ntâu thiaz muôx liv nhoz nhoz pêz qơs thiaz lok six ntâu, nhoz cxuô krór qơ hâu thôngz têz qơs.

II. TIZ NÊNHs

1. Cênhz cữv tiz nênhs Viêx

Trướk li thâu v nzor luk tâu v hais, thâu v uz tiz nênhs Viêx Nam zos Phuôz Taik Kinh Dương Vương chor tuz, tiav tuz tiv 4 ntơv Zơs Phuôz Taik ar. Chor tuz tiav pêz mak zos Phuôz Taik Đêr Minh zus tâu Đêr Nghi, đhâu muk yuôx saiz saz chês đrav kaz têz phương Nam, txos trâu thax tsav têz qơs Ngur Lanhr pov thiaz zuôr tâu pos Vuv Tiên tus exais thiaz zuôr lok zus tâu iz tus tuz, mak tus tuz lok six nê. Phuôz taik Đêr Minh lok six hluz thiaz zuôr muôz phuôz taik trâu tus tuz zus txaik tok uô nhoz phuôz taik qơ. Viv li ntơ, phuôz taik Đêr Minh tuz tsa Đêr Nghi nhoz qơ ntơv tox siaz phương Bắ thiaz muôz thơtx chox trâu tus tuz Kinh Dương Vương chox tuôr têz qơs thax tsav phương Nam, hu uô têz qơs Xichz Quy.

Kinh Dương Vương zuôr Phuôz Taik Đêx zus tâu iz tus tuz muôz bê hu Shungs Lamr, uô kaz ntơ txaik uô phuôz taik ntơv lênhx txir muôz bê hu uô Lax Long Quân. Hâu iz tsar muk saiz têz qơs saz phương Nam

đrav kaz, Đêr Lai, zos Đêr Nghi tus tuz chox car saz
têz qơs phương Bắz, tuz tâu pov Âu Cơ tus cxais nhoz
têz qơs Xichz Quy. Lax Long Quân njiz thiaz nhiav
phuôz taik tus cxais Âu Cơ. Đhâu ntơ, gơ tâu siz
zuôr thiaz zus tâu iz luz 100 luz kê thâuv đhâu tâu iz
puôk tus mê tuz. Thâu chor tuz hloz lữ, viv Lax Long
Quân zos nôngz phaiz taik jax, Âu Cơ zos phuôz taik
ntux kruôr cxais, uô li gơ tuz phaiz uô oz paz, 50 tus
trouk Lax Long Quân muk đraiv pak đêx, 50 tus lữ
niav nhoz trau tox siaz, zos thâu muôx hâu hâu lữ
mak siz hu, tsik tâu tso por tsê. Cênhz tir ntơv pêz
tiz nênhz Backz Viêx Nam zos li ntơ¹.

Li ntơ tiav sis, zos tâu xav li cxinhx lâuk mak
thiaz cênhz tir tiz nênhz Viêx Nam zos paz Lax Viêx
saiz trau pơs Bachz Viêx, zos iz paz ntâu zav tiz
nênhz nhoz trau iz thax tsav đar hâu thôngz têz
qơs Viêx Nam thiaz têz qơs Tsungz Cux nhiv no
(Sai đrav tâu Nam muôx đêx hiar txur tus đêx
Dương Tư por phư), jông li chor paz Lax Viêx, Âu
Viêx nhoz saz Bắz Viêx Nam thiaz muôx iz cxia saz
têz qơs saz tiv zos buôk têz qơs Tsungz Cux; Mân
Viêx nhoz Phur Kiêr, Đêx Viêx nhoz trau Vân Nam,
Đông Viêx nhoz trau Quangv Đông, Nam Viêx nhoz
trau Quangv Tây;... Chor tiz nênhz no đhâu tsa tâu
nhiak muôx nhiak iz luz têz qơs. Văn Lang zos luz
têz qơs paz Lax Viêx thiaz Âu Viêx. Nhoz trau iz
đraz cxinhz shông tiv iz uô ntêx Công nguyên, Tiz

1. Saiz Đaox Duy Anh: *Xinhz txơv Viêx Nam*, Qơ yư
tơv fông ntơv ntơv tsênhv qơ Ntiav têz, Hax Nôi, 1950.

nênhs hanr txix saz têz qơus pêv tox saz Băz tus dềx Dương Tửv (Trườngx Giang) grêk ntưs lok, thầuv ntởu tữz jux juk tsav tros tuô chor têz qơus zos pơus Bachz Viềx, tsuôk zos luz têz qơus Văn Lang thiaz muôx iz cxia zav nênhs tsênhv tuôtr tầu truôx, tsik muôx tsav tros. Trườk li chor ntầuz ntởur tov ntềx kria txos, nhoz trầu thax tsav Băz Bôv thiaz Băz Trung Bôv, muôx nhos 3.500-4.000 shông tov ntềx, paz Lax Viềx tữz xar tầu ntầu tsừ ziv cêr txux chi tầu chox yax six txix Phungs Nguyên, Đôngx Đầuv, Gos Mun txos trầu cêr txux chi Đông Sơn puôtr tầu chox uô phuôv tsar uô liax đros iz cxia tsừ ziv hầur luz nênhx, hầur ntởu luz đườk thôngz zos iz zav txux chi tầu saiz muôx nux grêk đườ¹. Đầu ntầu ntu yừv tsừ ziv cừu cêr txux chi Phungs Nguyên - Đôngx Đầuv - Gos Mun - Đông Sơn zos ntu tiz nênhs Viềx đros trầu iz cxia zav nênhs lov lik trầu tsa têz qơus Văn Lang - Ấu Lax, chox thườx zos Phuôz Taik Hungx (zos tus phuôz taik tiv 18 tiav Hungx) - cênhz tìr hầur pầuk ntởurv tiz nênhs Viềx Nam nhiv no.

Muk txos trầu ntu đraz yiaz sir zôngv por jêz uô chuôz tav sir, tiz nênhs Homo Sapiens tữz nxor xar tầu tsừ ziv krêz đar qơu nox nhoz trầu saz têz qơus đrav tầus Nam muôx ntầu txux chi yừv tởurv thiaz

1. Viềx Mênhx yừx cừv, Vương Xuân Tìnhx (thườx saiz kho): *Cừu zav mênhx yừx Viềx Nam: pênhr 1: paz nênhs yừv tởurv ntầuz ntởur Viềx - Mườngs, Qơu yừv tởurv fông ntởur ntởurv tsênhv qơu Chìnhx triv têz qơus - Tsênhz chênhz, Hax Nôix, 2015, tr.96.*

muôx iz cxia tuz hlôngr câuk hniar tsênhv tâu por phưv ntôuv krór tsuô Thâuv Ôms (Nghêv An) Muôx luz six hữv txix li 125.000 shông lok. Nhoz trầu hâur đraz tiav muôz poz jêz lok uô chuôz zinhx sir ntôu, chor nênhx xinhz tởv kuz tuz yênhx yưv tâu ntâu zav muôx câuk hniar ntôuv chor nênhx Homo Sapiens tâu tuôr tsêz ntôuv krór tsuô hang Hums (Yên Bair) chox tâu tuôr yưv lis đuô (tâu tuôr xav txos nhiv no muôx txix 125.000 txos trầu 75.000 shông).

Txos trầu ntu kaz ntu yiaz sir zôngv por jêz uô chuôz zinhx sir, nhoz trầu ntus jôngr ntôuv Langv Sôn, Ninh Binhx tuz yưv tởv iz cxia nênhx tsik tâu yênhx ntôuv tiz nênhx Homo Sapiens tsênhv jông li Liaz Chuôv (Haiv Dương), hâur ntôu muôx têx chor tsênhv zos chor câuk hniar hlôngr ntôuv Pongo puôr nhoz trầu hâur ntu ntôu txix li 50.000 txos 30.000 shông. Chor câuk hniar hlôngr ntôuv tiz nênhx Homo Sapiens nhoz trầu luz Jok Trangr (Thanh Hoar) txix nhi no li 40.000 txos 35.000 shông. Lis đuô ntaik mak zos blais poz cxa hâu thiaz câuk hiar ntôuv tiz nênhx txoux tsưv ziv lờv ntôuv jok Keor Lax (Langv Sôn) thiaz câuk hniar nhoz Thung Lang (Ninh Binhx) muôx hnuz nhungs li 30.000 shông,... Đrâuv ntôu, shông 1960, thoux jias chor nênhx thâuv uz tuz nriar tâu têx chuôz zinhx zos poz jêz uô chuôz zinhx sir zôngv ntôuv chuôv nhoz trầu luz trôngz Đov (Thanh Hoar), trôngz Quan Yên thiaz trôngz Nuông (nhoz đêz trôngz Đov li 300 yiv), nhoz trầu Xuân Lôk (Đôngx Nai). Têx chuôz zinhx tâu kaz tâu ntôuv chor tiz nênhx kuz tov ntêx no zos têx cênhz tir pâuiz lok

six zov chìnhr chiv mênhx thâuv ntu nhuôz chuôz uô tsik tâu yênhx nênhx muôz poz jêz uô chuôz zinhx sir zôngv (lok sis thâuv ntu tsi tâu tiar nênhx) thâuv ntôv muôx nhos 40.000 shông, ntôv pêz ar Viêx Nam tuz muôx tiz nênhx chuôv nox nhoz. Trôuk li luz six hơv, tus tsur ntôv trôngz Đov, Xuân Lôk, txos trâu ntu Thâuv Ôms, Ngươms, Sơn Vi tuz muôx ntu hlôngr txoux nê tsênhv chênhz uô nênhx ntu yiaz¹.

Cux haur ntu kaz sir zôngv poz jêz uô chuôz zinhx sir hais sâuv, haur thôngz pêz têz qơs tuz muôx ntâu paz pơs thâuv tsik tâu yênhx tiz nênhx nhoz thiaz nriar nox tsuôk zos tuô tsiar kuk, nriar nox har jôngr. Puôr zos nhoz ntôv têx krôr jêz, krôr tsuô, har jôngr, ntus cux ha, cux đê. Txơv đơ chor nênhx no ntâu tâu chor xar tau tsur ziv lơv nriar tơv tâu muôz cêr vav mênhx vax suôr hu uô Sơn Vi², muôz tik bê hu trôuk xar Sơn Vi, huyênx Lâm Thao, tỉnh Phur Thov. Cênhz tir ntôv chor txux chi Sơn Vi tsênhv tâu nriar pov nhoz trâu ntâu qơv haur thôngz têz qơs li tỉnh Sơn La, Lai Châu, Lok Ciaz, Yên Bair, Vinhr Phuz, Phur Thov, Bả Giang, Thanh Hoar, Nghêv An,... yuv chor tiz nênhx Ngươms, Sơn Vi tuz tso tsês tiav cênhz cữv tiz nênhx chuôv nhoz trâu têz qơs Viêx Nam ndê muk trâu thênhv siaz đơ zos tiav thiv tôk, bôv lax.

1. Nhoz trâu chor poz jêz Ngươms (Vor Nhài) tuz nriar pov ntâu blais poz cxa mê uô tâu chuôz zinhx thiaz car hlâu zos tiav thâuv nxor muôz poz jêz uô uô chuôz zinhx muôx nhos 23.000 shông ntôv tiz nênhx Homo Sapiens.

2. Kuôk txos nhiv no txix 30.000 txos 11.000 shông.

Nhoz trâu luz nênhx nox nhoz thiaz cêr uô đas nuy, tiz nênhs Sơn Vi tứz max mav yữv tữv ntâu zav hâu luz nênhx ndê muk trâu thênhv yiaz siaz đuô - cêr nox nhoz txux chi Hoax Bínhx (nhoz txos nhiv no muôx nhos 17.000 txos 7.000 shông). Hoax Bínhx luz qữr tâu pov uô ntêx ntữv thax tsav no. Zov chínhr chor lăuk nênhs cxinhx thăuv chox Hoax Bínhx ntữr zos pov zos Hmur cxuô zav lur, đăux tuôr krôr chok poz jêz zos shôngz, thiaz thôngz. Pêx xênhv nhoz Hoax Bínhx cux tứz pov ntâu zav chuôz zinhx ntu tsênhv zos nguyên thuyv. Đros trâu luk cxais iz luz pax đăus tâu mê nhuôn ntữv tâu nrir pov nhoz trâu luz kaz jêz Sungr Samk, Thâmv Khương. Nhoz trâu krôr tsuô Xor Traiv (Hoax Bínhx) tứz pov yữv muôx caz kês zos luz blêx fhăuz blêx, cxur, cxur cuz nhiaz. Li ntữr, chor nênhs nhoz ntu Hoax Bínhx zos chor nênhs tứz xar tâu uô yữv tữv kôngz lông pênhr tsênhz ntữr zos iz kro tsữr ziv yữv tữv yiaz tiav sis ntữr tsuôk zos xar tâu uô tsik tâu yênhx ziv puôk tsoụs. Viv Viêx Nam zos iz luz têz qữs “xênhz txữv” uô liax têz nzor đuôk hâu thôngz kaz ntux.

Txos trâu ntu têz qữs hlôngr yiaz, cêr txoux nję yữv tữv ntâu zav: cêr nox nhoz ntữv Băz Sơn zos iz hâu têx cêr yữv siv tsênhv chênhz ntữv jax tsữr ziv Hoax Bínhx thăuv ntữv yữv siv kuôk li nhiv no nhos 10.000 txos 8.000 shông. Thăuv ntữv muôx iz chês zinhx mênhx ntữv tiz nênhs Hoax Bínhx tứz txar qữr tuôx trâu saz băz tox siaz Băz Sơn chia khur nox hăus thiaz chox car hâu thax tsav nhos 500 caik yiv xữv phaz, thôngz hâu hur tiz si tnhv

Langv Són thiaz iz phênhv ntóuv tinhv Bắz Canv, zos tinhv Thair Nguyên nhiv no. Tus thóux chor car ntóuz paz nênhv no zos chor nênhv Indonesien thâuv nzor, muôx iz cxia zos tiz nênhv Melanesien, muôx muôx cxais tâuz hâu tiav sis zos chor nênhv Australoid lok sis siz txuôn txôngr jux juk¹.

Nhoz trầu kaz ntu cêr nox nhoz Bắz Són, thax tsav tâus ntus hiar txừ Bắz Bôv thiaz Bắz Trung Bôv pêz têz qôus muôx nhos pêz paz pươt tiz nênhv thâuv uz nhoz: pêz iz zos nhoz trầu cxuô luz krór tsuô ntóuv sôn khôir Bắz Són tuôx nhoz car ntus hiar txừ ntóuv Haiv Phongx, Quangv Ninh; paz tiv oz lok ntóuv saz Tây Thanh Hoar tóus tuôx chox car, yênhx krór qôir muôx ntâu zav tiz nênhv; paz tiv pêz nhoz trầu saz Tây Nghêv An tuôx nhoz saiz thiaz buôk chor huyêx Thachx Hax (Hax Tinhv) thiaz Quynhx Lưu (Nghêv An) jux juk txóuv muk trầu saz Nam txos đrav kaz kôus Tế Qôus (Quangv Nam - Đax Năngr).

Ntôu tsênhz zos paz chor nênhv kuz thâuv uz tữ muôx yúv tsừ ziv hâu luz nênhx tâu taxik hu Quynhx Vă, Cair Beos, Đa Buz, Hav Long,... cux hâu kaz luz six hóuv no, muôx iz cxiaz px nhoz buôk ntus hiar txừ no tữ tâu njiz paz nênhv tuôx têz qôus Tsungz Cux, Philíppin, Malaixia, Indônêxia grêk txar

1. Từ dạng Australo - Mongoloid, thâuv xinhz txóuv yênhz tiz nênhv tsóux nê jav jux juk yênhx paz Indonesien kuz. Muôz iz paz txóur txóux nê lok six tsóus txos trầu Australoid. Paz tiv pêz muôx nhoz li ntóuv Tsâu Đav Dương thiaz txuôn ntâu zav.

tuôx. Muôx ntâu zav tiz nênhx siz nhoz uô cê txuôv, luz nênhx nox nhoz cux muôx ntâu hlôngr yiaz nhoz trâu ntu no tsênhv muôx ntâu zav nênhx siz txuôv.

Kaz ntu yiaz poz jêz yiaz, cxuô zav nênhx zos tsik tâu xênhx xưv nhoz châu Đaiv Dương tứz tứz pôngz nôngz jux juk, tsuôk yuôr chor nênhx kuz Indonesien. Nhoz trâu ntu no, ntơu tứz pov tsênhz tiak muôx cêr siz txơu thiaz txuôv cxuô zav tiz nênh kuz uô li tứz muôx yưv six ntâu tsư ziv hâu luz nênhx nhoz trâu thax tsav ntus hiar txư saz bắz thiaz saz nam têz qơus Tsungz Cux. Ntơu zos cênhz tir chor nênhx kuz ntơu thax tsav Đông Nam Ar xênhx xưv yưv siv ntơu luz six hơu no.

Txix ntu hlôngr muk trâu ntu ntu krêz yiaz Phungs Nguyên muôx luz six chênhz txix thêr kyv XIV txos trâu thêr kyv XI, X uô ntêx Công nguyên; txos trâu luz nênhx hlôngr yiaz Đôngs Đâu - Gos Mun muôx luz six chênhz li thêr kyv XIII txos trâu thêr kyv VIII uô ntêx Công nguyên. Nhoz trâu ntu Phungs Nguyên cxuô zav poz cxa phênhv ntâu puôr pôngz tas yuôr iz cxia tsuôk zos poz cxa ntơu tiav Đôngs Đâu (Vinh Phuz), Maz Bax (Ninh Binhx), pươ Rêk (Phur Thov), krôr tsuô Tov (Sơn La),...

Uô li, cêr nox nhoz luz nênhx hlôngr yiaz Đông Sơn zos ntu muôx cêr txơu nê zov chênhr thiaz uô tâu ntâu zav tsênhv chênhz hâu ntu yiaz Kinh khir hais tsênhz thiaz ntu thiaz cênhz tir uô tiar yênhx tiz nênhx tsênhv chênhz hais hur tiz si. Luz nênhx hlôngr yiaz tứz zos ntu cêr txux chỉ yưv tữv ntâu zav uô pênhr tiv trâu ntu tsênhv chênhz muôx cêr vav

mênhx ntóuv tus đêx Liaz, hlôngr trâu ntóuv luz nênhx thax zinhz phuôv tsar txix luz nênhx vav mênhx Hoax Binhx, Phungx Nguyên, Đôngx Đâuvt thiaz Gos Mun. Cêr vav mênhx Đông Sơn muôx iz cxia cêr txux chi txóur thiaz jông đuô tiav sis cux muôx iz kro jông zos cêr nox nhoz vav mênhx ntóuv cêr txux chi thax tsav Đông Nam Ar thiaz cêr txóur nê uô liax chos blêx. Ntôur tsênhz zos ntu yúv tóuv têz qóur Viêx Nam thóur jias chox tuôr thiaz tsa por phúv zos iz tsôngv px jêx jok thôngx siaz tênhr hóuv.

Chor nênhx txóur cxinhz kuz tüz nriar tâu yênhx cxinhz zav txóur yúv tóuv, hâu ntóur yax 60 luz cxa tâuz hâu tsênhv tuôr xav pênhr tiv tâu. Chor cêr txóur zos Indonesien tüz nhoz ntêr đuô hur siz pêz ntu hâu luz nênhx hlôngr yiaz ntóuv Đông Sơn. Tiav sis txos trâu ntu kaz lis đuô, đrâuvt chor cêr txóur Indonesien tüz chuôz ndê muk trâu đuô iz zav yiaz - chor zav txóur nê nriar tâu nhoz thax tsav Đông Nam Ar, yúv tóuv ntóuv paz púor Đông Nam Ar kuz ntu uô kaz thâuvt sir zôngv poz jêz yiaz uô chuôz zinhx sir zôngv uô trâu ziv txos tov kaz no ziv phuôv tsar ntâu. Ntôur nhax zos cxuô zav tiz nênhx tüz txóur côngv têk siz paz max siz txuôv ntóuv chor nênhx Mongoloid txix saz bắz thâuvt grik muk, txix hiar txúur muk, tüz phuôv tsar tâu ntâu nênhx zos chor nênhx txuôv txóur siz txuôv tiz nênhx tâu truôx nêz đuô ntu uô ntêx. Six hóuv xinhr xúv yênhx tâuz hâu nênhx (brachycranisation), yênhx iz luz chêr tiz nênhx (gracilisation), tóur graix đuz tsóur jux juk, nêx muôs tsik chươk khâuvt thiaz yênhx zos tiz

nênhs ntâu đuô hâu ntu no. Thâuvt ntơu lờut tuz
yênhz paz pơut nhoz iz ndis uô cê thax tsav ntus đêx
Liaz, đêx Lax muôk, đêx Cav, đros cxiv tsa cêr nox
nhoz txơut nê Đơng Sơn. Tsênhv chênhz ntơut chor
nênhs nênhs paz pơut kuz hâu pâuk muôx iz cxia
zos tiz nênhs Viêx nhiv no. Nhoz trâu hâu ntơu, muôx
iz cxia ntơut chor nênhs Indonesien grêk jux juk muk
trâu đrav kaz saz nam, thax tsav grik trôuk ntar
trôngz Trươngx SƠN mak txos nhiv no zos mênhx yux
Giarai, Êđê nhoz Tây Nguyên. Muôx iz cxia tiz nênhs
Indonesien txơut cux nhoz trôuk box thiaz thax tsav
zos tiz nênhs Đơng Nam Ar grêk jux juk trâu saz nam
lis đuô zos chor mênhx yux Xôđăng, Bana, Mnông,
Chăm cux nhoz chês Tây Nguyên nhiv no.

Xiz phuz kria pênhr tiv kria cênhz tir tiz nênhs
thiaz têz qơut Hà Văn Tânr hais pâuz tiak: cêr nox
nhoz tiav Đơng SƠN tâu chuôz txix thêr kiv VII uô
ntêx Cồg nguyên. Nhoz trâu ntu no, tsik tâu pâuz
iz krór tsênhz tuz hais lok tus tsur chox car. Uô li
tuz hais tsênhz tiak txos njiaz luk phênhz khiaz tsi
tâu tus tsur car ntu cêr nox nhoz yuv ntâu tsur ziv
Đơng SƠN, txix ntu uô ntêx, zos cênhz tir ntơut tiz
nênhs Viêx, zos hais cov zos ntơut paz tiz nênhs
Viêx - Mươngx. Txos trâu nhiv no muôx ntâu nênhs
uô tiv tsênhr cêr phuôv tsar luz yax six ntơut luz
nênhx nox nhoz ntu Đơng SƠN, zov chinhr mak cxuô
zav uô tâu ntơut Phungs Nguyên - Đơngx Đâuvt -
Gos Mun, txos trâu ntu Đơng SƠN. Têx tiv tsênhr
ntơut tuz hais tsênhz luz nênhx thâuvt Đơng SƠN zos
iz luz nênhx jêx jok tsuôk zos ntơut qơu nhoz, tsuôk

zos phuôn tsar trâu ntu uô ntêx lơu. Tus chox ntơu
luz nênhx ntu Đông Sơn tuz tâu sâu tsêx ntơu chor
tiz nênhx Lax Viêx tiav sis tsuôk zos chor tuz ci lkuz
nênhx tov kaz no ntu Đông Sơn thiaz tov ntêx saz
đrâu chor tiz nênhx Viêx Nam.

Li ntơ, tuz pâu tsênhz tso tsêx tsik muôx
cênhz tir ntơu tiz nênhx Viêx tov ntêx nhoz Giang
Nam têz qơu (Tsongz Cux) lok sis khiar pêv krur
qơu lok, mak zos tiz nênhx Viêx Nam zinhx muôx
cênhz cứv iz cxik nhoz ntơu no txix puôx thêr kiv
tiv oz thiaz đraz thêr kiv pêz uô ntêx Công nguyên.

Li ntơ, tuz hais tsênhz tâu tiak, thâu uz muôx
ntâu tiv tsênhv ntơu chor nênhx saiz shuôk, tuz
pov tsênhz tâu cêr yưv siv thiaz phuôn tsar siz lơu
lias ntơu tiz nênhx puôx thâu sir zôngv poz jêz lok
uô chuôz zinhx zos ntu muôx cêr tsar nzir tsư ziv
ntơu ntu Đông Sơn vav mênhx. Thiaz txix hâu
pâu thâu ntơ lok tiz nênhx Viêx Nam phuôn tsar
txos nhiv no.

2. Tiz nênhx haz cxuô zav mênhx yưx nhoz Viêx Nam

2.1. Mênhx yưx

- Tiz nênhx:

Trưk li yuôx saiz tiz nênhx thiaz vax tsê nhoz
trâu Viêx Nam xav txos shông 2019 uô trưk li ciz
tênhv sôr 772/QĐ-TTg hnuz 26/6/2018 ntơu Thuv
tưngr Chínhr phuv, xav hur si tiz nênhx nhoz trâu
Viêx Nam muôx 96.208.984 lênhx, hâu ntơ chor txir
nênhx muôx 47.881.061 lênhx, tâu 49,8% thiaz chor

pox niav muôx 48.327.923 lênhx, tâu 50,2%. Viêx Nam zos luz têz qơus muôx chôngz nênhx tiv pêz thax tsav chor têz qơus Đông Nam Ar (uô kaz Indônêxia thiaz Philíppin) thiaz zos luz têz qơus nhoz sôz tiv 15 cxuô luz têz qơus hâu thôngz ntiax têz. Đhâu 10 luz shông, tiz nênhx Viêx Nam tữz tsar nzir 10,4 châu lênhx. Tsar tiz nênhx fênhx đhaz txix shông ntu 2009-2019 zos 1,14%/shông, jav jux juk ntu 1999-2009 (1,18%).

Tiz nênhx nhoz Viêx Nam muôx nhos 290 lênhx nhoz hâu 1 caik yiv xữv phaz, tsar 31 lênhx nhoz 1 caik yiv xữv phaz xav trâu shông 2009. Viêx Nam zos luz têz qơus muôx chôngz nhoz chôngz tiv pêz thax tsav chor têz qơus Đông Nam Ar, nhoz hâu kaz têz qơus Philíppin thiaz Xingapo.

Luz tiax đras buôk ntus đêx liaz thiaz buôk ntus đêx Đông Nam Bôv zos oz thax tsav tiax đras muôx chôngz nênhx đuô ntaik hâu thôngz pêz têz qơus, bâu lĩ muôx lĩ 1.060 lênhx nhoz hâu 1 caik yiv xữv phaz thiaz 757 lênhx nhoz hâu 1 caik yiv xữv phaz. Nhoz trâu thax tsav tox siaz thiaz Tây Nguyên zos oz thax tsav muôx tsơus tiz nênhx nhoz đuô xav trâu tiax đras, tsuôk muôx 132 lênhx hâu 1 caik yiv xữv phaz thiaz muôx 107 lênhx hâu 1 caik yiv xữv phaz.

Hâu 54 zav tiz nênhx hâu thôngz têz qơus, tiz nênhx nhaz lax muôx 82.085.826 lênhx, tâu 85,3%. Hâu 53 zav nênhx tsơus tsơus, muôx 6 zav nênhx tsuôk muôx yax 1 châu lênhx zos: Tays, Puôz Ziz, Mươngx, Môngz, Khmer, Nungx (hâu ntơu tiz nênhx Tays muôx chôngz yax zos 1,85 châu lênhx); muôx 11 zav nênhx tsuôk txos lĩ hâu kaz 5.000

lênhx, hâur ntơ tiz nênhx Ổđu chor nênhx tsơs đũđ ntaik tsuôk muôx (428 lênhx)¹.

Tiax đras đêx liax zos krór qơư muôx chôngz nênhx nhoz đũđ ntaik thôngz têz qơư bâu v li 22,5 châuv lênhx, tâu 23,4% xav hur tiz si tiz nênhx thôngz têz qơư. Tây Nguyên zos thax tsav muôx tsơs tiz nênhx đũđ ntaik zos 5,8 châuv lênhx, tâu nhos 6,1% xav trâu tiz nênhx hâu thôngz têz qơư.

Qơư nhoz ntơv chor tiz nênhx tsơs phênhv chôngz puôr zos nhoz trâu chês tox siaz thiaz saz Tây Nguyên. Phênhv chôngz zos tiz nênhx Nhaz Lax nhoz oz thax tsav tiax đras đar, thax tsav đar thiaz cxuô kor qơư nhoz jê tiax đras, đũđ thiv. Đrâu v ntơ, chor qơư tox siaz ntus đriv nhoz ntêr muôx nhos 3.200 caik xưv phaz buôk chor chor têz qơư Lok Tsuôk, Tsungz Cux, Campuchia li ntơ muôx ntâu zav tiz nênhx tữ trâu s jông cêr fôngx zưs muk lok oz saz têz qơư ntơv thax tsav ntus đriv têz. Ntơ tữ zos iz krór jông chia trâu s jông cêr fôngx zưs uô nox hâu, lax luôv ntơv thiaz cêr txux chi ntơv ntus đriv têz. Li ntơ, qơư nhoz ntơv cxuô zav tiz nênhx Viêx Nam muôx qơư nhoz jông uô nox hâu, qơư por phưv têz qơư thiaz phuôv tsar cxuô cêr txux chi.

2.2. Cxuô mênhx yưx Viêx Nam

- *Chor mênhx yưx muôx chôngz thiaz muôx cêr cữv phuôv tsar - cêr nox nhoz đũđ.*

Tiz nênhx Nhaz Lax zos zav tiz nênhx muôx

1. www.gso.gov.vn.

tsur ziv thiaz cōuv siaz đuô cxuô zav nênhx hâu thôngz têz qơu (85,3%), muôx tsur ziv phuôv tsar siaz đuô, zos thươx chox cêr thôngx siaz, nhoz trầu kror qơu tsênhv chênhz ntâuk thươx por phưv thiaz cxiv tsa tsux tuôr têz qơu, cxaz nduôz muôx jos, chox cêr thôngx siaz ntôuv cxuô zav mênhx yux thiaz tiz nênhx Viêx Nam. Nhoz trầu hâu ntôu, cxuô zav tiz nênhx tsôuv đuô ntaik tsuôk muôx (14,7%) tiz nênhx hâu thôngz têz qơu. Pênhx tsênhz cxuô zav tiz nênhx muôx tsik chôngz bâu v iz zav tiav sis tsik muôx iz zav nênhx tư tsuv tsiv txov, muôx cêr thôngx siaz, cêr côngv jos ntôuv chor tiz nênhx chôngz; cxuô zav nênhx puôr chox tâu cêr côngv têk, nhoz siz hluz, siz paz, côngv siaz tsux tuôr têz qơu Viêx Nam truôx khor, bluô nux, px zos tsur chox cêr thax zinhz phuôv tsar, côngz fênhx phuôv vav.

- *Cxuô zav tiz nênhx mênhx yưvv nhoz siz shơ trầu cxuô kror qơu hâu thôngz têz qơu.*

Tiz nênhx Nhaz Lax phênhv chôngz nhoz trầu tiax đras, ntus hiar txur đuô li cxuô zav nênhx puôr zos nhoz trầu yênhx thax qơu, tox siaz buôk đuô cxuô zav nênhx. Phênhz yênhx chor thax tsav qơu nhoz chnhx li¹ hâu kaz no: Thax tsav Tây Baz muôx 23 zav

1. Tov ntêx cxuô zav tiz nênhx tâu siz nhoz lok lưv ntâu tiav, yênhx iz tsôngv tiz nênhx chôngz, muôx cêr vax suôr txux chỉ siz txôuv, tsik xav ntôuv yênhx lênhx nênhx mak tsuôk xav chor nênhx lok uô nhaz, vâu uô hâu lưv lok sis, chox cêr côngz xưv.

nênhs, hâu ntơ tiz nênhs Puôz Ziz thiaz tiz nênhs Mưong muôx cêr vav mênhx đuô ntaik; thax tsav Đông Băz muôx 18 zav tiz nênhs, hâu ntơ tiz nênhs Tais thiaz tiz nênhs Nungs muôx cêr vav mênhx đuô ntaik; thax tsav tox siaz Thanh - Nghêv muôx 8 zav tiz nênhs, hâu ntơ tiz nênhs Puôz Ziz muôx cêr vav mênhx đuô ntak; thax tsav ntar trôngx Trưong Sơn (tox trôngx chor tinhv txix Hax Tinhv muk txos Binhs Đinhv) muôx 9 zav tiz nênhs, tsik muôx zav tiz nênhs tũr vav mênhx tsũr ziv viv lờũr nhoz siz sur; thax tsav Tây Nguyên muôx 14 zav nênhs, nhoz trầu yênhx thax tsav zinhx muôx iz zav tiz nênhs nhoz vav mênhx đuô, nhoz li tiz nênhs Êđê nhoz tinhv Đăz Lăz, Đăz Nôg; tiz nênhs Bana nhoz chor tinhv Gia Lai, Kon Tum; thax tsav Nam Bôv zos thax tsav nhoz nter ntâu tiav thâu v nzor lok ntơv chor tiz nênhs Khmer, Chăm, Suôr.

Txos nhiv no, chuô li tsik muôx iz tinhv, huyênx tũr tsuôk muôx iz zav tiz nênhs nhoz. Ntâu tinhv muôx txos 20 zav tiz nênhs nhoz li Lai Châu, Lok Ciaz, Yên Bair, Hax Giang, Lâm Đôngx,... Tsuôk zos tinhv Đaz Laz muôx yax 40 zav tiz nênhs. Phênhv chôngz zos nhoz chor huyênx tox siaz muôx nhos 5 zav tiz nênhs trơr sâuv nhoz, ntâu xar, jêx, jok,... muôx nto 3 txos 4 zav tiz nênhs nhoz. Nhoz siz buôk shươ uô cê cxuô zav nênhs tũr zôngx ziv cữv shâu v tsũr ziv uô ntâu zav, chox tâu cêr thôngx siaz paz max, tiav sis ntơ cux uô hiav txos trầu phaiz đêx ar uô nox hâu njiz ntâu cêr phiv liv thiaz chox car.

- *Iz zav tiz nênhş nħias muôx nħiak iz zax tsưư ziv thiaz cêr txux chỉ, luk hais siz txưư, cxaz nduôz trầu cêr txux chỉ ntưưv têz qơus Viêx Nam muôx cxix cxuô đưô ntưưv cxuô zav nênhş.*

Cxuô zav nênhş puôr nħiak muôx nħiak luk txưư thiaz tiav sis luk hais puôr tsik txưư lox trầu 4 zav luk muôx chôngz nênhş đưô ntưưv Đông Nam Ar. Viv luz nênhx nox nhoz siz buôk li ntưư tưư zôngx ziv trầu ntầu zav tiz nênhş ntầu lênhx puôr hais tầu ntầu zav luk siz shưư hais hầư yênhx hnuz. Luk Nhaz Lazz zos chor luk tầu chôngz nênhş hais chia muk uô nox hầư lax luôv trầu cxuô zav tiz nênhş. Tiav sis luk hais ntưưv zuk zav tiz nênhş puôr tầu saiz zov chĩnh, tuôr truôx txos nhiv no.

Cêr txux chỉ uô nox nhoz, uô vax uô tsêr, cxiv tsa,... ntưưv cxuô zav tiz nênhş nħiak muôx nħiak iz zav siz txưư. Tsik zos siz txưư lok sầưv chos liax, blêx, mak uô liax cux siz txưư, uô têz pês nħiax muôx nħiak iz jax tsưư ziv siz txưư ntưưv cxuô zav tiz nênhş. Lok sầưv ntok ntầưz xo cxuô zav tiz nênhş tsơus mak lok six jông. Uô vax tsê nhoz, tsêr vax suôr cux nħiak muôx nħiak iz jax tsưư ziv siz txưư ntưưv yênhx zav tiz nênhş. Muôx iz cxia tiz nênhş nhoz tsêr ar, iz cxia nhoz tsêr tsar lầưx. Muôx iz cxia tiz nênhş ho muôx vax tsê uô vax suôr nhoz li fênhz suôz, tsêr tsar tuôr,... tầư uô lok six jông gầưx, muôx jông tsưư ziv jax jês lok six liv xênhz.

Cêr nox, nar ntưưv iz cxia tiz nênhş lok six jông gầưx thiaz muôx ntầu tsar zav, uô li tiav sis muôx

iz cxia tiz nênhx nox nar zuôr xar jông iz zav (tov ntêx tiz nênhx Bôr Y, tiz nênhx Suôz Jênhx muôx cêr tsôngs yo zuôr lăuk jông xuk li tiz nênhx Môngz, nhiv no mak ho zuôr jông xuk li tiz nênhx Nungs; tsôngs yo tiz nênhx La Ha jông siz xuk li tiz nênhx Puôz Ziz;...). Săuv cêr nox, tiz nênhx Nhaz Lax thiaz tiz nênhx Mưôngs mak khênhx hov nox mor txuô; Tiaz Tays, Puôz Ziz, Thôv, Khmer, La Chir, La Ha mak khênhx hov nox mor blăuv thiaz iz cxia txuv lov siz shơu nư, ... thiaz iz cxia zav jăuz, blôngx ntông har jôngr; tiz nênhx Chưz, Bôr Y, Cờs Lao, Pu Peor mak hov nox jăuz tău siz uô ntơuv poz cūk, kok ntông; muôx iz cxia tiz nênhx muôx jông cxuô zav li chơr gruk, chơr poz cūk, luôv zinhz... Tsôngs yo ntơuv yênhx zav tiz nênhx nhiak muôx nhiak iz krór jông iz tsa thiaz đơu đuz siz txơu, tău ntok lok sis xơuk ntơuv têk. Zos tiak tiz nênhx Nhaz Lax chor txir nênhx nar trik phaz tsaz đuz, yo phaz tsaz liaz txơu, chor pox niav nar tiaz đuz, muôx sêr, yo nyuô liaz nưôz hău hău ntông fuôv liaz; mak chor tsôngs yo ntơuv cxuô zav tiz nênhx nhoz thax tsav trôngz Trưôngs Sờn - Tây Nguyên zov chinhrmak chor txir nênhx nar yo nyuô nêr thiaz sêr bos graix, hlê tsik yo, pox niav nar yo lôngx tăuz hău yưv iz saz xuz pưs, chaix ntux no nar nzir yo nêr sor nhiak; khăuz ndơuk ntơuv tiz nênhx Khmer mak chor txir nênhx hnar thôngr ntăuz xor caz, chor lăuk nênhx nar trik nêr, tsik muôx lăus thiaz fuôv ntông săuv tăuz hău puôis iz ndis xuz pưs; txir nênhx, pox niav tiz nênhx Chăm

puôr muôz tiaz ntâuž krưr, txir nênhš nar yo lur muôx ntias, khôuv txưr; tsôngs yo ntôuv tiz nênhš Suôr muôx lăus chiax đaz ntêr, khôuv njaik ntâuž iz saz ntias yo, uô jiax iz siaz lok sis khôuv ndax ntiax yo,... Cxuô cêr txux chi, nox nar ntôuv cxuô zav tiz nênhš tsôus lok six jông gâux xôuk uô pax uô trêr trôkư li tsưr ziv, txix têx cêr pax sênhư cưr cxiax luk tâuv, sênhư chêr, txos trâu têx gâux cưr cxiax, tsêr trâu chuôž zinhx uô vax suôr, đưôk saz Tây Nguyên,... Tuôr pir li chor cưr cxiax *Xống chụ xon xao (Xa tus hluz)* ntôuv tiz nênhš Puôž Ziz; txox gâux *lov jêv Đam San* ntôuv tiz nênhš Êđê, luk tâuv phuôn ntôuv tiz nênhš Tays - Nungs; sêr chêr vox vias ntôuv tiz nênhš Puôž Ziz; sêr ntâuž đưôk ntôuv tiz nênhš Chăm; sênhư chêr ntôuv cxuô zav nênhš nhoz thax tsav Tây Nguyên;...

Lok trâu cêr txux chi cêr nênhš siaz, tênhư hươv ntôuv cxuô zav tiz nênhš: Tas hur tiz si cxuô zav tiz nênhš nhiak muôx nhiak cêr đaz cêr kruô, cêr tênhư hươv đaz xinhz têz xinhz trôuk li cxinhx lăuk uô thăuv nzor lok. Muôx iz cxia muôx cêr tênhư hươv cêr nênhš siaz ntôuv tiz nênhš tsôus:

- Cêr tênhư hươv ntôuv paz pôus tiz nênhš Khmer.
- Tênhư hươv Balamôn ntôuv tiz nênhš Chăm.
- Tênhư hươv, zov chinhr mak iz cxia tiz nênhš tâu nênhš trôuk zos px tiz nênhš tsôus nhoz thax tsav Tây Nguyên.
- Muôx iz cxia tiz nênhš tsôus nhoz trâu chês tox siaz saz Baz cux nênhš thiaz tôur hươv trưuk cêr nênhš ntôuv zuk.

- *Cêr thôngx siaz côngv jos ntóuv cxuô zav tiz nênhx thâuv nzor lok tứt tâu tuôr xav thiaz côngv thôngx puôs thâuv nzor yênhx cxinhz shông lok, tâu siz paz chox cêr thôngx siaznhoz phuôv tsar uô nox hâus, tsừ cartox trôngx hâur pês, tir ntâuk zinhz nduôz por phưv thiaz cxiv tsa têz qợs.*

Pênhr tsênhz nhôz trâu têz qợs Viêx Nam đhâu ntâu luz six chênhz siz txờt tiav sis cxuô zav tiz nênhx hâur thôngz têz qợs puôr chox jông iz luz siaz côngv thôngx, viv cêr txov nhêv, thiaz cêr vav mênhx trâu sừ đouk. Chia tuôr truôx, tsik puz pôngz shour, cxuô zav tiz nênhx tứt nhôz thôngx siaz ccong v jos, tir ntâuk zinhz nduôz txênhz, por cov tâu truôx khor tiz nênhx luz nênhx ntóuv yênhx zav tiz nênhx cux li cxuô hair nênhx hâur thôngz têz qợs.

Chor Phuôz Taik, lok sis thour chox ntóuv têz qợ Lax Viêx thiaz Âu Viêx tsa tâu têz qợs Văn Lang, đhâu ntóu siz đros paz max tsa tâu têz qợs Âu Lax, siz đros paz max por phưv tir ntâu zinhz nduôz Tâns.

Nhaz trâu cxuô jias siz paz tir ntâu zinhz nduôz por phưv Têz Qợs thax zinhz, cxuô zav tiz nênhx tứt đros trâu Nhaz Lax tir ntâuk zinhz nduôz uô tsav tros, tsừ tuôr nhôz li tiz nênhx Tays - Nungs tâu cêr chor car ntóuv Thân Canh v Phuz, Vi Thuv An, Tông Đanv,... tâu đros paz max ntâuk zinhz nduôz Tôngr (kaz thêr kyv XI, ntu phuôz taik Lyr). Chor tuz tros tiz nênhx Mưong zos Hà Đặc, Hà Chương nhôz Phur Thov, Yên Bair siz đros paz ntâuk zinhz nduôz Nguyên - Môngz (kaz thêr kyv XIII, ntu Trâns).

Hầu thê kyv XV, tiz nênhş Mưongş nhoz Thanh Hoar đros trưk Lê Lơiv tsa qix sừ ntầu zinhz nduôz Minh, tiz nênhş Puôz Ziz Nghêv An, tiz nênhş Tays - Nungş nhoz Langv Sơn cux paz max muô ntầu côngz mênhx trầu jias tsav tros no. Kaz nêr kyv XVIII, ntầu zav mênhx yừ tiz nênhş nhoz chor tinhv tox siaz Bínhş Đinhv, Quangv Ngair tữ sừ tsav Tây Sơn ntầu trưk zinhz nduôz Thanh, txênhz tầu qờ nhoz Thắg Long. Kaz thê kyv XIX hầu thê kyv XX, cxuô zav mênhx yừ tiz nênhş tsừ puô sừ tìr ntầu zĩnh nduôz Phar Cìr, lì tiz nênhş Puôz nhoz Ziz Thanh Hoar tữ saz chor thừx zuôx puôz sừ ntầu tìr tsav tros: lì Hax Văn Mao, Đình Công Trngr, Căms Bar Thừz; tiz nênhş Môngz nhoz Lok Ciaz, Lai Châu trưk Paz Chai; cxuô zav tiz nênhş Tây Nguyên trưk Nớ Trng Long ntầu zinhz zinhz nduôz Phar Cìr.

Hầu ntu tsav tros sừ tsừ tuôr têz qừş, Viêx Bắ zos qừ tìr ntầu zinhz nduôz uô tsav tros, cxuô zav tiz nênhş ntừv no tữ maz max nto ntầu côngz mênhx trưk tữv zinhz nduôz zinhx tsav luz Hli Ziv shông 1945. Ntu ntầu trưk zinhz nduôz Phar Cìr (1946-1954), Viêx Bắ tữ tầu xair uô qừ trưx ntầu tsav tros, cxuô zav tiz nênhş ntừv no tữ tas siaz tas njuk paz max tìr ntầu, Trung ươg Đangv, Chínhr phuv. Px cxuô zav tiz nênhş thax tsav trưg Trưongş Sơn - Tây Nguyên pênhr tsênhz yaiz mor, nrìar kok nox tiav sis puô iz siaz trưk tìr ntầu zinhz nduôz, cxaz nduôz ntầu zinhx trưk tữv Phar Cìr thiaz Miv Cux.

III. CÊNHZ CUV

1. Txix thâuv yênhx xênhz txos shông 1858

1.1. Thâuv Yênhx Xênhz

Kuôk nhiv no nhos li 40-30 vav shông, viv muôx jông cxor qiv, ntóuv pêz têz qóus Viêx Nam tüz tâu yúv siv muôx tiz nênhx. Ntôuv zos chor nênhx kuz. Lóuv nhoz uô box, tuô tsiax tuô cxur thiaz đê txir hmaz txir ntông zus luz nênhx.

Ntóuv txox cêr hlôngr pâu, chor nênhx kuz no thiax yênhx tiz nênhx tiav yiaz. Tâu nhoz uô yênhx ziv vax tsê chôngz (luz xênhv), nhoz gâuv hâu têx krór jêz, kaz tsuôk, ntóuv têx ntus cừ đê, sir têx poz jêz hor uô chuôz yênhx (jêz kuz), muk tuô tsiax tuô cxur, đê txir nox zus chiax sia hâu luz nênhx nhoz .

Kuôk no muôx nhos 12.000-6.000 shông, chor ziv nênhx, box paz pôus nênhx no tüz phuôv tsar lox hloz yênhx tsừ tsix thiaz txóux sir nênhx tus đas jos. Tiz nênhx tüz tâu nhoz yênhx, truôx qóu, uô paz uô pôus, uô hair.

Txix ntu cêr txux chi thax zinhz¹, txox cêr khừ nox chos kôngz lông tüz yúv siv. Chuôz yênhx zos têx shôngz, têx poz tóuz,... tâu sir ntâu yax. Chuôz yênhx poz jêz (thóux fâuv chuôz yênhx jêz) six hóuv no tüz muôx hlôngr pâu, tas nros chor chuôz yênhx

1. Tênhx tus vênhx huôv Hoa Bínhx caix nhôngs C14 zol 10.875 ± 175 shông, lis yax zos 7.500 shông.

sir lok têx qơưs hor nję. Xuz thơưx tiz nēnhx pāuz hor chuôz zēnhx thiêz uô tux tais. Luz nēnhx vav mēnhx jông jux juk.

Kuôk no nhos 6.000-5.000 shông, cêr txiêr, yāuk poz jêz tuz muôx cêr txơưx nję. Cêr uô tux tais txơưx uô tik. Chuôz zēnhx tâu hlôngr jux juk, tiz nēnhx uô hāux lữv muôx ntāu. Luz six hơưv no, hāur têz qơưs Viêx Nam tiz nēnhx tuz txơưx khừr uô kôngz lông. Txox cêr uô lax uô cav cux piz muôx. Thax tsav qơư nhoz cux tâu kriz đar. Tiz nēnhx luz nēnhx cux tâu jông jux juk yēnhx iz thēnhv. Nor zos luz six hơưv uô txox cêr hlôngr jông lok têx chuôz zēnhx poz jêz hāur pēz têz qơưs.

Muôx li 4.000-3.000 thāuv uz, chor tsừr chox car hāur têz qơưs Viêx Nam tuz muôx txox cêr cēnhx jông hēnhx lok cêr uô tux tais. Nēnhx Viêx tuz txơưx sir tōngx lok tsiv uô chuôz zēnhx. Cêr chos blêx tuz tâu phūv tsar đar jux juk.

1.2. Ntu cxiv kho têz qơư thiaz tuôr têz qơưs

Ntu Phungs Nguyên¹ muk đhâu caix Đôngx Đāuv²,

1. Phungs Nguyên (Phur Thov) zos krór qơư cho lāuk tēnhx tus. Chaix nhōngs Phungs Nguyên muôx chaix nhōngs li iz đraz ntởưv thêr civ tiv II uô ntêx Công nguyên.

2. Tēnhx tus Đôngx Đāuv nhoz ntởưv sừv Minh Tân, Yên Lax, Phur Thov, nriar tâu shông 1964. Ntu Đôngx Đāuv zos ntu oz caix tōngx hlāu ntởưv Viêx Nam, yừv siv thāuv đrươz đraz thêr civ tiv II uô ntêx Công nguyên.

Gos Mun¹ txos Đông Sơn², viv cêr tir thair têx dêx nhaz thiêz thair nênhz saz đầuv, chor nênhz nhoz kâuv têz thiêz đưôz đraz têz tuz tâu côngv têk uô kê. Paz nênhz Lax Viêx zos chor nênhz uô tsênhv thâuv no. Qơư nthuôr vax phuôv Đông Sơn cux hâuv thax tsav têz qơưs Văn Lang, uô zos Phuôz Taik Hungx Vương sữr chox car. Luz têz qơưs Văn Lang yữv uô iz luz têz qơưs zos luz chaix nhôngs tiav VII-VI uô nêx Công nguyên, tuz muôx cêr phaiz thâuv nzor taz sik tsik tâu ntâus tsav tros, tiav sik kriê tâu iz ntu ntữv txox cêr phuôv tsar hâur têz qơưs Viêx Nam - kriz trôngx txix thâuv muôx têz qơưs thiêz tuôr têz qơưs ntữv tiz nênhz.

Thax tsam đar li ntữv têz qơưs Văn Lang muôx ntâu hair nênhz đros nhoz uô kê, đhâu ntữv zos chor nênhz Tây Âu (Âu Viêx) nhoz têx tox trôngz, hâur saz kâuv têz têz qơưs Văn Lang.

Nênhz Lax Viêx thiêz nênhz Tây Âu puôs nzor zênhx zos muôx cêr siz thôngx siaz, muôx lax cav, vax phuôv côngz fênhx iz zav. Thữx chox nênhz Tây Âu nhoz hâur đav ar Văn Lang zos Thuk Phanr. Cêr côngv têk Tây Âu tuz jông jux juk.

Uô nêx tsav tros ntữv Tân, cêr côngv têk Tây Âu tuz tâu côngv siêz tir thair. Tir thair zênhx tsav

1. Tênhx tus Gos Mun nhoz sữr Viêx Tiênr, huyênx Lâm Thao, Phur Thov, nriêr tâu shông 1961. Ntu Gos Mun nhoz ntu đưôz đraz thêr civ II txos trâu thêr civ I uô nêx Công nguyên.

2. Ntu vax phuôv Đông Sơn (Thanh Hoar) nhoz ntu thêr civ I uô nêx Công nguyên txos ob pêz tiêv thữx ntữv Công nguyên.

tros, Thuk Phanr zos tus thoux chox tuz tâu hlôngr Hungx Vương uô Phuôz Tais, tik bê têz qơs hu Âu Lax (ntu tiav III uô ntêx Công nguyên). Txoux têz Âu Lax nhoz tsik tâu ntêr, tsuôs zos shông 208 txos 179 uô ntêx Công nguyên, tiav sis zos muôx kria ntoux txox cêr phuôv vav luz têz qơs Văn Lang, tsênhv chênhz zos chor tuz lênhv tuz tros.

Đâu iz ntu ntêr, nênhs Viêx kuz tuz yuv yênhx iz krór qơ phuôv vav, nưs zos va phuôv Văn Lang - Âu Lax (vav mênhx ntu nhoz ntus đêx liaz) - iz kros thoux zoo trâu cxuô ntu tuz tâu vav mênhx, yuv siv uô iz txox cêr vax phuôv txour, zos iz krór cêr jông siêz trâu hair nênhs Viêx Nam nhoz truôx đrênhk, điv ntoux 1.000 shông chor nênhs kâuv têz tuôx tsux car.

1.3. Ntu nhoz tsuv tsiv txov thiaz tir thair

Shông 179 uô ntêx Công nguyên, Âu Lax trâus hair nênhs Triêuv tuôx txênhz. Txos trâu tiêv X, chor nênhs kâuv têz, tsêr nênhs Triêuv txos chor nênhs Đưôngs hlôngr tsux car pêz têz qơs.

Tâu phaiz pêz têz qơs uô huyêx, uô tsâu, chox nênhs tuôx tsux thiaz tuôx kuôz zuôv, tsiv txov pêz hair nênhs.

Txox cêr tsux car ntoux hair nênhs kâuv têz uô trâu Âu Lax phuôv tsar thiêz tiav sis muôx ntâu zav tsik tâu hlôngr jông.

Nênhs kâuv têz tuôx kriê ntour, cêr nênhs Ndo trâu pêz têz qơs, zuôv uô trôuk nênhs Suôr. Thâuv ntour muôx chai tsux, kuôz zuôv chor nênhs sôur lok tir thair.

Nhoz trau 10 tiav nênh s uô tsux car, muox ntâu zav cêr khur nox hâu s, ntâu k hlâu, zuôn qir trau kôngz lông; tsiv têx nhiêx, têx cuz,...

Lok vax phuôn hair nênh s Viêx txaik txox cêr txoux nê ntou v nênh s Suôr, Đưông xuk li ntou r luk kria,... Muox ntâu zav vax phuôn cuz tsênhv tuôr tâu tsê s. Txox cêr tsux car ntou v hair nênh l kâu v têz uô ntâu jâu s nênh s Viêx sôur lok tir thair.

Shông 40, Oz Pos Trưng sôur tir thair nhoz Mê Linh (quânv Giao Chiv) thiaz ntâu k zênhx.

Huôz Tais Suôr tuz tâu sôur, chox tuz tóit tror tuôx ntâu k pêz têz qôus đuô iz jias. Ntux sor shông 43, thoux hâu r tros Mar Viêv ntâu k Oz Pos Trưng. Thâu v côi thiêx tâu sız tâu đros sir jos tir thair.

Uô kaz sôur tros Oz Pos Trưng, muox ntâu jâu s yuv nzir trau 3 luz quânv Giao Chiv, Cuv Chân và Nhât x Nam.

Đrav kaz no zos iz chor por thoux tiav I muk txos tiav V¹:

Jux juk	Shông siz tuô	Qôus siz tuô	Ziv lax siz tuô
1	40	Mê Linh (Hax Nôi x)	Pêx xênhv 3 luz shênhv Giao Chiv, Cuv Chân, Nhât x Nam sôur trol, tuk chox zos Oz Pos Trưng zênhx tsav tros, điv cêr kuôz zuôn tâu 3 shông.

1. Saiz VIÊX NAM - Têz qôus - Tiz nênh s, Sđđ, tr.51-52.

2	100	Quânv Nhâtx Nam	Yax 3.000 tus nênhx ntâuk car tâu uô tsur chox car. thâuv cœurs turz trâus surz.
3	137	Tuongv Lâm thiaz luz quânv Nhâtx Nam	Yax 2.000 pêx xênhv sour ruôr huyênx liv, đôz thanhx. Cêr sour tsav tâu jê iu shông thiax surz.
4	144	Nhâtx Nam thiaz Cuvv Chân	Yax 1 cxinhz pêx xênhv Nhâtx Nam sour côngv têk đros Cuvv Chân trourk zinhz nduôz zinhx tsav tiav sis tsuv tsiv txov.
5	157	Cuvv Chân thiaz Nhâtx Nam	Yax 4 cxinhz pêx xênhv Cuvv Chân thiaz Nhâtx Nam tâu chox car ntourv Chu Đak sour sim tuô huyênx lênhv thiaz thiar thur. Pêz shông tov Kaz cêr tsav tros li car tau zinhx tsav.
6	178-181	Giao Chiv, Cuvv Chân, Nhâtx Nam, Hourx Phôv (Quangv Đông - Tsungz Cux)	Yênhx cxinhz tus pêx xênhv sour tsav, chox zos Lương Long. Txos shông 181, jias tsav tros trâus surz.
7	190	Giao Chiv	Pêx xênhv sour tros. Thourx tsux Chu Phus tir tsik tâuk, thâuv cœurs trâu surz.
8	190-193	Tuongv Lâm	Khu Liên chox ntâuk tsav tros sour tuô zênhx. Cêr tir ntâuk zinhz nduôz zinhx tsav. Têz qours Lâm Ấp yuv siv.
9	248	Cuvv Chân	Triêuiv Thiv Trinh chox pêx xênhv sour. Hair nênhl Ngô chox 8.000 tuz tros thiêx tuô tâu.

10	271	Cưuv Chân	Phus Nghiênm Di sour trav ntâuk Ngô taz sik trâus suz
11	468-485	Giao Châu	Lyr Tươngs Nhân tuô chor tuz lênhv Thur suv Trương Muk li, sour uô thoux chox Thur suv. Hair nênhs Tôngr uô tsik tâu li chak thâuv ntour li muôz trầu Tươngs Nhân. Tov kaz zos Lyr Thuz Hiênr. Shông 485, Thuz Hiênr trâus suz hair Tê.

Chor coz jias tsav tros lox txix tiav VI muk trầu
thoux hâu tiav X¹:

Jux juk	Shông siz tuô	Piar sai lok chor jias tros thiaz thâuv suôx câuv
1	542	Coz tros Lyr Biv ntâuk zênhx thiêz tsa luz cux têz qours Vav Xuân shông 544.
2	722	Mai Thuz Loan gruô hu pêx xênhv sour tsav ntourv Nam Đans (Nghêv An) tsa têz qours Sa Nam. Tâu pêx xênhv paz car, ntâuk ndê saz kâuv têz, ntâuk trầu Tôngr Binhx. Uô trầu Quang Sov Khaiz suz khiar. Mai Thuz Loan sourr uô phuôz tais (Mai Hăz Đêr), nhoz trầu Vanv An (Nghêv An). Tsêr nênhs Đưongs chox 10 vav tuz tros tuôx sour tsav. Chor tuz tros tâu suz trav.

1. Saiz *VIỆX NAM - Têz qours - Tiz nênhs*, Sđd, tr.52-53.

3	Shông 766	Phungs Hưng sours tsav nhoz Đưongs Lâm (Ba Vis), ntâuk tuô Tôngr Bính, tsux car têt qours. Shông 791, nênh Đưongs tror chox tuz tros tuôx tuô đuô luv jâus.
4	905	Khuz Thuras Duv tâu pêx xênhv paz, sour tros tuô Tôngr Bính, phênhz tsar nov tsur car qours.
5	938	Ngô Quyênx ntâuk zênhx trav Nam Hanr, txiar tu nro 1.000 têt qours trâus tsux car ntourv nênh Suôr saz kâuv têt, krêz tâu ntu thax zinhz côngz fênhx, uô tsur tuôr ntourv tiz nênh Viêx Nam.

1.4. Ntu phuôz taik phong kiênr tsux car muk txos Phar Cir tuôx ttxênhz car (shông 1858)

- Qir cênhz cxiv tsa têt qours thêr kyv X

Tov kaz ntâuk zênhx trav Nam Hanr (shông 938), Ngô Quyênx sour phuôz tais nhoz trâu Côi Loa (Đông Anh, Hax Nôi). Thâuv tsêr nênh Ngô xâu, cuz nxor uô 12 paz, têt qours trâus kuôs chais. Txix Hoa Lư (Ninh Bính), Đính Bôv Linhr chox tuz tros muk txênhz têt qours, thôngz zênhx tsa têt qours. Shông 968, Đính Bôv Linhr sour Phuôz Tais, tik bê têt qours hu uô Đaiv Côi Viêx, tis tror los nhoz trâu Hoa Lư. Tsêr nênh Đính, tov kaz ntour zos nênh Tiêns Lê, tâu kriz iz luz têt qours truôx khor, phaiz uô 10 njux, tsur tsix tuz tros “tuz tros tsa pêx xênhv uô” (chia chor tuz tros muk khur kôngz lông iz ntu jux juk trôuk txox chai).

- Phuôv tsar thiaz cxiv tsa cêr car ntourv phong kiênr ntu thêr kyv XI-XV

Shông 1010, phuôz taik Lyr Thair Tôv yêv Hoa Lư lok Thăng Long. Shông 1054 hlôngr têt qours bê hu uô

Đaiv Viêx. Luz bê no nhoz txos trâu thoux shông thêr kyv XIX. Zos iz luz têz qơs, hair nênh muôx bê, cênhz tîr, nhoz đros trâu txox cêr thôngx siaz siz paz thax zinhz, côngv têk.

Têz qơs Đaiv Viêx tâu tsa tẩuv thiêz phuôv tsar tiax tuk, thiêx kriz têz kriz qơs đar thiêz nêr jux juk muk zar kaz têz.

Txix li thêr kyv XI muk trâu thêr kyv XV, đhâu li chor tsêr nênh Lyr, Trâns, Hô, Lê,... nhoz hâu nov thênhv siêz Đaiv Viêx hax zav tâu cxiv tsak truôx khor. Saz cêr cẩuv jux juk thiêx tsux yênhx iz cêr choz kriê jông. Chai phax lix tâu yuv tẩuv. Chaix nhôngs nênh Lyr muôx fâu ntẩu Tsux car. Ntu nênh Lê muôx fâu Cux chuôz cêr chai têz qơs (Tus chai Hôngx Đư). Tuz tros li tâu cxiv kho, phuôv tsar jông truôx khor.

Chor tsêr nênh sẩu car hâu Viêx Nam tiav thêr kyv X txos thêr kyv XV puôr lênhx muôx cêr gruô hu, côngv têk ntẩu chor hair nênh tsẩu, tsênhv chênhz zos chor tsêr nênh muôx phux qiv hâu chor hair nênh tsẩu ntẩu đriv têz. Nhoz zar kâuv têz, têz qơs Viêx Nam por phuv li niêv têz qơs, “saz hâu tsa phuôz taik, saz đrâu tsa thoux”, sir tsur ziv txoux nê lok tsux car têz qơs. Taz sik cux bax cxix cxuô, tẩu krẩu tok tîr thair têz qơs zos lẩu tuôx txênhz.

Nhoz trâu chor têz qơs saz đông thiaz zar kaz têz jông li Lok Tsuôk, Chămpa, Chân Lak..., têz qơs Đaiv Viêx zênhx côngv fôngx zư jông, tiav sik têz thâu cux khiả tsik đhâu txox cêr tsav tros txov nhêv.

- *Chor jias tsav tsav tros lox tir ntâuk txênhz têz qơư tiav X txos trâu tiav XV*

Shông 980, six hơư tsêr nênhš Đĩnh tsik truôx krơr, nênhš Tôngr tuôx ntâuk pêz têz qơư. Căuv njux thơux chơx Lê Hoans tâu tsa uô phuôz tais. Zơư sữr chơx pêx xênhv Đăiv Viêx ntâuk ttsêr nênhš Tôngr li trơr kaz.

Iz ntu ntơưv shông 70 thêr kyv XI, têz qơư Đăiv Viêx tsênhv phuôv tsar nênhš Tôngr trơr chơx pênhz tuôx txênhz. Six hơư no, nênhš Tôngr trơr tuôx txênhz pêz têz qơư iz jias nzir. Thơux chơx zơs Lyr Thươngs Kiêx chơx tuz tros muk tir thair. Shông 1075, tso tros muk tuô saz kăuv têz Hoa Nam, ntâuk zênhx trav Tôngr tas mav chơx tuz lênhv trơr lok. Shông 1077, 30 vav tuz tros Tôngr trơr kaz tuôx ntâuk trăus pêx xênhv thiêz tuz tros Đăiv Viêx uô tsữr tuôr xữk li Nhữ Nguyêx (Băz Ninh).

Thơux ntơưv thêr kyv XIII, xênhv nênhš Lyr so, nênhš Trăns lok hlôngr chơx thơux. Ntơưv 30 shông hăur tsêr nênhš Trăns, pêx xênhv Đăiv Viêx sữr pêz jăus ntâuk tir thair nênhš Mông - Nguyên (1258, 1285, 1287-1288). Đrôngs Thăng Long pêz jăus trăus hlơưv tữr. Thơux chơx Trăns Hưng Đăov thiaz chơr phuôz taik nênhš Trăns đrơs chơx thơux tuz tros, tuz tros chơx pêx xênhv Đăix Viêx uô tâu ntâuk cồgng mênhx lox. Tsênhv chênhz zơs tsav tros Bachx Đăngs shông 1288.

Xăuk trău thêr kyv XIV, nênhš Trăns tas ntu chơx car. Shông 1400, nênhš Hôš sữr tsa têz qơư. Têz qơư tsik tâu truôx, tuzếnav tros Minh tữr trơr

tuôx ntâuk pêz têz qơs. Shông 1407, nênhs Hôz tìr thair sữz tuz tsav xênhv nênhs Minh. Tìr tsik tâuk trâus sữz, shông 1418, Lê Lơiv sữr chox pêx xênhv tìr ntâuk zinhz nduôz. Tuz tros ntâuk zênhx tsav iz jâus thax tsav txix Thanh Hoar txos zar kaz têz, tov kaz ntơu lok trâu saz kâuv têz, uô tuz tros Minh cux ntâuk ntâuk tsik tâu.

Kaz shông 1427, 10 vav tus tuz tros tuôx paz pêz tữz ntâuk tỗs tas trâu ntữv Chi Lăng - Xương Giang. Têz qơs trơr thax zinhz.

- *Viêx Nam thêr kyv XVI txos shông 1858*

Thoux shông thêr kyv XVI, triêus Lê tsik truôx khor. Tsêr nênhs Mạc yữv siv cho car.

Iz ntu uô ntêx sữr chox, nênhs Mắk trâu siêz bax tsữx car têz qơs li nênhs Lê tữz piz cxiv tsa tuz tros muôx jos jux juk. Tiav sis tsêr nênhs Mắk cux tuôr tsik tâu truôx. Saz hâur tsik thôngx ziv, saz đrâuv nriêr tsữr ziv uô puôs tsuôx, nênhs Mắk tsik pov kaz uô chak chaik trỏuk nênhs Minh. Iz chor nênhs chox tsêr nênhs Lê, hâur pâus zos Nguyênr Kim tsa qix tuô Mắk nhoz ntữv Thanh Hoar. Siz tữv tsav siz tuô kaz têz kâuv têz yữv siv thâuv kaz thêr kyv XVI. Tsêr nênhs Mắk sữz, têz qơs tiax tuk. Tsik ntêr ntữv tsêr nênhs Trinhv thiaz nênhs Nguyênr tsik siz hâuv. Shông 1627, siz tuô ntữv oz tsêr nênhs Trinhv - Nguyênr piz tỗs, txos trâu shông 1672. Tsik muôx lênhx tữr zênhx sữz, thiêx muôz tuk đêx Gianh (Linh Giang) nhoz Quangv Bínhx uô qơs siz phaiz. Têz qơs siz txiar oz saz pêv tox thiaz đrav kaz.

Tâu iz đraz tiav, saz đầuv saz đrav lok cxiv kho jux juk, trầu siêz khư nox, tsiv tuz tros, kriz têz kriz qơs. Iz chor qơs lax cav lox piz yưv siv xưk li: Ker Ciaz khư, Phôr Hiên, Hôiv An, Thanh Hax,... Lax cav... têz gox lax cav los ntầu jux juk, nhoz puôs saz ntux đầuv los cux tuôx txos pêz têz qơs.

Thầuv xâuk ntầuv thêr kyv XVIII, hầuv têz qơs saz pêv saz đrav tuz muôx jos tuôx. Têz pêv xênhv trơr sữr lok tir thair, muôx cêr tsav tros lox Tây Sơn (Binh Đĩnh) zos lờv 3 tus cứ tix Nguyên Nhạc, Nguyên Lữ, Nguyên Huệv sữr chox.

Tsav tros yưv shông 1771 lox zov chnhv. Nhoz ntầuv 15 shông tuz tầu ntầu zênhx 3 tsêr nênhv Nguyên, Trnhv thiêz Lê, chox têz qơs trơr los siz txuôk uô cê.

Nhoz luz six hữv no, chor tuz tros Tây Sơn sữr chox car hầuv lữv thiêz chox 5 vav tus tuz tros ntầu ntầu tsav Xiêm ntầuv Rachx Gâm - Xoais Muz (shông 1785). Shông 1789, tuz tros Tây Sơn ntầu tởs 29 vav tus tuz tros Thanh, chox têz qơs trơr tiax tuk. Tây Sơn tầu tsux car trầu ntầuv phuôz taik Quang Trung tuz tầu phuôv tsar ntầu zav. Txix shông 1792, thầuv phuôz tais Quang Trung đầuv lờv têz qơs trơr cuz nxor. Thầuv no Nguyên Anhr thiax ntầu Tây Sơn tởs, tsa luz têz qơs yêz trầu tsêr nênhv Nguyên (txix shông 1802).

Ntầuv iz đraz thêr kyv XIX, tsêr nênhv Nguyên trầu siêz cxiv kho têz qơs phuôv tsar jông los cêr lax luôv, vênhx phuôv. Txầuv phuôv tsar jông trầu

zav puô tiav si luz six hơv no tsik zos chaix nhôngs
jông viv li no Viêx Nam tsik muk txos tư.

Shông 1858, zinhz nduôz Phaz Ciz piz tuô pêz
Viêx Nam ntơv suz poz Sơn Tras - Đas Năng. Pêz
cênhz cứv yữv siv uô iz ntu yiêz.

2. Cêr tir thair Phar Cìr thiaz ntâu zinhz nduôz por phưv têz qơs tiax tuk ntu (1858-1945)

2.1. Ntu 1858 muk txos trầu shông 1930

Thâuv Phar Cìr piz tuôx txênhz pêz têz qơs Viêx
Nam, phuôz tais tsêr nênhs Nguyênr tâu sữr los tir
thair, tiav sis Phar Ciz muôx chôngz pênhz lênhv uô
phuôz taik tsêr nênhs Nguyênr tir thair tsik tâu,
thiêx trầus los krêz jux juk (shông 1862, 1874) los cêr
tu av, đhâu ntơ trầul côngz zênhv Phar Cìr tuôx
tsux car pêz têz qơs Viêx Nam (đhâu chox uô oz tus
chai shông 1883, 1884).

Luz 7 hli shông 1885, phuôz tais Hams Nghi thiaz
Tôn Thâtz Thuyêtz tâu sữr lok tir thair Phar Cìr,
tuôr têz tuôr qơ uô thotx chox. Chor jias siz txênhz
uô tsav ziv hnuz ziv uô zov chnhv tuôx, tsênhv
chênhz zos jias tir ntâu Ba Đinh (1886-1887), Bair
Sâyv (1885-1892), Hungx Linhr (1887-1892), Hương
Khê (1885-1896) thiaz jias ntâu Yên Thêr (1884-
1913). Chor jias ntâu tsav tros no puôr trầus Phar
Cìr tâu muôz kuôz zũv sữr tsav.

Zuôr uô cov têz qơs tiax tuk trầu chor shông ntơv
thêr kyv XIX, Phar Cìr tưz jux juk cxiv kho pênhz
lênhv truôx tuk hâu pêz Viêx Nam. Piz tsa paz chox
pêz luz cux hâu Đổng Dương (shông 1887), tsa tsữr

tsux car tas nro, phaiz pêz têz uô 3 ntu tsux car, iz krór tsux car siz txôur iz zav.

Txix shông 1897, piz tuôx kuôz zuôv jâus tiv iz uô sôur tsav tros muôx liv trâu zinhz nduôz thiêz nzaz tsa cov phux qiv nhoz saz têz qôus zinhz nduôz truôx khor. Tsux car uô têz qôus txôur txar lóuv ntâu. Chor tuz uô hâux lưv tâu yưv siv tsiv txov hâu Viêx Nam. Chor nênhx lax luôv thiêz bluô nux piz chox car txôur jux juk tuôx.

Đros trâu txox cêr khiz siêz têz qôus ntôuv ntâu luz têz qôus saz phươg Đông xưk li Jiv Pênh, Tsungz Cux, nhoz pêz têz qôus Viêx Nam thêr kyv XX tữt yưv siv chor chor nênhx txôux xar moz siaz viv têz qôus, xưs li chor jias tır ntâu sôur tsav Đông Du, Đông kinh nghiãr thuk, Duy Tân, tır thair cêr sâu sê ntôuv đraz six hươv ntu no.

Chor txuz tsav tros no nhias muôx nhias njiêz niv zôngx taz si puôl lênhx viv têz qôus Viêx Nam, chiv cxênhx, muôx luz tsux car jông, vênhx huôv, lax luôv, pêx xênhv muôx luz nênhx jông. Chor txuz tsav tros no trâu Phar Cır tsiv txov hênh. Muôx ntâu nênhx sôur tır zinhz nduôz li Phan Bôiv Châu, Phan Châu Trinh,... cux puôl tâu ntêk cớk, kuôz zuôv.

Têx shông nhoz trâu hâu ntu Tsav tros thôngz kaz ntux jias tiv iz (1914-1918), chor coz trol siz sôur box ntul, cux xưs li coz trol uô muôx bê hu uô Viêx Nam piz sôur. Đhâu ntôus zos chor pêx xênhv tiz nênhx tsôus sôur tır ntâu, chor jias tsav tros uô zos pênhv ntâu pêx xênhv hair nênhx tsôus sôur tsav tır ntâu Phar Cır, li lok cxuô jias puôl lênhx kuôz zuôv, tsiv txov.

Têz qơus Viêx Nam nhoz trầu ntu no tuz trầus kuôz zuôv tsiv txov tsik muôx qơu chuôz jos.

Tov kaz tsav tros thônggz kaz ntux jias tiv iz, zinhz nduôz Phar Cìr piz trơr kriz đuô jias oz tuôx trầu têz qơus Viêx Nam thiaz Đông Dương. Jias no hax zav kriz lox tsiv txov zov chìnhr, kriz đar tsiv nênhs đuô ntâu thoux jâus. Uô trầu têz qơus Viêx Nam hlôngr pâuư ntâu tsiv tiz nênhs pêx xênhv xav trầu jias tiv iz. Txox cêr lax luôv kuz piz muôz tso chiêk. Cêr uô nox hâuư phaiz chaik, hlôngr sôưv phêv txôưr đêz hênhr trầu txox cêr kuôz zuôv, miv cux.

Ntâu paz pơus piz sôưr uô tsav. Nhoz trầu chor ntir ntâuư no thiêx yưv siv chor nênhs txôưs moz siaz tsa tôưư Đangv Lâk hiênư, Hôiv Phuk Viêx, Đangv Thanh niên, nhoz trầu hâuư Đangv Lâk hiênư zo paz pơus tsa muôx jông tus chai tsưư ziv phênhz jông.

Chor jias tsav tros nhoz trầu hâuư Viêx Nam thâuư jias tsav tros thônggz kaz ntux jias tiv iz tuz puôv tsar yiaz, tsênhv chênhz zos tsưư ziv ntôưư xar ntôưư Maz - Lênin, tuz tâu yax mông jông chox trầu lok tir thair zinhz nduôz hâuư pêz têz qơus. Viv li no txox cêr xar thiêz jias tsav tros thiêx lox jux juk. Nhoz shông 1925-1927, tâu tsa Hôiv Viêx Nam Cachz mangv Thanh niên, Tân Viêx Cachz mangv Đangv thiaz Viêx Nam Quôz dân Đangv thiêx tâu yưv siv.

Txos shông 1929, nhoz luz six hơưv no thiêx yưv siv tôưư pêz paz: Đông Dương Côngv sav Đangv, An Nam Côngv sav Đangv thiaz Đông Dương Côngv sav Liên đoans piz yưv siv uô ntu juk (6 hli, 8 hli thiaz 9/1929).

Cêr yưv siv chor paz pơus sôưr tir zinhz nduôz muôx ntâu jias sôưr tir ntâuư, tiav sis nhoz ntôưư

chor paz pơs sừ cux uô puôk tsuôx ntâu. Kror tsênhv chênhz yax zos zuôr uô cov pêz paz pơs côngv têk lok uô iz cê, chox thôngx siaz côngv jos, nhoz trâu ntu tiv iz, chox tâu cê côngv thôngx chox car paz sừ tsav muôx jông ntâu tsừ ziv yiêz siz tư nhoz Viêx Nam, sừ tâu los tir thair zênhz cux puôr trâu nduôz txox cê tsiv txov.

2.2. Ntu 1930-1945

- *Đangv Côngv sav Viêx Nam yưv siv*

Thoux 1 hli shông 1930, tâu txox chai ntừv tsôngv chor nênhv Côngv sav, Nguyênr Air Quôz tâu sừ chox chai njuôk từv cừv côngv têk chor nênhv côngv sav Viêx Nam nhoz trâu ntừv Cừv Long (Hôngx Công, Tsungz Cux). “Cê siz saz lax zos hnuz xiêz 6 1 hli shông 1930 tsuôk muôx chor nênhv tsênhv chênhz ntừv Đông Dương Côngv sav Đangv thiaz An Nam Côngv sav Đangv tuôx côngv... Tsênhv chênhz tâu nthuôr cừv trâu luz 2 hli shông 1930 tâu ngruk nêr ntâu six hừv”¹.

Cê saz lax no thôngx ziv muôz Đông Dương Côngv sav Đangv thiaz An Nam Côngv sav Đangv uô Đangv Côngv sav Viêx Nam², đhâu ntừ thôngx zix *Chanhr cương vãnr tấtr, Sachz lưỡc vãnr tấtr, cê*

1. Đangv Côngv sav Viêx Nam: *Ntừr Văn kiênv huv si*, Qư yưv từv fông ntừr ntừv tsênh qư Chínhr triv têz qưs, Hax Nôix, 1999, t.4, tr.409.

2. Hnuz 03/02/1930 tâu xair uô hnuz Đangv Côngv sav Viêx Nam.

Thông siaz tomr tătr thiaz Điêu s lêx vãnr tătr hâu Đàngv. Tov kaz cêr saz lax, hnuz 24/02/1930, trưôk li txox cêr xar ntưôv Đông Dương Côngv sav Liên đoans, paz chox nhoz hâu Trung ương Đàngv Côngv sav Viêx Nam tươ tâu thôngx ziv lênhk txaik nhoz trầu luz bê Đàngv.

Đàngv Côngv sav Viêx Nam yưv siv zos cêr siz côngv ntưôv cêr xar Maz - Lênin, moz siaz ntưôv chor tuz hâux lưv thiaz txox cêr moz siaz têu qưôv Viêx Nam. Cêr yưv siv Đàngv zos iz krôr jông trầu ntưôv pêu têu qưôv tâu ntâu châuv thông thiêu zos iz krôr tsênhv chênhz yax plouv trầu pêu têu qưôv sươ ntâu têu qưôv lươ zinhz nduôz tươv, viv têu qưôv tiax tuk, côngv fênhx .

- Côngv têu ntưôv tuz tros - pêu xênhv sươ tsav 1930-1931

Cias thâuv yưv siv, Đàngv Côngv sav Viêx Nam¹ tươ sươ tsav trav tros trầu thông 1930-1931, zươ hais txos zos jias Xôviêtz Nghêv Tinhv.

Nhoz cêr chox car ntưôv Đàngv, cêr tsav tros chor nênhv sươ tsav chox jông pêu xênhv ziv hnuz ziv tâu muôx jos, sươ ciêl los tuô Phaz Ciz thiêu tsêr nênhv tsuô chox kuz, zươ cov tươ jênhx têu qưôv thiêu zươ liêu têu trầu têu pêu xênhv tâu laix. Nhoz trầu yar trol no, iz luz khâu khâu têu qưôv tâu yưv siv nưv zol Xôviêtz.

1. 10 hli thông 1930, ntưôv cêr xair tsa Trung ương Đàngv Côngv sav Viêx Nam nhoz trầu Hôngx Công (Tsungz Cux), Đàngv tâu hlôngv bê hu uô Đàngv Côngv sav Đông Dương.

Pênhr tsênhz chox côngv tềk luz six hơuv tsik ntêr, tiav sis chor jias sớu tìr ntâu 1930-1931 thiaz Xôviết Nghêv Tìnhr tữ muố luz đườ bê nto côngz lox. Ntờ tữ chiv mênhx pênhr xữ kria tâu trầu cê kriz pêz tềz qớu. Đangv Côngv sav Viêx Nam kria tâu luz pênhr xữ tsênhz tsênhz. Txos cê côngv tềs ntờv chor tuz tros thiêz pêx xênhv tữ ziv muố jos juj juk.

Cê côngv tềk ntờv tuz lênhv - pêx xênhv 1930-1931, yax no zos Xôviết Nghêv Tìnhr zol kaux truôv thớu jầu ntờv Đangv thiaz tềx pêx xênhv, bax trầu cê sớu trol thầu 8 hli shông 1945.

- Sớu tsa tuz tros tìr thại ntu zinhz nduố phar cìr kuố zườ shông 1932-1935

Nhoz trầu chor shông 1932-1934, pênhr tsênhz trầus Phar Cìr tsiv txov zov chìnhr, tiav sis chor nênhv côngv sav puô uô siaz tởu krờu tìr thair tsứ tềz tuô qớ, tsa jux juk tuz tros thiz chox cê thôngx siaz ntờv pêx xênhv. Txos hầu shông 1935, tuz tros Viêx Nam trờ tâu tsa truôx. Txix hnuz 27 muk txos hnuz 31/3/1935 ntờv Ma Cao (Aor Môn, Tsungz Cux) tâu nthuô Đạiv hỏiv jias tiv I Đangv Côngv sav Đông Dương. Đạiv hỏi tữ ntuô ntâu tsừ ziv thiaz yữ ntâu tus chại tsênhv chênhz, xair bầu ban chậtz hanhx Trung ườ muố 13 lênhx tâu xair zớu Lê Hôngx Phong uô Tồngv Bìr thừ.

- Côngv tềk tsa cê côngv fênhx 1936-1939

Hầu chor shông 1936-1939, tuô truôx cê côngv tềk ntờv Côngv sav thiaz txox cê phuôv tsar hầu pêz tềz qớu, Đangv Côngv sav Đông Dương tâu yữ ntâu tsừ ziv yiaz: tsi tâu nthuô tởv chox

uô trôuk “Ntâuk trôuk zinhz nduôz Phar Cir” thiaz “sâu ar ntôuv chov nênhs uô têk tởu trầu zinhz nduôz lok phaiz trầu pêx xênhv pluôs”, chox chênhr cêr tuôr car luz bê “Côngz fênhx, pêx xênhv car, khừ nox nar, tiax tuk”; tsa tâu paz pưôs Mắtv trầnv tởr ntâuk zinhz nduôz Đông Dương, tsa thiaz yừv ntâu tsừ ziv tởr ntâu zinhz nduôz, nthuôr tởuv ntâu jias kria trầu pêx xênhv thôngz pâu z tsênhz, zov chinhr mak tởr ntâuk trôuk zinhz nduôz.

Côngv têk tsux tuôr côngz fênhx 1936-1939 đuô iz jâus nthuôr kria luz pênhr xừv chox tâu, muôx txâu pênhr xừv, chox car tsa tâu jông tuz lénhv tuz tros, tuôr cêr chox car côngz fênhx, px cxuô zav nênhs saz Đangv Côngv sav Đông Dương.

- *Gruô hu côngv têk tởr thair trôuk zinhz nduôz shông 1939-1945*

Lub 9/1939, Tsav tros thôngz kaz ntux piz yừv siv. Chor nênhs nzênhr siaz tâu piz sừr tởr. Yừv tsừ ziv tuôr thiaz kuôz ziuôv Côngv sav, tuôr tsừ ziv ntâu tus chai kuôz zuôv pêx xênhv tâu txênhz lok, pêx xênhv côngz fênhx Viêx Nam txênhz tâu uô tsừ tuôr shông 1936-1939. Đangv Côngv sav Đông Dương tâu tuôr tsừ ziv chox tuôr hâu x tsik fuô tởuv.

Kaz hli 9/1939, Đangv pâu z tâu: “Cêr cuz exor Đông Dương tâu piz chox cêr trầu pêx xênhv”¹.

Luz 9/1940, zinhz nduôz Ziv Pênhr tuôx nhoz Đông Dương. Phar Cir - Ziv Pênhr siz piz chuôz kuôz zuôv uô tsav tros Viêx Nam. Têz qởts muôx cêr

1. Đangv Côngv sav Viêx Nam: *Ntởuv Văn kiênx huv si, Sđd*, t.6, tr.756.

tsiv txov “iz krór tsiv txov uô 2 txox chai”. Uô trầu cêr cxor ntóuv pêx xênhv Viêx Nam trầus Phar Cir thiaz Ziv Pênhv ziv tsiv txov zov chinhr. Têx jias tsav tros tâu tuz lênhv chuôz têk tir ntâuk yưv siv, tsênhz chênhz nhoz li sừr tsav Baz Sôn (hli 9/1940), sừr tsav Nam Kys (hli 11/1940) thiaz yưv siv tsav nhoz trầu Đô Lương (hli 01/1941).

Trór txos, Cừv jias tiv trầu, tiv sha, cừv jias tiv ziv ntóuv Ban Châz hanhx Tsungz ương Đangv¹ tuz chox tiar ndê muk trầu ntu cêr tir thair ntâuk tróuk zinhz nduôz ntóuv têz qờs Viêx Nam haur ntu yiaz.

Haur jias cừv Trung ương jias tiv ziv, Đangv têz qờ tuz xav tsênhz tsav tros Đông Dương zos tsav tros ntóuv pêx xênhv; zinhz nduôz zov chinhr zos Phar Cir thiaz Ziv Pênhv. Cêr tsav tros ntóuv pêx xênhv zos tsav tros tâu sừr đóuk moz siaz côngv têk tsik zos luz luôl hâux lưv ntóuv chor nênhz chox car thiaz pêx xênhv. Tuôr xav tâu luz six hứv tsênhv chênhz cêr tsav tros, Đangv tuz yưv txox chai chox luz đúôz bê “tróuk chor nênhz uô têk tở trầu zinhz nduôz, txênhz đêx ar trầu px uô nox”, hlongr trầu luz bê “sâu liax têz

1. Cừv Trung ương jias tiv trầu tâu cừv txix hnuz xiaz 06/11/1939 nhoz trầu Bax Điemv (Hoz Môn, Gia Định) tâu chox cừv zos zờs Tôngv Bử thư Nguyênr Văn Cừ.

Cừv Trung ương jias tiv sha tâu cừv nhoz txix hnuz xiaz 06 txos hnuz xiaz 09/11/1940 nhoz langs Đinhz Bangv (Tứ Sơn, Bắc Ninh).

Cừv Trung ương jias tiv ziv txix hnuz xiaz 10 txos 19/5/1941 ntóuv Paz Bỏ (Cao Bảngx) tâu zờs Nguyênr Air Quôz chox cừv.

ntơv chor zinhz nduôz chox cêr tsiv txov phaiz trầu px txov nhêv”; phaiz đuô ar ntơv têz qơs, jav tênhr hơv, jav bâu tơk. Tus chai mak tsa Măk trầu chox car thôngz ziv tsa tuổ têz qơs trầu yênhz luz cux nhoz li Viêx Nam, Lok Tsuôk, Campuchia.

Cias uô kaz cữv thôngx, thôngz Đangv, thôngz pêx xênhv chuôz têk piz sữr tsav thôngz têz qơs txos trầu tuôr tsữr ziv zinhx tsav vur trang, zinhx tsav tuôr tâu truôx nov tsữr.

Tâu cêr chox car ntơv Đangv, tuz lênhv tuz tros ntơv Viêx Nam (xav hur si tuz lênhv tuz tros, nov hâu sữr chox tuôr tsa têz qơs) tuz tsav tâu ziv hnuz ziv muôx jos. Măk trầu Viêx Minh (tâu tsa yữv hnuz 19/5/1941) tâu saiz li iz tsêr nênhz ntơv tuz lênhv tuz tros thiaz chor nov tsữr tuôr tsa trầu chor nênhz moz siaz tìr thair zinhz nduôz ntơv Viêx Nam, zos krór qơr côngv têk thôngx siaz côngv jos ntơv Đangv thiaz px cxuô zav tiz nênhz. Tâu phaiz tsa uô qơr truôx thiaz phuôv tsar, Đangv tuz ziv hnuz ziv jông txix ntơr trorr tsa tuz tros thiaz gruô hu pêx xênhv. Hnuz 22/12/1944, Paz pơs chor nênhz nthuô tsữr ziv ntuôk kria pêx xênhv sữr trưk zinhz nduôz mênhx pêv. Chor qơr zinhz nduôz nhoz truôx tsiv txov px, tuz lênhv tuz tros thiaz nov tsữr pêx xênhv ziv hnuz ziv truôx khor muôx jos sai.

Txix shông 1944 txos hâu shông 1945, zinhz nduôz phar cir sữr ntâu jias jux sâuv cêr tsav tros. Luz hli 8/1944, Paris tâu tiax tuk, chnhr phuv chox car ntơv thữx Đơs Gôn (C. de Gaulle) sữr chox tuôr vax phuôv. Nhoz trầu Đông Dương, zinhz nduôz ziv Phar Cir uô jux juk txar tsiv txov, tuôr tsữr ziv lữr Ziv

Pênhr tótv. Pâuz tâu tsừ ziv ntótv Phar Cừ, mo xiaz 09/3/1945, Ziv Pênhr tuz sừ ntâuk Phar Cừ hâur thôngz Đông Dương. Txix ntóv oz tus zinhz nduôz tsiv txov pên xênhv nhoz Viêx Nam tâu sừ tsav.

Uô ntêx hâur chor jias siz txênhz têz quôz tsik tâu cxor jux juk hâur thôngz kaz ntux thiaz hâur thôngz têz qôv, Cừv Thuôngs vuv Trung ương Đangv krêz nhoz trầu Đinhz Bangv (Bắc Ninh) hnuz 09/3/1945, yừv tus chai côngz mênhx tsừ qôv (hnuz 12/3/1945) *“Ziv Pênhr - Phar Cừ thiaz Phar Cừ chiv chir tuô tsav ntótv tuz zos qôv chuôz jos ntótv pêz”*. Uô tróuk li tus chai ntótv Đangv, txix đraz luz hli 3/1945, côngv thôngx tsừ ziv tir ntâuk Ziv Pênhr, tuô tsừ zừ tuz tâu cxuô tus sừ tsux tuô. Đros trầu cxuô tsừ ziv tsav tros tir ntâuk Ziv Pênhr, cê côngv têk *“Ruô cxaz blêx, paz max trầu cê yaiz”* zos Đangv gruô hu yênhx iz luz qôv truôx côngv têk tsux tuô thôngz têz qôv tsik muôx iz jias tuz tâu thôngx siaz li ntóv. Sừ tsav ziv hnuz ziv tâu yênhx côngz. Cias thâuv uô kaz Ziv Pênhr tir thair Phar Cừ, Viêx Minh tuz sừ chox car pên xênhv sừ ntâuk tsav Viêx Minh tuz chox tâu cê thôngx siaz côngv têk huv chai đros thôngxx ziv paz max nhoz Hiêk Hoas (Bắc Giang), Tiên Du (Bắc Ninh), Bâs Yên Nhân (Hưng Yên). Nhoz trầu Quangv Ngair, tsêr zuôx fuôz ntótv tsêr Ba Tờ sừ tsav, tsa tâu paz sừ tsav Ba Tờ. Đraz luz hli 4/1945, Jias cừv tuz lênhv tuz tros tâu chuôz cừv ntótv Bắc Kys, tsa tâu Uyv ban tsux tuô têz qôv ntótv Bắc Kys. Hnuz 16/4/1945, Thóux car Viêx Minh tuz yừv ntâu tus chai tsa Uyv ban Dân tôk tsav tros Viêx Nam. Hnuz 15/5/1945, cxuô paz tuz lênhv Viêx Nam thừz saz lax

sơr tsav tuz lênhv. Hnuz 04/6/1945, Thax tsav cêr tsav tros Viêx Băz zos trâu luz tỉnhv: Cao Băngx, Băz Kanv, Langv Sơn, Hax Giang, Tuyên Quang, Thair Nguyên tâu tsa yênhx côngz. Sha luz qơr trưok Ziv Pênh r tâu siz hông zênhx tsav yênhx côngz.

Nhoz trâu cxuô luz đros đô thiv, cêr côngv têk siz paz nhoz li pêx xênhv, nênh s uô nuv hâu công ty, shuv xinhz, nov tsư, cxuô hâu xênhv,... tuôr sơr. Cêr yênhx côngz ntưv pêz tâu ntâu jê jux juk.

- *Cêr tsav tros luz Hli Ziv shông 1945*

Ntu tsav tros tir thair Ziv Pênh r hâu têz qơs tâu lox zov chinhr ndê muk pêz tâu nto mông thâu ntư Jix Pênh r tuz zuôr thor sư.

Hnuz 13/8/1945, Trung ương Đangv tuz tsa tâu Viêx Minh chox car tsav tros thôngz têz qơs.

Six hơv 23 tênh r tas mo, Uy v ban tsav tros tuz yưv luk gruô hu sô 1, thôngz pêx xênhv sơr tsav.

Hnuz 13/8/1945, Trôngx côngv cxênhx saz lax jias iz nhoz Tân Traos (Tuyên Quang). Trôngx saz lax bax gruô trâu hu pêx xênhv, tuz tros đros côngv têk iz siaz sơr trưk zinhz nduôz tưv cov sai đhâu. saz hâu zos ntâu k tâu thiêz tâu tsênhv phư thiêz yax 10 tus chai chox car chais trâu ntu zinhx Măk trăn v Viêx Minh. Trôngx saz lax côngv jos tâu yênhx côngz nhuôr xâu k Côngv cxênhx cux pêx xênhv tuz trư piz zos Thôngx puv Viêx Minh tuôr uô tsư (nhoz Tân Traos, Tuyên Quang) hnuz 16/8/1945. Đaiv hoi tuz thôngx ziv cxuô tus chai tâu saz lax chia tuôr xav sơr tsav yênhx côngz ntưv Đangv, Ciz tênh v tsa tưv uy v ban tsav tros yênhx côngz trâu tiz nênh s Viêx Nam zos Zơs Côngz Hux uô Tsuv tỉnhv.

Uô trôuk luk gruô hu Thsôur đôuk sôur cêr trôuk zinhz nduôz, cxuô qôur hâur thôngz têz qôur, pêx xênhv côngv thôngx sôur cêr tâu yênhx côngz zinhx tsav: Hax Nôix (hnuz 19 hli 8), Thanh Hoar, Băz Ninh, Ninh Bínhx, Thair Nguyên, Sơn Tây (hnuz 20 hli 8); Yên Bair, Băz Kanv, Tuyên Quang, Nam Đĩnhv, Nghêv An, Ninh Thuânv, Tân An (hnuz 21 hli 8); Cao Băngx, Hưng Yên, Kiêr An (hnuz 22 hli 8); Haiv Phongx, Hax Đông, Hoax Bínhx, Quangv Bínhs, Quangv Triv, Bínhs Đĩnhv, Lâm Viên, Gia Lai, Tân An, Bax Liêu (hnuz 23 hli 8).

Hnuz 23 hli 8, px sôur tsav tứz chox car tâu đrôngs Huêr.

Hnuz 24 hli 8, tsưr zinhz nduôz tứz trâu px ntâuk touts nhoz trâu chor tinhv Hax Nam, Quangv Yên, Đăz Lăz, Phur Yên, Gos Công.

Hnuz 25 hli 8, tsav tros yênhx côngz nhoz trâu đrôngs Sais Gons. Đros trâu hnuz ntôur, ntâuk tsav tros tâu zinhx tsav nhozz ntâu luz tinhv li Soz Trắng, Long Xuyên, Vinhr Long, Bax Riav, Tây Ninh, Bênr Tre, Langv Sơn, Phur Thov, Kon Tum, Bínhx Thuân...

Hnuz 28 hli 8, tsưr zinhz nduôz trâu pôngz trâu pêz pêx xênhv nhoz Đôngx Nai Thươngv thiaz Hax Tiên.

Li ntôur, tsuôk tâu nhos 15 hnuz (txix hnuz 13 txos trâu 28/8/1945), thôngx ziv sôur tsav tứz zinhx tsav tros thôngz hâur têz qôur.

Hnuz 02/9/1945, Nhoz trâu Quangv trưôngx Ba Đĩnhx, Hax Nôix, uô ntêx hâur yênhx vav cxinhz lênhx nênhx tứz tâu yưv touts ntôur cêr tsiv txov, Tsuv tinhv Zôur Côngz Hux hlôngr yêx muôx trâu

nov tsur Chinghr phuv ntu kuz ntouk ntour *Tuyên ngôn zinhx tsav*, tik bê trau têz qous Viêx Nam Dân tsuv Côngv hoax.

Zinhx tsav hli ziv shông 1945 zos luz đuôz bê tâu ntâuk zinhx muôx côngz nto bê lus trau tiz nênhx Viêx Nam: Têx cêr tsiv txov tâu uô ntour zinhz nduôz Phar Cir thiaz zinhz Ziv Pênhz tuz tâu chox uô tas lok tâu 80 luz shông tuz trauz touts tas, chor zinhz nduôz kuôz zuôv tsiv txov pêx xênhv tâu ntêr yênhx cxinhz shông tuz tsuv trôuk khiar pôngz vax phuôv. Txix iz luz têz qous tsuv tsiv txov tâu hlôngr uô luz têz qous côngz fênhx px uô tsur car. Pêx xênhv trấu tsiv txov tuz tâu nhoz thax zinhz, uô tsur trau têz qous; Đangv txix đangv trauz kuôz zuôv chai, yênhx Đangv chox cêr tuôr vax phuôv, thour jias txoux chox car trôuk li tsur ziv ntour ntour Maz - Lênin, chox car zinhx tsav tros zinhz nduôz vô sav txix luz têz qous tsik tâu tiar yênhx côngz txos trau tiax tuk.

3. Cêr tsav tros tir ntâuk zinhz nduôz por phuv têz qous thax zinhz cxiv tsa Viêx Nam tiax tuk, pêx uô tsur (txix 1945 txos nhiv no)

3.1. Cêr tsav tros tir ntssuk zinhz nduôz Phar Cir 1945-1954

- *Thour shông cxiv tsa por phuv têz qous tiax tuk (1945-1946)*

* *Cxiv tsa thiaz chox cêr thôngx siaz têz qous zos pêx xênhv uô tsur*

Cias thauv têz qous tiax tuk, Viêx Nam Dân tsuv Côngv hoax tuz muôx ntâu cêr txov nhêv,

khuôz luôx. Saz đầuv zinhz nduôz tứz muôx ntâu tsừ ziv tsiv txov luz têz qợs tsênhv yiaz, saz hâu muôx 20 vav tus pênhz lênhv zos Tươg v Zoz Thaix chox đầv bê cêr thôngx siaz siz paz, muôx cêr paz cxớz ntớv Miv Cux, uô đrông ntúk tuôx trầu saz Bắz, nhoz tuô tsừ ziv txix Bắz vir tuyênr 16 txos trầu ntus đriv têz Viêx - Tsungz. Saz Nam muôx yax 1 vav pênhz lênhv Anh, cux chox luz bê zos fôngx zứs trầu Ziv Pênhr thiaz paz max pênhz lênhv Phar Cừ trờ tuôx tsiv txov ntớv Viêx Nam. Muôx njęx muôz yênhx vav pênhz Tươg v, Anh, Phar Cừ, Ziv Pênhr,... hâu pêz têz qợs tứz tso chai trầu pênhz lênhv kuôz zuôv li Viêx quôz (Viêx Nam Quôz dân Đangv), Viêx phaiz (Viêx Nam tsav tros côngv siaz),... sớv tsiv txov pêz têz qợs li nênhv vư.

Nhoz trầu ntớ, cêr yaiz pluôz zov chnhv zos muôx ntâu tus chai chox car ntớv Phar Cừ thiaz Ziv Pênhr chox uô tsiv txov tứz uô trầu yênhx uô lênhx nênhv tâu tuôz, nhiv no zuôr trờ tuôx nzir. Cêr txov nhêv tsuv ntâu zav. Cêr nhiax txias tsik txáuuk. Yax 90% px đis muôz ntớv,...

Têx cêr txov nhêv ziv hnuz ziv cxor ntớ tứz shênhz trầu pêx xênhv cxuô zav tiz nênhv hax zav txov nhêv “yênhx cxinhz zav cêr yaiz pluôz”.

Đầu têx txov nhêv ntớ, Đangv thiaz Chnhv phuv têz qợs Viêx Nam Dân tsuv Côngv hoax zos Tsuv tinhv Zớus Côngz Hux chox thớx tứz muôx ntâu tsừ ziv cox xứz txớx chox car têz qợs Viêx Nam ndê jux juk lớv yênhx thênhv đầu cêr yaiz pluôz, txov nhêv.

Cêr đriar xair nov tsừ hnuz xiaz 06/01/1946 tâu krêz xair bâux yênhx côngz tữ xair bâux tâu Quôz hôi v fô tiv I têz qôus Viêx Nam Dân tsuv Côngv hoax. Đhâu jias xair bâux no, tữ trôr tâu yuôx saiz thiaz chox cxiz tâu jông.

Luz hli 3/1946, Chínhr phuv tữ chox car cêr tsav tros zos Zôus Côngz Hux uô Tsuv tnhv tâu tsa tởv.

Hnuz 09/11/1946, Quôz hôi v tữ thôngx ziv yữv tởv ntâu tus chai têz qôus hâu v Viêx Nam Dân tsuv Côngv hoax. Thôux jias hâu v têz qôus tâu tiar tiax tuk ntởv Viêx Nam, chor tsừ tuôr têz qôus zos, cxuô luz tsêr côngz xữv tâu tuôr yữv, muôx ntâu tus chai tâu xav yữv, tus chai tâu chox đrux: zos pêx xênhv uô tsừ, viv px xênhv thiaz pêx xênhv car.

Têx hâu x lữv tsuv chox uô ntêx hâu v ntu yiaz “tsav tros, chỏv sênhx” tâu cxỏvz chínhr. Hâu x lữv tìr thiar cêr yaiz, cêr truôvtâu cxuô qôv, cxuô thênhv nov, hâu..., trâu siaz nthuôr ntâu tsừ ziv pênhr xữv coz xữz lok paz max uô tâu muôx liv. Cêr yaiz tâu jav jux juk yênhx thênhv. Cêr gruô hu phuv tsar uô côngz lông, muôx cxỏv tsêx tâu gruô hu. Iz cxia tus chai lok sâuv liax têz, sê cêr choz kria tsừ ziv tâu nthuôr tởv yữv. Luz hli 01/1946, Têz qôus tữ gruô hu paz max ntâu v ntởv Viêx Nam. Hâu x lữv paz max sâuv cêr cxỏv ntởv px tâu côngv têk uô tâu muôx liv siaz. Yênhv Châuv tiz nênhx tâu cởv so đis muôx ntởv. Cêr nox nhoz yiaz tâu chox uô trỏk lì tus chai siz luôv vax phuv tâu cxiz chínhr, pêx xênhv uô tsừ qôv, txỏv nê, por phuv têz qôv tữ jux juk tâu tiz nênhx moz siaz đhâu yênhx ntu lỏv jux juk.

Têx zinhx liv sâuv cêr nov hâu, cêr chai, phuôv tsar uô nox hâu puô tsar zav, txux chi vax suôv tâu phuôv tsar jux juk hlongr yiaz, tsux phuv têx zinhx liv tuz uô tâu ziv truôx khor li luz tsur ziv zinhx tsav luz Hli Ziv.

** Por phuv têx zinhx liv uô tâu luz Hli Ziv shông 1945*

Đhâu têx tsur ziv nruôv hiav têz qôv ntôv zinhz nduôz, Đangv, Chinhv phuv, chox thôv zos Tsuv tinhv Zôv Côngz Hux, tuz tsux car coz xuz, ndax ndênhs, tir thair muôv liv têx tsur ziv đas nziak ntôv zinhz nduôz dhâu ntâu jax.

Hâu shông 1946, thâuv Tươgv Zoz Thaix thiaz Phar Cîr saz lax siz côngv têk, tuz tuôv tsur ziv chia pênhz công chox pênhz lênhx tuôv car saz Băz hlôngv pênhz ntôv Tươgv, Tsuv tinhv Zôv Côngz Hux tuz saz lax đros Phar Cîr côngv têk lênhk luk Hiêv đinhv traz tus chai hnuz 06/3/1946. Ttrouk li ntôv, Chinhv phuv Phar Cîr tuz côngz zinhv zos chai. Saz Tươgv Zoz Thaix cux tsik yuôv tsur ziv kruôz zuôv ntôv Viêx Nam. Thâuv ntôv tuz jav tsôv iz tus tsur kruôz zuôv zov chnhv ntâu thôv chox car tsiv txov trâu pêz têz qôv tir thair uô li tsuôk zos Phar Cîr liz zos nhov đros đraiv.

Đhâu ntu ntôv, hâuv jais saz lax ntôv Viêx Nam - Phar Cîr txix luz hli 7 txos trâu luz hli 9/1946 ntôv Phôngtennôblô (Phar Cîr) cxuô tsur ziv siz saz lax puôv tsik yênhx côngz. Cêr cxor ziv cuz cxor

Chia pâuv tsênhz cêr trâu jông ntôv pêx xênhv Viêx Nam, hâuv jias muk saiz têz qôv Phar Cîr,

Tsuv tinhv Zous Côngz Hux tuz hlôngr njęx muos trau nov tsur lênhk sâu bê muox six hơv hnuz 14/9/1946, Ciz tênhv iz cxia tus chai lok sâuv cêr trau jông cxuô luz têz qơs, cêr txux chi Phar Cìr Viêx Nam, tso tsêx cêr txur car ntơv oz saz têz qơs. Zos tâu li ntơ pêz tuz tâu nhoz nzir 3 luz hlis tsik muox tsav tros chia lov lik tuz lênhv tir ntâu ntêr six hơv.

- *Cêr tsav tros thôngz têz qơs tir trưk zinhz nduôz Phar Cìr (1946-1954)*

Chox luz siaz tsik ndax tuox kuôz zuôn pêz têz qơs, zinhz nduôz Phar Cìr tuz tuor tsur ziv txênhz Đông Dương. Yax six kuôz zuôn nhoz trau ntu đraz kaz miênx Nam, ntâu txênhz iz cxia luz tinhv, đrôngs saz Băz, uô yưv cêr cxor siaz nhoz Hax Nôix,...

Đhau pov ziv hnuz ziv cxor li ntơ, Trung ương Đangv tuz saz lax cữv gruô hu cxuô krơ qơ “Sơr đơk tsuv tiv ziv”. Chor zinhx tuz lênhv tuz tros tâu vax phuôn muk chox tuô tsav tros.

Txos trau 20 tênhr hnuz 19/12/1946, cêr tus chai cxiz tâu yưv tữv. Tuz lênhv tuz tros thiaz pêx xênhv tâu chuôz têk suôz fơv đrơ. *Luk gruô hu thôngz têz qơs sơr tsav tros ntơv* Tsuv tinhv Zous Côngz Hux tâu yax hmôngz trau cxuô qơ thôngz têz qơs.

Hnuz 22/12/1946, Ban Thươngv vuv Trung ương Đangv yưv tus chai *Thôngz pêx xênhv sơr ntâu tsav tros. Luk gruô hu thôngz têz qơs sơr tir ntâu zinhz nduôz* Tsuv tinhv Zous Côngz Hux thiaz tus chai yưv gruô hu *Thôngz pêx xênhv sơr ntâu tsav tros ntơv* Ban Thươngx vuv Trung ương Đangv tuz tâu chox car

cxơuz chihnr krêz, chox tuôr tsur ziv, siaz xar, cêr tir ntâuک tsav tros, thôngz px ntâuк zinhz nduôz, nêr shông, tsênhr tênhv cov ntâuк zinhx tsav.

Cêr tsav tros tir ntâu zinhz nduôz Phar Cîr tâu grus nêr yênhx six hâu 9 luz shông txix hnuz 19/12/1946 txos trâu luz 7/1954. Hâu luz six hơuv ntơ, pêz uô trưk li tus chai chox: cê tsav tros, cê tsux tuôr, Pêx xênhv tữz ntâu đhâu ntâu cêr phiv liv, pôngz tsav, muôx ntâu côngz mênhx zinhx tsav nto mông, lok sâuv cxuô zav tsar, cêr nox nhoz, tsax car, txux chi, côngv têk tâu jông,...

Pênhr tsênhz tữz gơu luk “chiv chir tữv đhâu”, tiav hais tsênhz, côngz xữv cxiv tsa Đangv cux tsênhv tâu chox cxiz. Shông 1950, chor nênhz tữz tâu tsar nzir txos yax 70 vậ tus nhoz trâu hâu đangv. Luz hli 02/1951, Đaiv hơiv đaiv biêuv jias tiv II ntữv Đangv tâu cữv yênhx côngz ntữv Tuyên Quang.

Uô kaz Đaiv hơiv, Đangv tữz cxiv tsa thiaz đouk bê kria fuôv tữv trâu thôngz kaz ntux pâuz txos hu uô Đangv Lao đôngv Viêx Nam. Măk trậv Viêx Minh thiaz Măk trậv Liên Viêx thiaz tâu muôz luz bê tik hu Măk trậv Liên Viêx. Côngz mênhx ntữv Đangv thiaz Chihnr phuv hâu thôngz têz qơs ziv hnuz ziv tâu cêr côngv siaz ntữv cxuô luz têz qơs hâu thôngz kaz ntux. Txix luz hli 01/1950, Tsungz Cux, Liên Xô, đhâu ntữ zos têz qơs pêx xênhv uô tsur saz Đông Âu jux juk côngz zinhv zos Chihnr phuv Viêx Nam Dân tsuv Côngv hoax.

Sâuv măk trậv tuz lênhv, tữz zinhx ntâu jias tsav nhoz Viêx Băz (txix hnuz xiaz 7 hli 10 txos

21/12/1947), sours tsav tros ntus driv têu (txix hnuz 16 hli 9 txos 18/10/1950), tuô tâu ntâu zinhz nduôz, zinhx tsav thax tsav ar hâu thôngz têu qous, kria yuv txox cêr ntus driv Viêx Nam - Tsungz Cux, kriz đar qour tsux tuôr tsav tros Viêx Băz, ntâu zinhx tsav uô tsur tuôr têu qours thax tsav (Băz Bôv).

Hli 9/1953, Bôv Chinhtr triv yuv tus chai sours chinhtr ntâu zinhz nduôz chaix ntux Tsâus yiaz, nruôr tsur ziv Nava.

Hâu luz hli 12/1953, Bôv Chinhtr triv tuz yuv tsur ziv ntour Tôngv Cux tuz lênhv Trung ương xair Điênv Biên Phuv uô krôr qour tseenhrr tênhv ntâu cov zinhx tsav.

Hâu six houv 13 tênhv tsôngr hnuz 13/3/1954, tuz lênhv ntour pêu tâu tso chai fov nrôr sours cêr ntâu krôr qour hu uô “Qour choz pênhz ntour zinhz nduôz muôx jos yax” ntour zinhz nduôz Phar Cîr, tâu zinhz nduôz Miv Cux paz max cxiv tsa hâu đrak Điênv Biên Phuv.

Đhâu 3 jias txar qour ntâu, txos trâu hnuz xiaz 07/5/1954, paz pênhz lênhv nhoz Điênv Biên Phuv tsuv tuz lênhv ntour pêu tuô tours tas; muôx 16.200 tus pênhz, hur si chor thoux cux tâu ntêk tas chiax. Hur si fox cxuô chuôz zinhx ntâu tsav, tsêr nhoz cux puôr tâu sâu lok thiaz tuô tours, 62 luz phuz yêz tâu tuô pôngz.

Zinhx tsav Điênv Biên Phuv zos têu côngz mênhx tsênhv chênhz, lox đuô ntaik hâu chaix ntux tsâus yiaz Đông Xuân 1953-1954, zos luz côngz lox ntour 9 luz shông ntâu tsav tros zinhx, paz max trâu cêr tsav tros thôngx saz lax ndâu luk zinhx tsav thax zinhz.

Hnuz 21/7/1954, Hiêk đinhv Giõnevơ tâu lênhk sâu bê, txiar tsik muôx cêr tsav tros ntơv zinhz nduôz Phar Cir, muôx cêr paz max đas jos ntơv Miv Cux, nhoz Đông Dương. Tâuvtơ zinhz nduôz tsuv thâu z pênhz lênhv trơr muk têz qơs. Saz Băz tâu tiax tuk hur tiz si thiaz grik muk trầu ntu cxiv tsa têz qơs xar hơiv tsuv nghiari.

3.2. Ntu tir ntâu zinhz nduôz Miv Cux thiaz saz lax cxiv tsa Têz qơs (1954-1975)

- Cêr nox nhoz tsav tros sotr trưok zinhz nduôz uô kaz shông 1954

Tov kaz luz 7/1954, pêz têz qơs trầu phaiz uô oz saz. Iz saz nhiêk muôx nhiêk iz tus chai siz txotr (saz Băz piz kho têz qơs xar hơiv tsuv nghiari, saz Nam trơr cxotr chinhv chox cxiz tươ bê têz qơs, bax txos zươ paz kaz têz tiax tuk.por phưv Têz qơs) tiav sis oz chas têz qơs puơ chox iz tus chai uô iz luz luôs nuv, côngv tsư ziv, ntơ zos tir ntâu zinhz nduôz Miv Cux, chor nênhv uô têk tơ trầu zinhz nduôz, ntâu tsav saz Nam, por phưv saz Băz, cov tiar hâu lưv trưk zinhz nduôz cxiv kho têz qơs côngz fênhx, thôngz qênhx têz qơs, paz cxotr trầu ndê muk yênhx têz qơs tsuv nghiari xar hơiv.

- Công têk cxiv tsa, por phưv xar hơiv tsuv nghiari saz Băz (1954-1975)

Đhau Hiêk đinhv Giõnevơ tâu lênhk sâu bê, saz Băz Viêx Nam tâu tiax tuk, cêr tir ntâu tsav tros chês kaz têz tâu xav tsênhz yênhx côngz tiax tuk, Đangv tsư yưv tsư ziv cxiv kho têz qơs xar hơiv tsuv nghiari.

Uô tróuk li tēx cēr txov nhēv đhâu chia paz max nzir xóuk, đhâu 5 jâus phaiz chaik đēx ar liax tēz (hur si iz jias ntâuk tsav tros), pēnhv tsēnhv tuz muôx ntâu zuôv cēr hâu chox tuôr luz luôs hâux lưv, tiav sis cēr côngz mēnhx ntou tuz tâu nto côngz lus, cxaz nduôz tróuk zinhv nduôz phax yóux, tiax tus cxiv tsa ntu yiaz trâu px, cxóuz pēx xēnhv ndē muk uô tsưv tēz qóus chēs tox siaz, uô tróuk cēr chox cxiz luz đuôz bē “nēnhv laix tēz muôx liax”, chor nēnhv uô hâux lưv tēz qóus - tuz lēnhv tuz tros tâu cxiv tsa truôx khor.

Txix shông 1958 txos 1960, saz Băz uô tróuk tsưv ziv 3 luz shông chox car hlôngr ndē xā hōiv tsuv nghiari tuz jux juk phuôv tsar, vax suôr tâu chox tuôr. Tēx zinhv liv tuz uô tâu zos, kaz shông 1960, phēnhv ntâu pēx xēnhv, chor nēnhv uô liax tēz, ciaz tov... tuz tâu lok nhoz paz pớus uô cē. Nhoz trâu saz giai câz tu sanv mēnhv yux, Đangv tuz yưv tus chai hlôngr chia tēz qóus tiax tuk. Ka shông 1960, muôx yax 97% chor ziv vax tsē tsēhv zos tu sanv lok nhoz hâu tēx doanh nghiệp vax tsē ntias tuk.

Kaz shông 1960, saz Băz tuz chox cxiz zuôr tiar cēr đis muôs ntou saz tēz qóus qóus đrav tâu trâu chor nēnhv hâu kaz 50 shông. Cxuô luz tsēv yuôx kho moz ziv hnuz ziv tâu cxiv tsa muôx (shông 1960 tsar yax 11 bâu xav trâu shông 1955). Cēr nox nhoz, txux chi, uô nox hâu ntou pēx xēnhv tâu tsar ndē.

Cēr zinhv ntou 3 luz shông tróuk tsưv ziv (1958-1960) thiaz chox cxiz tsa xar hōiv tsuv nghiari tuz yēnhv iz kro cēr truôx ndē jux juk chēs Băz tuz

tâu tiax tuk nto côngz mênhx lus hâu têz qơs. Zinhx tsav jias no tứz hais txos cêr saz lax cxiv kho tus Chai xar hơiv tsuv nghiari ntoux jias, tâu Quôz hơiv fuô yuv hâu Jias cớuv tiv 11 hnuz 31/12/1959 thiaz tâu yax tởuv trầu hnuz 01/01/1960.

Txix shông 1961 txos 1965, pêx xênhv saz Băz tứz trơu uô uô trớuk tus chai saz lax hâu 5 luz shông uô ntêx. Phênhz mênhx mênhx uô trớuk ntu tus chai iz tsôngv hâu ntu cxiv tsa têz qơs tsuv nghiari xar hơiv, tâu Đangv Lao đơngv Viêx Nam nthuôr tởuv ntởuv Đaiv hơiv đaiv biêuv thôngz têz qơs jias tiv III (luz hli 9/1960): *“uô trớuk yôngz côngz mênhx tởuv trầu ntu yiaz xar hơiv tsuv nghiari, cxiv kho ntu chuôz thoux bax muôx txâuk tiz nênhx chuôz zinhx tsuv nghiari xar hơiv, đros trầu tsa tiar yênhx côngz tus chai xar hơiv tsuv nghiari”*¹.

Tsừ ziv 5 luz shông jias tiv iz tứz chox uô tâu muôx côngz mênhx lus tiav sis ho muôx cêr nruôr hiav ntởuv zinhz nduôz Miv Cux tuôx kuôz zuôv saz Băz, chuôz têk txix hnuz 05/8/1964 thiaz krêz đar qơt txix hnuz 07/02/1965.

Nhoz trầu hâu ntu 10 luz shông 1965-1975, saz Băz uô trớuk thiaz cxiv kho tsuv nghiari xar hơiv hâu ntu hlôngr yiaz: đros trầu nzaz nzởuv tir ntâuk tsav tros por phuv saz Băz, ntâu trớuk zinhz nduôz saz Nam, cxiv tsa saz Băz yênhz krơr qơt muôx jos

1. Đangv Côngv sanv Viêx Nam: *Ntởuv Văn kiênx huv si, Sđd*, t.21, tr.566.

chia tir ntâuk tsav yênhx krór qơ trưôx trầu hâu thôngz têz qơus tir zinhz nduôz Miv Cux ntơv cxuô zav tiz nênhx.

Hâu oz jias tir ntâuk zinhz nduôz pênhv lênhv, haiv quân ntơv Miv Cux (jias tiv iz txix hnuz xiaz 05/8/1964 txos 01/11/1968; jias tiv oz txix luz hli 4/1972 txos trầu trầu luz hli 01/1973), tuz lênhv thiaz pêx xênhv saz Băz tuz tuô txaik tâu pôngz 4.000 lluz phưz yêz zav jông, hâu ntơ muôx hur si chor phưz yêz B52, tuô kêk, tuô hlơv yênhx puô luz gox ntơv zinhz nduôz.

Chia chox tuô tâu luz công mênhx, cias txix têx shông 1959-1960, saz Băz tuz xa trầu saz Nam chor nênhx muôx txâuk pênhv xưv moz siaz uô luz luôx nuv “tas siaz tas nưk” muk txos ntưô đros paz max tir lơv zinhz nduôz chia têz qơtx tiax tuk. Hâu têx shông tsav tros zov chnhv, tsuv nruô puôk hiav lox, qơ trưôx saz Băz puô tsư tuô trưôx đrênhk qơ pênhv tiv, uô trưk luk gruô hu “blêx tsik pôngz nduô iz cir, tuz lênhv tsik nduô iz tus”, “iz lênhv nhiak muôx nhiak iz zav nuv chia paz max thôngz qênh oz saz têz qơus li iz lênhv niav zus”. Têx cêr paz max ntơ đros trầu tuz lênhv tuz tros tuz chox tuô tâu pêx xênhv saz Băz tuz chuôz têk khưv kôngz lông thiaz trưk zinhz nduôz tâu zinhx tsav saz Nam trưk ntâu tâu Miv Cux sưv khiar chia têz qơus tiax tuk.

- *Cêr tir thair tsav trêvs ntơv pêx xênhv uô tsư têz tsư qơ nhoz saz Nam (1954-1975)*

Đhâu uô kaz Hiêk đnhv Giơnevơ shông 1954, Miv Cux hlôngr qơ trầu zinhz nduôz Phar Cìr saz

Nam. Uô tróuk tsư ziv “tsik chia iz krór qư nhoz khôngz” ntu Aixenhao (Dwight D. Eisenhower), zinhz nduôz Miv Cux tuz tsa tâu nov hâu cor nênhz nênhz siaz nhoz li Ngô Đinh Diêv, chia nênhz saz Nam Viêx Nam yênhx qư nhoz yiaz thiaz qư pênhz lênhv ntưv zinhz nduôz.

Tâu têz qưs Miv Cux paz max, nov hâu Ngô Đinh Diêv tuz uô siaz tư krư nruô Hiêk đinhv Giơnevơ, chuô nênhz vư sư tir nâu tuz lênhv thiaz pêx xênhv Viêx Nam.

Pâu tsênhz têz tsư ziv no ntưv zinhz nduôz, cias hâu shông 1954, Trung ương Đangv Lao đongv Viêx Nam tuz cxư chinhz saz lax chia tir thiar yênhx krór qư siz tuô tsav tros lư tróuk zinhz nduôz Phar Cır uô nêx chia mã li nêuk tróuk zinhz nduôz Miv Cux - Diêv tov kaz, đros saz lax tsênhz tênhv cov muôx liv tus chai sêu tsê ntưv Hiêk đinhv Giơnevơ chia tsưx tuô tiax tuk, cxiv kho cê cê truôx khor. Tróuk li ntư, cê tir thiar cxuô cê kuôz zuôv tâu Đang pêz têz qưs chox cxiz tuô tsư ziv por phưv tâu jông trâu luz hli 8/1954. Đhâu ntư, cê chox cxiz jux juk hlôngr muk nhoz li chiv chir por phưv, qư nhoz, sir zôngv đas jos tsưx tuô qư nhoz.

Đhâu têz tsư ziv txưv nê ntưv Nghiv quyêz cưv Hôiv Nghiv ntưv Trung ương jias tiv 15 krêz (hâu shông 1959), cê moz siaz sư nêuk zinhz nduôz cxuô qư tuz đrông ntư (txix luz hli 02/1959) tuz krêz đar hâu hur sĩ saz Nam, yênhx cê tuz tsưx tuô têz qưs sư yênhx tsav tros ntưv pêx xênh tênhv Bênr Tre (luz hli 01/1960). Luz côngz

mênhx ntơu tuz tâu yax mông ndê muk trau thênhv
siaz ntơu chir nênhz moz saiz tsur tuôr têz qơu
saz Nam, ndê muk đhâu yênhx thênhv tir ntâu
thiaz trauk tởu zinhz nduôz; đros trau ntơu Miv
Cux tuz yưv ntâu tus chai kuôz zuôv zov chnhv, uô
trau têk tởu ntơu zinhz nduôz zos Ngô Đinh Diêv
nhoz tsik truôx.

Txix chox cxiz sữr tir ntâu, Măk trăn pêx
xênhv tir thair tsav tros saiz Nam Viêx Nam tuz yưv
siv (hnuz 20/12/1960).

Hâu chor shông 1961-1964, tuz lênhv thiaz px
ntơu pêz tror tir ntâu zinhx tsav “siz tởu tsav zov
chnhv” ntơu zinhz nduôz Miv Cux, nruô hiav tsur
ziv Xtalây - Taylo (binhs đnhv saiz Nam hâu 18 luz
hlis) thiaz tsur ziv Giônxon - Maz Namara (binhs
đnhv saiz Nam muôx qơu truôx hâu 2 luz shông).

Txix luz hli 3/1965, Miv Cux đrông ntưk tuôx
txênhz saiz Nam, chox yôngx pênhz lênhv muố jos
tsur tuôr ntâu qơu “tsav tros thôngz hur si”, tir ntâu
thiaz kuôz zuôv tuz thiaz pêx xênhv ntơu pêz.

Đhâu jias tsav tros Vav Tương (Quangv Ngair)
luz hli 8/1965, krêz yiaz trau tsur ziv “Nriar Miv
Cux ntâu, nriar zinhz nduôz tuô”, tuz lênhv thiaz
px saiz Nam tror ntâu zinhx tsav xuô jias (hair 2
luz chaix ntux kruô 1965-1966 thiaz 1966-1967),
ntâu zinhzz yênhx cxinhz tus pênhz lênhv zinhz
nduôz, sâu tâu ntâu chuôz tav, triav fov tsav tros.

Nhoz trau ntu ndê muk zinhx tsav, tsiaz pêz
châu shông Mâu Thân (shông 1968), pêz tuz tuôr
tsur ziv krêz yar tok lữr tởu zinhz nduôz, yênhx

têz qơus tiax tuk saz Nam, krêz yiaz cêr tsav tros zinhx Miv Cux, uô trau nov tsur Miv Cux nhoz tsik yênhx, tsênhv cov zinhz nduôz lênhk luk “sưz tsav yênhx côngz” cêr tsav tros, lênhk sưz tsav pêz lox “tsav tros thôngz hur si”. Haur hli 11/1968, zinhz nduôz Miv Cux tưz sữr đơuk luk tso tsês tsav tros tsik muôx chai kuôz zuôn saz Băz, lênhk luk đros saz lax ntửv jias cữv Hôiv nghiv Pari.

Haur thông 1969, Miv Cux nthuôr ntâu tsur ziv “Viêx Nam zinhx tsav tros”, đros trau ntử zinhz nduôz tưz krêz qữ ntâu txênhz têz qơus Lok Tsuôk thiaz Campuchia, txix ntử tưz sâu hur si tuz lênhv zinhx muôx muk côngv têk tir ntâu, trưk têx tsur ziv kuôz zuôn txênhz 3 luz ntửs buôk nhoz uô cê.

Đhau têx tsur ziv yiaz ntử, hnuz 06/6/1969, Chinhv phuv Kuz car bôv lâm thoi x saz Nam Viêx Nam tưz yữv siv. Luz hli 4/1970, cữv Hôiv nghiv 3 luz têz qơus Viêx Nam - Lok Tuôk - Campuchia tâu nthuôr cữv .

Txix luz hli 4 txos 6/1970, tuz lênhv Viêx Nam - Campuchia tưz ntâu zinhx 10 cxinhz pênhz lênhv Miv Cux - zinhz nduôz saz đrav Sais Gons, tữv zinhx tsav 5 luz tinhv tox siaz Đông Băz Campuchia thiaz pênhv ntâu tưz muôx 10 luz tinhv tox siaz, yênhx thax tsav tsav tros dar lox muôx yax 4,5 châuv pêx xênhv.

Đros luz six hữv ntử, tuz lênhv Viêx Nam tưz lênhk paz max têz qơus Lok Tsuôk tir ntâu zinhx tsav thax tsav đrax liax Chum, Xiêng Khoangv,... Hli 02 thiaz hli 3/1971, tuz lênhv thiz px Viêx Nam (tưz paz max tuz lênhv thiaz pêx xênhv Lok Tsuôk) tưz ntâu

zinhx tsav lox, cxơz chnhtr trưk pênhz lênhv Lam Sơn - 719, trưk hur tiz si zinhz nduôz tởv đhâu tề qơs Lok Tsuôk đhâu ntởu txox cê 9 - Nam Lok Tsuôk, tuôr truồ luz đuôz bê zinhx tsav ntởv Đông Dương.

Ntu chuôz jos zinhx tsav, kaz luz hli 3/1972, tuz lênhv thiaz pêx xênhv tữ sữ trưk ntâu zinhz nduôz ntởv Quangv Triv yênhz krôr qơ zov chnhtr chia phuôn tsar ntâu saz Nam.

Cê sữ tsav shông 1972 tữ yữ tởv cê côngz mênhx lox zinhx tsav ntâu tâu sữ Miv Cux, tsênhr tênhv cov Miv Cux lênhk sâu bê sữ tsav, “lênhk sữ” tsik trôr tuôx kuôz zuôn tsav tros, lênhk gữ luk sữ tsav “Viêx Nam zinhx tsav tros”.

Zinhx tsav ntở tuz lênhv thiaz pêx xênhv saz Nam đros trâu zinhx tsav ntởv tuz lênhv thiaz pêx xênhv saz Băz tữ zos cê thôngx siaz siz paz ntởv tiz nênhz Viêx Nam zinhx Miv Cux jias tiv oz (txix hli 4/1972 txos hli 01/1973), zov chnhtr uô trâu zinhz nduôz sữ tas nhoz li ntởv Điên Biên Phuv hâu 12 hnuz mo kaz shông 1972, tữ tsênhr tênh cov zinhz nduôz Miv Cux lênhk sâu lê sữ Hiêk đnhv Pari hnuz 27/01/1973, tso tsê cê tsav tros, tuôr tâu cê tiax tuk ntởv Viêx Nam.

- Tir ntâu zinhz nduôz zinhx tsav hâu thôngz tề qơs, tsa cxiv cê thôngx siaz (1973-1975)

Đhâu lênhk sâu bê Hiêk đnhv Pari shông 1973, zĩnh nduôz Mix Cux tữ tsuv lữ tởv ntởv pêz tề qơs Viêx Nam, saz Băz tiax tuk, tữ muôx six hữ chia sir jos paz mxx khữ cxơs trâu tề tsav tros đhâu, cxơz chnhtr paz max trâu cxuô qơ.

Nhoz saz Nam, txix luz hli 10/1973, tuz lênhv thiaz px tuz cxơz chnhc cxiv kho pênhv cớv shầv txơx nję, ntầk trớk zinhz nduởz tuở hầv tẻz qớv kuởz zuởv, jux juk zinhx hur si nhoz trầv chor tiax đras đẻv Cườv Long thiaz Đông Nam Bỏv.

Tuở xav trớk li yừv siv ntởv cẻv tsav tros, pov tầv muởv six hườv yừv tởv, cớv Hỏiv nghiv Bỏv Chnhc triv ntởv Trung ườv Đangv (txix hnuz 30 hli 9 txos trầv 07/10/1974) thiaz cớv Hỏiv nghiv Bỏv Chnhc triv (txix hnuz 18/12/1974 txos 08/01/1975) tởv yừv tởv lờv trớk zinhz tởv đầv saz Nam hầv 2 luz shồv 1975 thiaz 1976 thiaz hais tsẻhv: “Tsu cxơz chnhc cov ntầk zinhx tsav hầv luz shồv 1975 lok sis shồv 1976... Zuở sir jos cov zinhx trầv shồv 1975”¹. Uỏ trớk tus chai tsav tros sầv no, nhoz trầv cxuỏ krỏ qớv tsav tros saz Nam, tuz lênhv thiaz pẻv xẻhv tởz yax six sườ trớk zinhz nduởz, krẻz tsav tros trớk ntởv Tây Nguyẻn (txix hnuz 04 txos 24/3/1975). Tsav tros Tây Nguyẻn zinhx tsav hỏngr muk trầv ntầk zinhz nduởz Miv Cux, paz tẻz qớv hỏngr muk trầv ntu yiaz: txix lờv trớk zinhz nduởz jux juk muk trầv lờv trớk zinhz nduởz saz Nam.

Nhoz trầv suởz fỏv đrỏv tởv tsav ntởv Tây Nguyẻn tsik tầv xầk, pov tầv muởv txầk pẻhv tsử ziv sai, pẻz tởz krẻz tsav tros ntởv Huẻ - Đas Nẻngr (txix hnuz 21 txos trầv hnuz 29/3/1975), ntầk zinhx chor tnhv saz Trung.

1. Đangv Cỏngv sanv Viẻv Nam: *Ntởv Văn kiẻnx huv si*, *Sđđ*, t.35, tr.193-196.

Nhoz ntu zinhx tsav, hnuz 25/3/1975, Bôv Chinhtr triv tuz yưv tsư ziv: Tsư ziv tuz muôx txos yiaz... tsuv gruô hu tuz lênhv, lov lok triav fov tsư ziv... tsav tros saz Nam uô ntêx chaix ntux nas (uô ntêx luz hli 5/1975). Ntâu muk trâu saz Sais Gons cux tâu Bôv Chinhtr triv quiz đinhv zov chinhtr mak “Tsav tros Hôx Chir Minh”.

Hnuz 24 cêr tsav tros hnuz 30/4/1975, tsav tros Hôx Chir Minh Hux ntâuuk zênhx.

Thâuv 11 tênhr 30 phênhz hnuz 30/4/1975, pêz tuk qix tuz za nzuôx nzos ntôưv luz tsêr Tsênhrv phưr zênhz nduôz tâu nhoz, kriê trâu pêz sôư đouk tuz zênhx tsav tas nro têz qôưs, gruô hu px têz qôưs los uô iz cê.

3.3. Cxiv kho têz qôưs uô kaz cêr tsav tros, thiêz por phưv têz qôưs (1975-1986)

Tov kaz zênhx jias sôư tir ntâuuk zinhz nduôz 1975, đros cêr cxiv kho, cêr tsa phuôv tsar uô nox hâus lax cay, chox kria ntâu ntôư trôuk txox chai, zos iz krôr uô sau têz qôưs los uô tiz luz, tiax tuk têz qôưs. Tus chai no tâu xair trâu pêx xênhr bâux Quôz hôiv trâu hnuz 25/4/1976.

Kaz 6 hli, hâur 7/1976, Quôz hôiv têz qôưs Viêx Nam thax zinhz (Quôz hôiv fuô tiv VI) tâu los cươv nhoz Hax Nôix, tâu thôngz ziv zuôr luz bê têz qôưs hu uô Côngv hoax xar hôiv tsuv nghiari Viêx Nam, xair Hax Nôix uô luz hâur pâuuk Tuôn Chênhz, hlôngr bê Sais Gons - Gia Đinhv uô Đrôngs Hôx Chir Minh.

Hầu jias yưv tsưv ziv Cươv jias tiv I Quôz hơiv
fuô tiv VI, cêr saz lax thôngx ziv cêr nox nhoz thiaz
cxuô cêr chai tươv tiar. Hnuz 31/01/1977, ntươv
Đrôngs Zươs Côngz Hux, Đaiv hơiv đaiv biêuv chor
Măk trăn v dân tôk nhoz trầu 2 cas têz qươs Nam -
Băz saz lax yênhz Măk trăn v Tôv quôz Viêx Nam.
Hnuz 18/12/1980, tus chai Hiênr phaz têz qươs
Côngv hoax xar hơiv tsuv nghiari Viêx Nam tâu
Quôz hơiv fuô tsưv. Ntươv zos tis chai thươx jias hầu
ntu têz qươs ndê muk trầu luz bê tsuv nghiari xar
hơiv hầu thôngz têz qươs.

Têx tsưv ziv tươv uô tâu lok sâuv tsav tros tir
ntăuk zinhz nduô ntươv tươv zos iz kro jông trầu têz
qươs Viêx Nam chox tâu cêr côngz fênhx trăus jông
trầu chor têz qươs đrăuv thiaz hầu thôngz kaz
ntux. Txix hnuz 20/7/1977, Côngv hoax xar hơiv
tsuv nghiari Viêx Nam yênhx iz tus thênhx viên tiv
149 ntươv Liênr hơv quôz zos thênhx viên 20 trầu
cxuô luz têz qươs thax tsav.

Tiav sis Têz qươs Côngv hoax xar hơiv tsuv
nghiari Viêx Nam cias thăuv nhuôv yưv siv tươv njiz
ntău cêr txov nhêv, khuôz luôx viv têx chai txư
ntươv Miv Cux têx hăux lưv car txư ntươv Miv Cux
thiaz luz luôv nuv txư cêr lax luôv, thiaz tsiv txov
txươv ntươv zinhz nduôz uô fêv đhau lươv.

Uô trươk tus chai por phưv ntươv zuk, kaz hli
12/1978, tuz lênhv thiaz pêx xênhv ntươv pêz tươv grêk
tror kaz chia muôx cêr xar nruôv hiav têz qươs ntươv
Pôn Pốt - Iêng Xary - Khiêu Xamphon (Campuchia),
tiav sis tok sươv tsik tâu tiar tươv tsuv pêz ntăuk tươv

đhâu ntơv pêz đriv têz, chox tâu cêr thax zinhz trầu thax tsav ntus đriv Tây Nam pêz Têz Qơs.

Yuôr trầu saz Băz, cêr cxor ntơv Viêx Nam thiaz Tsungz Cux cux lok six zov chinhr. Hnuz 17/02/1979, pênh lênhv Tsungz Cux tuz sớu cêr tsav tros tuôx đhâu trầu pêz têz qơs Viêx Nam nhoz trầu chor tinhv ntus đriv têz saz Băz. Hnuz xiaz 01/3/1979, Tsungz Cux tuz muôx luk gruô hu saz lax tu cêr côngz fênhx, cêr nox nhoz ntus đriv têz thiaz cêr txơu txar ntus đriv hâu têz qơs. Hnuz 14/3/1979, pênhz Tsungz Cux tởv đhâu ntơv Viêx Nam.

Đros trầu côngz xưv chox car thax zinhz cêr jông, por phưv luz nênhx nox nhoz thax zinhz - tsav tros, têx hâux lưv uô nox - puô tsar zav uô ntêx đhâu tsa têz qơs côngv têk iz tus chai tâu thôngz Đangv, thôngz pêx xênhv trầu siaz sir jos uô trưk.

Tsưv ziv ntơv Têz qơs hâu 5 luz shông (1976-1980) zos Đaiv hơiv jias tiv IV (luz hli 12/1976) ntơv Đangv tuz uô tiar ntâu hâux lưv yênhx côngz. Đhâu ntơ, têx tsưv ziv, hâux lưv, tsưv ziv yưv tởv ntơv Têz qơs đhâu hâu 5 luz shông (1981-1985) tâu chox cxiz tuz paz max cxix cxuô - cêr phuôv tsar nocc hâu s pêz têz qơs muôx ntâu tsar ndê. Yưv tởv caz cxuô, uô kôngz lông puôv tsar; cêr nox nhoz - tsưv ziv tâu nthuôr kria zinhx txênhv, cxaz nduô cxữz trầu phuôv tsar uô nox hâu s ndê yênhx kêz siaz.

Uô li tiav sis, têx cêr txov nhêv, tsưv ziv tsơs tsênhv yuôr ntâu. Iz cxia tsưv ziv yưv lok phuôv tsar - uô nox hâu s tsênhv uô tsik tâu trưk siaz xar. Kror no

zuôr tsuv muôx cêr thôngx siaz côngv jos ntôuv thôngz Đangv, thôngz pêx xênhv tsuv sir jos đuô thiaz chia paz max cov yênhx iz luz têz qôus muôx.

3.4. Têz qôus hlôngr yiaz ndê muk tsuv nghiarr xar hôiv (txix shông 1986 txos nhiv no)

Đhâu iz đhaz cxinhz shông ỹư ntâu tsừ ziv ntôuv Têz qôus 5 luz shông (1976-1985), hâu thôngz têz qôus tữ uô tâu ntâu zav nuv tsênhv chênhz lok sâuv puô tsar zav luz nênhx nox nhoz, tiav sis đầuv ntôu cux tsik zos nji z tsừs cêr txov nhêv. Cêr txov nhêv ziv zov chnhrr, uô trâu têz qôus tsik truôx siaz, cêr cxor siaz zov chnhrr mak phuôn tsar uô nox hâu - puô tsar zav.

Chia tuôr xav tâu têx hâu x lữv ntôu, Đangv thiaz Têz qôus tữ tuôr tsừ ziv hlôngr yiaz. Cêr chox car ntôuv Đangv chia yữv ntâu tus chai paz max uô ntêx mak Đaiv hôiv jias tiv VI (luz hli 12/1986), tâu saz lax, yữv nzir tsừ ziv phuôn tsar đhâu Đaiv hôiv: jias tiv VII (luz hli 6/1991), jias tiv VIII (luz hli 6/1996), jias tiv IX (luz hli 4/2001), jias tiv X (luz hli 4/2006), jias tiv XI (luz hli 01/2011), jias tiv XII (luz hli 01/2016).

Cêr chox car ndê muk hlôngr yiaz ntôuv Đangv shông 1986 txos shông 2020 tữ tâu nthuôr tữv đhâu 7 jax tsừ ziv Têz qôus 5 shông: 1986-1990, 1991-1995, 1996-2000, 2001-2005, 2006-2010, 2011-2015, 2016-2020. Đhâu 30 luz shông muôx cêr txov nhêv ndê muk trâu trâu siaz sir jos phuôn tsar uô nox hâu hâu têz qôus, tữ pov tâu têx hâu x lữv yênhx côngz, lok sâuv puô tsar zav ntôuv Đangv, Têz qôus thiaz pêx xênhv pêz. Têx zinhx liv ntôu pêz têz qôus tữ

chox uô tâu yênhx côngz lox ntôu: PPêz têz qôus tuz yuv siv đhâu ntâu ntu tởv đhâu cxuô cêr txov nhêv - hâu luz nênhx nox nhoz thiaz cêr phuôv tar uô nox tsênh kênhz, ndê muk trâu yênhx iz luz têz qôus phuôv tsar puô tsar zav sâu tâu yênhx iz luz têz qôus muôx txâu k nox, nhiv no tsênhv cxôuz chnhv hlôngr tsur ziv trôuk li ntu yiaz trâu jông cêr fôngx zưs trâu têz qôus đrâuv. Phuôv tsar uô nox hâu s tâu yax tsur ziv, cêr lax luôv trôuk li tus luz côngz mênhx xar hôi v tsuv nghiari ziv hnuz ziv yênhx côngz. Cêr nox nhoz - côngz xưv tâu chox car truôx khor; tuz lênhv tuz tros, cêr phax tar cêr cxor siaz tâu chox ciz. Cêr txux chi - vax suôv ndê lưv yênhx kêz siaz; cêr hlôngr yiaz ntởv têz qôus thiaz pêx xênhv luz nênhx muôx ntâu hlôngr yiaz. Pêx xênh uô tsur têz qôus tâu chox truôx njęs krêz đar. Cêr thôngx siaz côngv jos pêx xênhv tâu chox jông. Hâu x lưv cxiv kho Đangv, cêr thôngx siaz ntởv têz qôus tâu tsar ndê. Ntôu tsênhz zos tsur ziv tsuv tởv krôur, siaz truôx tsux tuôr thiaz por phưv truôx cêr têx zinhx liv uô tâu lưv, por phưv truôx têz qôus, thôngx siaz, côngv jos tir thiar têx xưv tsik đros chai, por phữ truỗ luz tus kaur xar hôi v tsuv nghiari. Cêr trâu s jông têz qôu đrâuv ziv hnuz ziv jông thiaz krêz đar; têx zinhx li ntởv têz qôus Viêx Nam tuz yênhx nto côngz.

GDP thông 2020 tuôr xav tâu jê 300 tiv USD, tsar yax 2,6 jias xav trâu GDP thông 2010 zos 116 tiv USD. GDP fênhx đraz yênhx tâuz hâu nênh s thông 2020 tuôr xav tâu yax 3.000 USD, tsar jê 2,5 jias xav trâu thông 2010 zos 1.332 USD. Txos nhiv

no, Viêx Nam muôx cêr trâu jông trâu 189 luz têz qơus saz đầuv, cêr lax luôn muôx 220 luz têz qơus hâu thôngz kaz ntux. Txaik, zuôr cxuô zav hax huv shông 2011 tâu 203,655 tiv USD, shông 2019 tâu 517 tiv USD, tsar yax 2,5 jias¹.

Têx côngz mênhx chox luz đuôz bê nto trâu hâu thôngz kaz ntux tứz tâu Viêx Nam chox chor uô yênhx côngz trôr nthuôr đuô cxuô tsur ziv cớv shâu chia paz max trâu têz qơus ziv hnuz ziv phuôv tsar ndê muk bluô nux hlôngr yiaz, têx hlôngr yiaz ntớu zuôr uô qơu chuôz jos cov hâu ntu txos tâu yax đuô, sir jos chox uô cov tâu yênhx côngz "px bluô nux, têz qơus muôx jos, pêx xênhv uô tsur, têz qơus côngz fênhx, vav mênhx".

IV. TXUX CHI

1. Luk hais thiaz ntâu z ntớu

1.1. Luk hais

Côngz nto yênhx cinhz shông cxiv tsa thiaz por phưv Têz qơus, cxuô zav tiz nênhz Viêx Nam tứz uô siaz tớu tir thair por phưv truôx tsik chia muôx cêr txia txar luz nênhx nox nhoz, luk hais thiaz ntâu z ntớu chia tuôr truôx thiaz phuôv tsar luk hais - li Zớus Côngz Hux tứz hais - "cxuô zav uô tâu lok ntêr

1. Đangv Côngv sanv Viêx Nam: *Nthuôr tớuv 10 luz shông uô trớuk tus chai truôx khor 2011*, Qơu yưv tớuv fông ntớu ntớuv tsênhv qơu Chínhr triv têz qơus Tsênhv chênhz, Hax Nôix, 2020, tr.26-27.

yax thiaiz yênhx côngz đuô ntơu tiz nênhx”¹ tâu li luz nênhx nhiv no.

Luk Viêx muôx ntâu cxinhz tiav lo, zos iz zav luk hâu paz pươc hair nênhx Môn - Khmer, saiz trầu xênhv Nam Ar muôx txix thâu v nzor nhoz trầu iz thax tsav đar hâu ntu Đông Nam châu Ar. Nhoz trầu ntu phuôv tsar, luk hais Môn - Khmer tãi phaiz uô ntâu paz hu uô Proto Viêx - Katu. Đhâu iz ntu, chor luk no txơu v tâu chox yênhx chor luk tiv oz Katu thiaz Proto Viêx Chư z. Cênhz cữ v tsênhv chênhz ntơu chor nênhx hais luk Viêx nhiv no zos chor mênhx yux hais luk Proto. Tâu siz nhoz siz hais nhoz li luk tiz nênhx Tays - Puôz Ziz, luk Proto Viêx Chư z siz hlôngr yênhx luk Tiêns Viêx Chư z muôx jông li Môn - Khmer thiaz muôx cêr phênhz khiaz tsik txơu v ntâu li tiz nênhx Tays - Puôz Ziz. Jux juk tov kaz no, luk hais Tiêns Viêx Chư z tữ z hais muk yênhx txuôv, grênh thiaz jav tsous jux juk yênhx luk Viêx Mươngs đros (Proto Viêx Muongs) (muôx nhos 2.700-2.800 shông uô ntêx), Đhâu ntơu hlôngr yênhx luk Viêx Mươngs côngv “Viêx Mươngs chung” (Viet Muong common).

Zos thâu v nzor chox hais luk Hanr hâu ntu saz Bả z chox car, txix thêr kyv VIII txos trầu thêr kyv XII, luk Viêx li tâu phaiz uô oz zav: zav nhoz toz trầu têx har jôngr har tsuôv ntơu v chor tĩnhv Hoax Bĩnhx, Thanh Hoar, Nghêv An, Hax Tĩnhv tsou v txuôv ntơu v

1. Zou s Côngz Hux: *Thôngz fông ntơu v*, Qơu yuv tơu v fông ntơu ntơu v tsênhv qơu Chĩnhv triv têz qơu s - Tsênhv chênhz, Hax Nôix, 2011, t.10, tr.615.

luk Hanr yax tuz txia yênhx luk Muôngs; yuôr iz cxia nhoz thax tsav tiax đras Băz Bôv mak txia luk Hanr jux juk yênhx luk Nhaz Lax (luk Viêx).

Njiaz luk “luk Viêx” tâu sir nhiv no zos zav luk Viêx txix thâuv nhuôr tâu txuôn ntôuv Viêx Muôngs chung, hais njiaz luk trôuk li luk Hanr - Viêx thiaz luk Viêx muôx 6 zav siaz kêk.

Txix thêr kyv XI txos nhiv no, nhoz trâu ntu phuôv tsar ntôuv luk Viêx, muôx iz cxia luk zuôr tsik muôx thâuv tuz tsik hais txos, ntôu zos crr siz hais ntôuv lo luk, cxuô zav luk hais siz đros thav. Jông li: nhoz trâu ntu hais luk Hanr thiaz luk Phar Cîr, luk Viêx tuz jux juk pâu hlôngr trâu luk tsị nto mênhx uô trâu muôx cêr txôur txar grik trâu luk zôngx ziv ntôuv yênhx lênhx nênhx, hâu ntu txos zuôr zos iz zav luk hâu têz qôus tsuôk muôx ntôuv zuk. Hâu cêr siz nziz hais luk, siz njiz siz thav cxuô tsar zav, uô li tuz muôx cxaz nzir ntâu zav siz txuôn uô trâu luk jông đuô, huv cêr đros hais, muôx têx lo luk siz txôur “Viêx txuôn” ntâu zav luk siz txuôn uô yênhx iz zav luk (cux li cêr vax suôr) siz txaik txix ntôuv cxuô zav luk saz têz qôus đrâu, tsik zos hâu chor luk trôuk chor nênhx lâu thâuv tsik tâu yênh xưv xưz, mak hâu cxuô zav luk muôx ntâu zav, nhoz li luk hais lok ntôuv cêr vax suôr txux chi luk Viêx, cuz li cxuô zav luk - zov chinhr mak luk Viêx hâu cêr vav mênhx, txôur xar...

Luk Viêx cuz muôx kêr txix chor luk nhoz li luk Ân - Âu, zov chinhr mak cxaz nzir trâu têx lok hais tsik tâu txâu njiaz luk cov mênhx, nhoz trâu chor luk hais ntuôk kria cêr chai zôngx ziv thiz jông hnôngs -

trouk li tsur ziv. Ntưv iz cxia luk zov chinhr, cênhz tir kêr ntưv luk Ân - Âu lok trau luk Viêx tsuôk zos chox cxaz trau luz six hữv tâu hais. Muôx iz cxia zov chinhr, cênhz tir zos zôngv ntưr luk Ân - Âu lok uô luk Viêx tiav sis ntư Tsuôs zos siaz nhiav.

Txix đraz thêr kyv XIX, luk Viêx tư phuôn tsar muk trau ntu yiaz. Nhoz trau ntu no, luk Viêx trư tư tâu cxaz mênhx pêv đuô chia thôngz luz njiaz luk hais cov mênhx thiaz hnôngs tâu zôngx ziv. Nhoz trau ntu uô ntêx ntưv ntu no, luk Viêx muôx cêr siz txaik njiaz luk jông mênhx trouk li luk thiaz cêr txux chi Phar Cir. Viv li ntư, têx lo luk tư mênhx pêv đuô, đar thiaz lax hais đuô, zos li ntư zuôr pâu mak tsuv hais cxais cov mênhx, nhoz trau hâu têx luk hais jông siaz thiaz fêv siaz ntưv chor nênh hais muôx iz cxia mak cxais iz cxia hais ndax đrav hâu luz nênhx nhiak hais nhiak tiav sis cux thôngz tâu.

Cux txix ntư, cênhz cứv ntưv lo luk Viêx tư ziv hnuz ziv phuôn tsar yênhx côngz. Pênhr tsênhz tsik tâu saiz zav li lo luk tsênhv chênhz tiav sis luk Viêx tư yênhx iz zav luk trau px cxuô zav nênh hâu thôngz têz qưs hais uô cê.

Đros trau têx yênhx côngz ntưv cêr tsav tros luz hli ziv shông 1945 thiaz luz bê Viêx Nam Dân tsuv Côngv hoax, thữx jias luk Viêx tư yênhz iz zav luk tsênhv chênhz ntưv Viêx Nam. Luk Viêx zos iz zav luk yênhx côngz muôx txênhk pênhr tiv, tâu sir hâu chox kria ntâu ntưr, cứv txux - chi, sâu ntâu ntưr, xor tôngx chuô, xa đuôz luk, tâu sir zôngv nhoz hâu cxuô zav tiz nênhmêcuô qư Viêx Nam, nhoz trau têz qưs, tus chai hais thav luk, chor luk

hais uô cê zos luk Viêx, nhoz trầu haur kria ntâuz ntour ntouv iz cxia luz têz qous muôx chôngz tiz nênhx Viêx Nam cux tâu kria.

Zos zav luk thôngz pêx xênhv sir, luk Viêx muôx cxix cxuô jux juk thiaz ntâu jông. Nhoz trầu cxuô qou, tox siaz, qou kêk siz txour, luk Viêx zos zav luk tâu hais uô cê trầu cxuô zav nênhx. Hais trour li thax qou nhoz, muôx pêz zav luk chôngz nênhx hais: zos chor luk nhoz trầu paz pous saz Băz, paz pous muôx luk hais saz Trung (muôx xus li chor tinhv Băz Trung Bôv, txix Thanh Hoar txos trầu ntar trôngz Haiv Vân); paz tiv pêz zos chor nhoz trầu saz Nam (txix ntar trôngz Haiv Vân txos saz Nam hăutt hôngz têz qous).

Muôx tâu têx cêr txour txar thiaz qou nhoz li ntou, luk Viêx tuz tâu đhau yênhx cxinhz shông ndê muk phuôv tsar yênhx iz zav luk tâu cxuô zav nênhx hais uô cê, chia hais trour thiaz haur luz nênhx nox nhoz zov chinhr mak ntu thêr kyv X. Haur ntu yiaz, chia “tuôr tâu cênhz cừv thiaz cêr nênhx ntouv luk Viêx”, luk Viêx tsuv tâu cêr paz max thiaz cxaz nzir cov muôx qou trầu ntu yiaz cov ziv siaz.

1.2. Ntâuz ntour

Ntâuz ntour muôx luz niax luz shông siz txour, đros trầu cêr phuôv tsar luk hais, đhau ntâu tiav tsuv kuôz zuôv uô zinhz nduôz krêr, haur jê 1.000 shông tuôr têz qous, ntu Phar Cừ car, đhau ntu tir ntâu zinhz nduôz yênhx côngz luz hli ziv shông 1945 txos nhiv no, ntour luk Viêx tâu muôx ntâu ntuphuôv tsar yênhx thênhv, haur yênhx ntu nhiak muôx nhiak iz zav ntour nto bê.

Xav trôuk li têu ntour cês ntourv xuô qour ntourv têu poz jêz - puôs thâu uz mak ntour Hanr tuz muôx nhoz trau hâu ntour luk Viêx puôs thâuv thêr kyv I uô ntêx Công nguyên¹. Txos trau chor thêr kyv uô kaz Công Nguyên, ntour Hanr tuz yênhx iz zav ntour mênhx pêv trau tiz nênhx hais luk “yênhx cêr txôux nê” zov chinhr mak chor nênhx txôux thâu ntou, thour chox thiaz chor nov hâu tiz nênhx Viêx đhâu xuô cêr cxais luk Nhaz Lax, sâu ntour cxais luk Njênhs, tu xuô hâu lưv zov chinhr.

Txix thêr kyv X, đhâu ntâuk zinhx tsav têu qour tiaz tuk txix zinhz nduôz saz Băz, têu qour phong kiênr nhoz Viêx Nam tuz muôx tus chai yưv lok sir zôngv ntour Hanr (lok sis hu uô ntour Nho) uô ntour sâu tsênhv chênhz. Tđros trau tus chai ntou, ntour Hanr tuz tâu sir zôngv uô qour ntuôk kria lok sis gruô hu sâuv xor tôngx chuô, chia ntuôk kria cêr chai, hâu siz tuz ntâuz ntour, hais luk tâu sir zôngv tsênhv chênhz, hur tiz si hâu têu ntâuz ntour sâu tsês ntourv chor nênhx lâuk. Đhâu pov tsênhz, ntour Hanr tsik tâu ntuôk kria đar trau xuô qour trau pêx xênhv mak tsuôk zos chox kria trau iz cxia tiz nênhx nhia v cừv chia uô nov tsur. Đhâu luz six hữv zinhz nduôz Phar

1. Yưv siv ntour Hanr nhoz nzor nhoz trau pêz têu tâu nênhx nhoz ntourv luz đrôuk tôngx, (đros trau ntâu zav chuôz zinhx hâu saz đrôuk) tâu yuôx pov nhoz trau thax tsav Mav Tre saiz trau xar Côi Loa (huyênx Đông Anh, đrôngs Hax Nôi) nhoz trau luz hli 6/1982. Saiz Tsinh Sinh: “Nthuôr tữv thiaz phênhz khiaz ntour Hanr hâu đrôuk tôngx Côi Loa”, Fâu ntour *Yưv tữv luk thâu nzor*, số 6/2006, tr.16-26.

Cir tuôx nhoz krroz zuôv, ntour Hanr tuz tâu chox kria đros trâu “ntour Phar Cir” tiav sis jux juk pôngz lóuv, xhor ntour ntour no pôngz jux juk tsik tâu muôz lok kria trâu tiz nênhs thiaz ngành chox kria ntour trâu hâu têx sông 1960 viv ntâu zav siz txuôv.

Thâuv ntour Hanr tsênhv tâu chox kria mak têz qours phong kiênr cux tsik muôx, chor nênhs chox thour uô nov tsur tâu sir zôngv ntâu zav ntour ntour Viêx Nam cux tâu chuôz thour cxiv kho thiaz yênhx côngz - ntour zos ntour Nôm. Trour li chor nênhs yuôx saiz sâu tौर ntour Viêx hais cênhz cứv ntour “Nôm” muôx luz njiaz luk zos “Nam” tâu ntuôk txour lóuv. Thâuv yênhx côngz ntour Nôm zos yuv tsur ziv muôx pênhr tiv nhoz thax zinhz ntour pêx xênhv cxuô zav tiz nênhs uô li tiv sis hâu ntour muôx iz cxia nênhs cux xar muôz pêv zav ntour lok kria cov huv trour li tiz nênhs Viêx Nam viv ntour Hanr sâu tsi tâu njiaz luk txauk li ntour thiaz luk Viêx.

Nhoz đhâu ntâu thêr kyv XI (tiav Lyr) txos trâu thêr kyv XIV (tiav Trâns), zos tâu cêr sir jos ntour ntâu tiav tiz nênhs Viêx, ntour Nôm jux juk tâu yênhx côngz tuz yênhx cênhz cứv sâu tsês, cxaz nduôz yênhx iz zav cêr txux chi tâu tuôr tsês ntour chor ntour Nôm chia muôx cxaz nzir nhôz hâu kinhz cứv, tâu sir zôngv trâu cxuô zav ntâu ntour hâu ntu phuôz taik Quang Trung. Txix tiav phuôz tiak Nguyênr, viv zos cênhz cứv muôx pênhr nrour txos trâu nhoz trâu chor ntâu ntour quôz ngưr mak ntour Nôm txix ntour tuz jux juk tso por tsês tsik phuôv tsar trour tov kaz lóuv.

Nhoz trâu đraz thêr kyv XVI, chor xiz phur nhoz phương Tây tuz tuôx Viêx Nam ntuôk kria kria cêr

njênhs siaz. Đros ntu ntour, chor xiz phutz phương Tây
 tuz kêr ntour Latinh chia sâu luk thiaz sâu bê qour
 nhoz, luz bê njênhs, thiaz sâu bê tiz nênh, lok sis ntour
 sâu hais luk. Jux juk, ziv hnuz ziv tâu tiz nênh, saiz
 zov chnhtr txos luk Viêx thiaz ntour Latinh, hu uô luk
 An Nam. Ntour quôz ngừ zos yênhx pênhr ntouv sâu
 kênhz cừv sir zôngv trour luk trour li haur chor ntour
 Latinh, muôx đuô iz cxia tux luk chiv cxais (plâu z tus
 chiv hais luk thiaz tsiz tus chiv cxais njiaz luk) chia sâu
 chor tux luk muôx chiv khâus luk Viêx. Txix thêr kyv
 XVI txos trâu thêr kyv XIX, ntâu đhâu cxuô cêr sir zos,
 chor ntour Quôz Ngừ tuz tâu phuôn tsar, phuôn tsar
 yênhx côngz tâu sir uô ntour Viêx chia sir zôngv. Cêr
 yuv siv ntouv ntour quôz ngừ tuz muôx ntâu hlôngr
 yiaz haur luz nênhx nox nhoz thiaz ntâu z ntour uô cxuô
 zav nuv, vax suôr, kria ntour haur thôngz têz qour.

Haur ntu tiz nênh Viêx Nam tso tsêr ntour
 Hanr, ntour Nôm, hlôngr muk sir zông ntour quôz
 ngừ zos chiv chir hlôngr, chox cừv, viv zos ntour
 quôz ngừ mak sâu tâu tas hur si 100% luk Viêx
 thiaz zôngx ziv cừv, ndo jông, zôngx ziv sâu yax đuô
 xav trâu pêv zav ntour. Uô kaz cêr tir ntâu tsav tros
 luz Hli Ziv shông 1945, zos iz hâu lưv tsênhv chênhz
 ntouv têz qour Viêx Nam Dân tsuv Côngx hoax yiaz
 “cxour đis muôs ntour”, haur ntour ntour quôz ngừ
 tuz tâu sừr đour nhia, tuz ndê muk phuôn tsar sai,
 txos trâu tiz nênh Viêx Nam, paz max trâu ndê muk
 pâu z ntâu z ntour txour nê, txix ntour cxaz nduô ziv
 chnhtr trâu luz nênhx nox nhoz thiaz tir ntâu zinhz
 nduô z tsur tuôr têz qour tiax tuk cxiv kho têz qour
 muôx Viêx Nam ndê muk hlôngr yiaz nhiv no.

2. Cêr tênhv hơv thiaz nênhv siaz

2.1. Cêr tênhv hơv

Txox cêr nênhv đaz kruô zos iz txox cêr uô tâu ntâu hair nênhv nhoz Viêx tsênhv nênhv puôk thâu uz txos niv no. Hair nênhv Viêx cêr tênhv hơv: nênhv cêr saz zax saz zênhz, nênhv đaz tsư thiêz tiz nênh tênhv hơv.

Cêr nênhv saz zax saz zênhz muôx 2 zav: tênhv hơv pox niêv, txir nênhv li qơs sor thiêz krór pox niav txir nênhv siz đênhv. Muôx ntâu zav tsênhv chênhz tâu têx mlov, têx ntông tuk nhoz Tây Nguyên, nhoz têx cêr sênhv chêr thiêz têx đruôk tôngx tsênhv muôx têx đưôz. Cêr tênhv hơv têx đaz kruô, đaz têz, đaz tsư haur hair nênhv Viêx zos viv txox cêr chos kôngz lông, sir txos ntâu zav tsar siv yax six haur luz nênhv, suôz siv jênhv. Tênhv hơv ntâu zav taz si saiz muôx gri xuk li têx Niêv (hơv lênhv niêv), tênhv têx tsiêx, têx ntông. Chor niav muôx li Mâu Cươv Trungs, Mâu Thươngv Ngans, Pos Tsư Đêx,... Ntông, kôngz lông muôx li: blêx, phax khâu,... Tênhv hơv tiz nênhv zos chor nênhv muôx côngz bê trâu hair thiêz têz qơs, tênhv phưv pox zươv (saz Nam Bôv kaz têz tênhv pos zươv). Viêx Nam saiz hnuz ploxx loxx đưô hnuz zus. Tsêr nênhv tư tư tênhv tsư ar, luz jok tư tư tênhv tsư jok. Cux chuôz tênhv hơv Huôz tais quz, muôx iz hnuz tênhv nco txos (Hôiv đêx Hungx). Tênhv hơv plâu tuk nênhv tsik txôxx ploxx: Thanhv Tanv Viêv, Thanhv Jôngv, Tsưv Đôngx Tưv, Phươz Tai Liêv Hanhv. Cêr nênhv cêr tênhv hơv no muôx txos hnuz no tsênhv muôx gri li lưv txox cêr nênhv.

2.2. Cêr njênhs siaz

Viêx Nam muôx ntâu txox cêr njênhs, muôx 25,3 tsov tuk nênh njênh tênhr hơv, yax 60.000 tsư chox, yax 130.000 luz luos hâux lưv, muôx 28.000 krór qốv tênhr¹ hơv lox mê. Txos luz 8/2018, nhoz Viêx Nam muôx 41 paz njênhs, 1 zav tâu têz qốv tso chai. Chor tsư tsix cêr njênhs puôr nhiak muôx nhiak iz jax cêr tênhr hơv, hâu ntư muôx 15 zav kêv njênhs uô tâu têz qốv tso chai. Nhoz ntưv chor tâu côngz jênhv tsênhv yuôr ntâu zav cêr njênhs yiêz tsik tâu tâu têz qốv Viêx Nam côngz zênhv.

- *Hâux sav:*

Hâux sav lok pêz têz qốv Viêx Nam tưz muôx thâu nvor lok zos oz paz hâux sav kaz têz thiêz kâu têz. Thâu têz qốv tsênhv taz phuôv tsar, Hâux sav tâu đros têz qốv uô cê chox tâu cêr thôngx siaz, siz paz, cux phaiz uô ntâu fax paz, Hâux sav muôx ntâu caz taz sĩ puôr đros trâu cêr tênhr hơv hâu têz qốv siz côngv thôngx uô cê. Shông 1981, Hâux sav Viêx Nam thôngz iz trâu 9 pốv njênhl nhoz hâu têz qốv, yênhx Paz njênhs Hâux sav Viêx Nam, tsư tsix uô 3 thênhv “Cêr kruôz kriê - Hair nênhl - Tsuv nghiari xar hơv”. Kaz shông 2018, pốv njênhs Hâux Viêx Nam sav muôx 14 tsov tuk njênhs, yax 30.000

1. Ban Chox car cêr cớv Nghiv quyêz sô 25-NQ/TW lok sâuv côngz xưv njênhs tsư: “Hais ntưk kria hâu 15 zos shông uô trưk Nghiv quyêz sô 25-NQ/TW hnuz 12/3/2003 ntưv Ban Châz hanhx Trung ương Đangv (fuô tiv IX) lok sâuv hâux lưv tênhr hơv”, hnuz 31/7/2017.

thọux chox, yax 18.000 qọus tēnh̄r họ̄uv thiaz 44 krór qọus kriê Hāux sav¹ hāur tēz qọus.

Qọu tēnh̄r họ̄uv ntọ̄uv chor nēnh̄s njēnh̄s Hāux sav nhoz Viēx Nam nhoz trāu tēz tsēr hmōv, tsēr nhoz, tsēr tēnh̄r nhoz cxuô qọus, tox siaz qọu kêk, họ̄uv hāur cēr (hu uô chiv chir họ̄uv). Chor tsēr hmōv Hāux sav tsuôk tēnh̄r họ̄uv muôx six họ̄uv zos Thiz Ca, hāur trāu hāur ntọ̄u, chor tsēr hmōv muôx cēr tēnh̄r họ̄uv Hāux sav Bǎz Tông, zov chinhr mak nhoz saz Bǎz, đrāuv ntọ̄u, hāux sav cux tēnh̄r họ̄uv đuô pēv zav thiaz, chor nēnh̄s tēnh̄r họ̄uv thia chor thọux chox muôx (18 lēnh̄x xiz phư̄z), chor thọux tsēr hmōv; tēnh̄r cxuô zav siz txọ̄ur (zov chinhr mak nto bê li xiz phư̄z Ngox Hoangx, Nam Taos, Bǎz Đāuv ntọ̄uv tēnh̄r họ̄uv), cxuô lēnh̄x cxuô tus (nto côngz bōv tươngv Māur Thiên, Māur Điaiv, Māux Thoaiiv, Māux Thuongv Ngans ntọ̄uv chor nēnh̄s tēnh̄r họ̄uv niav). Ntọ̄u tuz chiv tâu, “luz đuôz bê ntọ̄uv vēr họ̄uv” zos chor nēnh̄s tēnh̄r họ̄uv nhoz Viēx Nam.

- *Njēnh̄s tsūr ntux*:

Cēr njēnh̄s tsūr ntux nhoz trāu tēz qọus Viēx Nam txix shōng 1533, nhiv no muôx nhos 7 tsov tuk njēnh̄s, yax 3.000 thọux chox, 6.000 tsūr hāux xēnh̄v, yax 7.000 tuk tsūr paz pọ̄us, yax 18.000 tuk nēnh̄s họ̄uv, muôx 7.700 tsēr tēnh̄r họ̄uv, 7 zav tsēr siz txọ̄ur, 130 qọu shāuv..., zos krór qọu tēnh̄r họ̄uv trāu chor nēnh̄s njēnh̄s hāur pēz tēz qọus Viēx Nam tuôx thor njēnh̄s. Txox cēr chox nhoz ntọ̄uv chor nēnh̄s njēnh̄s Tsūr

1. Tróuk li Ban Chox car cēr cọ̄uv Nghiv quyêz sô̄r 25-NQ/TW lok sâuv côngz xư̄v njēnh̄s hāux sav, *Tlđđ*.

ntux hâu Viêx Nam zos “Nhoz jông đros nênhs saiz shuôk hâu pêx xênhv”. *Vêz baz paz côngv siaz nênhs nênhs Tsừ ntux Viêx Nam* zos iz paz uô hlôngr flu trâu chor nenehl nênhl tsừ ntux muôx siêz hluz pêx xênhv têz qơs Viêx Nam, zol iz tuk ntốv Măk trăn v Tôv quôz Viêx Nam, tàu tsừ tsix shông 1955.

- *Cêr nênhs tsừ Tin Lanhx:*

Cêr nênhs tsừ Tin Lanhx tàu chox trôv nênhs nhoz Viêx Nam txix shông 1911. Nhiv no, thôngz têz qơs muôx nhos 10 paz nênhs nhoz trâu cxuô qơ, cxuô hâu xênhv tàu têz qơs côngz zinhv thiaz lênhk sâu bê chia tênhr hữv muôx yax 1 châuv lênhx nênhs nênhs, yax 1.700 lênhx chox tuôr, 600 luz tsêr tênhr, tsêr hữv, 546 paz pơs, 2.470/4.742 krôr qơ vax tsê nênhs tàu têz qơs côngz zinhv chia tênhr hữv. Cêr nênhs siaz ntốv chor nênhs nhoz trâu Viêx Nam (saz Băz) thiaz hữv chor tiz nênhs nênhs nhoz Viêx Nam (saz Nam) zos “Nhoz shâuv jông, tênhr hữv cêr nênhs, nênhs Têz qơs thiaz nênhs pêx xênhv”; chor nhoz hữv nênhs siaz Cơ đôz Viêx Nam zos “Nhoz đros tênhr hữv trâu cêr vav mênhx ntốv tsừ ntux tuz paz max tàu trâu luz nênhs nhoz jông zos trôk đraiv li Têz qơs Viêx Nam”.

- *Nênhs Islam:*

Nênhs Islam tàu muôx trâu hair nênhs Chăm hâu Viêx Nam thâu v thêr kyv tiv X. Nênhs Islam hâu Viêx Nam muôx 2 paz: paz Banis hữv thiêz paz nênhs Islam muôx 80.000 tênhx nênhs (Banis muôx 50.000 lênhx, nênhs Islam muôx 30.000 lênhx), muôx 500 lênhx tuz txiz, 200 tuz hâu lữv, 89 krôr qơs tênhr hữv (64 qơ hữv Islam, 25 tsêr hữv Bani).

- *Njêhns siaz Cao Đaix:*

Nhoz đros txox cêr yar ntux ntóuv chor têz qôrs phương Tây, hâu têx shông tiv 20 thêr kyv XX, cêr chox car, phuôn vav (hu uô “cơ buz”) phuôn tsar nhoz saz Nam Bôv. Nhoz trâu iz jâus cớuv tênhr hớuv 02/1926, 12 tuk tuz njêhns txix ntóu tuz tsênhv chênh yuv siv txix 10/1926 ntóuv tsêr tênhr hớuv Gos Kenr, tỉnhv Tây Ninh.

Nhiv no, njêhns Cao Đaix muôx nhos 1,1 tus nêhns, yax 13.000 tuk chox hớuv, muôx 23.000 tuz txiz, muôx 1.300 krór qớu tênhr hớuv; nhoz 37 luz tỉnhv saz Nam Bôv thiaz Trung Bôv. Txox cêr njêhns no zos njêhns Cao Đaix cov “Têz qớrs jông - Cêr njêhns cax siaz”.

- *Njêhns hớuv Hoas Haov:*

Njêhns hớuv Hoas Hoav muôx tâu zớrs Huynhs Phur Sôv (1919-1946) tênhr hớuv trâu shông 1939 nhoz jok Hoas Haov, huyênx Phur Tân, tỉnhv An Giang. Tâu tênhr xav li iz tus tsur chia tênhr cov muôx luz nênhx yar ntux nhoz trâu thax ar Nam Bôv, Njêhns hớuv Hoas Haov zos muôx nhoz trâu chor nêhns njêhns tsur txia lok tóuv ntóuv tsur ar Thiêns tông Lâm Têr nhoz saz Nam Bôv chox tênhr muôx ntâu tsur ziv têk tóu tâu Đoans Minh Huyền xar yuv (1807-1856), *cêr hớuv jông tông jông zos zớrs* Ngô Lớiv (1831-1890) xar tsur ziv yuv tóuv nhoz trâu kaz thêr kyv XIX. Tov kaz ntóu, Huynhs Phur Sôv tâu xair chox thớux tâu muôz bê hu uô Đưt Thâyx (Xiz Phưt), thớux chox. Nhiv no, Njêhns hớuv Hoas Haov muôx nhos 1.450.000 lênhx nêhns, 60 luz tsêr tênhr hớuv nhoz siz sur trâu cxuô krór qớu hâu 22 luz tỉnhv, thiaz đrôngs, hâu ntóu muôx

5 tỉnh muôx chôngz zos An Giang, Đôngx Thaz, Vinh Long, Cấn Thơ thiaz Kiên Giang.

Njênhs hơv Hoas Haox chox car cêr chai haur tsêr, hơv haur tsêr, chox cêr đaz hơv zos zov chínhr, cxuô zav tsar haur ntiax têz puôr muôx. Cêr tênhr hơv nhoz cxuô qơ (muôx qơ ntoz thâu ntêx lok) nơu tsuôk zos hais txos têx cêr jông siaz nơuv zuk trau cxuô tus chia uô qơ yuô, muk cữv shâu têx tsur ziv jông lok hơv zơs tsur Tôv đinh Đuz Huynhs thour chox An Hoas (tsêr tênhr hơv).

- *Tinhv đơv Cự sir paz pơs njênhs Viêx Nam:*

Tinhv đơv Cự sir paz pơs njênhs Viêx Nam yưv siv trau luz six hơv haur thêr kyv XX, zos Nguyêx Vãn Bôngs (1886-1958) xar tữv nhoz trau tỉnh Đôngx Thaz shông 1934.

Tinhv đơv Cự sir tênhr hơv thiaz chia iz cxia nênhz nhoz hơv đros, tsuôk zos chor hơv viên (tâu pênhz uô trau thênhv) muôx iz cxia tsuôk nhoz haur tsêr. Nhiv no, Tinhv đơv Cự sir paz pơs njênhs Viêx Nam muôx nhos 600.000 lênhx nênhz, 900.000 tus hơv viên, jê 6.000 tus chox hơv uô nuv, yax 900 chox car, tu luz nênhx, 210 krór qơ nhoz tênhr hơv (hơv quanr) muôx 210 qar tsêr yuôx njuôz thiaz zax zinhz, nhoz trau 25 luz tỉnh, đrôngs, zov chínhr mak Nam Bôv. Têx cêr tênhr puôr zos hơv cov muôx luz nênhx vav mênhx zos Tinhv đơv Cự sir paz pơs njênhs Viêx Nam zos “Shâu cữv, shâu jông, tsơs zuk, liv pêx xênhv”.

Đrâu nơu muôx iz cxia chor nênhz tênhr hơv siz txơr nhoz li: tôn giaor Baha’i, Bưv Sơn Cys Hương, Tư Ân Hiêur Nghiar, Minh Sư đao, Minh Lyr đao - Tam tông miêur, Balamôn giaor,...

Hnuz 18/11/2016, Quôz hôi pêz têz qôus tûz yưv tởv ntâu tus Chai tênhr hữv, trớk nệnhs. Thớx jias tus chai tso vax phuỏn nhiak tênhr nhiak hữv zos muỏx, cov huv thiaz xis yẻnhx thax qỏu, chox tầu cẻr jông trầu cừu tus tiav sis cov huv tsik uỏ hiav trầu luz nẻnhx thiaz tus chai hầur thỏngz kaz ntux, ntởv tởz chiv mẻnhx tầu tẻx cẻr paz max ntởv Đangv têz qỏus Viẻx Nam, ntởu zos txox cẻr trầu chor nẻnhs nẻnhs tênhr hữv uỏ trớk jông tus chai têz qỏus tởv zừu tênhr li chak cux uỏ cov huv thiaz tsuỏk zos cẻr jông siaz tsik muỏx tsẻnhz.

3. Cẻr chai đaz kruỏk

Cẻr chai đaz kruỏk muỏx ntầu tsar ntầu zav, taz si zừu saiz txos 3 zav: nox hnar, nhoz, cẻr đaz kruỏ.

3.1. Cẻnhz cừv cẻr nox, hnar

Lok sầuv nox, thầuv nzor, tiz nẻnhs zov chẻnhr mak nhoz tsuỏk zos laix têz uỏ liax, ntầuk muỏz nẻk. Kar nox hầur yẻnhx pluỏs zos cxur thiaz nẻk. Cxur từu tầu sir uỏ mor, cxur blầuv uỏ mor blầuv, uỏ ndừu.đầuv ntởu tsẻnhv muỏx jầuz, tầuv, kok,... Chos hầur vax lok sis hầur đừuỏz têz. Hầu zos iz jax tsừ ziv ntởv pẻz Viẻx Nam. Tsừ ziv uỏ nox muỏx ntầu zav txầuk uỏ cẻ, muỏx ntầu zav nzir đros uỏ cẻ, shừ trầu.

Chor uỏ kuỏ hầus ntởv pẻz tiz nẻnhs mak zos muỏz nrầuz voc bầu tsẻs txiak, muỏx đẻx nrầuz nhoz li đẻx yừỏx zẻx, yừỏx nừuỏz (yừỏx zẻx nừuỏz, yừỏz kaz jiz) thiaz chừu cxur, chừu poz cừk. Pluỏs nox phẻnhv ntầur puỏr zos nox sầuv trỏngx lok sis

luz vaz, nox hâu yênhx sông. Thâu v nox mak tsừ
tsê tsuv zos tus chơu kruô, chor tuz nhuôn lok sis
chor nênhx mê tsuv hu zâu v chor hloz, nênhx lăuk
nox. Tov ntêx, chor ziv vax tsê bluô nux mak chor
txir nênhx thiaz chor pox niav nhiak nox nhiak iz
trôngx, hâu dêx hâu chơu yôngz uô hâu x lưv zov
chinh r mak tsuôk zos chor txir. Nhiv no, nhoz trầu
hâu đrôngs, cêr nox hâu cux tuz txuôn txơu r tas
trouk li chor têz qơu s phương Tây.

Jav tsôngs tiz nênhx Viêx Nam muôx ntâu hov.
Jav puôl lênhx zos têx ntâu z xơu s cov hâu v krơu r qơu
nhơu thiaz cov tsik sor, ntâu z xơu s trik yo phênhv
ntâu zos chor ntâu nhiak, siz, tsuâk. Ndox tâu, huv
trầu thax tsav ntux sor, phênhv ntâu mak zos chor
ntâu tsauk thiaz đuz, lok sis trauk gax. Nhơu trầu
ntu têz qơu phong kiênr, muôx txox chai lok six
đrux lok sâuv hnar tsôngs. Pêx xênhx tsuôk tâu
hnar yo đuz, tsauk lok sis. Trik yo ntơu v pêx xênhv
lok six zôngx ziv. Iz hâu chor tsôngs yo ntơu v chor
pox niav mak zos yo zax saz. Nhơu trầu thêr kyv
XVIII, tiz nênhx saz Băz tuz chuôz hnar yo nyuô tư,
tiz nênhx nhơu saz Nam hnar yo ntêr txos ntơu v
đuôr nyuô kaz yo. Fuôv ntâu v tâu z hâu thiaz trầu
khâu siaz lăuzz tơuk. Nhơu trầu têx hnuz muôx
ntênhx lox, chor txir nênhx hnar yo ntêr nyuô oz saz
tar, ntông fuôv câux. Tsôngs yo tâu pâu z txos ntâu
đuô ntơu v Viêx Nam mak zos yo saz ntêr. Viv zos
muôx ntâu zav yo no, yo ntêr tuz yênhx iz zav yo uô
đuôz bê cênhz cứ trầu tiz nênhx hâu têz qơu s,
hlôngr yêx muô s trầu têx cêr txux chi ntơu v têz qơu s
Viêx Nam.

3.2. Luz nênhx nhoz thiaz muk lok

Tsêr nhoz tiz nênhx Viêx Nam thâuv uz đros đraiv ntus đêx, (tsêr lóux, tror khâus) tov kaz ntoụr zostsêr zov chinhr mak zos, tsêr ar, vor blôngx, xor đruôz, tsêr ntông, tsêr kêk, chia tsik trâus chuô, tsênhv chênhz mak tsêr phênhv ntâu puôr zos tis trâu saz nam cov tsik cuz yar, tsik no. Tsêr tsik đar puôk tsoụrs tsês iz phênhv chia uô yar puôv, pak zus njęk, vax. Tiz nênhx Viêx Nam cênhz cữv “krêz tsêr tsik chuôk krêz siaz”.

Luz nênhx thâuv ub, viv zos luz siaz thiaz cêr uô nox hâus puôr zos kôngz lông, nhoz truô qoụr uô li tuz muôx tsoụrs nênhx shênhx muk lok. Ntâu nênhx nhoz trâu chês tox siaz tsik muôx thâuv tuz muk đhâu hâu jok, viv li ntoụr, tuz lok six zôngx ziv pâụz thâuv ntoụv, cêr muk lok nhoz trâu Viêx Nam, zov chinhr mak cêr yêz muk lok phuôv tsar kênhz. Phênhv ntâu puôr zos chaix gox, fuôx muk hâu đêx. Cữ đê, yar gox, gox tuz zos tus đuọz trâu tiz nênhx pâụz tsênhz - têx cêr jông siaz Viêx Nam.

3.3. Luz nênhx đaz kruôk

Cêr chai yôngz cok, cêr tuôk, đaz kruô tsiaz pêz châus, chor ntênhs lox ntoụv Viêx Nam puor tâu nhoz đros đraiv ntoụv tiz nênhx hâu jêx jok xar. Hâu cêr yôngz cok tov thâuv nzor, oz tos tuz cxais tsik tâu vax phuôv chiv chir siz zuôr mak zos niav txir cov zuôr krór tuz tsuv zuôr krór ntoụr. Thâuv zuôr nhaz, xair vâu trâu mê nhuôv, têx pos zoụrs khênhr hov xair chor nênhx muôx cênhz cữv zos iz vax tsê thâuv nzor ntoụz oz tos niav txir, chiv chir saiz lok sâuv luz nênhx muôx, pluôk, ceerr trâu jông

saz đầuv, sông, cê cừv siaz kêk ntừv oz tos niav txir, mênhx yux, haur vax tsê uô li tsừ tsours.

Đầu zxair tâu tus nênhx chox xair, nriar tâu tus nênhx tữ hủv cov uô nhaz, xair nhaz trầu tuz, exais, oz tos niav txir li xair hnuz nhungs jông, đầu ntâu cê đaz kruôk, txix uô txox chai jor trôngx vas jok, uô tus chai tok nhaz, nro xor, hủv mor, ndừk hâu lok uô cê chia cov txox hmôngr paz yênhx iz gừv niav txir.

Cê plox tuôs cux chox lok six cxix cxuô. Tiz nênhx Viêx Nam tữ xav tâu tiak "muôx siaz zos muôx tuôs" li ntừ thầuv tiz nênhx tuôs lừ, đaz kruôk tâu nthuôr lok six cxix cxuô. Trừk jux juk li cê chai hnuz li haur luk kria tov kaz no: nênhx tuôs tâu nzuôr chêr đuô lus, tsôngs yo yiaz ntâu pas, đầu ntừ zos muôz ntâu zdừz lok ntâu shov (shov ntâu zdừz) thiaz uô đaz kruôs tso haur phủv txias (muôz tus nênhx tso haur phủv txias). Đầu ntừ zos cê chai hnar trik yo shov, thầuv ntừ li zos tsênhv chênhzmuôx ntênhx tuôs.

Chia tuôx đros paz max trầu ziv vax tsê tuôs, chor nênhx tuôx tữ tuôs mak thầuv tữ tữ chos shaz, ntừ, tsừ chiaz, vox pax, cxur, chừ, thiaz nhiax tuôx tữ.

Txix six chox tuus muk shav xaz, haur xaz tâu cxiz ntov. Phủv txias nênhx tuố tâu muôx thiax trầu haur yêz, chor vox pax tâu nraik saz đầuv. Paz chox muk los muk trứk caz saz zos: chor shov, phủv xaz, qix pâu, chor vaur hloz zâu, kruô, qix tuôs, yor shu, yêz thầux nênhx, tuz nhuôn cê fôngx, zữ jêx jok.

Viêx Nam zos luz têz qừs muôx ntâu cênhz cừ ntừv cxuô luz ntênhx lov jêv, zov chnhv mak, haur

chaix tsiaz ntux iaz, zos luz chaix chia shox saiz
hơv trau cêr uô nox hâu kongz lông.

Chor hnuz muôx đaz kruôz zov chnhv hâu shông:

Tsiaz pêz châus: iz shông, ti nênhv Viêx Nam
muôx ntâu cêr đaz kruô, pêz châus, tsuôk xav Tsiaz
pêz châus (zos hnuz xia 1 hli 1 hmôngz yênhx shông)
zos hnuz tsiaz lox đuô ntaik. Ntơu zos six hơv sâuz
kôngz lông lok suôz cẩuv, cxuô tus tâu shênhx, tâu so,
jông siaz, siz yav hais luk uô si, ntơu cux luz chai ntux
no đhau jux juk chaix ntux yiax lok zuôr txos.

Tsiaz pêz châus hli iz hli: muôz lok uô trau hâu
luz hli iz (hli hmôngz) - luz six hơv hli đrôz đraz li
hli đra hâu shông. Hnuz nhungv tsiaz pêz chẩu zov
chnhv mak côngv shov hâu tsêr hmov, viv luz hli iz
cux zos luz hli ntơv chor nênhv tênhv hơv hux
shav. Đhau muk ntơv tsêr hmov, tas trôr lok hu
hur si chor nênhv hâu vax tsê chia siz njiz thiaz
nox mor uô cê.

Ntênhv Thanh minh: hâu têx hnuz ntơu tiz nêhv
lênhx tũr cux muk saiz kuô nza, chor nênhv hâu vax
tsê tuôz lữ chia hlữ shaz kho đuô. Ntênhv Thanh
minh zos luz hli 3 hmôngz. Muk saiz nza, zos pov
muôx nrox tuôx mak tsuv luôz suô, ar muôx plêz mak
tsuv kho cov ntov,... trôr lok txos tsêr hlữ shaz thov
phôngv cxuô tus hâu vax tsê cov tâu jông.

Ntênhv Has thv: “Has thv” tâu phênhz zos cxuô
zav kaz nox txiak, tâu krêz hâu hnuz xiaz 3 hli 3 (hli
hmôngz). Luz ntênhv no muôx thăuv tiav phuôz taik
Lyr (1010-1225) thăuv ntơu hov uô piar kênhx, piar
hmov chia hơv shov đaz kruôk. Nhiv no, luz ntênhv
no tênhv tâu chox đrux đrênhv nhoz saz Băz.

Ntênhs Đovan Ngov: tâu krêz hơv hâu hnuz xiaz 5 hli 5 yênhx shông (hli hmôngz). Hâu tê hnuz no, cê chai muôx ntâu cê chai hơv tuô kaz tuô njâu (lok sis hu uô tuô caz hiav kôngz lông) phax moz nhoz li nox pax thiaz txir hmaz txir ntôngz nhoz zar tais cik.

Ntênhs Trung Nguyên: chai Vu Lan (hnuz xiaz 1 hli 7 hmôngz yênhx shông) nntuôk kria cxuô tus pâuz hmoz siaz tê zav kôngv zuk muôx, ntuôk kria tuz nhuôv tsuv ndo nzôngr niav txir pox zướ uô tữ zus tâu zuk lox hloz chia hais txos luz côngz mênhx cê jông siaz, thiaz ndo txos tê lâuk.

Ntênhs Trung thu: tâu nthuô kria trâu 15 luz hli 8 hmôngz. Ntênhs Trung thu zos luz ntênhs lov jêv ntữv mê nhâu k tiav sis chor nênhx lâuk cux tâu saz zos iz luz ntênhs lov jêv chia siz njiz, thav luk hâu dê hâu chử, saiz hli đũa,... Đrôz hnuz mak tiz nênhx hlử sha thor cữv paz max ntữv đaz kruô, mo ntux muôz txir maz txir ntông, thax puô tsar zav lok nox, yuôx zê lok hâu,...

Ntênhs Hav Nguyên: tâu uô trâu luz six hơv hnuz zav hli 10, tâu hu uô nox mor blêx yiaz, ntênhs mor yiaz. Ntữ zos luz ntênhs lox đuô ntaik ntữv chor ntênhs hâu yênhx shông ntữv tiz nênhx Viê Nam cux li pê xênhv tox siaz.

Ntênhs zữs Công, zữs Taor: tâu nthuô hnuz 23 hli 12 (hli hmôngz) - tiz nênhx tâu sai ntữ zos iz hnuz “uô nox ntữv krôr chuz” ndê ntair Ntux chia thor trâu krôr chuz, uô tâu nox, thiaz cê siz ntuôk kria hais luk hâu iz luz shông đhâu.

Yênhx thax tsav nhiak muôx nhiak iz zav cênhz cứv txơư, zov chínhr đưô mak chor nténh kôngz lông (thor nas, lok uô liax, blêx yiaz,...). Đrăuv ntơư zos chor ntênhs chiv nhênhv chor nênhhs muôx côngz mênhx hâuư têz qơưs, cxuô cêr nténh nênhhs siaz, txux chi vax suôư.

4. Chox ndax siaz jông

- *Siaz ndax uô cov tiar lus nuv ntơưv têz qơưs, pênhr xưv tsik yai phiv liv, iz siaz tuôư truôx cêr côngz fênhx thax zinhz ntơưv mênhx yưx*

Txox cêr hluz têz hluz qơưs tâu yưv siv ntơưv tiz nênhhs Viêx Nam nzor hênhr, nhoz hluz chuôz thênhx, jêx jol, xar, thiaz lox đưô ntơư zos Têz qơưs. Zos krór qơư muôx ntâu txox cêr muk lok hâuư thôngz kaz ntux zov chínhr, muôx jông cxuô zav tsar, muôx ntâu zênhz nduôz xar tuôx txênhz. Nhoz trâu hâuư ntâu tiav lok, px thiaz pêz têz qơưs tuz tâu tir ntâuư ntâu jias tsoav tros lữư zinhz nduôz, pott phưv Têz qơưs. Ntu tus cux muôx chor nênhhs uô siaz truôx hluz têz hluz qơư, moz siaz viv têz qơưs, siaz tữư por phưv yênhx côngz: Txix Pos Châuv “Cur tsuôk xar chaix tâuư phuôz hloz, phuôz za muôx chênhv, đhâu trôngz đhâu har muôx chênhv nhoz hiar txữư, txênhz tâu têz qơưs, cxiv kho thax zinhz, zinhx cêr kuôz zuôv, tsik chia muôx cêr kâuư jos tok sữư ntơưv ntơưv nuk!”; Trâns Binhs Trongv “Cur zinhv chia uô đaz têz qơư, xữư tsik nyữư uô phuôz tak ar saz Bẳz”; Nguyênr Huêv “Ntâuư cov plâuư hâu ntêr/Ntâuư cov đưz hniar/Ntâuư civ nuk cxav đư lus trór tsik tâuư/Ntâuư cov krór tsik pov cêr trór tữư /Ntâuư cov zinhx cứv tri

têz qơus tâu thotx tsur têz qơus"... txos trau Bêr Văn
 Dans muôz zuk tus khênhx uô qơu tơu fov, Phan
 Đinhx Gioz muôz zuk muk cxơuk krur fov, Nguyên
 Viêtz Xuân muô siaz tơu "Tsov ndax zinhz nduôz!
 Tuô!"... Cêr hluz têz qơu, siaz tơu côngz fênhx thax
 zinhz ntơu pêx xênhv tữ yênhz nto bê "zos lz tsur
 ziv hâu luz ênhx Viêx Nam", zos qơu truôx siaz lox,
 zos têx grê muôx ntơu siaz tơu siaz ndax yênhx
 côngz ntơu pêz tiz ênhx Viêx Nam, ntơu tữ yênhx
 "krur qơu tsênhv ntơu tsênhv chênhz, muôx nto
 côngz nto bê" uô qơu chuôz jos zinhx tsav ntơu px
 txov nhêv, tsênhz zos tsur ziv jông thiaz tsiv nhos tâu
 Zơus Côngz Hux kruôs "Pêx xênhv pêz muôx luz siaz
 tơu moz siaz trau têz trau qơu. Ntơu zos luz côngz
 ênhx lox ntơu pêz. Txix thâu nvor txos nhic no,
 zos thâu Têz qơus tsuv cxor, mak cxuô tus tsênhv
 trur đros thôngx siaz paz max, uô yênhx iz luz qơu
 truôx muôx jos, lox hloz, hla đhâu cxuô cêr cxơux
 xinhz, txov nhêv, uô trau chor ênhx pêv cux tsik
 muôx nêx nêx muôs tsa hâu saiz"¹.

- *Siaz jông, siz ntêr, nhoz muôx nux muôx nrê*

Ntơu zos têx nux grêk nhoz tâu trau hâu đrôz
 siaz tâu zus lok tu hâu luz ênhx nê nhoz pâu siz
 hluz siaz cxơuz, pôngz ntâu đhâu ntâu jias cêr tsiv
 txov tsav tros por phuv Têz qơus thiaz luz ênhx txov
 nhêv ntâu shông nriar li tsiax cxur hâu yênhx hnuz
 txix uô liax uô têz chos blêx ntơu pêz tiz ênhx Viêx
 Nam. Krur zôngx ziv pov tsênhz zos luz siaz chox

1. Zơus Côngz Hux: *Thôngz fông ntơu*, Sđd, t.7, tr.38.

ndax ntouv tiz nênhz pêz tâu saiz jông li txuv ntouv “hluz” - Hâur vax tsê ntou mak zos cêr sor siaz ntouv chor nênhz zus lok “Côngz txir li luz trôngz yax/Ndo niav li đêx ntouv hâur touv lok”, jông cừ tix li “zav têk thiaz touv”, cêr hluz txix gouv “li hâur châus thiaz lâux yiz”; đar duô mak zos cêr hluz jêx jok thiaz sâuv mak zos siz hluz siz paz ntouv cxuô zav tiz nênhz “Ntâu zav tsuv paz qou trâu triavntax/Nênhz nhoz iz têz qous tsuv siz hluz txos hnuz cous”,... Hâur cênhz cừ, pxx xênhv tuz saiz muôx côngz mênhx têk luk hais chia siz hluz siz paz tuô tâu cêr thax zinhz cux li chor têz qous đrâu, cxaz ndouv têk cêr txoux chia tu mênhx pêv cxuô cêr cxor siaz ntouv cxuô luz têz qous chia muôx nhoz thax zinhz tiax tuk, txouv tiak muôx cêr nxênhz siaz ntouv zinhz nduôz xar nruôr hiav,... NNhiv no, cênhz cừ côngv têk zuôr tror cxouv tâu paz cov tror chox cov tâu mênhx pêv luz duôz bê ntouv Đangv, Têz qous thiaz px tror uô trôuk txox cêr thôngx siaz “chinhx xênhz trâu luz luô nưv txaik tok thiaz trâu jông cêr fôngx zưs trâu têz qous đrâu; zos fôngx zưs, zos qou nênhz jông uô nox zos iz fôngx zưs trâu jông chox cêr thôngx siaz hâur thôngz kaz ntux”¹. Nhoz ntu txaik tok thiaz trâu jông fôngx zưs trâu chor têz qous đrâu, cêr thôngx siaz côngv jos tâu saiz lok six zov chinhx thiaz nto bê yax duô đros trâu cêr hlôngr yiaz ntouv têz qous.

1. Đangv Côngv sanv Viêx Nam: *Ntâu ntou kria cừv Đaiv hoiiv đaiv biêu thôngz têz qoutus jias tiv XII*, Qou yuv touv fông ntouv ntouv tsênhv qou Chinhx triv têz qous Tsênhv chênhz, Hax Nôi, 2016, tr.153.

- *Muôx siaz gruôx, txoutx xar, txuôx sir hâu cêr uô nox hâux*

Gruôx khur, siaz truôx zos iz hâu luz siaz muôx nto ntour tiz nênhx tuz uô trau uô daz tsi lok cux yênhx côngz nto bê, cêr siaz jông ntour tiz nênhx Đông Ar, hâu ntou muôx Viêx Nam. Zos iz tus tiz nênhx Viêx Nam, siaz jông, gruôx khur, txoutx nê hâu khur nox khur hâux zos iz kro lok six zov chinhr viv uô tau li ntou li khur toun puô tsar zav muôx nux grê. Chox luz siaz gruôx, tsik yai cêr phiv liv, ntour tiz nênhx Viêx Nam mak zos txuôx pênhr tuz yênhx iz jax tsur ziv nhoz hâu ntiac têz.

- *Cênhz cừv moz siaz cừv thiaz ndo cêr yôngr cêr txiax njis*

Txix yênhx cxinhz sông lok, moz siaz cừv ntour tuz yênhx iz zav nuv tsênhv chênhz jông ntour tiz nênhx Viêx Nam. Cênhz cừv tsênhv tuôr tsês têx ntâu ntour sâu bê chor nênhx ntô côngz mênhx lok sâuv moz siaz cừv nhoz li: Nguyên Hiên tsik muôx txir thâuv mê, muk cừv ntour tsêr tênhr houv, tuz yênhx iz luz đuôz bê tuz tau ntour siaz thiaz sông tsour đuô ntaik ntour cênhz cừv pêz têz qour, thâuv nhuôr 13 sông, Mắc Đinhr Chi viv txov nhêv muk cừv tsi tauk, tsuôk zos sour saz đrau jôngr hnôngs cuk kria hâu tsêr, mo ntux ntêk caz muôx tênhz trau hâu fhâu k ai chis cừv ntour, tuz tuz tau ntour siaz yax yênhx iz tus Trangv Nguyên têz qour (Tsongz Cux thiaz Đaiv Viêx). Ntô zos iz cxia uô tsov iar moz siaz cừv ntour chor nênhx cia nê tsiv nhos hais li: Xiz phur Chu Văn An, Trangv trnhx Nguyên Bínhv

Khiêm, Trangv lương Lương Thê Vinh, cùk zours côngz choz kria Lê Quyr Đôn,...; chox luz siaz truôx trâu siaz cùv ntour tuz yênhx iz tus xiz phưv nto côngz nhoz Nguyênr Ngok Kyr,... Cênhz cùv cùv muôx, cêr moz siaz ntouv tiz nênhx Viêx Nam tsênhv tâu saiz zos chor nênhx siaz ntêr moz siaz cùv coz xưz yênhx nênhx ciaz nję, pâuiz phưv cùk kria, saiz cùk kria li zus lênhx niav “Saiz tâu k cùk kria, zuôr phưv cùk kria”, “Tsi muôx cùk kria tuz kox uô tiar”. Đros trâu têx cênhz cùv ntou tiz nênhx Viêx Nam, tav li đêx ntuk ntouv cêr cùv ntour chox luz siaz truôx, pâuiz moz siaz “Cùv! Cùv tas! Cùv thiaz!” tuz tâu cxuô tiav tiz nênhx Viêx Nam chox uô li nhiv no zuôr tsuv tror cùv cov yênhx côngz.

V. KRIA NTOUR

1. Ntu trâu chox car

Txix hâu Công nguyên đuô Phuôz Taik thiaz chor thươx nhoz têz qour Tsungz Cux tuz choz kria ntour Nho, krêz tsêr cùv ntouv Viêx Nam, chox luz tsur ziv uô cov jông siaz. Nhoz trâu ntu no, cêr chox car krêz tsêr cùv phuôz taik car thiaz tso chai krêz tsêr cùv hâu vax tsê, zov chihnr mak kri ntour Hanr trâu iz cxia tsour tiz nênhx Viêx Nam thiaz kria ntour Viêx trâu iz cxia thour car. Pênhz lênhz tuz uô trour ntâu tus chai kuôz zuôn pêx xênhv, tuôr pir li chia iz cxia tus tuz nhuôn ntouv px chor nênhx muôx bê muk cùv txos iz kêz tuz cux tsik xav mak tuz zuôr tuz ntour muk kêz siaz. Hâu ntu no, hâu thôngz têz qour Viêx Nam tsi tâu muôx ntour kria.

Ntu muk txos puôz tov kaz no phuôz taik xênhv Đưôngs (618-907), Tsungz Cux li tsê cêr trầu shuv xinhz Viêx Nam tứ ntour muk trầu kêz siaz, tươt tầu chor tứ ntour yênhx tuus cov pâu z tsênhz. Txix ntour, cêr cừv ntâu z ntour ntour Viêx Nam thiaz yuv siv trour li cêr cừv ntâu ntour Tsungz Cux, muôx txos nhoz li cừv câz 1 (sâu sê thêv trầu chor shuv xinhz tsik tầu muôx 15 shông), câz cừv no zov chinhr mak kria trầu chor shuv xinhz tsêr tênhv hừv (ntour muôx têx txuv ntê li 3 tus txuv ntour, zov chinhr mak kria cov uô nênhz jông); nhoz trầu cừv Đaiv hok cừv sâu ntour xa (đaiv hok, cừv cêr nox nhoz, cêr chhai ntâu z ntour, cêr plo x tus) thiaz ntour hừv (hừv shov, hừv huv, hừv cênhz, thor cxuô zav hâu cxuô luz ntênhz). Chor ntâu z ntour cho x kria no tứ hais lok txos trầu iz ntu tov kaz no, hu uô cênhz cừv Nho cừv - Khôngv cừv.

2. Ntu phong kiênr

Chuôz muk trầu thêr kyv II, đros trầu hâu x lưv cxiv tsa têz qour, cênhz cừv mak zos ntuôk kria ntâu z ntour trầu px. Krôr zov chinhr ntour ntâu z ntour Viêx Nam ntu phong kiênr zos kruôz kria ntour Nho. Ntu uô ntêx cxiv tsa têz qour, đrâu v kria ntâu z ntour Nho cừv tsênhv yuôr iz cxia zav ntâu z ntour siz txour nhoz li ntour tênhv hừv, thiaz chor nênhz trour nênhz Đao x giaor. Pênhv tsênhz muôx ntâu txour txar lok sâu cxuô zav ntâu z ntour cừv, tiav sis chor nênhz uô nov tsur car phong kiênr puôr zos muôz Nho giaor ntour lok kria trầu luz siaz luz njuk thiaz tus chai hâu têz qour. Viv li ntour, Nho

giaor tuz yênhx chor ntâu ntour tâu kria iz exis ntu phong kiênr. Ntour cớv ntour ntour cớv ntour Nho giaor zos zav ntour siaz nhoz trầu kêz *Từ thư, Ngur kinh thiaz cớv muỗ ndâu, hais luk*. Tsur ziv cớv shâu zos muỗ ntâu zav chox kria. Phênhv ntâu puôr zos cớv shâu muỗ ndâu ndo siaz, cêr kruôz ntuôk shâu jông, cớv yuỗ, cớv têk tở; cớv shâu siaz ndax zov chinhr chia uô tâu cxuô tus cớv shâu (nthuôk kria phuv hươv cêr tênhv nênhv ntour - Nguyên Trair).

Kror qớu chox kria ntâu ntour thoux jias ntour ntu phuôz taik phong kiênr nhoz Viêx Nam (tâu sâu trầu hâu iz fâu ntour) Văn Miêur - Quôz Tữ Giamr Thẳg Long, zos phuôz taik Lyr Nhân Tông chia tsa nhoz sông 1070. Thoux jias từ ntour o zos sông 1075. Ntu uô ntêx, Văn Miêur tsuôk zos kria trầu phuôz taik tuz nhuôv thiaz chor tuz uô nov hâu, đhâu ntour krêz đar jux juk zos chor tuz txiz chor mê nhuôv chia car poz trầu hâu lữ pâu ntâu ntour hâu têx qớu nhoz. Ntour zos luz tsêr cớv Đaiiv hocv ntour têz qớu Viêx Nam yữ siv. Cêr cớv ntâu ntour thâu ntour zos tsêr cớv tâu chor nênhv muỗ chiv chir krêz, ntour tsênhv tâu hu cêr muk trầu tuz nhuôv chor nênhv cớv. Cêz siaz đuô thiaz mak zos chia chor shuv xinhz zos chor thoux chox cớv. Cêz siaz đuô ntaik mak tsêr cớv Quôz Tữ Giamr tsuôk zos chia phuôz taik thiaz chor nov lox tuz nhuôv cớv. Ntu phuôz taik phong kiênr tâi phênhv uô yênhx ntu lok six tsênhv, chor nov hâu hu shuv xinhz uô xinhz. Phuôz tai chor tuz tâu hu uô Tôn Sinh. Chor nov hâu hâu têz qớu hu uô Âm Sinh.

Đros trầu cêr phuôv tsar chox kria ntâu z ntour ntouv ngành kria ntour, tsêr phuôz taik phong kiênr lok six saiz zov chinhr siz tứ ntour, saiz ntou zos iz hâux lưv tsênhv chênhz chia nriar tâu chor nênhz cõ xư z lok nhoz hâu nov tsar car têz qour. Chor kêz ntu phuôz taik phong kiênr tâu phaiz uô 3 thênhv: zos tứ Hương, tứ Hôi v thiaz tứ Đinhx.

Zov chinhr, cxuô tus chai tứ ntouv ntu phong kiênr tứ z lok six zov chênhr, ntou tứ chiv mênhx tus chai shaiz shuôk ntu phuôz tais txix Lyr, Trâns txos Lê, Nguyên siaz lok six mênhx pêv. Uô li tiav sis zuô nov, muô tsur tứ muôx yưv siv thiaz zuô điêmv tứ ntour cux muôx, tiav sis chor nênhz zuô điêmv tứ ntour mak zos ntêk tâu lok six bluô nhar. Hâux lưv xair zuô chor tuz tros this nov hâu đhâu tứ ntour, xair lok six tsênhz, chox lữ siaz côngz fênhx chia xair ntouv pêx xênhv.

Đhâu yax six hâu yênhx cxinhz shông, tiz nênhz Viêx Nam cừv ntour Hanr (shâu v nhênhv ntour Hanr tiav sis trưk li luk Viêx Nam) thiaz sir zôngv ntour Hanr lok uô cxuô zav ntâu z ntour sir zôngv tiav sis cux tsik tsuv Hanr txir txiv, mak tsênhv por phưv tâu cêr cênhz cừv thiaz txux chi ntouv pêz.

3. Txix shông 1945 txos nhiv no

Tsav tros luz Hli Ziv shông 1945 yênhx côngz, têz qour Viêx Nam Dân tsuv Côngv hoax tứ tsa tiar, cênhz cừv cêr choc kria ntâu z ntour hâu têz qour tứ tâu hlôngr yiaz. Chinhr phuv tứ sêu bê tso chai chia krêz lơ cừv ntourm cừv so đis muô ntour. Đros trầu hâux lưv so đis muô ntour, Chinhr phuv Viêx Nam

Dân tsuv Côngv hoax tuz muox txox chai hlôngr tsur ziv krêz cêr cớv ntáu z ntóur thênhv têz qóus.

Shông 1950, Trung ương Đangv thiaz Chínhr phuv tuz muox quyêz đínhv cxóuz chínhr hlôngr tsur ziv chox kria ntáu z ntóur. Cêr hlôngr yiaz no tuz chuôz choz kria nhoz trau iz cxia luz tsêr cớv phôv thông tâu 9 luz shông chia kria ntâu z ntóur yiaz.

Nhoz trau 3 tiav cêr tsav tros tir ntáu z zínhz nduôz Phar Cír thiaz zínhz nduôz Miv Cux, cêr cớv ntáu z ntóur txix phôv thông txos trau đav hok tsik zos tuôr truôx xuz mak tsênhnduô ntâu ntênhv siaz đuô thiaz hlôngr yiaz lớv ntâu: mênhx yux, cêr cớv tsur ziv, pxtâu cớv đar.

Đav hỏiv jias tiv VI ntóur Đangv Côngv sanv Viêx Nam luz hli 12/1986 tuz ndê muk trau ntu hlôngr yiaz hur tiz si ntóur Viêx Nam. Txox chai ntóur ngahs chox kria ntáu z ntóur hâu ntu no zos chox kria ntâu zav côngv uô cê, qar, cxuô zav cênhz tir chox kria, qóu cớv ntóur cxuô luz tsêr cớv, tsêr cớv car nhâk, vax tsê tuz tâu nthuôr chox.

Hâu ntu ndê muk hlôngr yiaz, zov chínhr mak đhâu nthuôr kria uô tróuk Nghiv quyêz Đav hỏiv Đangv jias tiv XI thiaz Nghiv quyêz sô 29-NQ/TW hnuz xiaz 04/11/2013 lok sâuv hlôngr tsur ziv chox kria ntáu z ntóur, hur tiz si chox kria ntóur hâu cxuô qóu, ngahs chox kria ntáu z ntóur tuz uô tâu ntâu zav nuv tsênhv chênhz, cxaz nduôz paz max cxóuz trau cêr cớv ntáu z ntóur ndê muk lớv yênhx thênhv, zov chínhr mak ndê lớv chuôz chor têz qóus vav mênhx.

Tsêr cớv ntóur, qar cớv tuz muox ntâu hlôngr yiaz sai sai, uô tróuk tus chai chox kria ntáu z ntóur

trâu thôngz px, car poz trâu cêr cớv ntâu ziv hnuz ziv tsar ntóv têz qợs, chia px muỗ tsar nzir cớv ntâu ntóv siaz, cớv shâuv tâu tsừ ziv uô nox hâu. Cêr côngz fênhx hâu chox kria ntâu ntóv tâu ziv hnuz ziv siaz, zov chnhr mak pêx xênhv tiz nênhx tsợs, nhoz tox siaz, uô liax uô têz, chor nênhx muỗ côngz mênhx, px txov nhêv, puô muỗ cêr côngz fênhx vax phuôv siz luô. Tróuk li têz zinhx liv tữ chox uô tâu thiaz yuỗ saiz thôngz têz qợs shông 2019, thôngz têz qợs muỗ 95,8% pêx xênhv txix 15 shông tror sâuv pâu nhênhv, pâu sâu ntóv, 91,7% tiz nênhx txâu shông puô tâu cớv ntóv. Tróuk li hais pâu ntóv Bôv Giaor duk thiaz Đaox taov, shông cớv 2018-2019, thôngz têz qợs muỗ 237 luz tsêr cớv đav hok muỗ nhos 1.526.111 lênhx shuv xinhz cớv. Cêr cớv ntâu ntóv ziv hnuz ziv tsar ndê, cxaz nduô car poz tsâu cêr cớv ntóv thiaz cêr phuôv tsar uô nox - puô tsar zav, car poz por phứv truôx zus Têz qợs. Cêr côngz xữv tâu chox car zinhx txênhv, saiz zov chnhr cêr hlôngr yiaz sâuv luz nênhx nox nhoz. Bax muỗ cxix cxuô puô tsar zav trâu nganhx chox kria ntóv tâu cxữv trâu cêr chox kria ntóv ziv hnuz ziv jông hlôngr yiaz. Cêr cớv ntóv hlôngr yiaz thiaz cxữv chnhr trâu jông cêr fôngx zus trâu têz qợs đrav, tữ uô tiar ntâu zav nuv tsaênhv chênhz.

PHUX LUX

Grê 13 tus chai têz qơư Côngv hoax xar hôiv tsuv nghiari Viêx Nam shông 2013:

1. Quôz cix têz qơư Côngv hoax xar hôiv tsuv nghiari Viêx Nam zos ziv plâu z chês câuv ntêr, krôr saz siêz zos $2/3$ ntơưv krôr zar ntêr, plơư liêz, đrươz đraz zos luz vox tsiz chês đax.



2. Quôz huy têu qơư Côngv hoax xar hơiv tsuv
nghiar Viêx Nam zos ziv khênhx, đraz liêz, đruôz
đraz muôx vox tsiz chês, ndis lênhs muôx chor trêr
blêx, đrav hâu muôx luz los yêz hniar cươ thiêz jax
ntơư Côngv hoax xar hơiv tsuv nghiar Viêx Nam.



3. Quôz ca têz qơus Côngv hoax xar hōiv tsuv nghiari Viêx Nam zos suôz luk tâuz thiaz hu “Tiến quân ca”

Tiến quân ca
(QUỐC CA)



Nhạc và lời: VĂN CAO

Nhịp đi - Hùng mạnh

Đoàn quân Việt Nam đi chung lòng cứu quốc. Bước chân
(Đoàn quân Việt) Nam đi sao vàng phấp phới. Đất giống
đòn vang trên đường gặp ghềnh xa. Cờ in máu chiến thắng vang hồn
núi quê hương qua nơi lửa than. Cùng chung sức phấn đấu xây đời
nước. Sừng ngoài xa chen khúc quân hành ca. Đường vinh
mãi. Đứng đầu lên gông xích ta đập tan. Từ bao
quang xây xác quân thù. Thắng gian lao cùng nhau lập chiến
lâu ta nuốt căm hờn. Quyết hy sinh đời ta tươi thắm
khu. Vì nhân dân chiến đấu không ngừng. Tiến mau
hơn. Vì nhân dân chiến đấu không ngừng. Tiến mau
ra sa trường. Tiến lên! Cùng tiến lên! Nước non Việt
ra sa trường. Tiến lên! Cùng tiến lên! Nước non Việt

Nam ta vững bền. Đoàn quân Việt...
Nam ta vững... bền.

4. Quôz khanhr têz qơus Côngv hoax xar hōiv tsuv nghiari Viêx Nam zos hnuz hnuz tux đav ntơư yưv siv cêr thax zinhz hnuz xiaz 2 hli 9 shông 1945.

5. Đrôngs tuôv chênhz têz qơus Côngv hoax xar hōiv tsuv nghiari Viêx Nam zos Hax Nōix.

IZ CXIA QƠU CÔNGV HUV TÂU CÔNGZ ZINH THÊNHV TÊV QƠUS NTOUV VIÊX NAM¹

Jux juk	Bê qơu jông gâu	Six hơuv	Zav tàu côngz zinhv
1	Vinhv Hax Long	17/12/1994 02/12/2000	Yênhx qơu por huv tàu côngz zinhv thôngz kaz ntux
2	Vax lôngs têz qơus Phong Nha - Kev Bangx	7/2003 7/2015	Yênhx qơu por huv tàu côngz zinhv thôngz kaz ntux
3	Vax lôngs tsiax kuk Cờ đô Huêr	11/12/1993	Yênhx qơu por huv tàu côngz zinhv thôngz kaz ntux
4	Thax qơu tsêr hmov Myr Sơn	12/1999	Yênhx qơu por huv tàu côngz zinhv thôngz kaz ntux
5	Khu phờ kuz Hội An	01/12/1999	Yênhx qơu por huv tàu côngz zinhv thôngz kaz ntux
6	Thax tsav qơu tàu côngz zinhv por huv Hoangx thanhx Thăng Long - Hax Nôix	31/7/2010	Yênhx qơu por huv tàu côngz zinhv thôngz kaz ntux
7	Kaz tsêr xênhx Hôs	27/6/2011	Yênhx qơu por huv tàu côngz zinhv thôngz kaz ntux
8	Thax tsav qơu ndis thiaz chuôz tav Tsangs An	23/6/2014	Yênhx qơu por huv nầu zav tàu côngz zinhv thôngz kaz ntux

1. Thanh Huyênx (sâu tọt): *Hnongs - têz lok nơuv chor qơu côngz huv tàu côngz zinh têz qơus thiaz kaz ntux nơuv Viêx Nam, Qơu yuv tọt fông nơuv nơuv tsênhv qơu Chínhr triv têz qơus Tsênhv chênhz, Hax Nôix, 2018, tr.14-15.*

Jux juk	Bê qor jông gâux	Six hourv	Zav tâu côngz zinhv
9	Tsêr trax zak suôz kuz vax lông Huêr	07/11/003	Yênhx qor por huv tâu côngz zinhv thôngz kaz ntux
10	Thax qor trâu chuôz tav truôk Chiêm Tây Nguyên	11/2005	Yênhx qor por huv tâu côngz zinhv thôngz kaz ntux
11	Gâux quan hox Băz Ninh	30/9/2009	Yênhx qor por huv tâu côngz zinhv thôngz kaz ntux
12	Suâz gâux Ca trus	01/10/2009	Yênhx qor por huv tâu côngz zinhv thôngz kaz ntux
13	Hôiv jôngr nhoz Đêns Phus Đôngv thiaz Đêns Soz	16/11/2010	Yênhx qor por huv tâu côngz zinhv thôngz kaz ntux
14	Gâux Xoan	24/11/2011	Yênhx qor por huv tâu côngz zinhv thôngz kaz ntux
15	Cêr njęnhs tēnhv hourv Hungx Vưong	06/12/2012	Yênhx qor por huv tâu côngz zinhv thôngz kaz ntux
16	Zinhz zav suôz gâux Đơns ca tais tưv Nam Bôv	12/2013	Yênhx qor por huv tâu côngz zinhv thôngz kaz ntux
17	Suôz gâux vir, giămv Nghêv Tinhv	27/11/2014	Yênhx qor por huv tâu côngz zinhv thôngz kaz ntux
18	Cêr lov jêv gruk hluô nhoz Viêx Nam	02/12/2015	Yênhx qor por huv tâu côngz zinhv thôngz kaz ntux
19	Cêr chai tēnhv hourv Niêv Tam phuv	01/12/2016	Yênhx qor por huv tâu côngz zinhv thôngz kaz ntux

Jux juk	Bê qor jông gâux	Six houv	Zav tâu côngz zinhv
20	Zênhz zav Bais Chois nhoz Trung Bôx	07/12/2017	Yênhx qor por huv tâu côngz zinhv thôngz kaz ntux
21	Ntour lâuk triêus Nguyênr	31/7/2009	Yênhx qor por huv tâu côngz zinhv thôngz kaz ntux
22	Fiax poz jêz tinh sir Văn Miêur - Quôz Tưv Giamr	09/3/2010	Yênhx qor por huv tâu côngz zinhv thôngz kaz ntux
23	Tsêr tênhr houv thiaz ntour ntour Hâu sav Thiêns paz Truz Lâm chuas Vinhtr Nghiêm	16/5/2012	Yênhx qor por huv tâu côngz zinhv thôngz kaz ntux
24	Châu banv triêus Nguyênr	14/5/2014	Ntour por huv tâu côngz zinh kaz ntux
25	Ntour txux ci vax suôr cênhz curv tsêr houv Huêr	19/5/2016	Ntour por huv tâu côngz zinh kaz ntux thax tsav - châu Ar Thair Binhx Dương
26	Trôngz jêz nhoz Đôngs Văn	03/10/2010	Thax qor zông gâux thôngz kaz ntux

CHOR TINHV ĐRÔNGS NTỜUỖ VIÊX NAM

Jux juk	Tinhv/ đrôngs	Tiz nênhs ¹	Ar xay ² (km ²)	Mar xor tôngx chuô ³	Mar tsêr bưu chinh ⁴
1	An Giang	1.908.352	3536,7	296	90000
2	Bax Riav - Vungr Taux	1.148.313	1989,5	254	78000
3	Bax Liêu	907.236	2468,7	291	97000
4	Băz Kanv	313.905	4859,4	209	23000
5	Băz Giang	1.803.950	3844,0	204	26000
6	Băz Ninh	1.368.840	822,7	222	16000
7	Bênr Tre	1.288.463	2360,6	275	86000
8	Binhx Dương	2.426.561	2694,4	274	75000
9	Binhx Đinhv	1.486.918	6050,6	256	55000
10	Binhx Phuroz	994.679	6871,5	271	67000
11	Binhx Thuâv	1.230.808	7812,9	252	77000
12	Cax Mau	1.194.476	5294,9	290	98000
13	Cao Băngx	530.341	6707,9	206	21000
14	Cânx Thơ	1.235.171	1409,0	292	94000
15	Đax Năngr	1.134.310	1285,4	236	50000
16	Đăz Lăz	1.869.322	13125,4	262	63000
17	Đăz Nông	622.168	6515,6	261	65000
18	Điêv Biên	598.856	9562,9	215	32000
19	Đôngx Nai	3.097.107	5907,2	251	76000
20	Đôngx Thaz	1.599.504	3377,0	277	81000

-
1. Trôux li yuôx sai yuv tươv tiz nênhs thiaz tsêr nhoz
tưz tâu tôngv cux thôngr cê fuô tươv thông 2019.
 2. <https://www.gso.gov.vn>.
 3. <http://banhangvnpt.vn>.
 4. <https://www.35express.org>.

21	Gia Lai	1.513.847	15536,9	269	61000
22	Hax Giang	854.679	7914,9	219	20000
23	Hax Nam	852.800	860,5	226	18000
24	Hax Nôix	8.053.663	3328,9	24	10000
25	Hax Tinh	1.288.866	5997,2	239	45000
26	Haiv Dương	1.892.254	1656,0	220	03000
27	Haiv Phong	2.028.514	1523,4	225	04000
28	Hâu Giang	733.017	1602,5	293	95000
29	Hoax Binh	854.131	4608,7	218	36000
30	Hôx Chir Minh	8.993.082	2905,6	28	70000
31	Hung Yên	1.252.731	926,0	221	17000
32	Khanh Hoax	1.231.107	5217,7	258	57000
33	Kiên Giang	1.723.067	6348,5	297	91000
34	Kon Tum	540.438	9689,6	260	60000
35	Lai Châu	460.196	9068,8	213	30000
36	Langv Sơn	781.655	8320,8	205	25000
37	Lok Ciaz	730.420	6383,9	214	31000
38	Lâm Đông	1.296.906	9773,5	263	66000
39	Long An	1.688.547	4492,4	272	82000
40	Nam Định	1.780.393	1651,4	228	07000
41	Nghê An	3.327.791	16493,7	238	43000
42	Ninh Binh	982.487	1390,3	229	08000
43	Ninh Thuận	590.467	3358,3	259	59000
44	Phur Thov	1.463.726	3533,4	210	35000
45	Phur Yên	872.964	5060,6	257	56000
46	Quangv Binh	895.430	8065,3	232	47000
47	Quangv Nam	1.495.812	10438,4	235	51000
48	Quangv Ngair	1.231.697	5153,0	255	53000
49	Quangv Ninh	1.320.324	6102,4	203	01000
50	Quangv Triv	632.375	4739,8	233	48000
51	Soz Trắng	1.199.653	3311,6	299	96000
52	Sơn La	1.248.415	14174,4	212	34000
53	Tây Ninh	1.169.165	4039,7	276	80000
54	Thair Binh	1.860.447	1570,0	227	06000

55	Thair Nguyên	1.286.751	3531,7	208	24000
56	Thanh Hoar	3.640.128	11131,9	237	40000
57	Thưax Thiên - Huêr	1.128.620	5033,2	234	49000
58	Tiêx Giang	1.764.185	2508,3	273	84000
59	Tras Vinh	1.009.168	2341,2	294	87000
60	Tuyên Quang	784.811	5867,3	207	22000
61	Vinhr Long	1.022.791	1496,8	270	85000
62	Vinhr Phuz	1.151.154	1236,5	211	15000
63	Yên Bair	821.030	6886,3	216	33000

VIỆT NAM - ĐẤT NƯỚC, CON NGƯỜI

I. ĐẤT NƯỚC

1. Vị trí, địa lý

1.1. Lãnh thổ

Việt Nam nằm trên bán đảo Đông Dương, thuộc khu vực Đông Nam Á.

- Diện tích¹:

+ tổng cộng: 331.210km², xếp thứ 67 trên thế giới.

+ mặt đất: 310.070km².

+ mặt nước: 21.140km².

Lãnh thổ Việt Nam gồm hai phần: phần đất liền và phần hải đảo.

Phần đất liền nằm trên phần đông bán đảo Trung Ấn, phía bắc giáp Trung Quốc, phía tây giáp Lào và Campuchia, phía đông và nam giáp Biển Đông, phía tây nam giáp vịnh Thái Lan.

Phần hải đảo bao gồm: Các đảo trong vịnh Hạ Long, các đảo Cát Bà, Bạch Long Vĩ, Cồn Cỏ, Lý Sơn, Hòn Khoai, Phú Quốc, Hòn Nghê, Hòn Tre, Hòn Sơn Rái và các quần đảo Vân Hải, Cô Tô, Phú Quý, Nam Du, Côn Đảo, Thổ Chu,... Các quần đảo khác trong Biển Đông gồm hai quần đảo lớn là quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa. Trong hai phần lãnh thổ nói trên, phần lãnh hải rộng gấp nhiều lần so với phần lục địa và tiếp cận lãnh hải

1. Xem <https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/geos/vn.html>, truy cập ngày 29/4/2020.

của Trung Quốc, Philíppin, Indônêxia, Brunây, Malaixia, Thái Lan và Campuchia¹.

1.2. Địa hình²

Từ biên giới phía bắc đến đèo Hải Vân, nửa bắc Việt Nam địa hình có đặc điểm: núi, sông đều như đã được sắp xếp theo hướng tây bắc - đông nam. Điển hình là sông Hồng, chia Bắc Bộ ra làm hai phần. Phía đông có các dãy núi đá vôi hình cánh cung quay lưng sang đông như cánh cung Sông Gâm, cánh cung Ngân Sơn, cánh cung Bắc Sơn. Phía tây là miền Tây Bắc, các mạch núi và cao nguyên nối tiếp nhau chạy từ tây bắc xuống đông nam, từ biên giới Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào xuống đến vịnh Bắc Bộ, cùng hướng với sông Hồng. Ở đây, núi non trùng điệp, có đỉnh Phanxipăng cao 3.143m, được mệnh danh là “nóc nhà Đông Dương”.

Từ đèo Hải Vân vào phía nam là các khối đá hoa cương rộng lớn, thỉnh thoảng nhô lên thành đỉnh cao, còn lại là những cao nguyên liên tiếp hợp thành Tây Nguyên, rồi phía đông được nâng lên thành mạch Trường Sơn, nhiều đoạn dốc thẳng xuống các đồng bằng duyên hải Trung Bộ, hay ra đến tận Biển Đông và ở tận cùng phía nam thì thấp dần xuống là các sông Đồng Nai và Cửu Long.

Từ xa xưa, Việt Nam đã được ví như chiếc đòn gánh quẩy hai bờ thóc - “nhất cống lưỡng cơ” bởi ở Bắc

1. *VIỆT NAM - Đất nước - Con người*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.3.

2. *VIỆT NAM - Đất nước - Con người*, *Sđd*, tr.4.

Bộ và Nam Bộ là hai đồng bằng rộng lớn, ruộng đồng quang đãng, phì nhiêu, là vựa thóc của đất nước; và ở Trung Bộ, phần lớn là núi và cao nguyên hẹp và dài.

1.3. Biển và hải đảo¹

Việt Nam có ba mặt đông, nam và tây nam trông ra biển, với bờ biển dài khoảng 3.260km, trải dài từ Móng Cái ở phía bắc đến Hà Tiên ở phía tây nam, chưa kể bờ biển của các đảo.

Việt Nam có 28/63 tỉnh, thành phố có biển. Nơi cách biển xa nhất là khoảng 500km (Điện Biên).

Đoạn bờ biển đầu tiên từ Móng Cái đến Cửa Ông thấp, nhiều bãi sù vẹt viền lấy bờ, hợp thành những rừng cây nước mặn bảo vệ và mở rộng vùng ven biển.

Từ Cửa Ông vào đến Đồ Sơn, cánh cung núi đá vôi Đông Triều lún xuống, bị nước biển phủ lên, biến các ngọn núi thành hàng nghìn hòn đảo với thiên hình vạn trạng, tạo nên một vùng thắng cảnh nổi tiếng trên thế giới gồm vũng Bái Tử Long và vũng Hạ Long.

Từ Đồ Sơn vào đến Cửa Tùng, trên 500km bờ biển thẳng tắp, ven các đồng bằng, có nhiều bãi cát đẹp và cồn cát cao, có nơi đến 40m, từng chặng lại có những dãy núi ngang nhô ra biển, thành những mũi đá.

Từ Cửa Tùng vào Quy Nhơn là 450km bờ biển cát bồi nhưng thuộc dạng khác; phù sa sông ngòi đổ

1. *VIỆT NAM - Đất nước - Con người, Sđd*, tr.5, 6; Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng: *Sổ tay công tác tuyên truyền biển, đảo Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020, tr.32-33.

ra biển, làm thành những dải cát duyên hải, gọi là vây nước biển, tạo thành những đầm, phá như đầm Cầu Hai, phá Tam Giang; những mỏm núi nhô ra biển thành những mũi Chân Mây, Hải Vân,...

Từ Quy Nhơn vào Mũi Dinh là hơn 200km bờ biển, sát chân dãy Trường Sơn, cạnh lòng biển sâu là đoạn bờ khúc khuỷu nhất Việt Nam, sườn núi cứ tiếp theo vũng biển, tạo ra nhiều vũng kín, đẹp lạ thường.

Từ Mũi Dinh trở vào, bờ biển dài hơn 800km nhưng chỉ có một vùng núi nhỏ tạo ra Vũng Tàu, còn lại toàn là những cồn cát duyên hải, những bãi bồi ở các cửa sông Cửu Long, những rừng đước ngập mặn ở Cà Mau, và cuối cùng là một nhóm núi đá vôi ở Kiên Giang. Việt Nam có khoảng 3.000 đảo lớn, nhỏ, gần và xa bờ, hợp thành phòng tuyến bảo vệ, kiểm soát và làm chủ các vùng biển. Căn cứ vị trí chiến lược và các điều kiện địa lý, kinh tế, dân cư, có thể chia các đảo, quần đảo của Việt Nam thành các nhóm:

- Hệ thống đảo tiền tiêu, có vị trí quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trên các đảo có thể lập những căn cứ kiểm soát vùng biển, vùng trời, kiểm tra hoạt động của tàu, thuyền, bảo đảm quốc phòng an ninh, xây dựng kinh tế, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước. Đó là hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và các đảo như: Chàng Tây, Thổ Chu, Phú Quốc, Côn Đảo, Phú Quý, Lý Sơn, Cồn Cỏ, Cô Tô, Bạch Long Vĩ,...

- Các đảo lớn có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Đó là các đảo: Cô Tô, Cái Bầu, Cát Bà, Cù Lao Chàm, Lý Sơn, Phú Quý, Côn Đảo, Phú Quốc,...

- Các đảo ven bờ gần đất liền, có điều kiện phát triển nghề cá, du lịch và cũng là căn cứ để bảo vệ trật tự, an ninh trên vùng biển và bờ biển nước ta. Đó là các đảo thuộc huyện đảo Cát Bà, huyện đảo Bạch Long Vĩ (Hải Phòng), huyện đảo Phú Quý (Bình Thuận), huyện đảo Côn Đảo (Bà Rịa - Vũng Tàu), huyện đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi), huyện đảo Phú Quốc (Kiên Giang),...

2. Khí hậu và sông ngòi

2.1. Khí hậu¹

Việt Nam nằm trong miền khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của biển nên độ ẩm quanh năm cao (trên 80%). Riêng miền Bắc (từ đèo Hải Vân trở ra) ngoài hai mùa khô và mùa mưa còn có sự phân biệt mùa lạnh và mùa nóng. Miền Nam quanh năm đều nóng; mỗi miền lại có những tiểu vùng khí hậu khác nhau do đặc điểm của vị trí địa lý và địa hình.

Miền núi và trung du Bắc Bộ bên tả ngạn sông Hồng phải trực tiếp đón gió mùa Đông Bắc thổi đến nên mùa đông rất lạnh, mùa nóng thì gió Đông Nam từ vịnh Bắc Bộ thổi vào, làm nhiệt độ lên cao, nhưng cũng đem theo mưa, và càng lên miền núi mưa càng nhiều hơn ở đồng bằng.

Miền Tây Bắc tuy gió Đông Bắc không đến được nhưng phần lớn là núi và cao nguyên nên khá lạnh,

1. VIỆT NAM - Đất nước - Con người, Sđd, tr.5, 6.

nhệt độ trung bình năm khoảng 20-21⁰C, mùa đông nhiều sương mù, nhưng ít khi mưa phùn.

Đồng bằng Bắc Bộ và miền Bắc Trung Bộ cho đến đèo Ngang có hai mùa nóng, lạnh rất rõ. Mùa nóng, gió mùa Đông Nam từ biển vào đem theo mưa. Mùa lạnh, gió mùa Đông Bắc đem đến những đợt rét ít có ở các nước nhiệt đới khác.

Khu Bình - Trị - Thiên từ đèo Ngang đến đèo Hải Vân nóng và hạn vào mùa hè, mưa nhiều vào mùa thu, sang xuân thỉnh thoảng cũng có mưa phùn. Nhưng từ đèo Hải Vân vào Nam thì khí hậu nhiệt đới khá điều hòa, nóng quanh năm.

Ở các đồng bằng từ đèo Hải Vân đến Mũi Dinh, nhiệt độ trung bình năm trên 20⁰C. Mùa hè, mưa không nhiều và đón gió Lào nóng.

Vào đến khu vực Nam Trung Bộ thì nóng rất, lại mưa ít, phần lớn thời gian trong năm là hạn hán.

Khu vực Tây Nguyên, phần lớn là núi và cao nguyên, đón gió trong cả hai mùa nên mưa nhiều và nhiệt độ không cao, lúc nào cũng mát như mùa xuân.

Phần tận cùng phía nam là đồng bằng Nam Bộ thì nóng quanh năm, mưa cũng rất điều hòa.

2.2. Sông ngòi¹

Theo thống kê, Việt Nam có hơn 2.360 con sông dài trên 10km, trong đó 93% là các sông nhỏ và ngắn (diện tích lưu vực dưới 500km²). Tổng diện tích các lưu vực sông trên cả nước lên đến trên 1.167.000km², trong đó có 16 lưu vực sông với diện

1. <https://data.opendevelopmentmekong.net>.

tích lưu vực lớn hơn 2.500km², và 10/16 lưu vực có diện tích trên 10.000km².

Sông ngòi nước ta chảy theo hai hướng chính là tây bắc - đông nam và hướng vòng cung, và có hai mùa nước: mùa lũ và mùa cạn khác nhau rõ rệt. Vào mùa lũ, nước sông ngòi dâng cao và chảy mạnh. Lượng nước mùa lũ gấp hai đến ba lần, có nơi đến bốn lần lượng nước mùa cạn và chiếm 70-80% lượng nước cả năm.

Việt Nam có mạng lưới sông ngòi dày đặc và chia thành nhiều hệ thống. Mỗi hệ thống sông có hình dạng và chế độ nước khác nhau, tùy thuộc điều kiện địa lý tự nhiên của lưu vực như khí hậu, địa hình, địa chất và các hoạt động kinh tế, thủy lợi trong hệ thống ấy.

Hiện nay, nước ta có 9 hệ thống sông lớn, gồm: sông Hồng, sông Thái Bình, sông Kỳ Cùng - Bằng Giang, sông Mã, sông Cả, sông Thu Bồn, sông Ba (Đà Rằng), sông Đồng Nai, sông Mê Công, và được chia thành 3 vùng sông ngòi là sông ngòi Bắc Bộ, sông ngòi Trung Bộ, sông ngòi Nam Bộ.

Tính chất sông ngòi nước ta là nhiều nước, lượng phù sa lớn: sông ngòi vận chuyển tới 839 tỷ mét khối nước cùng với hàng trăm triệu tấn phù sa mỗi năm, trong đó hệ thống sông Hồng chiếm khoảng 60%, sông Mê Công chiếm khoảng 35%. Bình quân một mét khối nước sông có 223gr cát bùn và các chất hòa tan khác. Tổng lượng phù sa trôi theo dòng nước tới trên 200 triệu tấn/năm¹.

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Địa lý 8 (Tái bản lần thứ mười lăm)*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2019, tr. 119.

Tuy nhiên, hiện nay hệ thống sông ngòi của Việt Nam đang bị ô nhiễm nghiêm trọng, nhất là sông ở các thành phố, các khu công nghiệp, các khu tập trung đông dân.

2.3. Nước ngầm

Việt Nam là quốc gia có nguồn nước ngầm khá phong phú về trữ lượng và khá tốt về chất lượng. Nước ngầm tồn tại trong các lỗ hổng và các khe nứt của đất đá được tạo thành trong giai đoạn trầm tích đất đá hoặc do sự thẩm thấu, thấm của nguồn nước mặt, nước mưa... Nước ngầm có thể tồn tại cách mặt đất vài mét, vài chục mét hay hàng trăm mét.

Nước ngầm ở Việt Nam cũng phong phú, để cung ứng cho các dòng sông trong mùa khô hạn và giữ cho cây cỏ xanh tươi quanh năm. Ở những nơi mà vỏ trái đất bị nứt, gãy và có hoạt động núi lửa thì nước ngầm trở thành suối khoáng, suối nóng.

Nguồn nước ngầm hiện nay được sử dụng cho ba mục đích chính: cấp nước đô thị (các hệ thống cấp nước tập trung ở đô thị phục vụ cấp nước sinh hoạt, sản xuất công nghiệp, chế biến); cấp nước công nghiệp (chủ yếu phục vụ sản xuất và một phần sinh hoạt); cấp nước sinh hoạt, tưới, chăn nuôi ở khu vực nông thôn.

3. Đất đai, thực vật, động vật, tài nguyên khoáng sản

3.1. Đất đai

Đất đai ở Việt Nam rất đa dạng, thể hiện rõ tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm của thiên nhiên. Sự đa

dạng của đất được cho là do nhiều nhân tố tạo nên như đá mẹ, địa hình, khí hậu, nguồn nước, sinh vật và sự tác động của con người. Đất đai ở Việt Nam tầng dày lớn và độ phì cao, rất thuận lợi cho phát triển nông, lâm nghiệp.

Tổng diện tích đất liền của Việt Nam là 331.210km², với ba nhóm đất chính:

Nhóm đất feralit vùng núi thấp: hình thành trực tiếp trên các miền đồi núi thấp, chiếm 65% diện tích đất tự nhiên. Đất có tính chất chua, nghèo mùn, nhiều sét; có màu đỏ vàng, nhiều hợp chất sắt, nhôm. Đất feralit phân bố chủ yếu trên đá bazan ở vùng Tây Nguyên, Đông Nam Bộ; trên đá vôi ở vùng Đông Bắc, Tây Bắc, Bắc Trung Bộ. Loại đất này thích hợp trồng cây công nghiệp.

Nhóm đất mùn núi cao: hình thành dưới thảm rừng á nhiệt đới hoặc ôn đới vùng núi cao, chiếm 11% diện tích đất tự nhiên và chủ yếu ở rừng đầu nguồn. Loại đất này thích hợp cho trồng cây phòng hộ đầu nguồn.

Nhóm đất phù sa sông và biển: chiếm 24% diện tích đất tự nhiên. Đất có tính chất phì nhiêu, dễ canh tác và làm thủy lợi, ít chua, tơi xốp, giàu mùn. Đất này tập trung tại các vùng đồng bằng: đất trong đê, đất ngoài đê khu vực sông Hồng: đất phù sa cổ miền Đông Nam Bộ; đất phù sa ngọt dọc sông Tiền, sông Hậu; đất chua, mặn, phèn ở các vùng trũng Tây Nam Bộ. Loại đất này thích hợp sử dụng trong nông nghiệp để trồng lúa, hoa màu, cây công nghiệp hàng năm, cây ăn quả,...

Ngày nay, nhiều vùng đất nông nghiệp của Việt Nam đã được cải tạo và sử dụng có hiệu quả, năng suất và sản lượng cây trồng đã tăng nhiều lần so với trước đây. Tuy nhiên, việc sử dụng đất ở Việt Nam vẫn chưa hợp lý. Tài nguyên đất bị giảm sút, có tới 50% diện tích đất tự nhiên có vấn đề cần phải cải tạo. Riêng đất trồng, đồi trọc bị xói mòn mạnh đã tới trên 10 triệu hecta¹.

3.2. Thực vật

Việt Nam được coi là một trong những nước Đông Nam Á giàu về đa dạng sinh học và có hệ thực vật vào loại đa dạng bậc nhất thế giới (vị trí thứ 20 trên thế giới).

Việt Nam đã thống kê được 10.484 loài thực vật bậc cao có mạch, khoảng 800 loài rêu và 600 loài nấm. Hệ thực vật Việt Nam có mức độ đặc hữu cao, với số loài đặc hữu chiếm khoảng 33% số loài thực vật ở miền Bắc Việt Nam và hơn 40% tổng số loài thực vật trên toàn quốc.

Phần lớn số loài đặc hữu như trên tập trung ở bốn khu vực chính: khu vực núi cao Hoàng Liên Sơn ở phía bắc, khu vực núi cao Ngọc Linh ở miền Trung, cao nguyên Lâm Viên ở phía nam và khu vực rừng mưa ở Bắc Trung Bộ. Nhiều loài là đặc hữu địa phương chỉ gặp trong một vùng rất hẹp với số cá thể rất thấp. Các loài này thường rất hiếm vì các khu

1. Xem Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Địa lý 8 (Tái bản lần thứ mười lăm)*, Sdd, tr.113.

rừng ở đây thường bị chia cắt thành những mảnh nhỏ hay bị khai thác một cách mạnh mẽ.

Ngoài ra, ở Việt Nam cũng có nhiều loại rừng với nhiều giống loài thực vật khác nhau, trong đó, có thể kể đến 9 loại rừng chính sau:

Kiểu rừng kín lá rộng thường xanh nhiệt đới: Đây là kiểu rừng có diện tích lớn, phân bố rộng khắp đất nước, nằm trong vành đai nhiệt đới gió mùa, thường phân bố ở độ cao dưới 700m ở miền Bắc và dưới 1.000m ở miền Nam.

Kiểu rừng kín lá rộng nửa rụng lá nhiệt đới: Kiểu rừng này có cùng đai độ cao và nhiệt độ với kiểu rừng *kín lá rộng thường xanh nhiệt đới*. Một số khu vực thuộc các tỉnh như Bắc Giang, Hà Giang, Tuyên Quang, Yên Bái, Thanh Hoá, Nghệ An, Đắk Lắk gặp kiểu rừng này.

Kiểu rừng kín lá rộng rụng lá nhiệt đới: Kiểu rừng này hình thành trong điều kiện độ ẩm, có thể gặp ở Sơn La, Nghệ An, Hà Tĩnh, Đắk Lắk, Đồng Nai, Nam Bộ.

Kiểu rừng thưa cây lá rộng nhiệt đới (rừng khộp): Kiểu rừng này hình thành trong vùng khí hậu khô nóng.

Kiểu rừng kín thường xanh ẩm á nhiệt đới: Kiểu rừng này phân bố ở độ cao trên 700m ở miền Bắc, trên 1.000m ở miền Nam. Có thể gặp kiểu rừng này ở các tỉnh như Lào Cai, Lai Châu, Bắc Kạn, Hà Giang, Sơn La, Hoà Bình, Thừa Thiên Huế, Kon Tum, Đắk Lắk.

Kiểu rừng ngập mặn: Đây thực chất là một kiểu phụ thuộc kiểu rừng kín lá rộng thường xanh hình thành trên điều kiện đặc biệt: đất phù sa mặn, bùn

lầy, ngập nước biển theo thủy triều lên xuống. Kiểu rừng này phân bố dọc theo các tỉnh ven biển Việt Nam, điển hình như Quảng Ninh, Thái Bình, Nam Định, Kiên Giang, Đồng Tháp, Cà Mau,...

Kiểu rừng núi đá vôi: Kiểu rừng này bao gồm các kiểu phụ thuộc kiểu rai rừng kín thường xanh và nửa rụng lá, phân bố ở đai nhiệt đới và á nhiệt đới trong điều kiện đặc biệt là đất đá vôi. Kiểu rừng này phân bố ở các tỉnh, thành phố như Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Kạn, Hà Giang, Tuyên Quang, Sơn La, Hoà Bình, Ninh Bình, quần đảo Cát Bà (Hải Phòng), Hạ Long (Quảng Ninh),...

Kiểu rừng lá kim: Kiểu rừng này có 2 kiểu phụ là rừng thưa lá kim hơi khô nhiệt đới và rừng thưa lá kim hơi khô á nhiệt đới. Kiểu rừng này phân bố tập trung ở Tây Nguyên và một số tỉnh phía Bắc.

Rừng tre nứa: Là kiểu rừng có cấu trúc độc đáo, dễ nhận biết từ xa, là kiểu phụ thứ sinh hình thành trên đất rừng tự nhiên sau khai thác hoặc nương rẫy. Rừng tre nứa ở Việt Nam phân bố rộng từ độ cao gần ngang mực nước biển tới 2.000 m. Việt Nam có khoảng 1,5 triệu héc-ta rừng tre nứa tập trung ở các vùng: Đông Bắc, Tây Bắc, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên.

Nằm trong xu thế chung của thế giới, đa dạng sinh học nói chung và đa dạng về hệ thực vật nói riêng của Việt Nam cũng đã và đang bị suy thoái, đặc biệt sự suy thoái này diễn ra với tốc độ rất nhanh trong những năm gần đây. Độ che phủ của rừng Việt Nam đã giảm sút đến mức báo động, chất lượng của rừng với các loài thực vật, nhất là loài

thực vật đặc hữu, quý hiếm cũng đang phải đối mặt với các nguy cơ xâm hại nghiêm trọng.

3.3. Động vật

Quần thể động vật của Việt Nam vô cùng phong phú và đa dạng với 275 loài thú, 828 loài chim, 180 loài bò sát, 80 loài ếch nhái, 472 loài cá nước ngọt, khoảng 2.000 loài cá biển và thêm vào đó có hàng chục ngàn loài động vật không xương sống ở cạn, ở biển và vùng nước ngọt.

Hệ động vật Việt Nam không những giàu về thành phần loài mà còn có nhiều nét độc đáo, đại diện cho vùng Đông Nam Á. Và hệ động vật Việt Nam có nhiều dạng đặc hữu: hơn 100 loài và phân loài chim; 78 loài và phân loài thú là đặc hữu.

Rừng rậm, rừng núi, đá vôi, rừng nhiều tầng lá là nơi cư trú của nhiều loài khỉ, voọc, vượn,... Núi cao miền Bắc thì có các loài thú lông dày: gấu ngựa, gấu chó, sóc đen to, cáo,...

Các loài thủy sinh nước ngọt có 250 loài cá, vùng nước lợ và ven biển có 1.000 loài cá, hàng trăm loài cua, tôm he, tôm hùm, ốc biển, sò huyết, trai ngọc, đồi mồi,... ngoài ra còn có chim yến ở núi đá các đảo.

Tài nguyên động vật Việt Nam tuy phong phú, đa dạng song do nhiều yếu tố như chiến tranh, con người, thiếu ý thức bảo vệ và khai thác bừa bãi nên một số loài đang trở nên hiếm hoặc đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt.

3.4. Tài nguyên khoáng sản

Việt Nam là nước có nhiều tiềm năng về khoáng

sản và các tài nguyên trong lòng đất, dưới đáy biển. Trong đó, dầu mỏ và khí tự nhiên được xếp vào nhóm nước có trữ lượng trung bình trên thế giới, các nguồn tài nguyên khoáng sản khác khá đa dạng và phong phú với trên 5.000 mỏ, điểm quặng của 60 loại khoáng sản. Một số loại khoáng sản có quy mô và trữ lượng đáng kể, mang tầm cỡ thế giới, có ý nghĩa chiến lược và là nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Phần lớn các khoáng sản của Việt Nam có trữ lượng lớn, vừa và nhỏ. Một số khoáng sản trong lòng đất có trữ lượng lớn như:

Than: phân bố tập trung chủ yếu ở bể than Đông Bắc và bể than Sông Hồng.

Quặng bôxít: phân bố chủ yếu ở các tỉnh phía Bắc (Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang), khu vực Tây Nguyên (Đắk Nông, Lâm Đồng, Gia Lai, Kon Tum) và tỉnh Bình Phước, Phú Yên. Quặng *bôxít* có hai loại là quặng *bôxít* trầm tích, tập trung ở các tỉnh phía Bắc và quặng *bôxít* laterít.

Apatít: tập trung chủ yếu ở tỉnh Lào Cai, với khoảng 17 mỏ, điểm quặng apatít. Hầu hết các mỏ apatít đều có trữ lượng trung bình đến lớn.

Đá vôi chất lượng cao (trừ đá hoa trắng): phân bố không đều, tập trung chủ yếu ở khu vực miền Bắc và Bắc Trung Bộ. Đến năm 2017, cả nước có trên 80 mỏ được điều tra đánh giá và thăm dò có trữ lượng ở các mức độ khác nhau.

Cát trắng: phân bố ở 9 tỉnh ven bờ biển Bắc Bộ và Trung Bộ với tiềm năng rất lớn song mức độ điều tra, đánh giá còn hạn chế.

Quặng titan: gồm 2 loại hình quặng gốc và quặng sa khoáng. Quặng gốc tập trung tại tỉnh Thái Nguyên, quặng sa khoáng tập trung ở ven biển các tỉnh từ Thanh Hoá đến Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đất hiếm: phân bố tập trung ở các mỏ Bắc Nậm Xe, Nam Nậm Xe, Đông Pao (Lai Châu), Mường Hum (Lào Cai), Yên Phú (Yên Bái).

Đá hoa trắng: phân bố ở 11 tỉnh, nhưng tập trung ở tỉnh Nghệ An và Yên Bái. Đến nay đã có trên 70 mỏ đã và đang được thăm dò, khai thác.

+ *Nước khoáng - nước nóng*: hầu hết các tỉnh, thành phố trong cả nước đều có nguồn nước khoáng - nước nóng. Cho đến nay đã điều tra đánh giá, ghi nhận được 400 nguồn nước khoáng - nước nóng.

+ *Quặng urani*: kết quả nghiên cứu địa chất, tìm kiếm khoáng sản đã phát hiện khoáng hoá urani ở khu vực Tây Bắc, Việt Bắc, Trung Trung Bộ và Tây Nguyên.

Ngoài ra, nước ta còn một số khoáng sản kim loại khác như: quặng đồng, quặng sắt, mangan, antimon, thủy ngân, molipden, feldpat, kaolin, sét kalin làm nguyên liệu sứ gốm, đá ốp lát,... đã được phát hiện, đánh giá tiềm năng tài nguyên, nhưng tài nguyên các loại khoáng sản này không lớn, phân bố rải rác.

II. CON NGƯỜI

1. Nguồn gốc người Việt

Theo truyền thuyết, tổ tiên xa xưa của dân tộc Việt Nam là Kinh Dương Vương, cháu bốn đời của Thần Nông. Cháu ba đời của Thần Nông là Đế Minh

sinh ra Đế Nghi, rồi đi tuần thủ ở phương Nam, đến miền Ngũ Lĩnh thì lấy con gái bà Vụ Tiên và sinh được một người con trai khác, tư chất thông minh. Đế Minh rất yêu quý và định truyền ngôi cho người con trai này nhưng người này thoái thác. Vì vậy, Đế Minh lập Đế Nghi nối ngôi ở phương Bắc và phong người con thứ là Kinh Dương Vương trị vì phương Nam, gọi là nước Xích Quỷ.

Kinh Dương Vương lấy con gái Thần Long thì sinh được một người con trai đặt tên là Sùng Lãm, sau nối ngôi cha và lấy hiệu là Lạc Long Quân. Trong một chuyến vi hành phương Nam, Đế Lai, con trai của Đế Nghi trị vì phương Bắc, đã để con gái của mình là Âu Cơ ở nước Xích Quỷ. Lạc Long Quân gặp và đem lòng yêu nàng Âu Cơ. Sau đó, cả hai lấy nhau và sinh ra một bọc trăm trứng, nở ra đều là con trai. Khi các con trưởng thành, do Lạc Long Quân là giống Rồng, Âu Cơ là giống Tiên nên 50 con sẽ theo cha về biển và 50 con theo mẹ về núi, có việc thì tin cho nhau biết, không được bỏ nhau. Tổ tiên của Bách Việt bắt nguồn từ đó¹.

Tuy nhiên, nếu dựa theo khoa học thì tổ tiên của người Việt chính là nhóm Lạc Việt thuộc khối Bách Việt, gồm nhiều nhóm Việt cư trú trên một vùng rộng lớn ở phía Bắc Việt Nam và phía Nam Trung Quốc hiện nay (phía Nam sông Dương Tử), như các nhóm Lạc Việt, Âu Việt ở phía Bắc Việt Nam và một phần

1. Xem Đào Duy Anh: *Nguồn gốc dân tộc Việt Nam*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 1950.

bên kia biên giới thuộc lãnh thổ Trung Quốc; Mân Việt ở Phúc Kiến, Điền Việt ở Vân Nam, Đông Việt ở Quảng Đông, Nam Việt ở Quảng Tây;... Các tộc này sau đều thành lập các quốc gia riêng. Văn Lang là quốc gia của khối Lạc Việt và Âu Việt. Khoảng nửa sau thiên niên kỷ thứ nhất trước Công nguyên, người Hán từ vùng phía Bắc sông Dương Tử (Trường Giang) tràn xuống, lần lượt tiêu diệt các quốc gia của các tộc thuộc khối Bách Việt, riêng có quốc gia Văn Lang và một vài tộc người khác là đứng vững trước sự xâm lược đó. Tư liệu khảo cổ còn cho thấy, trên vùng lãnh thổ Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, cách đây khoảng 3.500-4.000 năm, nhóm Lạc Việt đã tạo ra những nền văn hóa có tính liên tục từ Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun đến nền văn hóa Đông Sơn rực rỡ dựa trên nền nông nghiệp lúa nước kết hợp với nghề thủ công, trong đó trống đồng là sản phẩm thủ công tiêu biểu¹. Quá trình tạo lập các nền văn hóa Phùng Nguyên - Đồng Đậu - Gò Mun - Đông Sơn là quá trình người Việt cùng các tộc người khác chuẩn bị các điều kiện để tiến tới lập ra nhà nước sơ khai Văn Lang - Âu Lạc, đứng đầu là Vua Hùng (có 18 đời Vua Hùng) - tổ tiên của người Việt ngày nay.

Bước vào trung kỳ thời đại Đá cũ, những người Homo Sapiens sớm xuất hiện và mở rộng dân địa bàn cư trú xuống phía Nam mà ba hóa thạch răng của họ còn lưu lại ở hang Thẩm Ổm (Nghệ An) có

1. Viện Dân tộc học, Vương Xuân Tình (Chủ biên): *Các dân tộc ở Việt Nam: tập 1: Nhóm ngôn ngữ Việt - Mường*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015, tr.96.

niên đại cách ngày nay khoảng 125.000 năm. Trong suốt nửa cuối trung kỳ Đá cũ, các nhà khảo cổ chỉ tìm thấy một địa điểm có hóa thạch răng của người Homo Sapiens ở hang Hùm (Yên Bái) với niên đại muộn hơn (cách ngày nay 125.000 đến 75.000 năm).

Đến giai đoạn hậu kỳ thời đại Đá cũ, cánh cung Lạng Sơn, Ninh Bình xuất hiện các hóa thạch khác của Homo Sapiens như Nhấm Dương (Hải Dương), trong đó có cả những chiếc răng hóa thạch Pongo cùng nằm chung địa tầng có niên đại cách ngày nay 50.000 đến 30.000 năm. Hóa thạch răng của Homo Sapiens ở Làng Tráng (Thanh Hóa) cách ngày nay 40.000 đến 35.000 năm. Muộn nhất là mảnh xương chẩm và răng của người khôn ngoan ở Kéo Làng (Lạng Sơn) và răng ở Thung Lang (Ninh Bình) có niên đại khoảng 30.000 năm,... Bên cạnh đó, năm 1960, lần đầu tiên các nhà khảo cổ tìm thấy những công cụ đá cũ của người vượn ở núi Độ (Thanh Hóa), núi Quan Yên và núi Nuông (cách núi Độ 300m), ở Xuân Lộc (Đồng Nai). Những dấu tích hóa thạch này là những bằng chứng vô cùng quan trọng để chứng minh rằng vào thời đại Đá cũ (hay thời Cánh tân) khoảng trên dưới 40.000 năm, trên đất Việt Nam đã có người vượn sinh sống. Theo thời gian, những chủ nhân của núi Độ, Xuân Lộc, cho đến Thẩm Ổm, Ngườm, Sơn Vi đã có bước tiến hóa từ người vượn lên thẳng người hiện đại¹.

1. Ở mái đá Ngườm (Võ Nhại) đã tìm thấy nhiều mảnh tước nhỏ dùng làm nạo và mũi nhọn thuộc thời kỳ Đá cũ cách đây khoảng 23.000 năm của người Homo Sapiens.

Cũng trong hậu kỳ thời đại Đá cũ, trên phạm vi rộng lớn của nước ta có nhiều bộ lạc sinh sống bằng cách săn bắt, hái lượm. Họ cư trú trong các hang động, mái đá, ngoài trời, ven bờ sông, suối. Các di tích của các bộ lạc thời kỳ này được các nhà khảo cổ gọi bằng cái tên chung là văn hóa Sơn Vi¹, lấy tên theo xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Dấu tích của văn hóa Sơn Vi còn được tìm thấy ở nhiều nơi trên đất nước ta như Sơn La, Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Bắc Giang, Thanh Hóa, Nghệ An,... Sự xuất hiện của người Ngườm, Sơn Vi đánh dấu sự kết thúc của thời kỳ người vượn ở Việt Nam và chuyển sang giai đoạn cao hơn là thời kỳ thị tộc, bộ lạc.

Trong quá trình sinh sống và lao động, cư dân Sơn Vi đã từng bước cải tiến công cụ để bước sang một giai đoạn mới cao hơn - văn hóa Hòa Bình (tồn tại cách ngày nay khoảng từ 17.000 đến 7.000 năm). Hòa Bình là địa điểm đầu tiên phát hiện được di tích văn hóa này. Đặc trưng của công cụ thời kỳ văn hóa Hòa Bình là rìu ngắn, chày nghiền hạt bằng đá và những công cụ bằng tre, nứa, gỗ. Cư dân Hòa Bình cũng phát hiện ra nghề nông nguyên thủy. Bằng phương pháp phân tích bào tử phấn hoa, người ta đã tìm thấy phấn hoa ở các di tích hang Sừng Sằm, Thẩm Khương. Ở hang Xóm Trại (Hòa Bình) phát hiện dấu vết của những hạt thóc, vỏ trấu, hạt gạo cháy. Như vậy, cư dân Hòa Bình là những người đã phát minh ra nông nghiệp tuy còn ở trạng thái sơ

1. Cách ngày nay từ 30.000 đến 11.000 năm.

khai nhưng đây chính là bước mở đầu cho công cuộc chinh phục tự nhiên của con người bằng lao động sáng tạo. Và Việt Nam có thể là một trong những “cái nôi” nông nghiệp sớm trên thế giới.

Đến sơ kỳ thời đại Đá mới, một nền văn hóa khác ra đời: văn hóa Bắc Sơn từ cái gốc của văn hóa Hòa Bình với niên đại cách ngày nay từ 10.000 đến 8.000 năm. Lúc đó một bộ tộc của người Hòa Bình đã tiến lên phía bắc chiếm cứ vùng núi đá vôi Bắc Sơn làm địa bàn cư trú trên diện tích khoảng 500km², trải rộng trên toàn bộ tỉnh Lạng Sơn và một phần tỉnh Bắc Cạn, Thái Nguyên ngày nay. Chủ nhân của họ là những người Indonesien cổ, một số là những người Melanesien, cũng có sọ nhưng vẫn chỉ là người Australoid hoặc hỗn chủng¹.

Vào cuối thời kỳ văn hóa Bắc Sơn, dọc miền ven biển Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ nước ta có ít nhất ba nhóm cư dân cổ: nhóm thứ nhất di cư từ những hang động ở sơn khối Bắc Sơn tiến ra chiếm lĩnh vùng ven biển Hải Phòng, Quảng Ninh; nhóm thứ hai từ Tây Thanh Hóa tràn ra biển, tạo thành văn hóa Đa Bút; nhóm thứ ba từ Tây Nghệ An ra ven biển thuộc các huyện Thạch Hà (Hà Tĩnh) và Quỳnh Lưu (Nghệ An) và tiến sâu về phía nam tới tận Bàu Dũ (Quảng Nam - Đà Nẵng).

1. Từ dạng Australo - Mongoloid, bằng quá trình biến dị dần tới hiện tượng giảm đen tách ra nhóm loại hình Indonesien cổ. Một nhóm khác có quá trình giảm đen rất ít nên dẫn đến Australoid. Nhánh thứ ba thành các loại hình ở châu Đại Dương và hỗn chủng.

Chính từ các nhóm cư dân cổ đã hình thành những văn hóa Quỳnh Văn, Cái Bèo, Đa Bút, Hạ Long,... Cũng trong suốt thời gian này, một bộ phận cư dân ven biển đã tiếp xúc với những nhóm người từ Trung Quốc xuống, từ Philíppin vào và từ Malaixia và Indônêxia lên. Những nguồn gien gần xa pha trộn, môi trường sống cũng có những thay đổi nên ở giai đoạn này vẫn có nhiều loại hình hỗn chủng.

Cuối thời đại Đá mới, các loại hình ở châu Đại Dương và hỗn chủng mất dần đi, chỉ còn lại loại hình Indonesien cổ. Ở giai đoạn này, chúng ta có thể thấy có sự giao lưu văn hóa khá mạnh giữa bờ biển phía bắc nước ta và bờ biển phía nam Trung Quốc. Có khả năng nhóm loại hình Đông Nam Á cổ bắt đầu xuất hiện từ thời điểm này.

Thời đại Kim khí mở đầu là giai đoạn Phùng Nguyên có niên đại từ khoảng thế kỷ XIV đến thế kỷ XI, X trước Công nguyên; tiếp đến là văn hóa Đồng Đậu - Gò Mun có niên đại từ khoảng thế kỷ XIII đến thế kỷ VIII trước Công nguyên. Ở giai đoạn Phùng Nguyên, các di cốt phần lớn bị mủn nát ngoại trừ di cốt ở di chỉ Đồng Đậu (Vĩnh Phúc), Mán Bạc (Ninh Bình), Xóm Rền (Phú Thọ), hang Tọ (Sơn La),...

Tuy nhiên, văn hóa Đông Sơn là thời kỳ phát triển rực rỡ và có nhiều thành tựu nhất trong thời đại Kim khí nói riêng và lịch sử hình thành người Việt hiện đại nói chung. Văn hóa Đông Sơn là một giai đoạn trong nền Văn minh sông Hồng, kế thừa và phát triển văn hóa Hòa Bình, Phùng Nguyên, Đồng Đậu và Gò Mun. Văn hóa Đông Sơn có những

nét độc đáo riêng đồng thời vẫn mang nhiều điểm đặc trưng của văn hóa vùng Đông Nam Á và nền văn minh lúa nước. Đây cũng là thời kỳ ra đời nhà nước phôi thai đầu tiên của Việt Nam dưới hình thức cộng đồng làng và siêu làng.

Các nhà khảo cổ học đã phát hiện được hàng trăm di cốt, trong đó có hơn 60 hộp sọ còn nghiên cứu được. Nhóm loại hình Indonesien tồn tại trong suốt cả ba giai đoạn của văn hóa Đông Sơn. Nhưng tới giai đoạn muộn, bên cạnh nhóm loại hình Indonesien đã bắt đầu hình thành một nhóm loại hình mới - nhóm loại hình Đông Nam Á, xuất hiện từ nhóm loại hình Đông Nam Á cổ ở hậu kỳ thời đại Đá mới và càng về sau càng phát triển mạnh. Có thể nhóm loại hình này được hình thành do hỗn chủng với các yếu tố Mongoloid từ phía bắc xuống, từ biển vào, khiến quá trình da giảm đen tăng mạnh và hiện tượng di truyền bền vững hơn giai đoạn trước. Quá trình ngắn hóa hộp sọ (brachycranisation), thanh mảnh hóa cơ thể (gracilisation), da bớt đen, mặt bớt vầu có khả năng đạt mức độ cao nhất ở giai đoạn này. Họ tạo thành những quần thể cư dân sống quanh lưu vực sông Hồng, sông Mã, sông Cả, cùng nhau xây dựng nên nền văn minh Đông Sơn. Chính những nhóm người Việt cổ ấy có nhóm là tổ tiên trực tiếp của người Việt ngày nay. Trong khi đó, một bộ phận của những người Indonesien chuyển dần địa bàn cư trú xuống phía nam, dọc theo dãy Trường Sơn mà đến nay di duệ của họ là các dân tộc Giarai, Êđê ở Tây Nguyên. Một bộ phận người Indonesien

khác cùng địa bàn cư trú và cùng tồn tại song song với những người Đông Nam Á chuyển dân về phía nam muộn hơn thì trở thành các dân tộc Xơđăng, Bana, Mnông, Chăm ở Tây Nguyên hiện nay.

Giáo sư sử học Hà Văn Tấn cho rằng: Văn hóa Đông Sơn bắt đầu từ khoảng thế kỷ VII trước Công nguyên. Trong thời kỳ tồn tại của văn hóa này, không có một dấu hiệu nào nói lên sự thay đổi về chủ nhân. Vì vậy hoàn toàn có đủ lý do để nói rằng chủ nhân văn hóa Đông Sơn, ngay từ lúc ban đầu, là tổ tiên của người Việt, hay nói đúng hơn của nhóm Việt - Mường. Cho đến nay, có nhiều chứng cứ chắc chắn để chứng minh cho sự phát triển liên tục từ các văn hóa tiền Đông Sơn, đặc biệt là hệ thống Phùng Nguyên - Đồng Đậu - Gò Mun, đến văn hóa Đông Sơn. Những chứng cứ này đồng thời nói lên rằng văn hóa Đông Sơn là một văn hóa bản địa, phát triển lên từ các văn hóa trước nó. Chủ nhân văn hóa Đông Sơn mà các thư tịch cổ chép là người Lạc Việt chỉ là con cháu chủ nhân của các văn hóa tiền Đông Sơn trước đó chứ không phải từ bên ngoài thiên di đến Việt Nam.

Như vậy, chúng ta có thể bác bỏ thuyết nguồn gốc của người Việt thiên di từ Giang Nam (Trung Quốc) hay từ các nơi khác đến, mà kéo dài cội nguồn của người Việt lên đến đầu thiên nhiên kỷ thứ hai hay cuối thiên nhiên kỷ thứ ba trước Công nguyên.

Do đó, có thể nói, dựa trên những bằng chứng khảo cổ học và nghiên cứu lịch sử, chúng ta thấy được quá trình hình thành và phát triển liên tục của người cổ trên đất nước ta từ sơ kỳ thời đại Đá cũ cho

đến thời đại Kim khí mà đỉnh cao là văn hóa Đông Sơn. Và từ chính nguồn cội đó mà dân tộc Việt Nam phát triển đến ngày nay.

2. Dân cư và các dân tộc ở Việt Nam

2.1. Dân cư

- Về dân số:

Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 được tiến hành theo Quyết định số 772/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ, tổng dân số của Việt Nam là 96.208.984 người, trong đó dân số nam là 47.881.061 người, chiếm 49,8% và dân số nữ là 48.327.923 người, chiếm 50,2%. Việt Nam là quốc gia đông dân thứ ba trong khu vực Đông Nam Á (sau Ấn Độ và Philippin) và đứng thứ 15 trên thế giới. Sau 10 năm, quy mô dân số Việt Nam tăng thêm 10,4 triệu người. Tỷ lệ tăng dân số bình quân giai đoạn 2009-2019 là 1,14%/năm, giảm nhẹ so với giai đoạn 1999-2009 (1,18%).

Mật độ dân số Việt Nam là 290 người/km², tăng 31 người/km² so với năm 2009. Việt Nam là quốc gia có mật độ dân số đứng thứ ba trong khu vực Đông Nam Á, sau Philippin và Xingapo.

Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ là hai vùng có mật độ dân số cao nhất toàn quốc, tương ứng là 1.060 người/km² và 757 người/km². Trung du và miền núi phía Bắc và Tây Nguyên là hai vùng có mật độ dân số thấp, tương ứng là 132 người/km² và 107 người/km².

Trong số 54 thành phần dân tộc trong cả nước, dân số thuộc dân tộc Kinh là 82.085.826 người,

chiếm 85,3%. Trong 53 dân tộc thiểu số, 6 dân tộc có dân số trên 1 triệu người là: Tày, Thái, Mường, Mông, Khmer, Nùng (trong đó dân tộc Tày có dân số đông nhất với 1,85 triệu người); 11 dân tộc có dân số thấp nhất dưới 5.000 người, trong đó Ôđú là dân tộc có dân số thấp nhất (428 người)¹.

Đồng bằng sông Hồng là nơi tập trung dân cư lớn nhất của cả nước với 22,5 triệu người, chiếm 23,4% tổng dân số cả nước. Tây Nguyên là nơi ít dân cư sinh sống nhất với 5,8 triệu người, chiếm 6,1% dân số cả nước.

Địa bàn sinh sống chủ yếu của người dân tộc thiểu số là vùng trung du, miền núi phía Bắc và Tây Nguyên. Đa phần người Kinh sinh tụ ở hai đồng bằng lớn, vùng duyên hải và các vùng trung tâm, đô thị. Bên cạnh đó, với tuyến biên giới đất liền kéo dài hơn 3.200km giáp với các nước Lào, Trung Quốc, Campuchia nên nhiều dân tộc còn có mối quan hệ mật thiết với các dân tộc ở bên kia biên giới. Điều này tạo cơ sở để mở rộng giao lưu kinh tế, văn hóa và hội nhập với thế giới. Như vậy, địa bàn cư trú của cộng đồng các dân tộc Việt Nam có vị trí chiến lược quan trọng về các mặt kinh tế, quốc phòng và văn hóa.

2.2. Các dân tộc ở Việt Nam

- Các dân tộc có tỷ lệ số dân và trình độ phát triển kinh tế - xã hội không đồng đều.

Dân tộc Kinh chiếm tỷ lệ lớn nhất trong dân cư

1. www.gso.gov.vn.

nước ta (85,3%), có trình độ phát triển cao hơn, là lực lượng đoàn kết, đóng vai trò chủ lực và đi đầu trong quá trình đấu tranh lâu dài dựng nước và giữ nước, góp phần to lớn để hình thành, củng cố và phát triển cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Trong khi đó, các dân tộc khác chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ (14,7%) trong dân số cả nước. Tuy số dân có sự chênh lệch đáng kể nhưng giữa các dân tộc không có tình trạng dân tộc đa số cưỡng bức, đồng hóa, thôn tính các dân tộc thiểu số hay dân tộc thiểu số chống lại dân tộc đa số; các dân tộc luôn phát huy tinh thần đoàn kết, yêu thương, đùm bọc lẫn nhau, cùng nỗ lực phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh.

- Các dân tộc cư trú đan xen và phân tán trên nhiều vùng lãnh thổ trong cả nước.

Dân tộc Kinh cư trú chủ yếu ở các vùng đồng bằng, trung du và ven biển còn các tộc người thiểu số đều cư trú tại những vùng địa lý nhất định và đan xen với các tộc người khác. Có thể chia thành những vùng chính¹ sau: Vùng Tây Bắc có 23 tộc người, trong đó người Thái và người Mường có ảnh hưởng sâu rộng và toàn diện; vùng Đông Bắc có 18 tộc người, trong đó người Tày và người Nùng có ảnh hưởng sâu rộng và

1. Việc phân chia dựa trên các tộc sinh sống lâu đời, tạo thành các cộng đồng lớn, có sắc thái văn hóa riêng, không dựa trên các tộc chỉ gồm những người đến làm dâu, rể, làm việc hoặc công tác.

toàn diện; vùng miền núi Thanh - Nghệ có 8 tộc người, trong đó người Thái có ảnh hưởng sâu rộng và toàn diện; vùng Trường Sơn (miền núi các tỉnh từ Hà Tĩnh vào đến Bình Định) có 9 dân tộc, không có tộc người nào ảnh hưởng sâu rộng do dân số ít và sống phân tán; vùng Tây Nguyên có 14 dân tộc, tùy từng vùng sẽ có những tộc người có ảnh hưởng sâu rộng và toàn diện, như tộc người Êđê ở tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông; tộc người Bana ở các tỉnh Gia Lai, Kon Tum; vùng Nam Bộ là nơi cư trú lâu đời của các tộc người Khmer, Chăm, Hoa.

Đến nay, hầu như không có tỉnh, huyện nào chỉ có một dân tộc cư trú. Nhiều tỉnh có tới 20 dân tộc như Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Lâm Đồng,... Riêng tỉnh Đắk Lắk có trên 40 dân tộc. Phần lớn các huyện miền núi có từ 5 dân tộc trở lên cư trú, nhiều xã, bản, làng,... có tới 3-4 dân tộc cùng sinh sống. Việc cư trú đan xen giúp các tộc người giao lưu học hỏi lẫn nhau, thúc đẩy họ xích lại gần nhau, tuy nhiên điều này cũng gây khó khăn trong việc quy hoạch phát triển kinh tế và quản lý xã hội.

- Mỗi tộc người đều có ngôn ngữ và sắc thái văn hóa riêng, góp phần tạo nên nền văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng và đậm đà bản sắc dân tộc.

Hầu hết các tộc người đều có ngôn ngữ riêng và các ngôn ngữ đều thuộc bốn ngữ hệ lớn ở Đông Nam Á. Do điều kiện sống xen kẽ và nhu cầu giao tiếp nên nhiều tộc người thường sử dụng song ngữ hoặc đa ngữ. Tiếng Việt là quốc ngữ và được dùng là phương tiện giao tiếp của tất cả các tộc người. Tiếng

mẹ đẻ của mỗi tộc người vẫn được tôn trọng, gìn giữ đến ngày nay.

Văn hóa sản xuất, kiến trúc, xây dựng,... giữa các tộc người có nhiều nét khác nhau. Không chỉ khác nhau về cách trồng lúa nước và trồng lúa nương mà cách làm ruộng nước, làm nương rẫy ở dân tộc này cũng có những điểm khác dân tộc kia. Nghề dệt thổ cẩm của các dân tộc thiểu số rất độc đáo. Kiến trúc nhà ở, nhà sinh hoạt cộng đồng cũng tạo ra nét đặc trưng cho mỗi tộc người. Có dân tộc ở nhà đất, có dân tộc ở nhà sàn. Một số dân tộc còn có nhà sinh hoạt cộng đồng như đình làng, nhà rông,... được điêu khắc, trạm trổ tinh tế, cầu kỳ.

Văn hóa ăn, mặc của một tộc người cũng rất phong phú và mang nhiều nét độc đáo, tuy nhiên vẫn có một vài tộc người có cách ăn mặc khá giống nhau (trước đây người Bố Y, người Giáy mặc khá giống người Mông, nay lại khá giống người Nùng; trang phục người La Ha giống với người Thái;...). Về ăn uống, người Kinh và người Mường thường ăn cơm tẻ; người Tày, Thái, Thổ, Khmer, La Chí, La Ha chủ yếu ăn cơm nếp với các gia vị như chẳm chéo,... và các loại rau, lá rừng; người Chứt, Bố Y, Cờ Lao, Pu Páo lại thường ăn thức ăn chế biến từ ngô, sắn; một số dân tộc còn có đặc sản rượu cần, rượu ngô, thuốc Lào... Trang phục truyền thống của mỗi tộc người cũng khác nhau và có điểm nổi bật là đa dạng màu sắc, được dệt hoặc thêu hoa văn bằng tay. Nếu người Kinh, nam mặc quần chân què, áo cánh nâu, nữ mặc váy đen, yếm, áo cánh nâu, đầu chít khăn mỏ quạ; thì

trang phục của các tộc người ở vùng Trường Sơn - Tây Nguyên phổ biến là nam đóng khố, cởi trần, nữ mặc áo chui đầu, hở tay, mùa đông choàng thêm áo khoác mỏng; y phục của người Khmer thì nam nữ đều mặc xà rông bằng lụa tơ tằm, người già thường mặc quần dài, áo bà ba với khăn rằn quấn trên đầu hoặc vắt qua vai; nam, nữ người Chăm đều quấn váy tằm, đàn ông mặc áo ngắn xẻ ngực, cài khuy; trang phục của người Hoa thường là cổ cao, cài khuy vải một bên, xẻ tà hoặc kiểu áo tứ thân xẻ giữa,... Kho tàng văn hóa dân gian của các dân tộc thiểu số vô cùng phong phú và có giá trị nghệ thuật lớn, từ những làn điệu dân ca, các điệu múa, đến các bản trường ca, không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên,... Ví dụ như các bản dân ca *Xống chụ xon xao* (Tiễn dặn người yêu) của người Thái; *Trường ca Đam San* của người Êđê, kho tàng tục ngữ của người Tày - Nùng; điệu múa xòe của người Thái; múa trống của người Chăm; múa công chiêng của các dân tộc Tây Nguyên;...

Về văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo của các dân tộc: Hầu hết các dân tộc thiểu số có tín ngưỡng thờ đa thần với quan niệm vạn vật hữu linh và thờ cúng theo phong tục tập quán truyền thống. Có một số cộng đồng tôn giáo tiêu biểu của một số tộc người thiểu số:

- Phật giáo Nam tông của cộng đồng dân tộc Khmer.

- Hồi giáo và đạo Bàlamôn của cộng đồng dân tộc Chăm.

- Công giáo, đặc biệt là đạo Tin Lành của cộng đồng dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên.

- Một bộ phận dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc theo Công giáo, Tin Lành.

- *Truyền thống đoàn kết của các dân tộc được hun đúc qua mấy nghìn năm lịch sử, cùng nhau lao động sản xuất, chinh phục thiên nhiên, chống giặc ngoại xâm và xây dựng đất nước.*

Dù sinh sống ở Việt Nam vào những thời điểm khác nhau nhưng các dân tộc trên đất nước ta đều có vận mệnh lịch sử chung, lợi ích chung. Để tồn tại, không bị đồng hóa, các tộc người đã sớm đoàn kết, gắn bó chống giặc ngoại xâm, bảo vệ sự sống còn của từng tộc người và của cả cộng đồng dân tộc.

Thời đại các Vua Hùng, hai bộ tộc Lạc Việt và Âu Việt dựng lên nhà nước Văn Lang, sau đó cùng lập ra nhà nước Âu Lạc, cùng tổ chức cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tần.

Trong các cuộc kháng chiến bảo vệ độc lập và tự do của Tổ quốc, các dân tộc cùng sát cánh với người Kinh chống giặc ngoại xâm, như người Tày - Nùng dưới sự lãnh đạo của Thân Cảnh Phúc, Vi Thủ An, Tông Đản,... tham gia cuộc kháng chiến chống quân Tống (cuối thế kỷ XI, thời Lý). Các thủ lĩnh người Mường là Hà Đặc, Hà Chương ở Phú Thọ, Yên Bái tham gia đánh giặc Nguyên - Mông (cuối thế kỷ XIII, thời Trần). Đầu thế kỷ XV, người Mường ở Thanh Hóa theo Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa đánh đuổi giặc Minh, người Thái ở Nghệ An, người Tày - Nùng ở Lạng Sơn cũng góp công lớn trong cuộc khởi nghĩa này. Cuối thế kỷ XVIII, nhiều tộc người thiểu số ở miền núi Bình Định, Quảng Ngãi đã tham gia khởi nghĩa Tây Sơn đánh đuổi quân Thanh, giải phóng

kinh thành Thăng Long. Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, các tộc người thiểu số đều nổi dậy chống thực dân Pháp, như người Thái ở Thanh Hóa tham gia các cuộc khởi nghĩa của các tù trưởng: Hà Văn Mao, Đinh Công Tráng, Cầm Bá Thước; người Mông ở Lào Cai, Lai Châu theo Pát Chai; đồng bào các dân tộc Tây Nguyên theo Nơ Trang Long đánh thực dân Pháp.

Trong thời kỳ vận động giải phóng dân tộc, Việt Bắc là căn cứ địa cách mạng, các dân tộc nơi đây đã góp phần to lớn cho thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954), Việt Bắc lại được chọn là căn cứ địa kháng chiến, đồng bào nơi đây hết lòng ủng hộ kháng chiến, Trung ương Đảng, Chính phủ. Đồng bào dân tộc ở vùng Trường Sơn - Tây Nguyên dù đói cơm, nhạt muối vẫn một lòng theo cách mạng, góp phần đánh thắng thực dân Pháp, đế quốc Mỹ.

III. LỊCH SỬ

1. Từ thời nguyên thủy đến năm 1858

1.1. Thời nguyên thủy

Cách ngày nay khoảng 40-30 vạn năm, do có điều kiện tự nhiên và khí hậu thuận lợi, trên đất nước ta đã xuất hiện những con người đầu tiên. Đó là Người tối cổ. Họ sống thành từng bầy, săn bắt muông thú và hái lượm hoa quả để sống.

Trong quá trình tiến hóa, Người tối cổ đã chuyển biến thành Người hiện đại. Họ sống theo các thị tộc (dòng họ), cư trú trong các hang động, mái đá ngoài

trời, ven các sông suối, sử dụng công cụ đá ghè đẽo (đá cũ), lấy sắn bắt, hái lượm làm nguồn sống chính.

Cách ngày nay khoảng 12.000-6.000 năm, các công xã thị tộc ở Việt Nam đã có bước phát triển mới về tổ chức xã hội và lao động. Con người đã định cư lâu dài ở một nơi, quần tụ thành các thị tộc, bộ lạc.

Từ thời văn hóa Hòa Bình¹, một nền nông nghiệp sơ khai bắt đầu hình thành. Công cụ xương, tre, gỗ,... được sử dụng phổ biến. Công cụ đá (sơ kỳ Đá mới) thời kỳ này đã có sự cải tiến, toàn bộ bề mặt của công cụ được ghè đẽo. Bước đầu con người biết mài lưỡi rìu và làm đồ gốm. Cuộc sống vật chất được nâng cao hơn.

Cách ngày nay khoảng 6.000-5.000 năm, kỹ thuật cưa, khoan đá đã phát triển. Kỹ thuật làm đồ gốm bằng bàn xoay được áp dụng. Công cụ được cải tiến, năng suất lao động tăng cao. Hầu hết các thị tộc sống trên đất Việt Nam bước vào giai đoạn nông nghiệp dùng cuốc đá. Việc trao đổi sản phẩm giữa các bộ lạc xuất hiện. Địa bàn cư trú được mở rộng. Đời sống tinh thần của con người được cải thiện một bước. Đây là thời kỳ “cách mạng Đá mới” ở nước ta.

Khoảng 4.000-3.000 năm trước, chủ nhân của các nền văn hóa trên đất Việt Nam đã đạt đến một trình độ cao về kỹ thuật chế tác đá và làm đồ gốm. Người Việt bắt đầu biết khai thác sử dụng nguyên liệu đồng để chế tạo công cụ. Nghề trồng lúa nước trở nên phổ biến.

1. Di tích văn hóa Hòa Bình có niên đại C¹⁴ là 10.875 ± 175 năm, muộn nhất là 7.500 năm.

1.2. Thời kỳ dựng nước và giữ nước đầu tiên

Từ thời kỳ Phùng Nguyên¹ trải qua giai đoạn Đồng Đậu², Gò Mun³ đến Đông Sơn⁴, do những yêu cầu về thủy lợi và tự vệ chống ngoại xâm, các bộ lạc sống rải rác ở vùng Bắc Bộ và Trung Bộ đã tự nguyện liên minh với nhau. Bộ lạc Lạc Việt là hạt nhân của liên minh đó. Phạm vi phân bố của văn hóa Đông Sơn cũng phù hợp với cương vực của nước Văn Lang, do vua Hùng Vương đứng đầu. Sự ra đời của nhà nước Văn Lang với tính chất một nhà nước là vào khoảng thế kỷ VII-VI trước Công nguyên, có phần sớm với sự phân hóa xã hội chưa sâu sắc nhưng đã đánh dấu một bước phát triển có ý nghĩa thời đại của lịch sử Việt Nam - mở đầu thời đại dựng nước và giữ nước của dân tộc.

1. Phùng Nguyên (Phú Thọ) là địa điểm mà dấu tích đồ đồng sớm nhất ở nước ta đã được phát hiện. Thời kỳ Phùng Nguyên tồn tại vào khoảng nửa đầu thiên niên kỷ II trước Công nguyên.

2. Di chỉ Đồng Đậu thuộc xã Minh Tân, Yên Lạc, Phú Thọ, được phát hiện năm 1964. Giai đoạn Đồng Đậu được xếp vào thời trung kỳ thời đại đồng thau ở Việt Nam, tồn tại vào nửa sau thiên niên kỷ II trước Công nguyên.

3. Di chỉ Gò Mun thuộc xã Việt Tiến, huyện Lâm Thao, Phú Thọ, được phát hiện năm 1961. Giai đoạn Gò Mun tồn tại vào khoảng cuối thiên niên kỷ II đến đầu thiên niên kỷ I trước Công nguyên.

4. Văn hóa Đông Sơn (Thanh Hóa) tồn tại từ thiên niên kỷ I trước Công nguyên đến vài thế kỷ đầu Công nguyên.

Trên phạm vi lãnh thổ của nước Văn Lang có nhiều bộ lạc chung sống, trong đó có người Tây Âu (Âu Việt) sống ở rừng núi và trung du phía Bắc nước Văn Lang.

Người Lạc Việt và người Tây Âu vốn từ lâu đã có mối quan hệ kinh tế, văn hóa gần gũi. Thủ lĩnh của nhóm người Tây Âu sống trên đất Văn Lang là Thục Phán. Liên minh bộ lạc Tây Âu ngày càng mạnh lên.

Trước cuộc xâm lăng của quân Tần, liên minh bộ lạc Tây Âu đã cùng chiến đấu chống ngoại xâm. Kháng chiến thắng lợi, Thục Phán với tư cách người chỉ huy chung đã được thay thế Hùng Vương làm vua, đặt tên nước mới là Âu Lạc (khoảng đầu thế kỷ III trước Công nguyên). Mặc dù nước Âu Lạc tồn tại không lâu, chỉ trong khoảng từ năm 208 đến 179 trước Công nguyên, nhưng về các mặt là bước kế tục và phát triển cao hơn của nước Văn Lang, nhất là trên lĩnh vực quân sự.

Trải qua một chặng đường dài, người Việt cổ đã gây dựng được cho mình một nền văn minh đầu tiên, đó là nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc (văn minh sông Hồng) - một nền văn minh bản địa đã trở thành cội nguồn của các nền văn minh tiếp sau của dân tộc ta, đặt nền móng vững chắc cho bản sắc dân tộc, là cội nguồn sức mạnh tinh thần để nhân dân Việt Nam đứng vững, vượt qua được thử thách to lớn trong hơn 1.000 năm Bắc thuộc.

1.3. Thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc

Năm 179 trước Công nguyên, Âu Lạc bị nhà

Triệu xâm chiếm. Từ đó đến thế kỷ X, các triều đại phong kiến phương Bắc từ nhà Triệu đến nhà Đường thay nhau đô hộ nước ta.

Họ chia nước ta thành quận, huyện, cử quan lại sang cai trị và ra sức bóc lột nhân dân ta bằng nhiều thủ đoạn.

Chính sách thống trị của phong kiến phương Bắc đã làm xã hội Âu Lạc cũ có những biến chuyển nhất định, nhưng cũng có nhiều mặt bị kìm hãm.

Phong kiến phương Bắc truyền bá Nho giáo vào nước ta, bắt dân ta phải theo phong tục người Hán. Họ áp dụng luật pháp hà khắc, thẳng tay bóc lột và đàn áp các cuộc nổi dậy đấu tranh của nhân dân.

Trong khoảng 10 thế kỷ Bắc thuộc, một số kỹ thuật được phổ biến như rèn sắt, làm thủy lợi, dùng phân bón cho cây trồng; khai thác và chế tạo đồ trang sức bằng vàng, bạc, châu ngọc; làm giấy, làm thủy tinh,...

Về văn hóa, nhân dân Việt Nam đã tiếp thu những yếu tố tích cực của văn hóa Trung Hoa thời Hán, Đường như văn tự, ngôn ngữ,... Tuy vậy, tiếng Việt và nhiều tập quán cũ vẫn được bảo lưu.

Ách thống trị tàn bạo của phong kiến phương Bắc đã làm bùng nổ hàng loạt cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta.

Năm 40, Hai Bà Trưng nổi dậy khởi nghĩa ở Mê Linh (quận Giao Chỉ) và giành thắng lợi.

Vua Hán tức giận, đưa quân sang xâm lược nước ta. Mùa hè năm 43, tướng giặc là Mã Viện tấn công quân của Hai Bà Trưng. Mặc dù chiến đấu anh

dũng nhưng do lực lượng yếu, cuối cùng cuộc kháng chiến đã thất bại.

Từ sau cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra ở cả ba quận Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam.

Dưới đây là khái quát về các cuộc khởi nghĩa từ thế kỷ I đến thế kỷ V¹:

TT	Năm khởi nghĩa	Nơi có khởi nghĩa	Tóm tắt diễn biến, kết quả
1	40	Mê Linh (Hà Nội)	Nhân dân ba quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam nổi dậy hưởng ứng cuộc khởi nghĩa do Hai Bà Trưng lãnh đạo thắng lợi, giành được chính quyền độc lập, tự chủ trong ba năm.
2	100	Quận Nhật Nam	Hơn 3.000 người nổi dậy đốt phá trụ sở, nhà cửa của bọn quan lại đô hộ. Cuộc khởi nghĩa bị đàn áp.
3	137	Tượng Lâm và toàn quận Nhật Nam	Hơn 2.000 dân nổi dậy đánh phá huyện lỵ, đốt thành. Cuộc khởi nghĩa kéo dài hơn một năm thì thất bại.
4	144	Nhật Nam và Cửu Chân	Hơn 1.000 dân Nhật Nam nổi dậy liên kết với dân Cửu Chân đánh phá các huyện nhưng bị đàn áp.

1 Xem *VIỆT NAM - Đất nước - Con người, Sđd*, tr.51-52.

5	157	Cửu Chân và Nhật Nam	Hơn 4.000 dân Cửu Chân và Nhật Nam dưới sự lãnh đạo của Chu Đạt nổi dậy đánh giết huyện lệnh và thái thú. Ba năm sau, cuộc khởi nghĩa bị đàn áp.
6	178-181	Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố (Quảng Đông - Trung Quốc)	Hàng vạn dân nổi dậy dưới sự lãnh đạo của Lương Long. Đến năm 181, cuộc khởi nghĩa bị đàn áp.
7	190	Giao Chỉ	Nhân dân khởi nghĩa. Thứ sử Chu Phù không chống nổi phải bỏ trốn nhưng cuối cùng cuộc khởi nghĩa thất bại.
8	190-193	Tượng Lâm	Khu Liên lãnh đạo dân chúng nổi dậy. Cuộc khởi nghĩa thắng lợi. Nước Lâm Ấp ra đời.
9	248	Cửu Chân	Triệu Thị Trinh lãnh đạo nhân dân nổi dậy. Nhà Ngô huy động 8.000 quân mới đàn áp được.
10	271	Cửu Chân	Phù Nghiêam Di nổi dậy chống quân Ngô nhưng thất bại.
11	468-485	Giao Châu	Lý Tường Nhân giết các quan lại thuộc hạ của Thứ sử Trương Mục, tự xưng thứ sử. Nhà Tống phải công nhận chức Thứ sử cho Tường Nhân. Tiếp sau là Lý Thúc Hiến. Năm 485, Thúc Hiến đầu hàng nhà Tề.

Các cuộc đấu tranh vũ trang từ thế kỷ VI đến đầu thế kỷ X¹:

TT	Năm khởi nghĩa	Tóm tắt diễn biến, kết quả
1	542	Khởi nghĩa Lý Bí thắng lợi, lập ra Nhà nước Vạn Xuân năm 544.
2	722	Mai Thúc Loan kêu gọi nhân dân vùng Nam Đàn (Nghệ An) nổi dậy khởi nghĩa, xây dựng căn cứ kháng chiến ở Sa Nam. Được nhân dân hưởng ứng, nghĩa quân tiến ra Bắc, tấn công phủ thành Tống Bình. Đô hộ Quang Sở Khách bỏ trốn. Mai Thúc Loan xưng đế (Mai Hắc Đế), đóng đô ở Vạn An (Nghệ An). Nhà Đường sai 10 vạn quân sang đàn áp. Lực lượng nghĩa quân tan vỡ.
3	Khoảng năm 766	Phùng Hưng khởi nghĩa ở Đường Lâm (Ba Vì), đánh chiếm phủ thành Tống Bình, quản lý đất nước. Năm 791, nhà Đường đem quân xâm lược nước ta.
4	905	Khúc Thừa Dụ được sự ủng hộ của nhân dân đánh chiếm phủ thành Tống Bình, xây dựng chính quyền tự chủ.
5	938	Ngô Quyền đánh bại cuộc xâm lược của Nam Hán, kết thúc hoàn toàn hơn 1.000 năm Bắc thuộc, mở ra một kỷ nguyên mới độc lập, tự chủ của dân tộc Việt Nam.

1.4. Thời kỳ phong kiến dân tộc đến khi thực dân Pháp xâm lược (năm 1858)

- Bước đầu xây dựng nhà nước độc lập ở thế kỷ X

1. Xem *VIỆT NAM - Đất nước - Con người, Sđd*, tr.52-53.

Sau khi đánh bại quân xâm lược Nam Hán (năm 938), Ngô Quyền xưng vương, đóng đô ở Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội). Khi nhà Ngô suy vong, loạn 12 xứ quân diễn ra, đất nước bị chia cắt. Từ Hoa Lư (Ninh Bình), Đinh Bộ Lĩnh đem quân đánh dẹp, thống nhất đất nước. Năm 968, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, dời đô về Hoa Lư. Nhà Đinh, sau đó là nhà Tiền Lê, đã xây dựng một nhà nước quân chủ sơ khai, chia nước thành 10 đạo, tổ chức quân đội theo chế độ “ngụ binh ư nông” (là chính sách quân sự, cho binh lính lao động, sản xuất tại địa phương trong một khoảng thời gian xác định).

- Phát triển và hoàn chỉnh chế độ phong kiến ở các thế kỷ XI-XV

Năm 1010, vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long. Năm 1054 đổi tên nước là Đại Việt. Quốc hiệu này tồn tại cho mãi đến đầu thế kỷ XIX. Đó là một quốc gia - dân tộc, dựa trên một ý thức cộng đồng chung về nguồn gốc, dòng giống, lịch sử và văn hóa.

Quốc gia Đại Việt đã được bảo vệ, củng cố qua các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm và ngày càng mở rộng lãnh thổ về phía Nam.

Từ thế kỷ XI đến thế kỷ XV, trải qua các triều đại Lý, Trần, Hồ, Lê,... chính quyền trung ương Đại Việt được tổ chức ngày càng chặt chẽ. Giáo dục khoa cử dần dần trở thành nguồn đào tạo nhân tài của quốc gia. Luật pháp được ban hành. Thời Lý có bộ Hình thư. Thời Lê có Quốc triều hình luật (Luật Hồng Đức). Quân đội được tổ chức ngày càng quy củ.

Các nhà nước phong kiến Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XV đều có chính sách đoàn kết với các

dân tộc thiểu số, nhất là với các tù trưởng người dân tộc thiểu số ở vùng biên giới. Đối với phong kiến phương Bắc, nhà nước phong kiến Việt Nam thực hiện chính sách “thần phục thiên triều”, “trong xưng đế, ngoài xưng vương”, khôn khéo, mưu trí trong bảo vệ, củng cố nền độc lập dân tộc của mình. Nhưng cũng sẵn sàng chiến đấu, kiên quyết bảo vệ độc lập, chủ quyền đất nước khi bị xâm phạm.

Đối với các nước láng giềng ở phía tây và phía nam như Lào, Chămpa, Chân Lạp..., các nhà nước Đại Việt luôn giữ quan hệ thân thiện, mặc dầu đôi khi vẫn xảy ra xung đột.

- Những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm từ thế kỷ X đến thế kỷ XV

Năm 980, lợi dụng nhà Đinh suy yếu, quân Tống xâm lược nước ta. Thập đạo tướng quân Lê Hoàn được tôn làm vua. Ông đã lãnh đạo quân dân Đại Việt kháng chiến anh dũng, buộc nhà Tống phải lui binh.

Những năm 70 thế kỷ XI, khi nước Đại Việt đang phát triển thì nhà Tống bước vào giai đoạn khủng hoảng. Để cứu vãn tình thế, nhà Tống ráo riết xâm lược nước ta. Thái úy Lý Thường Kiệt đã chủ động đem quân đánh để chặn mũi nhọn của giặc. Năm 1075, ông cho quân tấn công lên Hoa Nam, đánh tan các đạo quân Tống ở đây rồi rút quân về nước. Năm 1077, 30 vạn quân Tống đánh sang nước ta bị quân dân Đại Việt đánh tan trong trận Như Nguyệt (Bắc Ninh).

Đầu thế kỷ XIII, nhà Lý đổ, nhà Trần lên thay. Trong vòng 30 năm dưới triều Trần, nhân dân Đại

Việt đã phải tiến hành ba lần kháng chiến chống giặc Mông - Nguyên (1258, 1285, 1287-1288). Kinh thành Thăng Long ba lần bị giặc tàn phá. Dưới sự chỉ huy thiên tài của Trần Hưng Đạo và các vị vua Trần sáng suốt cùng các vị tướng lĩnh tài giỏi, quân và dân Đại Việt đã lập nhiều chiến công xuất sắc. Hiên hách nhất là trận Bạch Đằng năm 1288.

Cuối thế kỷ XIV, nhà Trần suy vong. Năm 1400, nhà Hồ được thành lập. Đất nước chưa kịp củng cố, quân Minh đã ồ ạt kéo sang xâm lược nước ta. Năm 1407, cuộc kháng chiến chống quân Minh của nhà Hồ thất bại. Không cam chịu cảnh nô lệ, năm 1418, Lê Lợi đã lãnh đạo nhân dân ta nổi dậy. Quân khởi nghĩa đã nhanh chóng làm chủ vùng đất từ Thanh Hóa vào Nam rồi sau đó phát triển ra Bắc, đẩy quân Minh vào tình thế bị động đối phó.

Cuối năm 1427, 10 vạn quân cứu viện của giặc đã bị quân ta đánh tan trong trận Chi Lăng - Xương Giang. Đất nước trở lại thanh bình.

- Việt Nam từ thế kỷ XVI đến năm 1858

Đầu thế kỷ XVI, triều Lê suy sụp. Nhà Mạc ra đời.

Trong những năm đầu thống trị, nhà Mạc đã cố gắng củng cố chính quyền quân chủ theo mô hình nhà Lê và tiến hành một vài cải cách kinh tế, quân sự. Tuy vậy, triều Mạc vẫn không thể đứng vững. Trước sự chống đối ở bên trong và âm mưu xâm lược từ bên ngoài, nhà Mạc đã lúng túng, phải thần phục nhà Minh. Một số quan lại cũ nhà Lê, đứng đầu là Nguyễn Kim giương cờ “Phù Lê diệt Mạc” nổi dậy ở Thanh Hóa. Cuộc chiến tranh Nam - Bắc triều bùng

nổ, kéo dài đến cuối thế kỷ XVI. Triều Mạc đổ, đất nước tạm yên. Nhưng ngay sau đó trong nội bộ lực lượng “phù Lê” đã nảy sinh mâu thuẫn giữa họ Trịnh và họ Nguyễn. Năm 1627, chiến tranh Trịnh - Nguyễn nổ ra, kéo dài đến cuối năm 1672. Không phân thắng bại, hai bên phải giảng hòa, lấy sông Gianh (Linh Giang) ở Quảng Bình làm giới tuyến. Đất nước bước vào thời kỳ chia cắt.

Trong gần một thế kỷ cát cứ, cả chính quyền Đàng Trong và Đàng Ngoài đều ra sức củng cố thế lực của mình, chú trọng xây dựng quân đội, tổ chức khai hoang, mở ruộng đất canh tác. Một số đô thị và trung tâm buôn bán xuất hiện như Kẻ Chợ, Phố Hiến, Hội An, Thanh Hà,... Ngoài thương cũng có bước phát triển nhanh chóng. Thuyền buôn từ các nước, kể cả châu Âu, đến nước ta ngày càng nhiều.

Đến cuối thế kỷ XVIII, chế độ phong kiến Đàng Trong và Đàng Ngoài lâm vào giai đoạn khủng hoảng, suy yếu. Các cuộc khởi nghĩa nông dân bùng nổ khắp nơi, mạnh mẽ nhất là cuộc khởi nghĩa Tây Sơn (Bình Định) do ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ, Nguyễn Huệ lãnh đạo.

Cuộc khởi nghĩa nổ ra từ năm 1771 rồi nhanh chóng phát triển thành một phong trào. Trong vòng 15 năm, nghĩa quân Tây Sơn đã đánh đổ ba tập đoàn phong kiến đương thời là Nguyễn, Trịnh và Lê, bước đầu nối liền hai vùng lãnh thổ của đất nước sau hàng thế kỷ bị chia cắt.

Trong quá trình đấu tranh giai cấp, lực lượng Tây Sơn đã vươn lên đảm đương nhiệm vụ của cả dân tộc,

tiêu diệt 5 vạn thủy binh Xiêm tại Rạch Gầm - Xoài Mút (năm 1785). Năm 1789, nghĩa quân Tây Sơn đại phá 29 vạn quân Thanh, đưa đất nước trở lại thanh bình. Triều Tây Sơn dưới thời vua Quang Trung đã xuất hiện một số nhân tố tích cực về kinh tế, xã hội. Nhưng từ sau năm 1792, khi Quang Trung đột ngột qua đời, đất nước rơi vào tình trạng bất ổn. Lợi dụng tình hình đó, Nguyễn Ánh đã đánh đổ nhà Tây Sơn, lập ra triều Nguyễn (từ năm 1802).

Trong hơn nửa đầu thế kỷ XIX, nhà Nguyễn đã ra sức củng cố nền thống trị, phục hồi kinh tế, chấn chỉnh văn hóa. Tuy có đạt được một số thành tựu nhưng trong bối cảnh khủng hoảng của chế độ phong kiến Việt Nam, với tư tưởng thủ cựu, nhà Nguyễn đã không thể tạo ra được cơ sở cho bước phát triển mới.

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam tại bán đảo Sơn Trà - Đà Nẵng. Lịch sử Việt Nam chuyển sang một giai đoạn mới.

2. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc (1858-1945)

2.1. Giai đoạn từ năm 1858 đến trước năm 1930

Ngay sau khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, triều đình Nguyễn đã cố gắng tổ chức cuộc kháng chiến, nhưng trước một đối thủ mạnh, có vũ khí hiện đại, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta dần dần trở nên đuối sức. Nhà Nguyễn lần lượt phải ký các hòa ước cắt đất (năm 1862, năm

1874), rồi buộc phải thừa nhận nền bảo hộ của thực dân Pháp trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam (qua hai hiệp ước năm 1883, 1884).

Tháng 7/1885, phái chủ chiến, đứng đầu là vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết đã phát động cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp dưới khẩu hiệu “Cần Vương”. Phong trào đấu tranh vũ trang yêu nước của nhân dân ta lại tiếp tục bùng nổ mạnh mẽ, trong đó có những cuộc khởi nghĩa tiêu biểu như Ba Đình (1886-1887), Bãi Sậy (1885-1892), Hùng Lĩnh (1887-1892), Hương Khê (1885-1896) và phong trào yêu nước Yên Thế (1884-1913). Song tất cả các cuộc khởi nghĩa này đều bị thực dân Pháp đàn áp.

Cùng với công cuộc bình định quân sự, trong những năm cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp đã từng bước củng cố nền thống trị ở Việt Nam. Chúng lập ra Liên bang Đông Dương thuộc Pháp (năm 1887), thiết lập chế độ toàn quyền, chia nước ta thành ba kỳ với ba chế độ cai trị khác nhau.

Từ năm 1897, chúng thực hiện chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất nhằm vơ vét sức người, sức của, làm giàu cho bọn tư bản chính quốc và củng cố địa vị của Pháp ở khu vực Viễn Đông. Dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa, kinh tế, xã hội Việt Nam có nhiều thay đổi. Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời. Tầng lớp tư sản và tiểu tư sản thành thị bắt đầu xuất hiện.

Cùng với những tác động của trào lưu cách mạng tư sản đang diễn ra ở nhiều nước phương Đông, nhất là những ảnh hưởng từ Nhật Bản, Trung Quốc,

tại Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XX đã đẩy lên một phong trào yêu nước và cách mạng mang khuynh hướng tư sản hết sức sôi nổi, tiêu biểu là phong trào Đông Du, Đông kinh nghĩa thực, Duy Tân, chống thuế ở Trung Kỳ.

Các phong trào trên tuy có nội dung khác nhau nhưng đều hướng tới việc xây dựng một nước Việt Nam độc lập, tự chủ, tự cường, có thể chế chính trị tiên tiến, kinh tế, văn hóa tiến bộ, nhân dân có cuộc sống ấm no. Phong trào đã bị thực dân Pháp đàn áp dữ dội. Nhiều người đi đầu như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh,... bị bắt bớ, tù đầy.

Trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp vẫn tiếp tục nổ ra, tiêu biểu là các cuộc bạo động vũ trang do Việt Nam quang phục Hội tiến hành. Song song là các phong trào nông dân, binh lính và cuộc đấu tranh của các dân tộc thiểu số sống ở miền núi. Tuy vậy, các phong trào này đều thất bại trước các thủ đoạn đàn áp, hoặc mua chuộc, dụ dỗ của chính quyền thực dân phong kiến và bè lũ tay sai.

Cách mạng Việt Nam đứng trước sự khủng hoảng sâu sắc về đường lối.

Từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp triển khai chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam và Đông Dương. Cuộc khai thác này được tiến hành trên tất cả các lĩnh vực, với một quy mô và tốc độ lớn hơn rất nhiều so với chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất. Hệ quả là xã hội Việt Nam thực sự biến thành xã hội thuộc địa

nửa phong kiến. Nền kinh tế bị lệ thuộc, kìm hãm, không thể phát triển theo đúng quy luật vốn có, khiến cho mâu thuẫn dân tộc và mâu thuẫn giai cấp trong xã hội Việt Nam trở nên ngày càng sâu sắc.

Đồng đảo các tầng lớp nhân dân đã đứng lên đấu tranh. Từ trong phong trào đã xuất hiện những tổ chức chính trị của tư sản và tiểu tư sản như Đảng Lập hiến, Hội Phục Việt, Đảng Thanh niên, trong đó Đảng Lập hiến của giai cấp tư sản có tư tưởng cải lương rõ rệt.

Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam những năm sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đã tạo điều kiện cho những trào lưu tư tưởng mới, nhất là tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, truyền bá vào nước ta. Nhờ đó, phong trào yêu nước và phong trào công nhân Việt Nam có bước phát triển mới. Vào những năm 1925-1927, các tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Tân Việt cách mạng Đảng và Việt Nam quốc dân Đảng được thành lập.

Đến năm 1929, trước yêu cầu khách quan của lịch sử, ba tổ chức: Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn nối tiếp nhau ra đời (tháng 6, 8 và 9/1929).

Sự xuất hiện ba tổ chức cộng sản đã thúc đẩy phong trào dân tộc, dân chủ ở nước ta tiếp tục dâng cao, nhưng đồng thời, tình trạng phân liệt của ba tổ chức này cũng gây tổn hại không nhỏ cho sự phát triển của phong trào cách mạng nói chung. Yêu cầu cấp thiết lúc này là phải thống nhất về hành động, tiến tới thành lập một tổ chức cộng sản duy nhất có

đủ sức lãnh đạo phong trào công nông Việt Nam đang diễn ra quyết liệt, đồng thời đấu tranh có hiệu quả chống lại những âm mưu, thủ đoạn ngày càng tàn bạo của kẻ thù.

2.2. Giai đoạn 1930-1945

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời

Đầu tháng 01/1930, được sự ủy nhiệm của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập và chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam tại Cửu Long (Hong Công, Trung Quốc). “Hội nghị hợp nhất họp vào ngày 6 tháng 1 năm 1930 và chỉ có các đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng tham dự... Công việc thống nhất thực sự chỉ tiến hành vào tháng 2 năm 1930 và kéo dài trong nhiều tuần lễ”¹.

Hội nghị đã nhất trí hợp nhất Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng thành Đảng Cộng sản Việt Nam², đồng thời thông qua *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt và Điều lệ vắn tắt* của Đảng. Sau Hội nghị hợp nhất, ngày 24/02/1930, theo đề nghị của Đông Dương Cộng sản Liên đoàn, Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng Cộng sản Việt Nam đã chấp thuận kết nạp tổ chức này vào Đảng.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, t.4, tr.409.

2. Ngày 03/02/1930 được lấy là ngày kỷ niệm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Sự ra đời của Đảng đã chấm dứt tình trạng khủng hoảng về đường lối cứu nước đã kéo dài suốt mấy chục năm ở nước ta và là bước chuẩn bị quan trọng đầu tiên cho một thời kỳ vùng dậy oanh liệt nhất của cả dân tộc ta trong cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do.

- Phong trào công - nông 1930-1931

Ngay sau khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam¹ đã phát động phong trào công - nông 1930-1931 với đỉnh cao là Xôviết Nghệ Tĩnh.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào đấu tranh của công nhân, nông dân Việt Nam đã diễn ra vô cùng quyết liệt, nhằm thẳng vào hai kẻ thù chính là thực dân, đế quốc và phong kiến, đòi độc lập dân tộc và ruộng đất cho dân cày. Từ trong phong trào, một hình thức chính quyền cách mạng sơ khai lần đầu tiên đã ra đời ở nước ta - chính quyền Xôviết.

Mặc dù chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn, nhưng cao trào cách mạng 1930-1931 và Xôviết Nghệ Tĩnh đã có một ý nghĩa lịch sử hết sức to lớn. Phong trào đã khẳng định trên thực tế quyền lãnh đạo và khả năng lãnh đạo cách mạng của giai cấp công nhân; chứng tỏ đường lối cách mạng mà Đảng Cộng sản Việt Nam đưa ra là hoàn toàn chính xác. Qua

1. Tháng 10/1930, trong Hội nghị lần thứ nhất của Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam họp tại Hồng Công (Trung Quốc), Đảng được đổi tên thành Đảng Cộng sản Đông Dương.

phong trào, khối công nông liên minh được hình thành và từng bước phát huy sức mạnh to lớn của nó.

Phong trào công - nông 1930-1931 mà đỉnh cao là Xôviết Nghệ Tĩnh là cuộc diễn tập đầu tiên của Đảng và quần chúng cách mạng, chuẩn bị cho cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945.

- Đấu tranh khôi phục lực lượng cách mạng sau cuộc khủng bố trắng của thực dân Pháp 1932-1935

Trong những năm 1932-1934, mặc dù bị thực dân Pháp khủng bố quyết liệt, những người cộng sản Việt Nam vẫn kiên cường chiến đấu, gây dựng lại cơ sở trong quần chúng. Đến đầu năm 1935, lực lượng cách mạng Việt Nam được phục hồi. Từ ngày 27 đến 31/3/1935 tại Ma Cao (Áo Môn, Trung Quốc) đã diễn ra Đại hội đại biểu lần thứ I Đảng Cộng sản Đông Dương. Đại hội đã thông qua nhiều nghị quyết quan trọng, bầu ra Ban Chấp hành Trung ương gồm 13 đồng chí do đồng chí Lê Hồng Phong làm Tổng Bí thư.

- Phong trào dân chủ 1936-1939

Trong những năm 1936-1939, nắm vững tư tưởng chủ đạo của Quốc tế Cộng sản và căn cứ vào điều kiện lịch sử cụ thể của cách mạng nước ta, Đảng Cộng sản Đông Dương đã quyết định đưa ra chủ trương mới: tạm thời chưa nêu khẩu hiệu “Đánh đổ đế quốc Pháp” và “Tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày”, mà nêu cao khẩu hiệu “Tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình”; thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương, dùng hình thức đấu tranh công khai hợp pháp là chủ yếu, kết hợp với đấu tranh bí mật, bất hợp pháp để chống lại kẻ thù.

Phong trào dân chủ 1936-1939 một lần nữa thể hiện vai trò tiên phong của giai cấp công nhân cũng như khả năng tổ chức, tập hợp lực lượng, khả năng kết hợp giữa nhiệm vụ dân tộc và nhiệm vụ giai cấp, dân tộc và quốc tế của Đảng Cộng sản Đông Dương.

- *Cuộc vận động giải phóng dân tộc 1939-1945*

Tháng 9/1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Bọn phản động thuộc địa ngóc đầu dậy. Chúng rắp tâm tấn công toàn diện và mau chóng vào các tổ chức cộng sản, đồng thời tăng cường chính sách đàn áp, bóc lột, thủ tiêu mọi quyền dân sinh, dân chủ mà nhân dân Việt Nam đã giành được trong thời kỳ 1936-1939. Đảng Cộng sản Đông Dương phải rút vào hoạt động bí mật.

Cuối tháng 9/1939, Đảng xác định: “Hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước đến vấn đề dân tộc giải phóng”¹.

Tháng 9/1940, phát xít Nhật vào Đông Dương. Pháp - Nhật bắt tay với nhau đàn áp cách mạng Việt Nam. Đất nước ta rơi vào cảnh “một cổ hai tròng”. Mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và phát xít Nhật ngày càng sâu sắc. Những cuộc khởi nghĩa vũ trang mở đầu thời kỳ đấu tranh mới đã diễn ra, tiêu biểu là khởi nghĩa Bắc Sơn (tháng 9/1940), khởi nghĩa Nam Kỳ (tháng 11/1940) và binh biến ở Đô Lương (tháng 01/1941).

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.6, tr.756.

Tiếp theo, Hội nghị lần thứ sáu, thứ bảy, Hội nghị lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương Đảng¹ đã hoàn chỉnh việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới.

Tại Hội nghị Trung ương lần thứ tám, Đảng ta đã xác định tính chất của cách mạng Đông Dương là cách mạng giải phóng dân tộc; kẻ thù chính của dân tộc là thực dân Pháp và phát xít Nhật. Nhiệm vụ giải phóng dân tộc là nhiệm vụ chung của toàn thể nhân dân chứ không phải là nhiệm vụ riêng của giai cấp công nhân và nông dân. Căn cứ vào tình hình cụ thể của cách mạng, Đảng chủ trương tiếp tục tạm gác khẩu hiệu “đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày”, thay bằng khẩu hiệu “tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo”; chia lại ruộng đất công, giảm tô, giảm tức. Chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất riêng cho từng nước Việt Nam, Lào, Campuchia.

Ngay sau hội nghị, toàn Đảng, toàn dân ta đã bắt tay ngay vào công cuộc chuẩn bị toàn diện để tiến tới khởi nghĩa vũ trang, giành chính quyền.

1. Hội nghị Trung ương lần thứ sáu diễn ra ngày 06/11/1939 tại Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định) dưới sự chủ trì của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ.

Hội nghị Trung ương lần thứ bảy diễn ra từ ngày 06 đến 09/11/1940 tại làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh).

Hội nghị Trung ương lần thứ tám diễn ra từ ngày 10 đến 19/5/1941 tại Pác Bó (Cao Bằng) dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, lực lượng cách mạng Việt Nam (bao gồm cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang) không ngừng lớn mạnh. Mặt trận Việt Minh (thành lập ngày 19/5/1941) trở thành ngôi nhà chung của các lực lượng yêu nước Việt Nam, là sợi dây kết nối Đảng với quần chúng. Trên cơ sở lực lượng chính trị phát triển, Đảng ta từng bước thành lập ra lực lượng vũ trang nhân dân. Ngày 22/12/1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân ra đời. Trong các khu căn cứ địa cách mạng, cả hai lực lượng chính trị và vũ trang ngày càng trưởng thành nhanh chóng.

Từ cuối năm 1944 đến đầu năm 1945, phe phát xít liên tiếp thất bại trên các mặt trận. Tháng 8/1944, Paris được giải phóng, chính phủ kháng chiến của tướng Đờ Gôn (C. de Gaulle) lên cầm quyền. Tại Đông Dương, thực dân Pháp ráo riết hoạt động, dè dặt thời cơ lật đổ quân Nhật. Biết rõ ý đồ của thực dân Pháp, đêm 09/3/1945, Nhật đảo chính Pháp trên toàn cõi Đông Dương. Một trong hai kẻ thù nguy hiểm của dân tộc Việt Nam đã bị gục ngã.

Trước những chuyển biến mau lẹ của tình hình thế giới và trong nước, Hội nghị Thường vụ Trung ương Đảng mở rộng đã họp tại Đình Bảng (Bắc Ninh) ngày 09/3/1945, ra bản chỉ thị lịch sử (ngày 12/3/1945) “*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*”. Thực hiện chỉ thị của Đảng, từ giữa tháng 3/1945, phong trào kháng Nhật, cứu nước đã phát triển thành cao trào. Song song với các hoạt động vũ trang chống Nhật, phong trào “Phá kho thóc, giải quyết nạn đói” do Đảng phát động đã trở thành một phong trào chính trị sâu rộng chưa từng thấy. Làn sóng khởi nghĩa dâng cao

từng phần. Ngay sau ngày Nhật đảo chính Pháp, Việt Minh đã lãnh đạo quần chúng nổi dậy ở Hiệp Hòa (Bắc Giang), Tiên Du (Bắc Ninh), Bần Yên Nhân (Hưng Yên). Ở Quảng Ngãi, tù chính trị tại nhà giam Ba Tơ khởi nghĩa, lập ra đội du kích Ba Tơ. Giữa tháng 4/1945, Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kỳ họp, lập ra Ủy ban Quân sự cách mạng Bắc Kỳ. Ngày 16/4/1945, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam. Ngày 15/5/1945, các lực lượng vũ trang Việt Nam được thống nhất thành Việt Nam Giải phóng quân. Ngày 04/6/1945, Khu giải phóng Việt Bắc gồm sáu tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên được thành lập. Bảy chiến khu kháng Nhật nối tiếp nhau ra đời.

Tại các đô thị, phong trào đấu tranh chính trị của công nhân, học sinh, viên chức, tiểu tư sản,... dâng cao. Tình thế cách mạng trực tiếp đang tới gần.

- Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Trong lúc khí thế chống phát xít Nhật đang tăng cao trên khắp cả nước thì ta được tin về việc phát xít Nhật sắp đầu hàng Đồng minh.

Ngày 13/8/1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh quyết định lập ra Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc.

Vào lúc 23 giờ cùng ngày, Ủy ban Khởi nghĩa ra Quân lệnh số 1, kêu gọi toàn dân đứng dậy.

Ngày 13/8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng đã khai mạc tại Tân Trào (Tuyên Quang). Hội nghị quyết định phát động và lãnh đạo toàn dân khởi nghĩa, đề ra những nhiệm vụ cấp bách về đối nội, đối ngoại sẽ thi hành sau khi giành được chính quyền và thông qua 10 chính sách lớn của Mặt trận Việt Minh.

Hội nghị toàn quốc của Đảng vừa kết thúc thì Đại hội Quốc dân do Tổng bộ Việt Minh triệu tập cũng khai mạc (tại Tân Trào, Tuyên Quang) vào ngày 16/8/1945. Đại hội đã ủng hộ chủ trương tổng khởi nghĩa của Đảng, quyết định thành lập Ủy ban Giải phóng dân tộc Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

Hưởng ứng mệnh lệnh Tổng khởi nghĩa, khắp nơi trên cả nước, quần chúng đồng loạt nổi dậy giành chính quyền: Hà Nội (ngày 19 tháng 8), Thanh Hóa, Bắc Ninh, Ninh Bình, Thái Nguyên, Sơn Tây (ngày 20 tháng 8); Yên Bái, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Nam Định, Nghệ An, Ninh Thuận, Tân An (ngày 21 tháng 8); Cao Bằng, Hưng Yên, Kiến An (ngày 22 tháng 8); Hải Phòng, Hà Đông, Hòa Bình, Quảng Bình, Quảng Trị, Bình Định, Lâm Viên, Gia Lai, Tân An, Bạc Liêu (ngày 23 tháng 8).

Ngày 23 tháng 8, quần chúng cách mạng đã làm chủ thành phố Huế.

Ngày 24 tháng 8, chính quyền đã về tay nhân dân ở các tỉnh Hà Nam, Quảng Yên, Đắc Lắc, Phú Yên, Gò Công.

Ngày 25 tháng 8, cách mạng thành công ở thành phố Sài Gòn. Cùng ngày, khởi nghĩa đã thắng lợi ở nhiều tỉnh như Sóc Trăng, Long Xuyên, Vĩnh Long, Bà Rịa, Tây Ninh, Bến Tre, Lạng Sơn, Phú Thọ, Kon Tum, Bình Thuận...

Ngày 28 tháng 8, chính quyền về tay nhân dân ở Đồng Nai Thượng và Hà Tiên.

Như vậy, chỉ trong vòng 15 ngày (từ ngày 13 đến 28/8/1945), cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền đã giành được thắng lợi trên phạm vi toàn quốc.

Ngày 02/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, trước hàng chục vạn người dân vừa được giải thoát khỏi kiếp nô lệ, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời trình trọng đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một sự kiện vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam: xiềng xích nô lệ mà thực dân Pháp và phát xít Nhật từng trói buộc nhân dân ta hơn 80 năm đã bị đập tan, chế độ quân chủ chuyên chế từng ngự trị và tồn tại hàng nghìn năm đã bị lật đổ. Nước ta từ một nước thuộc địa đã trở thành một quốc gia độc lập với chính thể dân chủ cộng hòa; nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành những người tự do, chủ nhân của đất nước; Đảng ta từ một đảng hoạt động bất hợp pháp, trở thành một đảng cầm quyền, lần đầu tiên vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, lãnh đạo thắng lợi cuộc cách mạng vô sản ở một nước thuộc địa.

3. Cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng đất nước Việt Nam thống nhất, dân chủ và tiến bộ (từ năm 1945 đến nay)

3.1. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954

- Năm đầu xây dựng và bảo vệ nhà nước công nông (1945-1946)

* *Xây dựng và củng cố chính quyền dân chủ nhân dân*

Ngày sau khi ra đời, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã phải đối mặt với hàng loạt khó khăn,

thử thách. Bên ngoài thì bọn đế quốc lăm le bóp chết nhà nước cách mạng non trẻ, bên trong thì 20 vạn quân của chính quyền Tưởng Giới Thạch lấy danh nghĩa Đồng minh, có sự bảo trợ của quân Mỹ, ồ ạt kéo vào miền Bắc, đóng quân từ Bắc vĩ tuyến 16 đến biên giới Việt - Trung. Trong Nam thì hơn 1 vạn quân Anh, cũng với danh nghĩa Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật đã giúp thực dân Pháp trở lại xâm lược Việt Nam. Sự hiện diện của hàng chục vạn quân Tưởng, Anh, Pháp, Nhật,... trên đất nước ta đã tạo điều kiện cho bọn tay sai của chúng như Việt quốc (Việt Nam Quốc dân Đảng), Việt cách (Việt Nam Cách mạng đồng minh Hội),... nổi dậy chống phá cách mạng điên cuồng.

Trong khi đó, nạn đói khủng khiếp do chính sách cai trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật gây ra đã cướp đi hàng triệu sinh mạng, nay lại có nguy cơ tái diễn. Thiên tai xảy ra liên miên. Tài chính quốc gia trống rỗng. Hơn 90% số dân mù chữ,...

Những khó khăn chồng chất đã đẩy vận mệnh dân tộc vào thế “ngàn cân treo sợi tóc”.

Trước tình hình đó, Đảng và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu đã sáng suốt lãnh đạo cách mạng Việt Nam từng bước vượt qua khó khăn, thử thách.

Cuộc Tổng tuyển cử ngày 06/01/1946 thắng lợi đã bầu ra Quốc hội khóa I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sau Tổng tuyển cử, hệ thống chính quyền các cấp được kiện toàn.

Tháng 3/1946, Chính phủ liên hiệp kháng chiến do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch được thành lập.

Ngày 09/11/1946, Quốc hội đã biểu quyết thông qua Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, hệ thống nhà nước, bao gồm cả các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp đã được xây dựng theo nguyên tắc: của dân, do dân và vì dân.

Những việc cần kíp trước mắt của công cuộc “kháng chiến, kiến quốc” được đẩy mạnh. Việc chống giặc đói, giặc dốt... được các địa phương, các ngành, các cấp tích cực thực hiện với những biện pháp sáng tạo và hiệu quả. Nạn đói bị đẩy lùi một bước. Cuộc vận động tăng gia sản xuất, tiết kiệm được phát động. Một số chính sách về ruộng đất, tô thuế và khuyến nông được ban hành. Tháng 01/1946, Nhà nước phát hành giấy bạc Việt Nam. Công tác bình dân học vụ thu được thắng lợi to lớn. Hàng triệu người thoát nạn mù chữ. Nếp sống văn hóa mới với nội dung nêu cao tinh thần bình đẳng, dân chủ, tiến bộ, phụng sự Tổ quốc có bước phát triển vượt bậc.

Những thành tựu trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa trong năm đầu xây dựng chế độ mới là nhân tố căn bản bảo đảm sự thắng lợi của công cuộc bảo vệ thành quả Cách mạng Tháng Tám.

** Bảo vệ thành quả Cách mạng Tháng Tám năm 1945*

Trước âm mưu phá hoại của kẻ thù, Đảng, Chính phủ, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã có những sách lược khôn khéo, mềm dẻo, đối phó có hiệu quả với những âm mưu và thủ đoạn nham hiểm của chúng.

Đầu năm 1946, khi Tưởng Giới Thạch và thực dân Pháp thỏa hiệp với nhau, mưu tính đưa quân Pháp ra miền Bắc thay thế quân Tưởng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với Pháp bản Hiệp định sơ bộ ngày 06/3/1946. Theo đó, Chính phủ Pháp đã công nhận nước ta về mặt pháp lý. Về phía Tưởng Giới Thạch cũng không còn lý do gì nấn ná ở lại Việt Nam. Ta bớt đi được một kẻ thù nguy hiểm để tập trung mũi nhọn vào việc chống lại kẻ thù chính còn lại là thực dân Pháp.

Tiếp đó, trong cuộc đàm phán Việt - Pháp từ tháng 7 đến tháng 9/1946 tại Phôngtennoblô (Pháp) mọi cố gắng đối ngoại của ta đều bế tắc. Tình hình trở nên hết sức căng thẳng.

Để tỏ rõ thiện chí của nhân dân Việt Nam, trong chuyến đi thăm nước Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với đại diện Chính phủ Pháp bản Tạm ước ngày 14/9/1946, quy định một số điều về quan hệ kinh tế, văn hóa giữa Pháp với Việt Nam, về đình chỉ chiến sự và kế hoạch đàm phán tiếp theo của hai bên. Nhờ đó ta có thêm 3 tháng hòa bình để chuẩn bị lực lượng về mọi mặt cho cuộc chiến đấu lâu dài này.

- Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946-1954)

Với dã tâm xâm lược nước ta, thực dân Pháp âm mưu mở rộng chiến tranh Đông Dương. Chúng liên tục tấn công vào các vùng giải phóng của ta ở miền Nam, đánh chiếm một số tỉnh, thành phố phía Bắc, gây hấn ở Hà Nội,...

Trước tình hình ngày một khẩn trương, Trung ương Đảng đã họp bàn và chỉ thị cho các địa phương

“Tất cả hãy sẵn sàng”. Các đơn vị lực lượng vũ trang được lệnh vào vị trí chiến đấu.

Vào lúc 20 giờ ngày 19/12/1946, mệnh lệnh chiến đấu được phát ra. Quân dân ta nổ súng tấn công thực dân Pháp. *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh được truyền đi khắp nước.

Ngày 22/12/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị *Toàn dân kháng chiến*. *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh và chỉ thị *Toàn dân kháng chiến* của Ban Thường vụ Trung ương Đảng trở thành cương lĩnh kháng chiến mang tính khái quát cao, chứa đựng tư tưởng, quan điểm, đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc, lâu dài, tự lực cánh sinh và nhất định thắng lợi.

Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp của nhân dân ta kéo dài suốt 9 năm, từ ngày 19/12/1946 đến tháng 7/1954. Trong thời gian đó, chúng ta thực hiện chủ trương: vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, nhân dân ta đã vượt qua nhiều gian khổ, hy sinh, giành nhiều thắng lợi vẻ vang trên các lĩnh vực quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, ngoại giao,...

Dù tuyên bố “tự giải tán”, nhưng trên thực tế, công tác xây dựng Đảng vẫn được tăng cường. Năm 1950, số lượng đảng viên tăng lên trên 70 vạn đảng viên. Tháng 02/1951, Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng đã được tổ chức thành công ở Tuyên Quang.

Sau Đại hội, Đảng ta ra hoạt động công khai và lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam. Mặt trận Việt Minh và Mặt trận Liên Việt thống nhất thành Mặt trận Liên Việt. Uy tín của Đảng và Chính phủ ta

ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế. Từ tháng 01/1950, Trung Quốc, Liên Xô, sau đó là nhiều nước dân chủ nhân dân Đông Âu lần lượt công nhận Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Trên mặt trận quân sự, ta giành thắng lợi lớn trong chiến dịch Việt Bắc (từ ngày 7 tháng 10 đến 21/12/1947), chiến dịch Biên giới (từ ngày 16 tháng 9 đến 18/10/1950), tiêu hao nhiều sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn, khai thông đường biên giới Việt - Trung, mở rộng khu căn cứ địa Việt Bắc, giành quyền chủ động về chiến lược trên chiến trường chính (Bắc Bộ).

Tháng 9/1953, Bộ Chính trị đề ra chủ trương tác chiến Đông Xuân, làm phá sản bước đầu kế hoạch Nava.

Đầu tháng 12/1953, Bộ Chính trị thông qua kế hoạch của Tổng Quân ủy Trung ương chọn Điện Biên Phủ làm điểm quyết chiến chiến lược.

Vào lúc 13 giờ ngày 13/3/1954, quân ta được lệnh nổ súng tấn công vào cái gọi là “Pháo đài bất khả xâm phạm” của thực dân Pháp, được đế quốc Mỹ giúp đỡ xây dựng tại thung lũng Điện Biên Phủ.

Sau ba đợt tiến công, đến ngày 07/5/1954, tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ của địch hoàn toàn bị tiêu diệt; 16.200 tên, kể cả bộ chỉ huy mặt trận của địch bị tiêu diệt hoặc bắt sống. Toàn bộ vũ khí, kho tàng của địch bị tịch thu hoặc phá hủy, 62 máy bay địch bị bắn rơi.

Chiến thắng Điện Biên Phủ là kết quả trực tiếp, cao nhất của chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954, là

đỉnh cao của 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, tạo điều kiện căn bản cho cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao giành thắng lợi.

Ngày 21/7/1954, Hiệp định Giơnevơ được ký kết, chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, với sự giúp sức của Mỹ, ở Đông Dương. Pháp phải rút quân viễn chinh về nước. Miền Bắc hoàn toàn được giải phóng và chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa.

3.2. Thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ và đấu tranh thống nhất Tổ quốc (1954-1975)

- Tình hình nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam sau năm 1954

Sau tháng 7/1954, đất nước ta tạm thời bị chia làm hai miền. Tuy mỗi miền có một nhiệm vụ chiến lược khác nhau (miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục đấu tranh thực hiện nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ, tiến tới thống nhất Tổ quốc) nhưng cả hai miền đều thực hiện một nhiệm vụ, mục tiêu chung, đó là chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước, tạo điều kiện để cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Công cuộc xây dựng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc (1954-1975)

Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, miền Bắc Việt Nam được giải phóng, cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cơ bản đã hoàn thành, Đảng chủ trương chuyển sang làm cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện hàn gắn vết thương chiến tranh, sau năm đợt cải cách ruộng đất (kể cả một đợt trong kháng chiến), mặc dù đã phạm một số sai lầm trong quá trình thực hiện, nhưng ý nghĩa của cải cách ruộng đất vẫn hết sức lớn lao, góp phần đánh đổ giai cấp địa chủ phong kiến, giải phóng giai cấp nông dân, đưa nông dân lên địa vị người làm chủ ở nông thôn, thực hiện triệt để khẩu hiệu “người cày có ruộng”, khối công - nông liên minh được củng cố vững chắc.

Từ năm 1958 đến 1960, miền Bắc thực hiện Kế hoạch 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước đầu phát triển kinh tế, văn hóa. Kết quả là, đến cuối năm 1960, phần lớn nông dân, thợ thủ công, các hộ tiểu chủ, tiểu thương... đã được đưa vào làm ăn tập thể. Đối với giai cấp tư sản dân tộc, Đảng chủ trương cải tạo họ bằng phương pháp hòa bình. Cuối năm 1960, có trên 97% số hộ tư sản vào công tư hợp doanh.

Cuối năm 1960, miền Bắc cơ bản xóa xong nạn mù chữ ở miền xuôi cho những người dưới 50 tuổi. Các cơ sở y tế được xây dựng ngày một nhiều (năm 1960 tăng gấp 11 lần so với năm 1955). Đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân được cải thiện đáng kể.

Thắng lợi của Kế hoạch 3 năm (1958-1960) và cải tạo xã hội chủ nghĩa đã tạo nên những bước chuyển biến to lớn trên miền Bắc nước ta. Thắng lợi đó đã được phản ánh trong bản Hiến pháp xã hội chủ nghĩa đầu tiên, được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 11 ngày 31/12/1959 và chính thức được công bố ngày 01/01/1960.

Từ năm 1961 đến 1965, nhân dân miền Bắc tiếp tục thực hiện Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Kế

hoạch này có sự cụ thể hóa đường lối chung của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, được Đảng Lao động Việt Nam vạch ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (tháng 9/1960): “*thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng bước đầu cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đồng thời hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa*”¹.

Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đang thực hiện có kết quả thì bị gián đoạn bởi đế quốc Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc, bắt đầu từ ngày 05/8/1964 và mở rộng quy mô từ ngày 07/02/1965.

Trong khoảng 10 năm 1965-1975, miền Bắc thực hiện việc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện mới: kết hợp cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại nhằm bảo vệ miền Bắc với cuộc chiến đấu để giải phóng miền Nam, xây dựng miền Bắc thành căn cứ địa cách mạng của cả nước và hậu phương chống đế quốc Mỹ của cả dân tộc.

Trong hai lần chống chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân của đế quốc Mỹ (lần thứ nhất từ ngày 05/8/1964 đến 01/11/1968; lần thứ hai từ tháng 4/1972 đến tháng 01/1973), quân và dân miền Bắc đã bắn rơi gần 4.000 máy bay phản lực hiện đại, trong đó có cả máy bay chiến lược B52, bắn chìm, bắn cháy hàng trăm tàu chiến của địch.

Để thực hiện nghĩa vụ hậu phương, ngay từ những năm 1959-1960, miền Bắc đã gửi vào Nam những

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.21, tr.566.

người con ưu tú của đất “thành đồng”, trực tiếp về tham gia chiến đấu giải phóng quê hương. Trong những năm chiến tranh ác liệt, bị tàn phá nặng nề, hậu phương miền Bắc vẫn đáp ứng lời kêu gọi của tiền tuyến, thực hiện khẩu hiệu “thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, “mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt”. Nguồn lực chi viện trên đây cùng với những thành tựu của quân và dân miền Bắc giành được trong sản xuất và chiến đấu đã có tác dụng to lớn, góp phần quyết định vào thắng lợi của quân dân miền Nam trong chiến đấu chống các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ.

- Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam (1954-1975)

Sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954, đế quốc Mỹ thay thế vị trí của thực dân Pháp ở miền Nam. Thực hiện kế hoạch “lấp chỗ trống” dưới thời Aixenhao (Dwight D. Eisenhower), đế quốc Mỹ dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của chúng.

Được Chính phủ Mỹ bảo trợ, chính quyền Ngô Đình Diệm ngang nhiên phá hoại Hiệp định Giơnevơ, điên cuồng chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta.

Nhận rõ âm mưu và thủ đoạn của kẻ thù, ngay từ năm 1954, Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã đề ra cho cách mạng miền Nam nhiệm vụ chuyển cuộc đấu tranh vũ trang chống thực dân Pháp trước đó sang đấu tranh chính trị chống Mỹ - Diệm, đòi

chúng thi hành Hiệp định Giơnevơ để củng cố hòa bình, giữ gìn và xây dựng lực lượng cách mạng. Theo đó, phong trào đấu tranh chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng đã diễn ra sôi nổi từ tháng 8/1954. Tiếp đó, phong trào dần dần chuyển sang đấu tranh vũ trang tự vệ, rồi dùng bạo lực cách mạng.

Dưới ánh sáng của Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 mở rộng (đầu năm 1959), phong trào quần chúng từ chỗ nổ ra lẻ tẻ ở từng địa phương (từ tháng 02/1959) đã lan rộng ra khắp miền Nam, thành cao trào cách mạng với cuộc Đồng khởi tiêu biểu của nhân dân tỉnh Bến Tre (tháng 01/1960). Sự kiện này đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam, chuyển cách mạng từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công; đồng thời giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của đế quốc Mỹ ở miền Nam, làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.

Từ trong cao trào Đồng khởi, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời (ngày 20/12/1960).

Trong các năm 1961-1964, quân và dân miền Nam tiếp tục đánh bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ, làm phá sản kế hoạch Xtalây - Taylo (bình định miền Nam trong vòng 18 tháng) và kế hoạch Giônxon - Mác Namara (bình định miền Nam có trọng điểm trong vòng 2 năm).

Từ tháng 3/1965, Mỹ ồ ạt đưa quân viễn chinh và chư hầu vào miền Nam, hòng thực thi chiến lược “chiến tranh cục bộ”, chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta.

Sau trận Vạn Tường (Quảng Ngãi) tháng 8/1965, mở đầu cho cao trào “Tìm Mỹ mà đánh, tìm ngụy mà diệt”, quân và dân miền Nam lại tiếp tục đánh bại các cuộc phản công chiến lược của địch (vào hai mùa khô 1965-1966 và 1966-1967), loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm nghìn tên địch, thu nhiều vũ khí và phương tiện chiến tranh.

Trên đà thắng lợi, đúng vào dịp Tết Mậu Thân (năm 1968), ta chủ trương mở cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa trên toàn miền Nam, mở ra bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, làm lung lay ý chí xâm lược của quân viễn chinh Mỹ, buộc chúng phải tuyên bố “phi Mỹ hóa” cuộc chiến tranh, tức thừa nhận sự thất bại của chiến lược “chiến tranh cục bộ”. Đầu tháng 11/1968, đế quốc Mỹ phải tuyên bố chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, chịu ngồi vào bàn đàm phán với ta tại Hội nghị Pari.

Đầu năm 1969, Mỹ triển khai chương trình “Việt Nam hóa chiến tranh”, đồng thời mở rộng chiến tranh ở Lào và Campuchia, huy động tối đa sức mạnh về quân sự kết hợp với những thủ đoạn chính trị, ngoại giao xảo quyệt nhằm chống phá các lực lượng cách mạng ở cả ba nước.

Trước diễn biến mới đó, ngày 06/6/1969, Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra đời. Tháng 4/1970, Hội nghị cấp cao ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia đã được tổ chức.

Từ tháng 4 đến 6/1970, quân và dân Việt Nam - Campuchia đã đập tan cuộc hành quân của 10 vạn

quân Mỹ - nguy Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn 5 tỉnh thuộc Đông Bắc Campuchia và phần lớn vùng nông thôn của 10 tỉnh khác, hình thành vùng giải phóng rộng lớn với 4,5 triệu dân.

Cùng thời gian trên, quân tình nguyện Việt Nam ở Lào đã phối hợp với bạn đập tan cuộc hành quân lấn chiếm Cánh đồng Chum, Xiêng Khoảng,... Tháng 02 và 3/1971, quân và dân ta (được sự hỗ trợ của quân và dân Lào) đã lập chiến công lớn, đẩy lùi cuộc hành quân Lam Sơn - 719, quét hết quân địch ra khỏi đường 9 - Nam Lào, giữ vững hành lang chiến lược của cách mạng Đông Dương.

Trên đà thắng lợi, cuối tháng 3/1972, quân và dân ta mở cuộc tiến công chiến lược, lấy Quảng Trị làm hướng tấn công chủ yếu rồi phát triển rộng khắp ra toàn chiến trường miền Nam.

Cuộc tiến công năm 1972 đã tạo ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, buộc đế quốc Mỹ phải tuyên bố “Mỹ hóa” trở lại cuộc chiến tranh xâm lược, tức thừa nhận sự thất bại của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Thắng lợi của quân và dân miền Nam hòa cùng với chiến thắng của quân và dân miền Bắc đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của Mỹ lần thứ hai (từ tháng 4/1972 đến tháng 01/1973), oanh liệt nhất là trận Điện Biên Phủ trên không trong suốt 12 ngày đêm cuối năm 1972, đã buộc đế quốc Mỹ phải ký kết Hiệp định Paris ngày 27/01/1973, chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

- Đấu tranh giành toàn vẹn lãnh thổ, thống nhất đất nước (1973-1975)

Sau Hiệp định Pari năm 1973, đế quốc Mỹ buộc phải rút hết quân đội khỏi Việt Nam, miền Bắc trở lại hòa bình, có thêm những điều kiện thuận lợi để khắc phục hậu quả chiến tranh, tăng cường chi viện cho tiền tuyến.

Tại miền Nam, từ tháng 10/1973, quân và dân ta đẩy mạnh các hoạt động quân sự, đánh địch lấn chiếm và giáng trả những hành động chiến tranh của chúng, liên tiếp giành thắng lợi ở vùng đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ.

Căn cứ vào diễn biến trên chiến trường, thấy thời cơ chiến lược xuất hiện, Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng (từ ngày 30 tháng 9 đến 07/10/1974) và Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng (từ ngày 18/12/1974 đến 08/01/1975) đã đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong 2 năm 1975 và 1976 và chỉ rõ: “Phải gấp rút chuẩn bị mọi mặt để kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh cứu nước trong năm 1975 hoặc năm 1976... Chúng ta phải cố gắng cao nhất để thắng gọn trong năm 1975”¹. Thực hiện chủ trương chiến lược trên đây, trên khắp chiến trường miền Nam, quân và dân ta đã đồng loạt nổi dậy, mở đầu bằng chiến dịch Tây Nguyên (từ ngày 04 đến 24/3/1975). Chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi đã chuyển cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, cứu

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.35, tr.193-196.

nước sang giai đoạn mới: từ cuộc tiến công chiến lược phát triển thành cuộc tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam.

Trong khi tiếng súng đánh địch ở Tây Nguyên còn chưa dứt, thấy thời cơ chiến lược đến nhanh, ta liền mở chiến dịch Huế - Đà Nẵng (từ ngày 21 đến 29/3/1975), giải phóng các tỉnh miền Trung.

Trên đà thắng lợi, ngày 25/3/1975, Bộ Chính trị chỉ thị: Thời cơ chiến lược mới đã đến... phải tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí kỹ thuật... giải phóng miền Nam trước mùa mưa (tức trước tháng 5/1975). Chiến dịch giải phóng Sài Gòn cũng được Bộ Chính trị quyết định đặt tên là “Chiến dịch Hồ Chí Minh”.

Từ ngày 24 đến 30/4/1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh đã diễn ra và kết thúc thắng lợi.

Đúng 11 giờ 30 phút ngày 30/4/1975, lá cờ cách mạng đã tung bay trên nóc Phủ tổng thống ngụy Sài Gòn, đánh dấu sự toàn thắng của chiến dịch giải phóng miền Nam, thu giang sơn về một mối.

3.3. Khôi phục đất nước sau chiến tranh, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ (1975-1986)

Sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, cùng với nhiệm vụ khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục, phát triển kinh tế, ổn định tình hình chính trị, xã hội miền Nam, là nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước. Chủ trương này đã được thực hiện bằng cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung ngày 25/4/1976.

Cuối tháng 6, đầu tháng 7/1976, Quốc hội của nước Việt Nam thống nhất (Quốc hội khóa VI) đã họp tại Hà Nội, quyết định lấy tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chọn Hà Nội là thủ đô, đổi tên thành phố Sài Gòn - Gia Định là Thành phố Hồ Chí Minh.

Với kết quả của Kỳ họp thứ I Quốc hội khóa VI, công việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước đã hoàn thành. Ngày 31/01/1977, tại Thành phố Hồ Chí Minh, Đại hội đại biểu các mặt trận dân tộc ở hai miền Nam - Bắc đã họp để thống nhất thành Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Ngày 18/12/1980, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được Quốc hội thông qua. Đây là bản hiến pháp đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước.

Những thắng lợi to lớn trên đây đã tạo điều kiện cho Việt Nam mở rộng quan hệ quốc tế và từng bước khẳng định vị trí của mình trong khu vực và trên thế giới. Từ ngày 20/7/1977, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc và là thành viên của hơn 20 tổ chức quốc tế khác.

Nhưng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngay khi mới ra đời đã đứng trước những khó khăn, thử thách mới do chính sách cấm vận của Mỹ và những hành động khống chế, phá hoại khác của các lực lượng thù địch gây ra.

Thực hiện quyền tự vệ chính đáng của mình, cuối tháng 12/1978, quân và dân ta đã đẩy lùi cuộc tiến công có quy mô lớn với ý đồ xâm lược của tập đoàn

phản động Pôn Pốt - Iêng Xary - Khiêu Xamphon (Campuchia), đuổi chúng ra khỏi bờ cõi nước ta, lập lại hòa bình trên vùng biên giới Tây Nam Tổ quốc.

Còn ở phía Bắc, quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc cũng rất căng thẳng. Ngày 17/02/1979, quân Trung Quốc tiến sâu vào lãnh thổ Việt Nam tại các tỉnh biên giới phía Bắc Việt Nam. Ngày 01/3/1979, Trung Quốc đề nghị đàm phán để khôi phục hòa bình, an ninh biên giới và giải quyết xung đột về biên giới lãnh thổ. Ngày 14/3/1979, quân Trung Quốc rút khỏi Việt Nam.

Song song với công tác ổn định về chính trị, giữ vững an ninh - quốc phòng, những nhiệm vụ kinh tế - xã hội đầu tiên sau khi nước nhà thống nhất cũng đã được toàn Đảng, toàn dân ta nỗ lực thực hiện.

Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976-1980) do Đại hội lần thứ IV (tháng 12/1976) của Đảng đề ra đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Tiếp đó, những phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1981-1985) được thực hiện đã khiến cho kinh tế - xã hội nước ta có những chuyển biến và tiến bộ đáng kể. Sản xuất công, nông nghiệp đều tăng; cơ sở vật chất - kỹ thuật được cải thiện; nhiều hoạt động khoa học - kỹ thuật được triển khai, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển.

Tuy vậy, những khó khăn, yếu kém vẫn còn nhiều. Một số mục tiêu kinh tế - xã hội cơ bản vẫn chưa thực hiện được. Điều này đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân ta phải nỗ lực nhiều hơn để tiếp tục đưa đất nước tiến lên.

3.4. Đất nước trên con đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội (từ năm 1986 đến nay)

Sau hơn một thập niên thực hiện hai Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976-1985), nước ta đã đạt được những thành tựu và ưu điểm đáng kể trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, song cũng gặp không ít khó khăn. Khó khăn càng ngày càng lớn, khiến đất nước rơi vào tình trạng khủng hoảng, trước hết là khủng hoảng về kinh tế - xã hội.

Để khắc phục tình trạng trên đây, Đảng và Nhà nước ta đã tiến hành đổi mới. Đường lối đổi mới của Đảng được đề ra đầu tiên tại Đại hội lần thứ VI (tháng 12/1986), được điều chỉnh, bổ sung và phát triển qua các kỳ Đại hội: lần thứ VII (tháng 6/1991), lần thứ VIII (tháng 6/1996), lần thứ IX (tháng 4/2001), lần thứ X (tháng 4/2006), lần thứ XI (tháng 01/2011), lần thứ XII (tháng 01/2016).

Đường lối đổi mới của Đảng từ năm 1986 đến 2020 đã được thực hiện qua 7 Kế hoạch Nhà nước 5 năm: 1986-1990, 1991-1995, 1996-2000, 2001-2005, 2006-2010, 2011-2015, 2016-2020. Hơn 30 năm đó là một giai đoạn lịch sử quan trọng trong tiến trình phát triển của nước ta, đánh dấu sự trưởng thành, nỗ lực về mọi mặt của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Những thành tựu mà chúng ta đạt được là rất to lớn: đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Kinh tế tăng trưởng khá, nền kinh tế thị trường

định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước hình thành, phát triển. Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường. Văn hóa - xã hội có bước phát triển; bộ mặt đất nước và đời sống của nhân dân có nhiều thay đổi. Dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng. Đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị được đẩy mạnh. Sức mạnh về mọi mặt của đất nước được nâng lên. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa. Quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu; vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao.

GDP năm 2020 ước đạt gần 300 tỷ USD, tăng gấp 2,6 lần so với GDP năm 2010 là 116 tỷ USD. GDP bình quân đầu người năm 2020 ước đạt hơn 3.000 USD, tăng gần 2,5 lần so với năm 2010 là 1.332 USD. Đến nay, Việt Nam có quan hệ đối ngoại với 189 nước, quan hệ thương mại với 220 nước và vùng lãnh thổ. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ năm 2011 là 203,655 tỷ USD, năm 2019 đạt 517 tỷ USD, tăng hơn 2,5 lần¹.

Những thành tựu mang tính tâm vóc và ý nghĩa lịch sử cùng những bài học kinh nghiệm rút ra là tiền

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Báo cáo 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020, tr.26-27.

đề quan trọng để đất nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển trong những năm tới, nỗ lực phấn đấu vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

IV. VĂN HÓA

1. Ngôn ngữ và chữ viết

1.1. Ngôn ngữ

Trong lịch sử hàng nghìn năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, dân tộc Việt Nam đã kiên trì và bền bỉ đấu tranh để không bị đồng hóa về ngôn ngữ và văn hóa, giữ gìn, phát triển tiếng Việt - như Bác Hồ đã nói - “thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc”¹ được như đến ngày nay.

Tiếng Việt có nguồn gốc lâu đời, là một ngôn ngữ thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer, thuộc họ Nam Á có từ cổ xưa trên một khu vực rộng lớn của vùng Đông Nam châu Á. Trong quá trình phát triển, ngôn ngữ Môn - Khmer lại phân tách và một nhánh của nó được gọi là Proto Việt - Katu. Sau một thời gian, ngôn ngữ này lại tách ra làm hai là Katu và Proto Việt Chứt. Tổ tiên trực tiếp của người nói tiếng Việt ngày nay là các bộ tộc người nói tiếng Proto. Do sự tiếp xúc với các ngôn ngữ Tày - Thái, tiếng Proto Việt Chứt thay đổi để trở thành tiếng Tiên Việt Chứt với cơ tầng Môn - Khmer và có sự mô phỏng cơ chế vận

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.10, tr.615.

hành Tày - Thái. Dần dần về sau, tiếng Tiên Việt Chứt đi sâu vào quá trình đơn tiết hóa, thanh điệu hóa và bớt dần các phụ tố để trở thành tiếng Việt Mường chung (Proto Viet Muong) (khoảng 2.700-2.800 năm trước), sau đó chuyển biến thành ngôn ngữ “Việt Mường chung” (Viet Muong common).

Do quá trình tiếp xúc lâu dài với tiếng Hán dưới thời Bắc thuộc, vào khoảng từ thế kỷ VIII đến thế kỷ XII, tiếng Việt Mường chung ở phía Bắc tách ra làm hai: Bộ phận nằm sâu ở vùng rừng núi các tỉnh Hòa Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh ít bị ảnh hưởng của tiếng Hán hơn nên bảo lưu yếu tố cũ và trở thành tiếng Mường; còn bộ phận ở vùng đồng bằng Bắc Bộ thì do ảnh hưởng của tiếng Hán mà dần dần tách thành tiếng Kinh (tiếng Việt).

Khái niệm “tiếng Việt” được dùng ngày nay là tiếng Việt từ khi nó bắt đầu tách ra khỏi nhóm Việt Mường chung, có cách phát âm Hán - Việt và tiếng Việt đã có đủ 6 thanh điệu.

Từ thế kỷ XI đến nay, trong sự phát triển của tiếng Việt, có một nhân tố không thể không nói đến, đó là sự tiếp xúc ngôn ngữ, giao lưu ngôn ngữ. Cụ thể: trong quá trình tiếp xúc với tiếng Hán và tiếng Pháp, tiếng Việt đã chuyển dần từ thế không có lợi là song ngữ bất bình đẳng sang thế có lợi là song ngữ bình đẳng ở các cá nhân, tiến tới là ngôn ngữ quốc gia chính thức duy nhất. Trong quá trình tiếp xúc, giao lưu song ngữ đó, tiếng Việt đã được bồi đắp phong phú, chủ động tiếp nhận hợp lý, có những sáng tạo “Việt hóa” nhiều yếu tố và hiện tượng ngôn ngữ (và

văn hóa) vay mượn từ các tiếng nước ngoài, không chỉ trong hệ thống từ vựng hay ngữ pháp, mà cả trong các thể loại, phong cách văn chương tiếng Việt, cũng như trong cả phong cách ngôn ngữ khác - nhất là tiếng Việt trong khoa học, kỹ thuật và công nghệ...

Tiếng Việt cũng vay mượn từ ngữ Ấn - Âu, trước hết là để bổ sung những từ ngữ còn thiếu mà chủ yếu là những từ ngữ thuộc các lĩnh vực khoa học - kỹ thuật. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, các từ ngữ Ấn - Âu được mượn vào tiếng Việt còn nhằm mục đích bổ sung một lớp từ có nghĩa chính xác hơn từ thuần Việt hoặc Hán - Việt. Trong một số trường hợp đặc biệt, nguyên nhân vay mượn từ ngữ Ấn - Âu vào tiếng Việt chỉ là ý thích mang tính thời thượng.

Từ giữa thế kỷ XIX, tiếng Việt đã phát triển sang giai đoạn tiếng Việt hiện đại. Ở giai đoạn này, tiếng Việt tiếp tục hoàn thiện cấu trúc để đáp ứng những yêu cầu khác nhau trong việc giao tiếp và tư duy. Vào thời kỳ đầu của giai đoạn này, tiếng Việt có sự tiếp xúc sâu đậm với ngôn ngữ văn học và văn hóa Pháp. Vì thế, câu văn tiếng Việt ngày càng trở nên hiện đại hơn, phức tạp hơn, nhờ đó có thể dùng để phân tích những diễn biến tâm lý, các trạng thái khác nhau trong quan hệ tình cảm của các nhân vật cũng như để mô tả các khía cạnh phong phú của cuộc sống con người và xã hội.

Cũng từ đó, vai trò của tiếng Việt ngày càng phát triển mạnh mẽ. Mặc dù chưa được coi là ngôn ngữ chính thức song tiếng Việt đã dần trở thành ngôn ngữ có uy thế nhất trong toàn lãnh thổ nước ta.

Với sự thành công của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, lần đầu tiên tiếng Việt trở thành ngôn ngữ chính thức duy nhất của Việt Nam. Tiếng Việt là một ngôn ngữ có đầy đủ các chức năng xã hội, được dùng trong giáo dục đào tạo, văn học - nghệ thuật, báo chí, truyền thanh, truyền hình, được sử dụng trong toàn bộ hệ thống thuật ngữ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, trong hành chính nhà nước, hoạt động đối ngoại, là ngôn ngữ quốc gia chính thức, được giảng dạy như một ngoại ngữ ở một số nước có đông Việt kiều cư trú.

Là ngôn ngữ toàn dân, tiếng Việt có sự thống nhất rất cao trong sự đa dạng. Trên các vùng, miền khác nhau, tiếng Việt có phương ngữ và thổ ngữ. Dựa vào địa lý, có ba nhóm phương ngữ lớn: nhóm các phương ngữ miền Bắc, nhóm các phương ngữ miền Trung (bao gồm các tỉnh ở Bắc Trung Bộ, từ Thanh Hóa đến đèo Hải Vân); nhóm các phương ngữ miền Nam (từ đèo Hải Vân đến cực miền Nam của đất nước).

Có được trạng thái và vị trí như trên, tiếng Việt đã phải trải qua mấy nghìn năm vừa phát huy mạnh mẽ năng lực nội sinh, vừa tiếp thu hợp lý các yếu tố ngoại sinh để tồn tại và phát triển với bước ngoặt lớn nhất từ thế kỷ X. Trong tình hình mới, để “giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt”, tiếng Việt cần phải được chuẩn hóa hơn nữa, hướng tới một sự thống nhất cao hơn.

1.2. Chữ viết

Chữ viết tiếng Việt có lịch sử hình thành riêng, song hành cùng sự phát triển của ngôn ngữ tiếng

Việt, trải qua thời kỳ trước khi bị Bắc thuộc, trong 1.000 năm độc lập, thời Pháp thuộc, sau khi giành được độc lập dân tộc vào tháng 8/1945 đến nay, chữ viết tiếng Việt cũng có các giai đoạn phát triển tương ứng, mỗi giai đoạn có một loại chữ tiêu biểu.

Căn cứ vào những dấu vết còn giữ được trên các hiện vật khảo cổ - lịch sử thì chữ Hán đã đi vào tiếng Việt từ thế kỷ I trước Công nguyên¹. Đến những thế kỷ đầu sau Công Nguyên, chữ Hán đã trở thành phương tiện giao tiếp “thành văn” phổ biến trong bộ phận trí thức, quý tộc và quan lại người Việt qua các hình thức dịch kinh, in sách Phật, giải quyết các công việc hành chính.

Từ thế kỷ X, sau khi giành được độc lập từ phong kiến phương Bắc, nhà nước phong kiến Việt Nam đã chủ trương dùng chữ Hán (hay còn gọi là chữ Nho) làm chữ viết chính thức. Với chủ trương này, chữ Hán đã được sử dụng làm phương tiện truyền đạt kiến thức trong giáo dục, trong thi cử và các hoạt động giao tiếp chính thức, kể cả trong việc soạn thảo và lưu giữ các văn bản. Trên thực tế, chữ Hán không được truyền bá rộng rãi trong dân chúng mà chỉ được giảng dạy cho một số ít người muốn học hành

1. Chứng tích chữ Hán sớm nhất ở nước ta thể hiện trên trống đồng (cùng một lượng lớn hiện vật ở bên trong lòng trống) được phát hiện ở khu vực Mả Tre thuộc xã Cổ Loa (huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội) vào tháng 6/1982. Xem Trịnh Sinh: “Giải mã dòng chữ Hán trên trống Cổ Loa”, Tạp chí *Khảo cổ học*, số 6/2006, tr.16-26.

để làm quan. Sau khi thực dân Pháp đô hộ nước ta, chữ Hán vẫn được giảng dạy song song với “tiếng Pháp” nhưng dần yếu thế bởi sự lớn mạnh, mức độ phổ biến nhanh chóng của chữ quốc ngữ và không còn được dạy phổ biến trong hệ thống giáo dục vào những năm 1960 bởi nhiều yếu tố khách quan.

Khi chữ Hán chiếm ưu thế tuyệt đối trong xã hội phong kiến, được tầng lớp thống trị sử dụng thì một loại chữ của Việt Nam cũng bắt đầu được xây dựng và hoàn thiện - đó là chữ Nôm. Theo kết quả nghiên cứu tiếng Việt lịch sử thì “Nôm” có nghĩa là “Nam” được đọc chệch đi. Sự hình thành chữ Nôm là biểu hiện của ý chí độc lập dân tộc nhưng đồng thời cũng thể hiện sự mong muốn có được một loại chữ viết phù hợp với đặc điểm của tiếng Việt do chữ Hán không ghi chép được toàn bộ âm tiếng Việt.

Trong suốt thời gian từ thế kỷ XI (thời Lý) đến thế kỷ XIV (thời Trần), nhờ sự nỗ lực của nhiều thế hệ người Việt, hệ thống chữ Nôm dần dần được hoàn thiện và trở thành văn tự chính thức bên cạnh chữ Hán, góp phần tạo ra một nền văn hóa chữ Nôm khá phong phú, được dùng chính thức trong các văn bản hành chính nhà nước dưới thời vua Quang Trung. Từ thời nhà Nguyễn, do yếu tố lịch sử tác động và sự ra đời của chữ quốc ngữ mà chữ Nôm đã không còn phát triển như trước và dần lui về phía sau.

Từ giữa thế kỷ XVI, các giáo sĩ phương Tây đã đến Việt Nam truyền đạo. Cùng với quá trình đó, các giáo sĩ phương Tây đã mượn mẫu chữ Latinh để ghi âm địa danh, danh xưng tôn giáo, tên người, hoặc từ

ngữ trong giao tiếp. Dần dần, họ càng ngày càng chú ý đến việc ghi âm tiếng Việt theo chữ cái tiếng Latinh, gọi là tiếng An Nam. Chữ quốc ngữ là hệ thống văn tự dùng để ghi âm dựa vào hệ thống chữ cái tiếng Latinh, có thêm chín dấu phụ (bốn dấu tạo âm và năm dấu tạo thanh điệu) để ghi các âm đặc trưng của tiếng Việt. Từ thế kỷ XVI đến giữa thế kỷ XIX, trải qua nhiều nỗ lực, hệ thống chữ quốc ngữ từng bước được phát triển, hoàn thiện để trở thành chữ Việt được sử dụng như ngày nay. Sự ra đời của chữ quốc ngữ tạo ra những thay đổi lớn trong đời sống hành chính, văn hóa, giáo dục của đất nước.

Quá trình người Việt Nam bỏ chữ Hán, chữ Nôm, chuyển sang dùng chữ quốc ngữ là một quá trình tự nhiên, tự nguyện, chủ yếu vì chữ quốc ngữ ghi được 100% tiếng Việt và dễ học, dễ nhớ, dễ viết, dễ dùng hơn hẳn các loại chữ tổ tiên ta đã biết. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, một nhiệm vụ trọng tâm của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa non trẻ là “diệt giặc đói”, trong đó chữ quốc ngữ đã phát huy ưu điểm của mình, nhanh chóng phát triển vượt bậc, đến với mọi người dân Việt Nam, giúp họ nâng cao tri thức cho, từ đó góp phần quan trọng trong công cuộc đấu tranh giành độc lập và xây dựng đất nước Việt Nam hiện đại ngày nay.

2. Tín ngưỡng và tôn giáo

2.1. Tín ngưỡng

Dấu tích của tín ngưỡng dân gian đa thần trong thời kỳ nguyên thủy vẫn tồn tại phổ biến ở nhiều tộc

người Việt và các tộc người khác trên thế giới hiện nay. Hoạt động tín ngưỡng của người Việt bao gồm: tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng sùng bái tự nhiên và tín ngưỡng sùng bái con người.

Tín ngưỡng phồn thực có hai dạng biểu hiện: thờ sinh thực khí nam, nữ và thờ hành vi giao phối. Nhiều di vật tượng và chân cột đá, hay trong trang trí các nhà mồ Tây Nguyên, trong một số phong tục và điệu múa, nhất là ở hình dáng và hoa văn trống đồng cổ đều để lại dấu tích của tín ngưỡng phồn thực. Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên của người Việt có nguồn gốc từ nền nông nghiệp lúa nước, phụ thuộc nhiều vào yếu tố tự nhiên. Đó là tín ngưỡng đa thần, trong đó coi trọng nữ thần (thờ Mẫu), thờ cả động vật và thực vật. Các mẫu có Mẫu Cửu Trùng, Mẫu Thượng Ngàn, Bà chúa sông,... Thực vật được tôn sùng thì có cây lúa, cây đa, cây dâu,... Tín ngưỡng sùng bái con người, tôn vinh người có công với đất nước, với cộng đồng, phổ biến nhất là tục thờ cúng tổ tiên (ở Nam Bộ gọi là đạo Ông Bà). Việt Nam coi trọng ngày mất, là dịp cúng giỗ hơn ngày sinh. Nhà nào cũng thờ thờ công, làng nào cũng thờ thành hoàng. Cả nước thờ vua tổ, có ngày giỗ Tổ chung (Hội đền Hùng). Đặc biệt, tục thờ Tứ bất tử là tôn vinh những giá trị tốt đẹp của dân tộc: Thánh Tản Viên, Thánh Gióng, Chử Đồng Tử, Chúa Liễu Hạnh. Tín ngưỡng dân gian cho tới hiện nay vẫn có sức sống dẻo dai, hòa trộn với các tôn giáo chính thống.

2.2. Tôn giáo

Việt Nam là quốc gia có nhiều tôn giáo cùng tồn

tại, với khoảng 25,3 triệu tín đồ, hơn 60.000 chức sắc, hơn 130.000 chức việc, gần 28.000 cơ sở thờ tự¹ với quy mô lớn nhỏ khác nhau. Tính đến tháng 8/2018, ở Việt Nam có 41 tổ chức tôn giáo, 1 pháp môn đã được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân/cấp đăng ký hoạt động. Các tổ chức tôn giáo này thuộc về 15 tôn giáo được Nhà nước công nhận. Ngoài các tôn giáo đã được công nhận tư cách pháp nhân và đã đăng ký hoạt động nêu trên, ở Việt Nam gần đây xuất hiện nhiều hiện tượng tôn giáo mới/đạo lạ chưa được Nhà nước công nhận.

- Phật giáo:

Phật giáo du nhập Việt Nam khoảng những năm đầu Công nguyên theo ảnh hưởng của hai phái Nam Tông và Bắc Tông. Trong quá trình phát triển tại Việt Nam, Phật giáo đã hòa đồng với tín ngưỡng bản địa, có những nét “bản địa hóa”, cũng chia thành nhiều dòng. Năm 1981, Phật giáo Việt Nam đã tổ chức Hội nghị hợp nhất 9 tổ chức, hệ phái Phật giáo trong cả nước, thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tổ chức theo ba cấp, hoạt động theo đường hướng “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”. Đến cuối năm 2018, Phật giáo Việt Nam có khoảng gần 14 triệu tín đồ, trên 30.000 chức sắc,

1. Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết số 25-NQ/TW về công tác tôn giáo: “Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về công tác tôn giáo”, ngày 31/7/2017.

hơn 18.000 cơ sở thờ tự và 44 cơ sở đào tạo Phật học¹ trên cả nước.

Nơi thờ tự của Phật giáo ở Việt Nam có chùa chiền, thiền viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường (gọi chung là tự viện). Các chùa hệ phái Phật giáo Nam Tông chỉ thờ Phật Thích Ca, trong khi đó, các chùa hệ phái Phật giáo Bắc Tông, đặc biệt ở miền Bắc, ngoài thờ Phật Thích Ca còn thờ các vị Phật khác, các vị Bồ tát, các vị La hán (18 vị La hán), các vị hộ trì Phật pháp; thần linh của tôn giáo khác (tiêu biểu là bộ tượng Ngọc Hoàng, Nam Tào, Bắc Đẩu của Đạo giáo), tín ngưỡng khác (tiêu biểu là bộ tượng Mẫu Thiên, Mẫu Địa, Mẫu Thoải, Mẫu Thượng Ngàn của tín ngưỡng thờ Mẫu). Điều này thể hiện rõ đặc điểm “tam giáo đồng nguyên” của tôn giáo Việt Nam.

- *Công giáo (Thiên Chúa giáo)*

Công giáo truyền vào Việt Nam năm 1533, hiện có khoảng 7 triệu tín đồ, hơn 3.000 giáo xứ, 6.000 giáo họ, hơn 7.000 chức sắc, trên 18.000 tu sĩ, khoảng 7.700 nhà thờ, 7 đại chủng viện, 130 tu viện..., đóng vai trò đáng kể trong đời sống tôn giáo Việt Nam. Đường hướng hành đạo của Giáo hội Công giáo Việt Nam là “Sống Phúc âm giữa lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào”. Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam là một tổ chức xã hội, đại diện phong trào yêu nước của người Công giáo

1. Theo Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết số 25-NQ/TW về công tác tôn giáo, *Tlđđ*.

Việt Nam, là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, được thành lập năm 1955.

- Đạo Tin Lành

Đạo Tin Lành chính thức truyền vào Việt Nam năm 1911. Hiện nay, cả nước có 10 tổ chức hệ phái Tin Lành được Nhà nước công nhận và cấp đăng ký hoạt động với trên 1 triệu tín đồ, trên 1.700 chức sắc, 600 nhà thờ, nhà nguyện, 546 chi hội, 2.470/4.742 điểm nhóm Tin Lành được cấp đăng ký sinh hoạt. Đường hướng hành đạo của Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc) và Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) là “Sống Phúc âm, phụng sự Thiên Chúa, phục vụ Tổ quốc và dân tộc”; của Hội thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam là “Trung tín thờ phụng Đức Chúa Trời ba ngôi theo đúng mẫu mực Kinh Thánh và trung thành với Tổ quốc Việt Nam”.

- Đạo Islam (Hồi giáo)

Đạo Islam được truyền vào cộng đồng người Chăm ở Việt Nam khoảng thế kỷ X. Đạo Islam ở Việt Nam có hai nhóm: nhóm Bàni giáo và nhóm Đạo Islam với khoảng 80.000 tín đồ (Bàni giáo có 50.000 tín đồ, Đạo Islam có 30.000 tín đồ), khoảng 500 chức sắc, 200 chức việc, 89 cơ sở thờ tự (64 thánh đường Islam, 25 chùa Bàni).

- Đạo Cao Đài :

Xuất phát từ phong trào Thông linh học của phương Tây, vào những năm 20 thế kỷ XX, phong trào cầu cơ, chấp bút (gọi tắt là “cơ bút”) phát triển nhanh tại Nam Bộ. Trong một buổi cầu cơ vào tháng 02/1926, 12 đệ tử đầu tiên của đạo Cao Đài được

Thượng đế chọn ra, sau đó đạo Cao Đài chính thức ra đời trong một đại lễ được tổ chức vào tháng 10/1926 tại chùa Gò Kén, tỉnh Tây Ninh.

Hiện nay, đạo Cao Đài có khoảng 1,1 triệu tín đồ, hơn 13.000 chức sắc, gần 23.000 chức việc, khoảng 1.300 cơ sở thờ tự; phân bố ở 37 tỉnh, thành phố trên cả nước, chủ yếu tại Nam Bộ và Trung Bộ. Đường hướng hành đạo của đạo Cao Đài là “Nước vinh - Đạo sáng”.

- *Phật giáo Hòa Hảo:*

Phật giáo Hòa Hảo do ông Huỳnh Phú Sổ (1919-1946) sáng lập vào năm 1939 tại làng Hòa Hảo, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Được coi là một trong những nỗ lực nhằm chấn hưng Phật giáo ở vùng đất Nam Bộ, Phật giáo Hòa Hảo tiếp tục dòng chảy tư tưởng nhập thế của Phật giáo Thiền tông Lâm Tế đã được địa phương hóa ở Nam Bộ qua môn phái *Bửu Sơn Kỳ Hương* do Đoàn Minh Huyền (1807-1856), *Tứ Ân Hiếu Nghĩa* do Ngô Lợi (1831-1890) lập ra và truyền thừa vào cuối thế kỷ XIX. Sau này, ông Huỳnh Phú Sổ được tín đồ suy tôn là Giáo chủ với những danh xưng tôn kính như Đức Thầy, Đức Huỳnh Giáo chủ. Hiện nay, Phật giáo Hòa Hảo có khoảng 1.450.000 tín đồ, 60 ngôi chùa nằm rải rác ở 22 tỉnh, thành phố, trong đó 5 tỉnh có đông tín đồ là An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Cần Thơ và Kiên Giang.

Phật giáo Hòa Hảo chủ trương tu tại gia, cúng lễ tại nhà, lấy sự thành tâm là điều cốt yếu, mọi sinh hoạt lễ nghi đều thực hiện tại gia. Tín đồ đến nơi

cộng cộng (cơ sở thờ tự chung) chỉ là để thể hiện nhu cầu tình cảm của mình đối với những nơi mang tính lưu giữ kỷ niệm, thăm viếng Tổ đình Đức Huỳnh giáo chủ tại chùa An Hòa tự (chùa Thầy).

- Tỉnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam

Tỉnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam ra đời ở Nam Bộ đầu thế kỷ XX, do Nguyễn Văn Bổng (1886-1958) sáng lập tại Đồng Tháp vào năm 1934.

Tỉnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam không có người xuất gia tu hành, chỉ có hội viên (phân thành sáu cấp) và tín đồ tại gia. Hiện nay, Tỉnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam có khoảng 600.000 tín đồ, 900.000 hội viên, gần 6.000 chức sắc và chức việc, hơn 900 y sĩ, y sinh, 210 cơ sở thờ tự (hội quán) cũng là 210 phòng thuốc nam phước thiện, phân bố ở 25 tỉnh, thành phố, chủ yếu ở Nam Bộ. Đường hướng hành đạo của Tỉnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam là “Tu học, hành thiện, ích nước, lợi dân”.

Ngoài ra còn có các tôn giáo khác như: tôn giáo Baha'i, Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Minh Sư đạo, Minh Lý đạo - Tam tông miếu, Balamôn giáo,...

Ngày 18/11/2016, Quốc hội nước ta đã ban hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo. Lần đầu tiên luật đã thể chế hóa quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng đầy đủ hơn và sát hơn với các chuẩn mực của Công ước quốc tế về nhân quyền, thể hiện nỗ lực của Nhà nước Việt Nam trong việc hướng tới một môi trường thích hợp để các cộng đồng tôn giáo không những thực hiện tốt pháp luật với tư cách công dân mà còn qua pháp

luật về tôn giáo có thể tìm thấy sự thỏa mãn đời sống tâm linh.

3. Phong tục tập quán

Phong tục tập quán có trong mọi mặt của đời sống, ở đây tập trung xem xét ba nhóm chủ yếu: ăn mặc, ở, lễ nghi.

3. 1. Phong tục ăn, mặc

Về ăn uống, từ xưa, người nước ta chủ yếu sống bằng nghề cày cấy, chài lưới. Đồ ăn chính trong bữa ăn hằng ngày là gạo và cá. Gạo tẻ dùng để nấu cơm, gạo nếp dùng để nấu xôi, làm bánh. Ngoài ra còn có rau, đậu, khoai,... trồng ở vườn hoặc ngoài đồng. Luộc là cách nấu ăn đặc sắc của Việt Nam. Cách thức nấu ăn giàu tính tổng hợp, kết hợp nhiều chất liệu, gia vị.

Những đồ uống dân ta thường dùng là nước lã đun sôi để nguội, nước vối, nước chè (chè xanh, chè mạn) và rượu gạo, rượu ngô. Bữa ăn thường hay cỗ bàn đều dọn trên mâm, người ăn ngồi xung quanh mâm. Khi ăn thì chủ nhà phải mời khách, người nhỏ, người dưới phải mời người lớn, người trên. Trước kia, các nhà giàu sang thì đàn ông và đàn bà ngồi riêng, còn cỗ bàn đình đám thì chỉ đàn ông được dự vì đàn bà không có quyền tham dự việc làng. Ngày nay, ở thành thị, cách ăn uống cũng chịu ảnh hưởng ít nhiều của phương Tây.

Trang phục của Việt Nam rất đa dạng. Chất liệu vải dùng để may trang phục tương đối mỏng, nhẹ,

thoáng, phù hợp với xứ nóng, với các sắc màu nâu, đen, chàm. Ở thời phong kiến, có những quy định khắt khe về cách ăn mặc. Dân thường chỉ được phép mặc đồ màu đen, nâu. Quần áo của người dân hầu hết là đơn giản. Một trong những y phục lâu đời mà phụ nữ bình dân mặc là áo tứ thân. Vào thế kỷ XVIII, người miền Bắc bắt đầu mặc áo cánh, người miền Nam mặc áo bà ba. Khăn trùm đầu của họ là một mảnh vải quấn quanh đầu và chân đi guốc. Những dịp trọng đại, đàn ông mặc áo dài xẻ hai bên, đóng khấn xếp. Trang phục truyền thống được biết đến nhiều nhất của Việt Nam là áo dài. Vì sự phổ biến của nó, áo dài đã trở thành biểu tượng quốc gia, đại diện cho các giá trị văn hóa Việt Nam.

3.2. Phong tục ở và đi lại

Ngôi nhà Việt Nam xưa gắn liền với môi trường sông nước (nhà sàn, mái cong), sau đó là nhà tranh vách đất, lợp rạ, vật liệu chủ yếu là tre, gỗ, không cao quá để chống gió, bão, quan trọng nhất là hướng nhà thường quay về hướng nam để chống nóng, tránh rét. Nhà cũng không quá rộng để dành diện tích cho sân, ao, vườn. Người Việt Nam quan niệm “rộng nhà không bằng rộng bụng”.

Trong xã hội xưa, do bản chất nền kinh tế nông nghiệp, sống định cư cho nên ít có nhu cầu di chuyển. Nhiều người sống ở nông thôn không hề bước chân ra khỏi làng, vì vậy, rất dễ hiểu khi trước đây, giao thông ở Việt Nam, nhất là giao thông đường bộ kém phát triển. Phương tiện đi lại chủ yếu là đường thủy.

Dòng sông, bến nước, con đò là hình ảnh quen thuộc của cảnh quan địa lý - nhân văn Việt Nam.

3.3. Phong tục lễ nghi

Các phong tục hôn nhân, tang ma, lễ tết, lễ hội của Việt Nam đều gắn với tính cộng đồng làng xã. Trong hôn nhân thời xưa, đôi trai gái không có quyền tự do kết hôn mà cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy. Khi dựng vợ, gả chồng cho con, ông bà ta thường quan tâm đến việc môn đăng hộ đối của hai gia đình, tức là sự tương đồng về kinh tế, quan hệ xã hội, tuổi tác, trình độ học vấn của hai bên cha mẹ, gia tộc, gia đình nên kén người rất kỹ.

Sau khi nhờ được người mối lái, tìm được người vừa ý để dựng vợ, gả chồng cho con, gia đình hai bên trai gái sẽ chọn ngày lành tháng tốt, trải qua nhiều lễ, từ lễ chạm ngõ, ăn hỏi đến đón dâu, tơ hồng, hợp cẩn, lại mặt và phải nộp cheo để chính thức nên duyên chồng vợ.

Tục tang lễ cũng rất tỉ mỉ. Người Việt Nam quan niệm rằng "nghĩa tử là nghĩa tận" nên khi có người qua đời, tang lễ được tổ chức trọng thể. Trình tự lễ tang ngày trước như sau: người chết được tắm rửa sạch sẽ, thay quần áo thơm mát, tiếp đó là lễ khâm liệm (liệm bằng vải trắng) và lễ nhập quan (đưa thi hài vào quan tài). Sau khi nhập quan là lễ thành phục, chính thức phát tang.

Để chia sẻ với gia đình có người mất, người đến phúng viếng thường mang theo hương, nến, vòng hoa, gạo, rượu và tiền viếng.

Đến giờ đưa tang, nắp quan tài sẽ được sập kín. Quan tài người mất được đặt vào xe tang, vòng hoa chất bên ngoài. Đoàn đưa tang đi theo thứ tự gồm: Phật đình, long kiệu, cờ phướn, cầu kiệu, linh sa, cờ tang, phường kèn, xe tang, con cháu và bạn bè, làng xóm.

Việt Nam là đất nước của lễ hội, nhất là vào mùa xuân, xen vào khoảng trống trong lịch thời vụ.

Các ngày lễ quan trọng trong năm:

Tết Nguyên đán: một năm, người Việt có nhiều ngày lễ, tết, riêng Tết Nguyên đán (đúng mừng Một tháng Giêng âm lịch) là ngày tết lớn nhất. Đây là thời điểm kết thúc mùa màng, mọi người rảnh rỗi, nghỉ ngơi, vui chơi, thăm viếng lẫn nhau,... và cũng là lúc giao thời của đông tàn xuân tới.

Tết rằm tháng Giêng: diễn ra vào rằm tháng Giêng (âm lịch) - ngày trăng tròn đầu tiên của năm. Ngày tết này phần lớn tổ chức tại chùa, vì rằm tháng Giêng còn là ngày vía của Phật Tổ. Sau khi đi chùa, mọi người về nhà họp mặt cúng gia tiên và ăn cỗ.

Tết Thanh minh: vào ngày này, người ta thường đi thăm mộ của người thân nên trở thành lễ tảo mộ. Tết Thanh minh thường vào tháng Ba âm lịch. Đi thăm mộ, nếu thấy cỏ rậm thì phát quang, đất khuyết lỗ thì đắp lại cho đầy,... rồi về nhà làm cỗ cúng gia tiên.

Tết Hàn thực: “Hàn thực” nghĩa là ăn đồ nguội, diễn ra vào ngày mùng 3 tháng Ba (âm lịch). Lễ này có từ thời Lý (1010-1225) và thường làm bánh trôi,

bánh chay để cúng tổ tiên. Hiện nay, tết này vẫn còn đậm nét ở miền Bắc.

Tết Đoan ngo: diễn ra vào mừng 5 tháng Năm (âm lịch). Vào ngày này, dân gian có nhiều tục trừ trùng (hay còn gọi là giết sâu bọ) phòng bệnh bằng cách ăn hoa quả vào buổi sáng.

Tết Trung nguyên: Lễ Vu Lan (ngày Rằm tháng Bảy âm lịch hàng năm) nhắc nhở mỗi người biết trân trọng những gì mình đang có, nhắc nhở bổn phận làm con phải luôn nhớ đến công ơn sinh dưỡng của cha mẹ mà làm những việc hiếu nghĩa để thể hiện tình cảm, lòng biết ơn.

Tết Trung thu: diễn ra vào ngày Rằm tháng Tám âm lịch. Trung thu là tết của trẻ em nhưng người lớn cũng nhân đây mà họp mặt, uống rượu, uống trà, ngắm trăng,... Thường ban ngày người ta làm lễ cúng gia tiên, tối mới bày hoa, quả, bánh kẹo, chè, cháo để trẻ con vui chơi, phá cỗ, trông trăng, rước đèn,...

Tết Hạ Nguyên: diễn ra vào ngày rằm tháng Mười, còn gọi là Lễ mừng lúa mới, Tết cơm mới. Đây là lễ hội quan trọng nhất trong hệ thống các lễ hội cổ truyền của người Việt Nam ở vùng cao.

Tết ông Công, ông Táo: diễn ra vào ngày 23 tháng Chạp (âm lịch) - người ta coi đây là ngày “vua bếp” lên châu Trời để tâu lại việc bếp núc, làm ăn, cư xử của gia đình trong năm qua.

Mỗi vùng thường có lễ hội riêng, quan trọng nhất là các lễ hội nông nghiệp (cầu mưa, xuống đồng, cơm mới,...). Ngoài ra là các lễ hội kỷ niệm các bậc anh hùng có công với nước, các lễ hội tôn giáo và văn hóa.

4. Chuẩn mực đạo đức

- Lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần bất khuất, ý chí độc lập và tự cường dân tộc

Chủ nghĩa yêu nước của dân tộc Việt Nam được hình thành từ rất sớm, bắt nguồn từ những tình cảm rất đơn sơ, bình dị trong gia đình, làng xã và rộng hơn là tình yêu Tổ quốc. Với vị trí địa lý là đầu mối giao thông quốc tế quan trọng, có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, Việt Nam luôn là mục tiêu xâm lược của nhiều quốc gia. Trong tiến trình phát triển của dân tộc, nhân dân ta đã phải trải qua thời gian dài chống giặc ngoại xâm, bảo vệ đất nước. Lịch sử thời kỳ nào cũng sáng ngời những tấm gương kiên trung, bất khuất của chủ nghĩa anh hùng cách mạng: Từ Bà Triệu “Tôi chỉ muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá trướng kình ở biển Đông, lấy lại giang sơn, dựng nền độc lập, cởi ách nô lệ, chứ đâu chịu khom lưng làm tì thiếp cho người!”; Trần Bình Trọng “Ta thà làm quỷ nước Nam, chứ không thèm làm vương đất Bắc”; Nguyễn Huệ “Đánh cho để dài tóc/Đánh cho để đen răng/Đánh cho nó chích luân bất phản/Đánh cho nó phiến giáp bất hoàn/Đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ”... đến Bế Văn Đàn lấy thân mình làm giá súng, Phan Đình Giót lấy thân mình lấp lỗ châu mai, Nguyễn Viết Xuân với tinh thần “Nhằm thẳng quân thù! Bắn!”... Chủ nghĩa yêu nước, ý chí độc lập và tự cường dân tộc đã trở thành “dòng chủ lưu của đời sống Việt Nam”, là nền tảng tinh thần to lớn, là giá trị đạo đức cao quý nhất trong thang bậc

các giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam, trở thành “tiêu điểm của các tiêu điểm, giá trị của các giá trị” và là nguồn sức mạnh vô địch để dân tộc ta vượt qua khó khăn, chiến thắng mọi kẻ thù, xứng đáng với lời ngợi ca của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”¹.

- *Lòng yêu thương, độ lượng, sống có nghĩa tình*

Đây là giá trị đạo đức nhân văn sâu sắc được sinh ra và nuôi dưỡng trong chính đau thương, mất mát qua các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc và cuộc sống lam lũ hằng ngày từ nền sản xuất nông nghiệp trồng lúa nước của dân tộc Việt Nam. Điều dễ nhận thấy về biểu hiện lòng nhân ái của dân tộc ta được bắt nguồn từ chữ “tình” - Trong gia đình đó là tình cảm đối với đấng sinh thành “Công cha như núi Thái Sơn/Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra”, tình anh em “như thể tay chân”, tình nghĩa vợ chồng “đầu gối, tay ấp”; rộng hơn là tình hàng xóm láng giềng và bao trùm hơn cả là tình yêu thương đồng loại “Nhiều điều phũ phàng giá gương/Người trong một nước phải thương nhau cùng”,... Trong lịch sử, nhân dân ta luôn đề cao và coi trọng việc giữ tình hòa hiếu với các nước, tận dụng mọi cơ hội có thể để giải quyết các

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.38.

xung đột một cách hòa bình, cho dù nguyên nhân từ phía kẻ thù,... Ngày nay, truyền thống nhân nghĩa đó tiếp tục được khẳng định và củng cố khi Đảng, Nhà nước và nhân dân ta thực hiện đường lối nhất quán “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế”¹. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, tinh thần đoàn kết dân tộc càng có ý nghĩa hơn đối với sự nghiệp đổi mới đất nước.

- Tinh thần cần cù, sáng tạo, tiết kiệm trong lao động sản xuất

Cần cù, siêng năng là một trong những giá trị đạo đức nổi bật, phẩm chất đáng quý của người Đông Á, trong đó có Việt Nam. Đối với mỗi người dân Việt Nam, cần cù, siêng năng, sáng tạo trong lao động là điều cần thiết vì có như vậy mới làm ra được của cải vật chất. Phẩm chất cần cù, chịu thương, chịu khó trong lao động của người Việt Nam luôn gắn với sự dành dụm, tiết kiệm và trở thành đức tính cần có như một lẽ tự nhiên.

- Truyền thống hiếu học và tôn sư trọng đạo

Từ nghìn đời nay, hiếu học đã trở thành một truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Lịch sử khoa bảng của dân tộc còn lưu danh những tấm gương sáng ngời về ý chí và tinh thần ham học như: Nguyễn Hiền mồ côi cha từ nhỏ, theo học nơi cửa

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.153.

chùa, đã trở thành trạng nguyên nhỏ tuổi nhất trong lịch sử nước ta, khi mới 13 tuổi, Mạc Đĩnh Chi vì nhà nghèo không thể đến lớp, chỉ đứng ngoài nghe thầy giảng, đêm đến phải học dưới ánh sáng của con đom đóm trong vỏ trứng, đã đỗ trạng nguyên và trở thành Lương quốc Trạng nguyên (Trung Hoa và Đại Việt). Đó còn là những tấm gương hiếu học của các bậc hiền tài đáng kính như: Nhà giáo Chu Văn An, Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm, Trạng Lường Lương Thế Vinh, nhà bác học Lê Quý Đôn,...; là tinh thần của nghị lực phi thường vươn lên trở thành nhà giáo ưu tú - Thầy giáo Nguyễn Ngọc Ký,... Sự hiếu học, tinh thần ham học hỏi của dân tộc Việt Nam còn được biểu hiện ở thái độ coi trọng việc học và người có học, tôn trọng thầy cô, kính trọng họ như cha mẹ của mình “Nhất tự vi sư, bán tự vi sư”, “Không thầy đố mày làm nên”. Cùng với tiến trình lịch sử dân tộc, dòng chảy của truyền thống hiếu học ấy với tinh thần “Học! Học nữa! Học mãi!” đã được các thế hệ người dân Việt Nam hôm nay tiếp tục phát huy và tỏa sáng.

V. GIÁO DỤC

1. Thời kỳ Bắc thuộc

Từ đầu Công nguyên thời Bắc thuộc, các triều đại Trung Quốc đã truyền bá chữ Nho, mở trường học tại Việt Nam, với quan niệm là công cụ đồng hóa. Trong thời kỳ này, hệ thống cai trị mở trường công và cho phép mở trường tư, chủ yếu là dạy chữ

Hán cho một số ít người Việt và chữ Việt cho đội ngũ quan cai trị. Chúng thi hành chính sách sĩ tộc, tức là lấy con em các gia đình thế tộc vào học đến một trình độ nào đó, không cần thi cử, đưa lên làm quan cai trị. Thời kỳ này, trên đất Việt chưa có hệ thống giáo dục.

Mãi đến thời nhà Đường (618-907), Trung Quốc mới bỏ chế độ sĩ tộc mà thay vào đó là chế độ thi cử, đặt ra các học vị đỗ đạt cụ thể. Từ đó, giáo dục Việt Nam mô phỏng theo nền giáo dục của Trung Quốc, bao gồm cấp bậc tiểu học (thu nạp học sinh dưới 15 tuổi), bậc học này chủ yếu dạy học sinh Tam tự kinh (sách có câu ngắn ba chữ, chủ yếu dạy đạo làm người); ở bậc Đại học dạy Tứ thư (Đại học, Trung dung, Luận ngữ, Mạnh Tử) và Ngũ kinh (Kinh thi, Kinh thư, Kinh lễ, Kinh dịch và Kinh xuân thu). Nội dung giảng dạy này đã giữ mãi đến sau này, gọi là nền Nho học - Khổng học.

2. Thời kỳ phong kiến

Bắt đầu từ thế kỷ II, cùng với việc xây dựng và bảo vệ đất nước, tổ tiên ta đã dành nhiều công sức phát triển nền giáo dục dân tộc. Đặc trưng nổi bật của giáo dục Việt Nam thời phong kiến là nền giáo dục Nho học. Thời kỳ đầu dựng nước, bên cạnh giáo dục Nho học còn có sự tồn tại của các loại hình giáo dục khác là Phật giáo và Đạo giáo. Tuy có sự khác nhau nhưng các loại hình giáo dục trên không bài trừ lẫn nhau, các triều đại phong kiến nối tiếp nhau luôn lấy Nho giáo làm hệ tư tưởng chính thống. Vì thế,

Nho giáo gần như trở thành hệ thống giáo dục chính thống và tồn tại trong suốt thời kỳ phong kiến. Sách giáo khoa chính của Nho giáo ở bậc cao là *Tứ thư*, *Ngũ kinh* và *Bắc sử*. Phương pháp giáo dục là trí dục và đức dục. Trí dục chủ yếu là phương pháp học thuộc lòng, dùi mài kinh sử, kinh viện, giáo điều; đức dục chủ yếu sử dụng phương pháp nêu gương (Thân giáo trọng sự ngôn giáo - Nguyễn Trãi).

Cơ sở giáo dục đầu tiên của nhà nước phong kiến Việt Nam (được ghi nhận trong sử sách) là Văn Miếu - Quốc Tử Giám Thăng Long, do vua Lý Nhân Tông cho thành lập vào năm 1070. Khoa thi đầu tiên được tổ chức vào năm 1075. Lúc đầu, Văn Miếu chỉ dạy con của vua và các bậc đại thần, sau mở rộng dần cho những thanh thiếu niên có tư chất và đủ trình độ trong dân gian. Đây là trường Đại học đầu tiên của Việt Nam với lịch sử văn hiến lâu đời. Hệ thống giáo dục thời đó gồm trường tư thực, còn gọi là trường làng dành cho đại chúng do các cụ đồ nhỏ mở lớp dạy học. Cấp cao hơn nữa thì có trường quan học dành cho con cái của các quan huyện và phủ. Cấp cao nhất là trường Quốc Tử Giám dành cho con cái của vua, quan. Giai cấp xã hội thời phong kiến được phản ánh khá rõ rệt qua cách xưng hô đối với học trò. Con vua, tức các hoàng tử được gọi là Tôn Sinh. Con các quan trong triều đình được gọi là Ấm Sinh.

Song song với việc phát triển hệ thống giáo dục, nhà nước phong kiến rất quan tâm tổ chức các kỳ thi, xem đây là biện pháp quan trọng nhằm chọn

người tài giỏi tham gia bộ máy điều hành quốc gia. Chế độ thi cử thời phong kiến được chia thành 3 cấp: thi Hương, thi Hội và thi Đình.

Đặc biệt, các quy định về thi cử dưới thời phong kiến hết sức chặt chẽ, chứng tỏ năng lực quản lý đối với hệ thống giáo dục của các triều vua từ Lý, Trần đến Lê, Nguyễn rất cao. Tuy việc mua quan, bán tước cũng có lúc xảy ra nhưng việc gian lận trong thi cử thì rất hiếm và đối với những người có hành vi gian lận trong thi cử dù ở bất kỳ cấp bậc nào cũng đều bị trừng trị nghiêm khắc. Việc tuyển chọn nhân tài thông qua thi cử, tuy hết sức khắt khe nhưng lại mang yếu tố dân chủ vì đã tạo được cơ hội cho con em tầng lớp bình dân.

Trong suốt cả nghìn năm, người Việt Nam học chữ Hán (đọc chữ Hán theo cách phát âm riêng của người Việt) và sử dụng chữ Hán làm văn tự chính thức để ghi chép nhưng không bị Hán hoá, mà vẫn bảo tồn những giá trị văn hóa dân tộc.

3. Từ năm 1945 đến nay

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập, lịch sử giáo dục nước nhà bước sang một trang mới. Chính phủ đã ký sắc lệnh quan trọng thành lập Nha bình dân học vụ, chống nạn mù chữ. Cùng với việc chống nạn mù chữ, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã có những chủ trương cải tổ và xây dựng bước đầu đối với toàn bộ hệ thống giáo dục quốc gia.

Năm 1950, Trung ương Đảng và Chính phủ đã quyết định tiến hành cuộc cải cách giáo dục. Cuộc cải cách này quyết định thực hiện hệ thống trường phổ thông 9 năm và chương trình giảng dạy mới.

Trong ba thập niên kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, sự nghiệp giáo dục từ phổ thông đến đại học không những được duy trì và không ngừng phát triển mà còn có sự biến đổi về chất, nền giáo dục thực dân cũ bị xóa bỏ và thay vào đó là một nền giáo dục mới: dân tộc, khoa học, đại chúng.

Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 12/1986 đã mở đầu cho công cuộc đổi mới toàn diện ở Việt Nam. Chủ trương của ngành giáo dục trong thời kỳ này là đa dạng hóa các loại hình trường, lớp, các hình thức đào tạo, quy chế các trường, lớp dân lập, tư thục đã được ban hành.

Trong giai đoạn đổi mới, đặc biệt sau khi triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI và Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, ngành giáo dục đã đạt được những thành tựu to lớn, góp phần quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của đất nước.

Hệ thống trường, lớp và quy mô giáo dục phát triển nhanh, thực hiện nền giáo dục toàn dân, đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng tăng của nhân dân và nâng cao trình độ đào tạo, trình độ và kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động. Công bằng xã hội trong tiếp cận giáo dục có nhiều tiến bộ, nhất là đối với người dân tộc thiểu số, lao động nông thôn, các

đối tượng chính sách và người có hoàn cảnh khó khăn, bình đẳng giới được bảo đảm. Theo kết quả Tổng điều tra dân số toàn quốc năm 2019, cả nước có 95,8% người dân từ 15 tuổi trở lên biết đọc, biết viết, 91,7% dân số trong độ tuổi đi học phổ thông hiện đang đi học. Theo số liệu thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm học 2018-2019, cả nước có 237 trường đại học với quy mô sinh viên đại học là 1.526.111 người. Chất lượng giáo dục và đào tạo được nâng lên, góp phần đáp ứng yêu cầu nhân lực phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Công tác phát triển đội ngũ được đặc biệt chú trọng để củng cố và đổi mới. Cơ sở vật chất kỹ thuật của hệ thống giáo dục và đào tạo được tăng thêm và từng bước hiện đại hóa. Xã hội hóa giáo dục và hợp tác quốc tế được đẩy mạnh, đạt nhiều kết quả quan trọng.

PHỤ LỤC

Điều 13 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013:

1. Quốc kỳ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hình chữ nhật, chiều rộng bằng hai phần ba chiều dài, nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh.



2. Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hình tròn, nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh, xung quanh có bông lúa, ở dưới có nửa bánh xe răng và dòng chữ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.



3. Quốc ca nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhạc và lời của bài “Tiến quân ca”.

Tiến quân ca (QUỐC CA)



Nhịp đi - Hùng mạnh *Nhạc và lời: VĂN CAO*

Đoàn quân Việt Nam đi chung lòng cứu quốc. Bước chân
(Đoàn quân Việt) Nam đi sao vàng phấp phới. Dắt giống
dân vang trên đường gặp ghềnh xa. Cờ in máu chiến thắng vang hồn
nội quê hương qua nơi lửa than. Cùng chung sức phấn đấu xây đời
nước. Sừng ngoài xa chen khúc quân hành ca. Đường vinh
mới. Đứng đầu lên gông xích ta đập tan. Từ bao
quang xây xác quân thù. Thắng gian lao cùng nhau lập chiến
lâu ta nuốt căm hờn. Quyết hy sinh đời ta tươi thắm
khí. Vì nhân dân chiến đấu không ngừng. Tiến mau
hơn. Vì nhân dân chiến đấu không ngừng. Tiến mau
ra sa trường. Tiến lên! Cùng tiến lên! Nước non Việt
ra sa trường. Tiến lên! Cùng tiến lên! Nước non Việt

Nam ta vững bền. Đoàn quân Việt...
Nam ta vững... bền.

4. Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là ngày Tuyên ngôn độc lập 2 tháng 9 năm 1945.

5. Thủ đô nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Hà Nội.

DANH SÁCH CÁC DI SẢN THẾ GIỚI CỦA VIỆT NAM ĐƯỢC UNESCO CÔNG NHẬN¹

STT	Tên di sản	Thời gian	Loại di sản
1	Vịnh Hạ Long	17/12/1994 02/12/2000	Di sản thiên nhiên thế giới
2	Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng	7/2003 7/2015	Di sản thiên nhiên thế giới
3	Quần thể di tích Cố đô Huế	11/12/1993	Di sản văn hóa thế giới
4	Khu đền tháp Mỹ Sơn	12/1999	Di sản văn hóa thế giới
5	Khu phố cổ Hội An	01/12/1999	Di sản văn hóa thế giới
6	Khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội	31/7/2010	Di sản văn hóa thế giới
7	Thành nhà Hồ	27/6/2011	Di sản văn hóa thế giới
8	Quần thể danh thắng Tràng An	23/6/2014	Di sản hỗn hợp thế giới
9	Nhã nhạc cung đình Huế	07/11/003	Di sản văn hóa phi vật thể
10	Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên	11/2005	Di sản văn hóa phi vật thể
11	Dân ca quan họ Bắc Ninh	30/9/2009	Di sản văn hóa phi vật thể
12	Ca trù	01/10/2009	Di sản văn hóa phi vật thể
13	Hội Gióng ở Đền Phù Đổng và Đền Sóc	16/11/2010	Di sản văn hóa phi vật thể
14	Hát Xoan	24/11/2011	Di sản văn hóa phi vật thể

1. Thanh Huyền (Biên soạn): *Hỏi - đáp về di sản thế giới và di sản thế giới tại Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018, tr.14-15.

15	Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương	06/12/2012	Di sản văn hóa phi vật thể
16	Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ	12/2013	Di sản văn hóa phi vật thể
17	Dân ca ví, giặm Nghệ Tĩnh	27/11/2014	Di sản văn hóa phi vật thể
18	Nghi lễ và trò chơi kéo co ở Việt Nam	02/12/2015	Di sản văn hóa phi vật thể
19	Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ	01/12/2016	Di sản văn hóa phi vật thể
20	Nghệ thuật Bài Chòi ở Trung Bộ	07/12/2017	Di sản văn hóa phi vật thể
21	Mộc bản triều Nguyễn	31/7/2009	Di sản tư liệu thế giới
22	Bia đá tiền sử tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám	09/3/2010	Di sản tư liệu thế giới
23	Mộc bản kinh Phật Thiền phái Trúc Lâm chùa Vĩnh Nghiêm	16/5/2012	Di sản tư liệu thế giới
24	Châu bản triều Nguyễn	14/5/2014	Di sản tư liệu thế giới
25	Thơ văn trên kiến trúc cung đình Huế	19/5/2016	Di sản tư liệu và chương trình ký ức thế giới khu vực châu Á - Thái Bình Dương
26	Cao nguyên đá Đồng Văn	03/10/2010	Công viên địa chất toàn cầu

CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ CỦA VIỆT NAM

STT	Tỉnh/thành phố	Số dân ¹	Diện tích ² (km ²)	Mã vùng điện thoại ³	Mã bưu chính ⁴
1	An Giang	1.908.352	3536,7	296	90000
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	1.148.313	1989,5	254	78000
3	Bạc Liêu	907.236	2468,7	291	97000
4	Bắc Kạn	313.905	4859,4	209	23000
5	Bắc Giang	1.803.950	3844,0	204	26000
6	Bắc Ninh	1.368.840	822,7	222	16000
7	Bến Tre	1.288.463	2360,6	275	86000
8	Bình Dương	2.426.561	2694,4	274	75000
9	Bình Định	1.486.918	6050,6	256	55000
10	Bình Phước	994.679	6871,5	271	67000
11	Bình Thuận	1.230.808	7812,9	252	77000
12	Cà Mau	1.194.476	5294,9	290	98000
13	Cao Bằng	530.341	6707,9	206	21000
14	Cần Thơ	1.235.171	1409,0	292	94000
15	Đà Nẵng	1.134.310	1285,4	236	50000
16	Đắk Lắk	1.869.322	13125,4	262	63000
17	Đắk Nông	622.168	6515,6	261	65000
18	Điện Biên	598.856	9562,9	215	32000
19	Đồng Nai	3.097.107	5907,2	251	76000
20	Đồng Tháp	1.599.504	3377,0	277	81000
21	Gia Lai	1.513.847	15536,9	269	61000
22	Hà Giang	854.679	7914,9	219	20000
23	Hà Nam	852.800	860,5	226	18000
24	Hà Nội	8.053.663	3328,9	24	10000
25	Hà Tĩnh	1.288.866	5997,2	239	45000

1. Theo báo cáo sơ bộ cuộc Tổng Điều tra dân số và nhà ở đã được Tổng cục Thống kê công bố năm 2019.

2. <https://www.gso.gov.vn>.

3. <http://banhangvnpt.vn>.

4. <https://www.35express.org>.

26	Hải Dương	1.892.254	1656,0	220	03000
27	Hải Phòng	2.028.514	1523,4	225	04000
28	Hậu Giang	733.017	1602,5	293	95000
29	Hòa Bình	854.131	4608,7	218	36000
30	Hồ Chí Minh	8.993.082	2905,6	28	70000
31	Hưng Yên	1.252.731	926,0	221	17000
32	Khánh Hòa	1.231.107	5217,7	258	57000
33	Kiên Giang	1.723.067	6348,5	297	91000
34	Kon Tum	540.438	9689,6	260	60000
35	Lai Châu	460.196	9068,8	213	30000
36	Lạng Sơn	781.655	8320,8	205	25000
37	Lào Cai	730.420	6383,9	214	31000
38	Lâm Đồng	1.296.906	9773,5	263	66000
39	Long An	1.688.547	4492,4	272	82000
40	Nam Định	1.780.393	1651,4	228	07000
41	Nghệ An	3.327.791	16493,7	238	43000
42	Ninh Bình	982.487	1390,3	229	08000
43	Ninh Thuận	590.467	3358,3	259	59000
44	Phú Thọ	1.463.726	3533,4	210	35000
45	Phú Yên	872.964	5060,6	257	56000
46	Quảng Bình	895.430	8065,3	232	47000
47	Quảng Nam	1.495.812	10438,4	235	51000
48	Quảng Ngãi	1.231.697	5153,0	255	53000
49	Quảng Ninh	1.320.324	6102,4	203	01000
50	Quảng Trị	632.375	4739,8	233	48000
51	Sóc Trăng	1.199.653	3311,6	299	96000
52	Sơn La	1.248.415	14174,4	212	34000
53	Tây Ninh	1.169.165	4039,7	276	80000
54	Thái Bình	1.860.447	1570,0	227	06000
55	Thái Nguyên	1.286.751	3531,7	208	24000
56	Thanh Hóa	3.640.128	11131,9	237	40000
57	Thừa Thiên - Huế	1.128.620	5033,2	234	49000
58	Tiền Giang	1.764.185	2508,3	273	84000
59	Trà Vinh	1.009.168	2341,2	294	87000
60	Tuyên Quang	784.811	5867,3	207	22000
61	Vĩnh Long	1.022.791	1496,8	270	85000
62	Vĩnh Phúc	1.151.154	1236,5	211	15000
63	Yên Bái	821.030	6886,3	216	33000

LUK KRIA

<i>Luk Kria tóuv</i>	5
I. TÊZ QOÛS	9
1. Thax qoũ, nhoz txóuv	9
2. Cxor qiv thiaz cux dês	14
3. Ar, đrox tsuôs, tsiax cxu, caz cxuôs cxuô zav	18
II. TIZ NÊNHS	26
1. Cênhz cừv tiz nênhz Viêx	26
2. Tiz nênhz haz cxuô zav mênhx yux nhoz Viêx Nam	36
III. CÊNHZ CỪV	46
1. Txix thâu v yênhx xênhz txos shông 1858	46
2. Cêr tir thair Phar Cìr thiaz ntâuk zinhz nduôz por phưv têz qoũs tiax tuk ntu (1858-1945)	58
3. Cêr tsav tros tir ntâuk zinhz nduôz por phưv têz qoũs thax zinhz cxiv tsa Viêx Nam tiax tuk, pêx uô tsư (txix 1945 txos nhiv no)	70
IV. TXUX CHI	91
1. Luk hais thiaz ntâuz ntóuv	91
2. Cêr tênhr hóuv thiaz nênhz siaz	99

3. Cêr chai đaz kruôk	105
4. Chox ndax siaz jông	111
V. KRIA NTOÛR	115
1. Ntu trâus chox car	115
2. Ntu phong kiênr	116
3. Txix shông 1945 txos nhiv no	118
PHUX LUX	121

MỤC LỤC

<i>Lời Nhà xuất bản</i>	7
I. ĐẤT NƯỚC	133
1. Vị trí, địa lý	133
2. Khí hậu và sông ngòi	137
3. Đất đai, thực vật, động vật, tài nguyên khoáng sản	140
II. CON NGƯỜI	147
1. Nguồn gốc người Việt	147
2. Dân cư và các dân tộc ở Việt Nam	156
III. LỊCH SỬ	163
1. Từ thời nguyên thủy đến năm 1858	163
2. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc (1858-1945)	175
3. Cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng đất nước Việt Nam thống nhất, dân chủ và tiến bộ (từ năm 1945 đến nay)	187
IV. VĂN HÓA	206
1. Ngôn ngữ và chữ viết	206
2. Tín ngưỡng và tôn giáo	212

3. Phong tục tập quán	219
4. Chuẩn mực đạo đức	224
V. GIÁO DỤC	227
1. Thời kỳ Bắc thuộc	227
2. Thời kỳ phong kiến	228
3. Từ năm 1945 đến nay	230
PHỤ LỤC	233

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q.GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PHẠM CHÍ THÀNH

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. ĐỖ QUANG DŨNG

Biên tập nội dung: ThS. CÙ THỊ THÚY LAN
ThS. VŨ THỊ MAI LIÊN
Trình bày bìa: LÊ HÀ LAN
Chế bản vi tính: NGUYỄN THU THẢO
Sửa bản in: VŨ A DỜ
Đọc sách mẫu: VŨ THỊ MAI LIÊN

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT, Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222, Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn

**TÌM ĐỌC SÁCH
CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**

Nguyễn Chu Hồi (Chủ biên)
QUẢN LÝ BỀN VỮNG BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM

Tập thể tác giả
VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN:
NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA VIỆT NAM
VÀ KINH NGHIỆM CỦA THẾ GIỚI

TS. Phạm Thuyền
CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NỀN KINH TẾ VIỆT NAM
TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ

ISBN 978-604-57-6213-4



9 786045 762134



8935279126606

SÁCH KHÔNG BÁN